

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết



HT Tuệ Sỹ

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-05-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

TIÊU DẪN LỊCH SỬ TRUYỀN DỊCH CÁC BẢN HÁN
THƯ MỤC
TỰA CỦA TĂNG TRIỆU
CHƯƠNG I: QUỐC ĐỘ PHẬT
CHƯƠNG II: PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO
CHƯƠNG III: CHÚNG ĐỆ TỬ
CHƯƠNG IV: BỒ TÁT
CHƯƠNG V: VẤN-THÙ-SU-LỢI THĂM BỆNH
CHƯƠNG VI: BẤT TƯ NGHỊ
CHƯƠNG VII: QUÁN CHÚNG SINH
CHƯƠNG VIII: PHẬT ĐẠO
CHƯƠNG IX: PHÁP MÔN BẤT NHỊ

CHƯƠNG X: PHẬT HƯƠNG TÍCH
CHƯƠNG XI: BỒ TÁT HẠNH
CHƯƠNG XII: THẤY PHẬT A-SÚC
CHƯƠNG XIII: CÚNG DƯỜNG PHÁP
CHƯƠNG XIV: CHÚC LỤY
SÁCH DẪN & NGỮ VỤNG

---o0o---

TIÊU DẪN LỊCH SỬ TRUYỀN DỊCH CÁC BẢN HÁN

Được ấn hành trong Đại chánh hiện tại, trước sau có tất cả ba bản Hán dịch. Bản dịch sớm nhất do Chi Khiêm,¹ tựa đề “Phật thuyết Duy-Ma-Cật kinh”, thực hiện trong khoảng niên hiệu Hoàng vũ thứ 1 (222) dưới thời Ngô Tôn Quyền, đến giữa niên hiệu Kiến hưng (253) thời Ngô Tôn Lượng. Bản dịch này hình như không còn được lưu hành dưới thời Tăng Hựu.

Bản dịch do Cưu-Ma-La-Thập được kể là bản thứ hai, gần 200 năm sau đó.

Theo mục lục của Tăng Hựu, giữa bản dịch của Chi Khiêm và của Cưu-Ma-La-Thập còn có ít nhất hai bản nữa đã được lưu hành.

Theo đó, kế tiếp theo “Phật thuyết Duy-Ma-Cật kinh” do Chi Khiêm dịch, là “San Duy-Ma-Cật kinh”² 1 quyển, do Sa-môn Trúc Pháp Hộ, thực hiện trong khoảng niên hiệu Thái thủy, Tấn Vũ Đế (265), đến khoảng niên hiệu Vĩnh Gia năm thứ 2, đời Tấn Hoài Đế (308), cùng lúc với nhiều kinh điển khác, mà Tăng Hựu nói là do Trúc Pháp Hộ sang Tây Vực tìm được bản Phạn mang về. Tuy vậy, Tăng Hựu cũng cho biết ý kiến là, Pháp Hộ cắt xén bớt một số kệ trong bản dịch cũ của Chi Khiêm được xem là hơi rườm rà.

Bản dịch tiếp theo đó nữa là “Dị Duy-Ma-Cật kinh” do Trúc Thúc Lan,³ thực hiện dưới thời Tấn Huệ Đế, niên hiệu Nguyên Khang năm thứ 1 (291).

Khoảng trên dưới 10 năm sau, cũng trong thời Tấn Huệ Đế, Sa môn Chi Mẫn Độ tập hợp hai bản dịch trước đó, của Trúc Pháp Hộ và Trúc Thúc Lan, biên tập thành một hiệp bản, tựa đề là “Hiệp Duy-Ma-Cật kinh”, 5 quyển.⁴

Như vậy, theo liệt kê của Tăng Hựu, về các bản dịch cổ, hay được gọi là “cựu dịch”, trước sau có tất cả 4 bản. Nếu kể luôn cả hiệp bản do Chi Mẫn Độ biên tập, có tất cả 5 bản.

Trong liệt kê của Pháp Kinh,⁵ chỉ kể có 4:

1. Duy-Ma-Cật, 3 quyển, Chi Khiêm dịch, đời Ngô, niên hiệu Hoàng Vũ.
2. Duy-Ma-Cật kinh, 1 quyển, Trúc Pháp Hộ dịch, đời Tấn.
3. Dịch Duy-Ma-Cật kinh, 3 quyển, do Trúc Thúc Lan, đời Tấn Huệ đế.
4. Duy-Ma-Cật sở thuyết kinh, 3 quyển, do Cưu-Ma-La-Thập, đời Hậu Tần, niên hiệu Hoằng Thủy.

Các bản dịch nêu trên, trừ bản của Chi Khiêm, đến nay đều không còn được lưu hành. Tuy nhiên, Tăng Hựu cũng ghi lại được bài tựa của Chi Mẫn Độ viết cho “Hiệp Duy-Ma-Cật kinh.”⁶ Qua bài tựa này, cùng với bài tựa của Tăng Triệu, cũng như vị trí của Tăng Triệu trong sự hoằng truyền tư tưởng Tánh Không tại Trung quốc, cho thấy ngay từ đầu khi bản dịch của Chi Khiêm mới được phổ biến, tư tưởng Duy-Ma-Cật đã có tầm ảnh hưởng nhất định. Thêm vào đó, nhiều bản dịch, kể cả hiệp bản, cũng cho thấy những nỗ lực của các dịch giả và các nhà nghiên cứu, cố gắng truyền đạt nội dung uẩn áo của Duy-Ma-Cật bằng phương tiện ngôn ngữ, mà như chính trong đối thoại giữa Duy-Ma-Cật và Văn-thù thể hiện rất sinh động qua những biểu tượng phong phú hình tượng văn học lãng mạn để vượt qua giới hạn mà ngôn ngữ không thể vượt qua.

Trong các bản dịch, bản do La-thập được truyền bá rộng rãi nhất, với rất nhiều bản chú giải khác nhau qua nhiều thế hệ khác nhau.

Khi La-Thập đang ở Cô Tạng, một thanh niên trí thức tìm đến. Đó là Tăng Triệu.⁷ Bấy giờ chưa đầy 30 tuổi. Ngay vừa gặp gỡ và trao đổi lần đầu tiên, La-Thập rất trân trọng không những tài năng văn học và cả về tư tưởng uyên áo của người thanh niên này.

Trước đó, Tăng Triệu rất hâm mộ tư tưởng Lão Trang, nghiên ngẫm lẽ huyền vi của Đạo đức kinh. Nhưng Triệu cũng từng than thở: “Đẹp thì đẹp thật. Nhưng vẫn chưa thể tận thiện chỗ u vi mờ mịt của Thần minh.” Sau đó, nhân gặp kinh Duy-Ma-Cật, bản cựu dịch, cảm thấy bị lôi cuốn, nói rằng, “Bây giờ mới biết đâu là chỗ quay về.” Rồi Triệu xuất gia. Vào lúc tuổi chưa quá hai mươi, mà danh tiếng đã khiến nhưng thanh niên cùng thế hệ cảm thấy phải ganh tị vì sở học quảng bác, tư tưởng sâu sắc, tài biện luận bén nhọn không dễ có người đương nổi.

La-thập đến Trường an năm 401. Bấy giờ Triệu mới 27 tuổi. Dưới sự hỗ trợ, và cũng là đại tín thí rất ngưỡng mộ La-thập, của Dao Hưng (366-416) vua nước Hậu Tần, La-thập khởi đầu sự nghiệp phiên dịch vĩ đại tại Trung quốc cùng với người môn sinh xuất sắc và cũng là người trợ thủ đắc lực trong công trình phiên dịch; đó là Tăng Triệu. Văn dịch của La-thập được các thế hệ nghiên cứu Phật học Hán tạng rất hâm mộ vì sự lưu loát và trong sáng, trong đó không

thể không kể đến sự đóng góp không nhỏ của Tăng Triệu. “Duy-Ma-Cật-sở thuyết kinh”⁸ do La-thập dịch là một trong những đóng góp rất sáng giá của Tăng Triệu. Ngoài nội dung vừa uyên áo, vừa bao la hoàng vĩ, cùng với rất nhiều hình tượng văn học mang đầy tính chất lãng mạn, Duy-Ma-Cật nhanh chóng chinh phục tình cảm của rất nhiều văn thi sỹ Trung quốc qua nhiều thế hệ khác nhau.

Tuy nhiên, nếu đối chiếu bản dịch của La thập và bản do Huyền Trang dịch lại sau này này, người đọc có thể thấy không có hình thái ngôn ngữ nào có thể phủ diễn tận cùng sâu thẳm nội dung của Duy-Ma-Cật. Giới hạn cuối cùng của sự diễn đạt ngôn ngữ, là sự im lặng. Sự im lặng này trở thành nguồn rung động bất tụyệt cho nhiều sáng tạo nghệ thuật, từ thi ca cho đến hội họa.

Bản dịch Việt này chủ yếu y trên bản Hán của La-thập. Nhưng đồng thời cũng có sự đối chiếu với bản của Huyền Trang. Những dị biệt về dịch ngữ, cũng như về phong cách dịch, sẽ được ghi ở phần cước chú.

Mặt khác, rất nhiều đoạn cần phải tham khảo giải thích, hay bình chú của La-thập và Tăng Triệu, cũng như số giải của Khuy Cơ. Chính yếu, đây là hai hệ tư tưởng khác nhau; tiếp thu nội dung của Duy-Ma-Cật từ hai nhãn quang khác nhau. Những tham khảo này cũng được ghi lại trong phần cước chú.

Ở đây cũng cần phải thừa nhận rằng, có những nếp gấp của tư tưởng mà ngôn ngữ Hán, vốn rất dị ứng với các ý tưởng siêu hình, không thể chuyển tải trung thực tiếng Phạn, là loại hình ngôn ngữ giàu chất siêu hình và luận lý. Vì vậy, những khi cảm thấy cần thiết, dịch giả chưa thêm một vài từ ngữ Sanskrit. Tất nhiên, không có bản Sanskrit nào hiện được lưu hành. Do đó, các từ gốc Sanskrit nơi phụ chú chỉ là những ước đoán có tính cách gợi ý. Rất mong đọc giả không xem đó là nguyên ngữ tuyệt đối chính xác của các Hán dịch.

Song song với bản dịch này, là “Pháp thoại Duy-Ma-Cật”, giới thiệu nội dung các Chương của Duy-Ma-Cật, sẽ được in thành tập sách riêng biệt. Tập Pháp thoại này chỉ có mục đích nêu những điểm mà bản dịch không thể chuyển tải hết.

Người xưa đã nỗ lực rất nhiều để đi sâu vào nguồn mạch tưởng của Duy-Ma-Cật, và từ đó cũng đã toả sáng những ảnh tượng diệu kỳ của sự sống, của con người và thế giới sinh động của con người.

Cho đến ngày nay, những ảnh tượng ấy cũng còn là chất liệu sáng tạo nên những giá trị tuyệt vời của sự sống. Thiên nữ tán hoa vẫn hiện diện ngay giữa trái tim rung động của mỗi chúng sinh theo nhịp rung động của sự im lặng bao la, từ cõi tịch mặc vô ngôn của thực tại.

Quảng Hương Già-lam, mùa An cư, 2546

Tuệ Sỹ

---o0o---

THƯ MỤC

I. Các bản Hán dịch

Phật thuyết Duy-Ma-Cật kinh, 2 quyển, [T14 No 474], Ngô, Chi Khiêm dịch.

Duy-Ma-Cật sở thuyết kinh, 3 quyển, [T14 No 475], Dao Tần, Cư-Ma-La-Thập dịch.

Phật thuyết Vô Cấu Xung kinh, 6 quyển, [T14 No 476], Đường, Huyền Trang dịch.

II. Các bản số giải căn bản

Trong mục lục của Đại chánh, có trên 60 bản chú giải được liệt kê, ấn hành trong nhiều bản Đại tạng khác nhau. Căn cứ trên bản dịch của La-thập, có hơn 60 bản số giải. Căn cứ trên bản dịch của Huyền Trang, có 2 bản. Dưới đây chỉ ghi một số bản chú giải căn bản được dung tham khảo cho bản dịch Việt này.

Chú Duy-Ma-Cật kinh, 10 quyển, T 38 No 1775, Hậu Tần, Tăng Triệu soạn.

Duy-ma nghĩa ký, 8 quyển, T 38 No 1776, Tùy, Tuệ Viễn soạn.

Duy-ma kinh huyền số, 6 quyển, T 38 No 1777, Tùy, Trí Khải soạn.

Duy-ma kinh lược số, 10 quyển, T 38 No 1778, Tùy, Trí Khải thuyết, Trạm Nhiêm lược.

Duy-ma kinh lược số thù dụ ký, 10 quyển, T 38, No 1779, Tống, Trí Viên thuật.

Tịnh Danh huyền luận, 8 quyển, T 38 No 1780, Tùy, Cát Tạng tạo.

Duy-ma kinh nghĩa số, 6 quyển, T 38 No 1781, Tùy, Cát Tạng soạn.

Thuyết Vô Cấu Xung kinh số, 12 quyển, T 38 No 1782, Đường, Khuy Cơ soạn.

Duy-ma kinh nghĩa sớ, 5 quyển, T 56 No 2186, Nhận Bản, Thánh Đức Thái Tử soạn.

---o0o---

TỰA CỦA TẶNG TRIỆU

Duy-Ma-Cật bất tư nghị kinh, đây là tên gọi chỉ cho chỗ tuyệt diệu tận cùng của huyền vi tạo hoá. Ý chỉ của nó u huyền như vực thăm, không thể thăm dò bằng ngôn tượng. Đạo lý ấy siêu việt ba không, không phải là chỗ luận nghị của Nhị thừa. Khi biểu lộ thì vượt lên trên quần số; là cảnh giới dứt tuyệt hữu tâm. Mịch mờ vô vi mà không gì là không tác vi. Không để gì biết vì sao như nhiên, mà vẫn có thể như nhiên. Đây là chỗ bất tư nghị.

Sao vậy?

Thưa, Thánh trí vốn vô tri, mà muôn vàn phẩm loại đều được soi tỏ. Pháp thân vốn vô tượng, nhưng lại ứng hiện theo từng hình tướng đặc thù. Vần điệu chí cao thì vẫn không lời, mà thư tịch huyền vi khắp nơi quảng bá. Thiện quyền bí ẩn thì không toan tính, mà động tĩnh thấy tương ứng sự thể. Do vậy mà có thể cứu vớt tổng thể quần sinh, phơi bày vật để hoàn thành trách vụ. Lợi, được thấy khắp thiên hạ, với ta thì vô vi; kẻ mê hoặc trông thấy mà cảm được ánh chiếu. Nhân đó gọi là Trí. Quán, ứng theo hình, thì gọi là Thân; liếc nhìn thư tịch huyền vi, bèn bảo đó là Ngôn. Thấy sự biến động mà bảo đó là Quyền. Thế thì, chỗ chí cực của Đạo, há có thể bằng Hình, Ngôn, Quyền, Trí, mà nói lên được cảnh vực thần diệu của nó sao?

Vả, chúng sinh mãi ngủ vùi, phi ngôn thì lấy gì để đánh thức? Đạo không vận chuyển đơn côi. Đạo hoằng do người. Cho nên, Như Lai sai Văn-thù nơi phương khác; triệu Duy-ma từ quốc độ kia; cùng tụ hội Tỳ-da-ly để chung truyền Đạo ấy.

Điểm thuyết minh của Kinh này, để thống hợp vạn hạnh, thì lấy quyền trí làm chủ; trông cội đức, thì lấy sáu độ làm rễ; cứu vớt kẻ ngu khờ mê hoặc thì lấy từ bi làm đầu. Cực điểm của ngữ tông, thì lấy bất nhị làm cửa. Chúng thuyết này đều là gốc của bất tư nghị vậy.

Cho đến như, mượn tòa của Phật Đấng Minh; xin com từ Hương thổ; tay đón căn nhà đại thiên bao trùm cả vũ trụ. Đây là dấu tích của bất tư nghị vậy. Không dấu tích, không sao hiển bày bản nguyên. Bản và tích tuy sai thù, mà là Nhất thể bất tư nghị vậy. Do đó, sai thị giả nêu đó làm tiêu danh.

Đấng Thiên vương của nước Đại Tàn vốn thần minh tuấn kiệt, siêu việt thế thường, tâm huyền vi riêng minh tỏ ngộ. Mở rộng nền thống trị chí tôn trên cả

vận cơ; hiển dương Đạo hoá truyền xuống nghìn đời sau. Rồi mổi khi tìm đến thường ngoạn kinh điển này, cho rằng đây là am thất cho tinh thần trú ngụ. Nhưng tiếc vì bản dịch của Chi Khiêm để cho lý bị nghẽn bởi văn, thường sợ tông chỉ huyền vi rơi mất vì người dịch.

Vận của Trời cõi bắc mà được vận chuyển thông suốt là có lý do vậy. Vào niên hiệu Hoǎng Thi thứ 8, tuế thứ thuần hỏa (AD. 406), mệnh sai Đại tướng quân Thường Sơn Công, Hữu tướng quân An Thành Hầu, cùng với 1.200 Sa-môn nghĩa học, tại Trường An Đại Tự, thỉnh La-Thập trùng dịch chính bản.

Thập, bằng cái lượng cao hơn đời, tâm mờ chân cảnh, đã suốt hết trong cõi tuần hoàn, lại rành các địa phương ngữ. Khi ấy, tay cầm Phạn bản, miệng tự tuyên dịch. Kể tục, người đạo chăm chăm. Một lời, lặp lại ba lần. Hun đúc thành tinh vi, cốt cầu giữ cho được ý Thánh. Văn giản dị mà hài hoà. Ý chỉ uyển chuyển mà rõ ràng. Ngôn từ vi ẩn sâu xa thật là sáng tỏ. Tôi vào cái tuổi còn kém trí, mà may được dự nghe. Tuy tư duy chưa vươn tới lẽ huyền, nhưng cũng có thể hiểu được ý văn một cách sơ lược. Rồi theo chỗ được nghe mà làm chú giải, tóm tắt ghi thành lời. Chỉ thuật chớ không phải sáng tác.

---000---

維摩詰所說

KINH DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT

VIMALAKĪRTINIRDEŚA-SŪTRA

Bản Hán ngữ

DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

của Tam tạng Pháp sư Cru-Ma-La-Thập

Tham chiếu

THUYẾT VÔ CẦU XUNG KINH

Đường Huyền Trang dịch

Bản dịch Việt

TUỆ SỸ

--- o0o ---

CHƯƠNG I: QUỐC ĐỘ PHẬT

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật ở trong vườn Am-La⁹ trong thành Tỳ-Da-Li¹⁰ cùng với đại chúng gồm tám ngàn Tỳ-kheo, ba mươi hai ngàn Bồ-tát, là những vị được mọi người biết đến, đã thành tựu Đại trí và bản hạnh,¹¹ đã được xác lập bởi oai thần của chư Phật, là thành trì hộ Pháp, thọ trì Chánh Pháp, có khả năng cất tiếng rống của sư tử vang dội khắp mười phương, là những người bạn không đợi mời gọi của mọi người, đem an lạc đến cho mọi người, kế thừa và làm rạng rỡ Tam bảo không để đoạn tuyệt, hàng phục các ma oán, chế ngự các tà đạo; đã hoàn toàn thanh tịnh; vĩnh viễn lìa các cái và triền;¹² tâm thường an trụ nơi giải thoát vô ngại; có niệm, định, tổng trì, biện tài không gián đoạn;¹³ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định và tuệ,¹⁴ cùng năng lực của phương tiện,¹⁵ tất cả đều được thành tựu; đạt đến pháp nhẫn bất khởi vốn vô sở đắc.¹⁶ Các ngài có thể tùy thuận mà quay bánh xe không thôi chuyển;¹⁷ có năng lực giải thích mọi hiện tượng;¹⁸ biết rõ căn tính của mọi chúng sinh, bao trùm cả đại chúng¹⁹ mà đặc pháp vô úy.²⁰ Các ngài tu dưỡng tâm bằng công đức và trí tuệ, lấy đó điểm trang cho thân tướng thù thắng, vứt bỏ mọi thứ trang sức trần gian. Thanh danh lồng lộng của các ngài cao hơn núi Tu-di.²¹ Tín tâm của các ngài thâm sâu²² kiên cố như kim cương. Bảo vật chánh Pháp của các ngài lấp lánh soi rọi, và tuôn xuống những trận mưa cam lộ.²³ Âm thanh của các ngài vi diệu bậc nhất trong mọi thứ âm thanh. Các ngài thâm nhập duyên khởi, đoạn trừ các tà kiến, hoàn toàn thoát ly mọi đối đãi nhị nguyên, không còn tập khí tàn dư.²⁴ Các ngài tuyên dương chánh Pháp một cách không sợ hãi như sư tử gầm rống; những điều được thuyết giảng vang dội như sấm. Không thể đánh giá các ngài vì các ngài vượt ngoài mọi giá trị nhân gian. Các ngài tích lũy kho tàng Chánh Pháp như những thuyền trưởng tài ba thu hoạch ở biển cả. Các ngài tinh thông yếu nghĩa của các Pháp; hiểu rõ căn cảnh của chúng sinh, chỗ đi và chỗ đến²⁵ của chúng cũng như các sở hành của tâm tư của chúng. Các ngài đã đạt gần trí tuệ tự tại của chư Phật,²⁶ sở đắc mười lực,²⁷ vô úy,²⁸ và mười tám bất cộng.²⁹ Tuy đã đóng chặt cánh cửa dẫn xuống các cõi bất hạnh, các ngài vẫn hiện thân trong năm đường làm vị đại lương y để điều trị các thứ bệnh, theo bệnh mà cho thuốc khiến cho bình phục; thành tựu vô biên công đức, trang hoàng vô lượng cảnh giới chư Phật. Mỗi chúng sinh đều được lợi ích lớn khi nhìn thấy và được nghe các ngài, vì hành vi của các ngài đều không vô ích. Các ngài đã thành tựu đầy đủ công đức như vậy.

Danh xưng của các ngài là: Đẳng Quán Bồ tát, Bất Đẳng Quán Bồ tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ tát, Định Tự Tại Vương Bồ tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ tát, Pháp Tướng Bồ tát, Quang Tướng Bồ tát, Quang Nghiêm Bồ tát, Đại Nghiêm Bồ tát, Bảo Tích Bồ tát, Biện Tích Bồ tát, Bảo Thủ Bồ tát, Bảo Ấn Thủ Bồ tát, Thường Cử Thủ Bồ tát, Thường Hạ Thủ Bồ tát, Thường Thảm Bồ tát, Hỷ Căn Bồ tát, Hỷ Vương Bồ tát, Biện Âm Bồ tát, Hư Không Tạng Bồ tát,

Chấp Bảo Cự Bồ tát, Bảo Động Bồ tát, Bảo Kiến Bồ tát, Đế Võng Bồ tát, Minh Võng Bồ tát, Vô Duyên Quán Bồ tát, Huệ Tích Bồ tát, Bảo Thắng Bồ tát, Thiên Vương Bồ tát, Hoại Ma Bồ tát, Điện Đức Bồ tát, Tự Tại Vương Bồ tát, Công Đức Tướng Nghiêm Bồ tát, Sư Tử Hống Bồ tát, Lô Âm Bồ tát, Sơn Tướng Kích Âm Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát, Bạch Hương Tượng Bồ tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát, Bất Hưu Tức Bồ tát, Diệu Sanh Bồ tát, Hoa Nghiêm Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Phạm Võng Bồ tát, Bảo Trượng Bồ tát, Vô Thắng Bồ tát, Nghiêm Độ Bồ tát, Kim Kế Bồ tát, Châu Kế Bồ tát, Di-lặc Bồ tát, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương Tử Bồ tát. Cả thấy là ba mươi hai ngàn vị như vậy.

Ngoài ra còn có mười ngàn Phạm Thiên, như Đại Phạm Thiên Thi-khí, từ bốn thiên hạ về chỗ Phật để nghe Pháp.

Có mười hai ngàn Thiên để khắp bốn phương về dự hội.

Và chư quỷ thần đại-oai-lực, long thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la và Ma-hầu-la-già cũng về dự.

Về dự hội còn có nhiều tì kheo, tì kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Bấy giờ Phật nói pháp cho vô lượng trăm nghìn đại chúng đang cung kính vây quanh Ngài. Như ngọn núi Tu-di nổi lên giữa đại dương, Phật ngồi ung dung trên bảo tòa sư tử, chói lợi che trùm tất cả các đại chúng đang đến.

Luc bấy giờ con trai của một vị trưởng giả, tên Bảo Tích,³⁰ cùng với năm trăm người con của các trưởng giả khác, cầm năm trăm tàn lọng được trang hoàng bằng bảy loại ngọc quý, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi dâng tất cả tàn lọng ấy cúng dường Phật. Phật đã dùng thần lực siêu việt gom hết số tàn lọng đó làm thành một cái duy nhất che rợp cả ba nghìn đại thiên thế giới. Chiều kích dài rộng của các thế giới này thấy đều ánh hiện trong đó. Và trong ba nghìn đại thiên thế giới này, hết thấy núi Tu-di, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-dà, núi Ma-ha-mục-chân-lân-dà, Hương sơn, Bảo sơn, Hắc sơn, núi Thiết vi, núi Đại Thiết vi, cùng với biển, sông, suối, mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú, cung điện chư thiên, cung điện các rồng, tất cả đều ánh hiện trong lọng báu. Và khắp trong mười phương chư Phật, và chư Phật đang thuyết pháp, cũng thấy đều ánh hiện trong đó.

Khi đại chúng được chứng kiến thần lực của Phật, đều tán dương sự kiện hy hữu chưa từng thấy, cùng chấp tay lễ Phật và chiêm ngưỡng tôn nhan không rời mắt.

Rồi thì, Bảo Tích, con trai của trưởng giả, đến trước Phật, đọc bài kệ ca ngợi:

Con kính đánh lễ Ngài,³¹

Vị dẫn đạo chúng sinh bằng con đường tịch tĩnh.³²

Mắt trong vắt, dài rộng như sen xanh;

Tâm tịnh, đã vượt các thiền định;³³

Lâu dài tích chứa nghiệp tịnh,

Danh xưng không thể lường;³⁴

Đã thấy Đại Thánh, bằng thần biến,³⁵

Hiện khắp mười phương vô lượng cõi;

Trong đó, chư Phật diễn nói Pháp;

Hết thấy hội chúng đều thấy nghe.

Pháp lực của đấng Pháp vương vượt thắng hết.

Thường đem tài sản Pháp³⁶ ban cho tất cả;

Khéo hay phân biệt các pháp tướng,

Mà đệ nhất nghĩa chẳng dao động.³⁷

Đã được tự tại trong các pháp

Nên con đánh lễ Pháp vương này.

Không nói pháp hữu, cũng không phi hiện hữu;

Bởi do nhân duyên các pháp sanh.

Vô ngã, không tạo tác, không người thọ báo.

Nhưng nghiệp thiện ác không hề mất.

Dưới cội bồ-đề bắt³⁸ đầu đánh bại Ma,

Được cam lộ diệt,³⁹ thành giác đạo.⁴⁰

Đã không tâm ý, không thọ hành,⁴¹

Mà lại chiết phục các ngoại đạo.⁴²
Ba lần chuyển luân trong Đại thiên;
Pháp luân bản lai thường thanh tịnh,
Trời, người đấng đạo, do đây chúng;
Tam bảo do đó hiện thế gian.
Bằng Pháp mầu này cứu chúng sinh;
Đã thọ, không thối, thường tịch nhiên.
Là bậc đại y vương diệt trừ lão, bệnh, tử.
Con đánh lễ công đức vô biên của biển Pháp.
Chê, khen chẳng động,⁴³ như Tu-di;
Lòng từ trái rộng cho người hiền lẫn kẻ ác.
Tâm hành bình đẳng như hư không,
Ai nghe mà không kính phục con người cao quý⁴⁴ này?
Nay dâng Thế Tôn lọng hèn mọn,
Trong đó, ánh hiện cho con Tam thiên giới;
Với cung điện Trời, rồng, quỷ thần,
Càn-thát-bà lẫn của Dạ-xoa;
Và hết thấy mọi vật trên thế gian.
Đáng Mười lức từ tâm hiện biến hoá;
Đại chúng thấy việc hy hữu, tán thán Phật.
Nay con đánh lễ đáng Chí tôn trong ba cõi.
Đại chúng quy ngưỡng Đại Pháp vương,
Tâm tịnh, quán Phật, ai cũng vui.

Mỗi người tự thấy Phật trước mặt;

Áy do thần lực pháp bất cộng.

Phật bằng một âm diễn thuyết Pháp;

Chúng sinh tùy loại đều hiểu được;

Đều nói Thế Tôn cùng tiếng của mình;

Áy do thần lực pháp bất cộng.

Phật bằng một âm diễn thuyết Pháp;

Chúng sinh mỗi mỗi theo chỗ hiểu,

Đều được thọ hành, đại lợi ích;⁴⁵

Áy do thần lực pháp bất cộng.

Phật bằng một âm diễn thuyết Pháp;

Có kẻ nghe sợ, có kẻ vui,

Có kẻ chán bỏ, kẻ hết nghi;

Áy do thần lực pháp bất cộng.

Cúi lạy đáng Mười lực, Đại tinh tấn;

Cúi lạy đáng đã đạt vô sở úy;

Đánh lễ bậc trụ pháp Bất cộng;

Đánh lễ Đại đạo sư của tất cả;

Đánh lễ đáng dứt mọi trói buộc;

Đánh lễ đáng đến bờ bên kia;

Đánh lễ đáng cứu độ thế gian;

Đánh lễ đáng thoát vòng sinh tử.

Biết lễ đến, đi của chúng sinh,

*Thâm nhập vạn pháp, được giải thoát,
Không vương thế gian, như hoa sen,
Thường khéo thâm nhập hạnh không tịch,
Thấu đạt pháp tướng không trở ngại;
Cúi lạy đáng vô sở y như hư không.*

Đọc kệ xong, Bảo Tích thưa với Phật:

“Bạch Thế Tôn, năm trăm người con của các trưởng giả⁴⁶ này đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng chánh đẳng chánh giác⁴⁷, nguyện được nghe sự thanh tịnh của quốc độ Phật. Xin Thế Tôn chỉ dạy chúng con những việc làm của Bồ tát dẫn đến quốc độ thanh tịnh.”⁴⁸

Phật bảo:

“Lành thay, Bảo Tích! Con đã vì chur Bồ-tát hỏi những việc làm vì quốc độ thanh tịnh của Như lai. Hãy lắng nghe và suy nghĩ. Ta sẽ nói cho con nghe.”

Bảo Tích và năm trăm thanh niên trưởng giả chăm chú nghe. Phật dạy:

“Bảo Tích, loại của chúng sinh là quốc độ Phật của Bồ tát.⁴⁹ Vì sao như vậy? Vì Bồ tát tùy theo loại chúng sinh được giáo hoá⁵⁰ mà tiếp nhận quốc độ Phật; tùy theo loại chúng sinh được điều phục⁵¹ mà tiếp nhận quốc độ Phật; tùy theo loại quốc độ nào thích hợp để chúng sinh thâm nhập trí của Phật mà tiếp nhận quốc độ Phật; tùy theo loại quốc độ nào thích hợp để chúng sinh làm chỗi dậy căn tính của Bồ tát⁵² mà tiếp nhận quốc độ Phật. Là vì sao? Vì Bồ tát tiếp nhận quốc độ thanh tịnh chỉ vì lợi ích của chúng sinh. Ví như một người có thể xây dựng đền đài nhà cửa trên khoảng đất trống, tùy ý không trở ngại; nhưng không thể xây dựng như vậy ở giữa hư không. Cũng vậy, Bồ tát vì muốn thành tựu chúng sinh mà ước nguyện tiếp nhận quốc độ Phật. Ước nguyện tiếp nhận quốc độ Phật không thể tìm thấy giữa hư không.

“Bảo Tích, con nên biết, trực tâm⁵³ là tịnh độ của Bồ tát.⁵⁴ Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh không dua vạy sẽ tái sinh vào đó.

“Thâm tâm là tịnh độ của Bồ tát.⁵⁵ Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào có đủ đầy công đức sẽ tái sinh vào đó.

“Bồ-đề tâm là tịnh độ của Bồ tát.⁵⁶ Khi Bồ tát thành Phật, hết thảy chúng sinh tâm cầu Đại thừa sẽ tái sinh vào cõi đó.

“Bố thí là tịnh độ của Bồ tát.⁵⁷ Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào có thể ban phát sẽ tái sinh vào đó.

“Trì giới là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh tu hành mãn nguyện mười thiện nghiệp đạo sẽ tái sinh vào đó.

“Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt sẽ tái sinh vào đó.

“Tinh tấn là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào cần mẫn thực hiện mọi công đức sẽ tái sinh vào đó.

“Thiền định là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào nhiếp tâm không tán loạn sẽ tái sinh vào đó.

“Trí tuệ là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh chánh định⁵⁸ sẽ tái sinh vào đó.

“Bốn vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào thành tựu từ, bi, hỷ, xả sẽ tái sinh vào đó.

“Bốn nhiếp pháp⁵⁹ là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào được nhiếp phục bởi giải thoát sẽ tái sinh vào đó.

“Phương tiện là tịnh độ của Bồ tát.⁶⁰ Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào biết diệu dụng phương tiện một cách vô ngại đối với hết thảy các pháp sẽ tái sinh vào đó.

“Ba mươi bảy đạo phẩm⁶¹ là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh có đủ niệm xứ, chánh cần, thân tức, căn, giác chi, và chánh đạo, sẽ tái sinh vào đó.

“Tâm hồi hướng là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, quốc độ sẽ trang nghiêm đầy đủ công đức cao quý.

“Diễn thuyết để diệt trừ tám nạn⁶² là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, quốc độ sẽ không ba ác, tám nạn.

“Tự mình giữ giới, không phê bình người phá giới là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, quốc độ không nghe danh từ phạm cấm.

“Mười thiện là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật, sẽ không yếu mạng, sẽ giàu có, cuộc sống phạm hạnh, nói lời chân xác, ngôn ngữ dịu dàng, quyền thuộc không ly tán vì khéo hòa giải tranh chấp; lời nói tất lợi lạc cho người, không đổ kỵ, sân hận, giữ gìn chánh kiến, sẽ tái sinh vào đó.

“Như vậy, Bảo Tích, tùy theo trực tâm ấy mà Bồ tát mới có thể phát khởi hành. Tùy theo sự phát khởi hành mà được thâm tâm. Tùy theo thâm tâm mà ý được điều phục. Tùy theo sự điều phục ý mà hành được như thuyết. Tùy theo hành như thuyết mà có thể hồi hướng. Tùy theo hồi hướng như vậy mà có thể diệu dụng các phương tiện. Tùy theo phương tiện thích hợp thành tựu chúng sinh. Tùy theo sự thành tựu chúng sinh mà quốc độ Phật thanh tịnh. Tùy theo sự thanh tịnh của quốc độ mà thuyết Pháp thanh tịnh. Tùy theo sự thuyết pháp thanh tịnh mà trí tuệ thanh tịnh. Tùy theo trí tuệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh. Tùy theo tâm thanh tịnh mà hết thấy công đức đều thanh tịnh.

“Cho nên, Bảo Tích, nếu Bồ tát muốn làm thanh tịnh quốc độ, hãy làm thanh tịnh tự tâm. Tùy theo tâm tịnh mà Phật độ tịnh.”

Bấy giờ, nương theo oai thần của Phật, Xá-lợi-phất chợt nghĩ: “Khi tâm của Bồ tát thanh tịnh thì quốc độ Phật thanh tịnh. Vậy há tâm của đức Thế Tôn không thanh tịnh hay sao mà quốc độ Phật này chẳng hề thanh tịnh?”

Phật biết ý nghĩ ấy, nói với Xá-lợi-phất:

“Ý người nghĩ sao, mặt trời, mặt trăng há không tịnh chẳng khi người mù chẳng thấy chúng sáng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Bạch Thế Tôn, đó là tại lỗi của người mù chứ không phải tại mặt trời mặt trăng không sáng.”

Phật nói:

“Này Xá-lợi-phất, do bởi tội của chúng sinh nên không thấy vẻ trang nghiêm thanh tịnh của quốc độ Phật; đó không phải do lỗi của Như lai. Xá-lợi-phất, cõi đất này của Ta thanh tịnh nhưng người không nhận thấy đó thôi.”

Khi ấy, Phạm Thiên Loa Kế⁶³ nói với Xá-lợi-phất:

“Chớ nghĩ rằng quốc độ này không thanh tịnh. Vì sao? Vì tôi thấy quốc độ Phật Thích-ca thanh tịnh, chẳng khác gì cung điện của trời Tự tại.⁶⁴”

Xá-lợi-phất bảo:

“Tôi thấy cõi này nào là gò nong, hầm hố, chông gai, toàn đất và đá; cái gì cũng như bản.”

Phạm Thiên bảo:

“Là vì tâm của nhân giả có thấp có cao, chưa y theo tuệ của Phật, nên thấy cõi đất này bất tịnh. Xá-lợi-phất, vì Bồ tát bình đẳng với hết thảy chúng sinh, tâm thanh tịnh, nương theo trí tuệ của Phật, nên có thể nhìn thấy cõi Phật này thanh tịnh.”

Bấy giờ, Phật ấn ngón chân của Ngài xuống đất. Ba nghìn đại thiên thế giới bỗng hóa rực rỡ với muôn vàn châu báu quý hiếm, trang nghiêm như cõi tịnh độ của Phật Bảo Trang Nghiêm,⁶⁵ được trang hoàng bằng vô lượng công đức mà hội chúng ca ngợi là chưa từng thấy. Hơn nữa, mọi người đều thấy mình được ngồi trên một tòa sen lộng lẫy.

Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Hãy quán sát về thuần tịnh trang nghiêm của quốc độ này.”

Xá-lợi-phất thưa:

“Bạch Thế Tôn, con chưa từng thấy và nghe về đất Phật thanh tịnh trang nghiêm như vậy.”

Phật nói:

“Cõi Phật này của Ta thường thanh tịnh như vậy. Nhưng hiển hiện các thứ xấu xa uế tạp là để dẫn dắt những người căn trí thấp kém. Cũng giống như thức ăn của chư thiên có muôn màu hiển hiện tùy theo công đức của người ăn. Cho nên, Xá-lợi-phất, người có tâm thanh tịnh sẽ thấy đất này thanh tịnh.”

Khi Phật hiển hiện toàn về trang nghiêm thanh tịnh của quốc độ này, năm trăm người con của các trưởng giả cùng đi với Bảo Tích chứng vô sanh pháp nhẫn,⁶⁶ và tám mươi bốn ngàn người phát tâm cầu vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật thâu lại thân tức, tức thì thế giới trở về hiện trạng cũ. Ba mươi hai ngàn chư thiên và người từng mong cầu quả vị Thanh-văn, thấy rõ tính vô thường của các pháp hữu vi, dứt lìa những cấu bần trần lao, được sự minh tịnh của con mắt pháp. Tám ngàn tà kheo không còn chấp thủ⁶⁷ các pháp, dứt sạch các lậu, được giải thoát.⁶⁸

--- o0o ---

CHƯƠNG II: PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO⁶⁹

Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-li có vị trưởng giả⁷⁰ tên Duy-Ma-Cật, hằng cúng dường vô lượng Phật, trồng sâu gốc rễ thiện, chứng đắc vô sanh pháp

nhân, có tài biện thuyết vô ngại,⁷¹ hiện du hí thần thông, nắm vững các tổng trì, đạt được vô sở úy;⁷² khuất phục mọi thù nghịch quấy nhiễu của Ma,⁷³ thấu hiểu mọi Pháp môn sâu thẳm, dẫn đến giác ngộ, thiện xảo trong trí độ và biết diệu dụng các phương tiện thích hợp để giáo hóa,⁷⁴ hoàn thành được mọi đại nguyện của Bồ tát. Ông biết rõ xu hướng của tâm của chúng sinh, có thể phân biệt căn tính bén nhạy hay chậm lụt. Đã từ lâu tâm của ông đã thành thực trong Phật đạo, đã quyết định nơi Đại thừa. Mọi hành động của ông đều dựa trên tư duy chân chánh. An trú trong oai lực nhiệm mầu của Phật, tâm ông luôn trải rộng như đại dương. Được chư Phật ca ngợi; hàng Đế-thích và Phạm-thiên kính phục.

Ông đã vận dụng phương tiện chọn Tỳ-da-li làm nơi thường trú để hoá độ chúng sinh. Bằng gia sản vô lượng của mình, ông cứu giúp người cùng khổ. Bằng sự thanh tịnh của giới, ông nhiếp phục người phá giới. Bằng sự nhu hoà thuận nhân⁷⁵, ông nhiếp phục người sân hận. Bằng đại tinh tấn, ông nhiếp phục người biếng nhác. Bằng tâm thiện tịch⁷⁶ để nhiếp phục những kẻ có tâm ý vọng động. Bằng tuệ quyết định⁷⁷ để nhiếp phục những hạng vô trí.⁷⁸ Tuy là hàng bạch y⁷⁹ ông vẫn tuân hành mọi luật tắc thanh tịnh của Sa-môn. Tuy là cư sĩ ông vẫn tự tại không vướng mắc ba cõi. Tuy thị hiện có vợ con ông luôn sống đời tịnh hạnh.⁸⁰ Tuy hiện thân giữa các thuộc hạ, vẫn thường vui thú viển ly.⁸¹ Tuy mang ngọc vàng châu báu nhưng trang điểm thân mình bằng phẩm hạnh oai nghiêm⁸². Dù ăn uống như tục gia nhưng chỉ thưởng thức vị thiền. Chơi với phường cờ bạc để đưa người vượt thoát. Tiếp nhận dị đạo mà không hủy chánh tín. Thông hiểu kinh điển thế gian, nhưng thường hâm mộ Pháp Phật. Ai gặp ông cũng đều kính nể, tôn kính vào hàng bậc nhất.⁸³ Ông giữ chấp trì luật pháp, duy trì trật tự dưới trên. Hợp tác hài hoà trong tất cả sự nghiệp buôn bán.⁸⁴ Tuy cũng gặt hái những lợi ích trong những hoạt động thế tục của mình, ông không lấy đó làm mừng.⁸⁵ Rong chơi trên các ngõ đường, vẫn không quên giúp ích mọi người. Vào chốn công đường⁸⁶ để bảo vệ kẻ thế cô. Tham gia các nghị hội để đưa người vào Đại thừa. Đến các trường học để khai sáng tâm mọi người. Vào nơi kỹ viện để cho thấy tai họa của dục vọng. Vào trong tửu lâu mà vẫn vững vàng ý chí. Trong hàng trưởng lão, ông là bậc tôn trưởng để diễn thuyết pháp những pháp tối thắng. Trong hàng cư sĩ, ông là cư sĩ bậc nhất, dạy họ đoạn trừ đam mê ái dục. Trong hàng sát-lị, ông là tôn trưởng sát-lị, dạy họ biết khoan hòa. Trong giới Bà-la-môn, ông là tôn trưởng Bà-la-môn, dạy họ cách chế ngự ngã mạn. Trong các Đại thần, ông được tôn kính bậc nhất, dạy họ pháp luật công chính. Trong các vương tử, ông được tôn kính bậc nhất, dạy họ đạo trung hiếu của vương tử. Trong chốn cấm cung, ông là nội quan tôn quý, giáo hóa hết thảy cung nữ đức hạnh. Trong giới bình dân, ông được tôn kính bậc nhất, khích lệ họ vun trồng phước đức. Trong hàng Phạm Thiên, ông được tôn kính bậc nhất, khuyên bảo họ bằng tuệ tối thắng. Trong hàng Đế-thích, ông được tôn kính bậc nhất, vì ông chỉ cho họ thấy rõ tính vô thường. Trong hàng Hộ thế ông được tôn kính bậc nhất vì ông bảo vệ hết thảy chúng sinh.

Như vậy, Duy-Ma-Cật đã điều dụng vô vàn phương tiện để giảng dạy chánh Pháp vì lợi ích của chúng sinh. Nay cũng mượn phương tiện thiện xảo, ông hiện thân có bệnh. Vì ông bệnh mà vương hầu, khanh tướng, trưởng lão, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... cho đến hoàng thân quốc thích, hàng ngàn người, đã đến thăm viếng ông.

Nhân đó, bằng những bệnh tật nơi thân, Duy-Ma-Cật giảng giải Pháp Phật rộng rãi cho những người đến thăm.

Ông nói:

“Các nhân giả, thân này⁸⁷ là vô thường, yếu đuối, cũng chẳng bền lâu; là pháp chóng mục nát, không đáng tin cậy. Nó là sự khổ, là sự ưu não, là nơi tập hợp của các loại tật bệnh.

“Này các nhân giả, thân này không phải là chỗ đáng nương tựa cho người minh trí. Thân này như bọt biển, không thể vốc nắm. Thân này như bong bóng nước, không tồn tại lâu. Thân này như ngọn lửa bùng cháy từ khát vọng yêu đương. Thân này như cây chuối, ruột không lõi chắc. Thân này như huyễn, hình thành bởi ý nghĩ đảo điên. Thân này như giấc mộng, do hư vọng mà thấy có. Thân này như bóng, theo duyên là nghiệp mà có. Thân này như tiếng vang, tùy thuộc nhân duyên. Thân này như đám mây trôi, chợt biến chợt diệt. Thân này như ánh chớp lóe, thoáng chốc tiêu tan. Thân này không chủ tử, như đất. Thân này không tự ngã, như lửa.⁸⁸ Thân này không thọ mạng, như gió. Thân này không con người, như nước.⁸⁹ Thân này không thật, lấy bốn đại làm nhà. Thân này rỗng không, không ngã cũng không ngã sở. Thân này vô tri, như cỏ, cây hay gạch ngói. Thân này không hành động, chỉ chuyển động vì sức gió. Thân này bất tịnh vì chứa đầy uế tạp. Thân này hư nguy, tuy nhờ bởi tắm rửa, y phục, ẩm thực, rồi sẽ trở về tàn hoại diệt vong. Thân này là tai họa, bị bức bách bởi mọi thứ tật bệnh. Thân này như cái giếng trên gò,⁹⁰ vì sự già vậy khốn. Thân này vô định, nhất định sẽ chết. Thân này như rắn độc, như kẻ thù, như xóm hoang.⁹¹ Nó được tập thành bởi các uẩn, các xứ, các giới.

“Chư tôn giả, thân này đáng chán như vậy, ta nên tâm cầu Phật thân. Vì sao? Vì Phật thân tức Pháp thân, sinh từ vô lượng công đức và trí tuệ; sinh từ giới, định, huệ, giải thoát và tri kiến về giải thoát; từ từ, bi, hỷ, xả; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, cần hành tinh tấn, thiền định giải thoát, tam muội; sinh từ đa văn, trí tuệ, các ba-la-mật; sinh từ phương tiện; sinh từ sáu thông; sinh từ ba minh; sinh từ ba mươi bảy đạo phẩm; sinh từ chỉ quán; sinh từ mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng; sinh từ sự đoạn trừ hết thấy pháp bất thiện, tập hết thấy pháp thiện; sinh từ sự chân thật; sinh từ sự không buông lung. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như vậy sinh ra thân Như Lai.

“Các nhân giả, nếu muốn được thân Phật hầu chấm dứt hết thảy tật bệnh của chúng sinh, các ngài nên phát tâm cầu giác ngộ tối thượng.”

Trưởng giả Duy-Ma-Cật giảng Pháp cho những người đến thăm bệnh như vậy, khiến cho vô lượng nghìn khách viếng phát tâm vô thượng bồ-đề.

--- o0o ---

CHƯƠNG III: CHÚNG ĐỆ TỬ⁹²

Lúc bấy giờ, Duy-Ma-Cật trong lòng suy nghĩ, “Nay ta nằm bệnh; không lẽ đức Thế Tôn đại từ chẳng đoái tưởng đến?”

Phật biết ý tưởng đó, nói với Xá-lợi-phất:

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực để đi thăm bệnh ông ấy. Vì sao vậy? Con nhớ lại, có lần, con đang ngồi tĩnh niệm⁹³ dưới tàn cây trong rừng,⁹⁴ Duy-Ma-Cật đến đó, và bảo con rằng,⁹⁵ «Kính thưa⁹⁶ ngài Xá-lợi-phất, bất tất⁹⁷ ngồi như vậy mới là ngồi tĩnh niệm. Hiện thân và ý⁹⁸ mà không ở trong ba cõi, ấy mới là tĩnh tọa. Hiện các oai nghi⁹⁹ mà vẫn không xuất khỏi diệt tận định,¹⁰⁰ ấy mới là tĩnh tọa. Hiện thân làm các việc phạm phu¹⁰¹ mà không xả Đạo pháp,¹⁰² ấy mới là tĩnh tọa. Tâm không trụ trong, không trụ ngoài, ấy mới là tĩnh tọa. Tu hành ba mươi bảy phẩm¹⁰³ mà không làm dao động các kiến chấp,¹⁰⁴ ấy mới là tĩnh tọa. Nhập Niết bàn mà không đoạn trừ phiền não,¹⁰⁵ ấy mới là tĩnh tọa. Ngồi được như vậy, thì mới được Phật ấn khả.»

“Bấy giờ, bạch đức Thế Tôn, khi nghe ông nói những lời này, con ngồi im lặng, không trả lời được. Cho nên con chưa đủ năng lực để thăm viếng.”

Phật nói với Đại Mục-kiền-liên:

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực để đi thăm bệnh ông ấy. Vì sao vậy? Con nhớ lại, có lần, khi con đang giảng Pháp cho hàng tục gia đệ tử trên đường phố thành Tỳ-da-li, Duy-Ma-Cật đến bảo con rằng,¹⁰⁶ “Kính thưa ngài Đại Mục-kiền-liên, giảng Pháp cho cư sĩ bạch y không phải như Nhân giả đang thuyết. Thưa ngài, khi thuyết pháp, hãy như pháp mà thuyết. Pháp không chúng sinh, vì xa lìa cấu bần của chúng sinh.¹⁰⁷ Pháp không thọ mạng,¹⁰⁸ vì xa lìa sinh

từ. Pháp không có con người,¹⁰⁹ vì tiền tế và hậu tế¹¹⁰ đều cắt đứt. Pháp thường tịch nhiên, vì diệt các tướng. Pháp lìa ngoài tướng, vì không sở duyên.¹¹¹ Pháp không ngôn thuyết,¹¹² vì lìa giác quán.¹¹³ Pháp không hình tướng, vì như hư không.¹¹⁴ Pháp không hý luận vì rốt ráo không. Pháp không ngã sở, vì lìa ngã sở. Pháp không phân biệt, vì lìa các thức. Pháp không so sánh, vì không tương đãi.¹¹⁵ Pháp không thuộc nhân vì không ở trong duyên. Pháp đồng Pháp tánh, vì nhập vào các pháp.¹¹⁶ Pháp tùy theo Như vì không có gì để theo. Pháp trụ thực tế, vì không động các biên.¹¹⁷ Pháp không động dao, vì không y sáu trần. Pháp không đến đi vì thường không trụ. Pháp thuận với Không, tùy theo vô tướng và ứng với vô tác.¹¹⁸ Pháp lìa đẹp xấu. Pháp không tăng giảm. Pháp không sinh diệt. Pháp không chỗ về. Pháp vượt qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm.¹¹⁹ Pháp không cao thấp; thường trụ, bất động. Pháp lìa hết thấy quán hạnh.¹²⁰

“<Kính thưa ngài Mục-liên, tướng của Pháp như vậy, làm sao diễn giảng? Thưa ngài, người thuyết pháp thì không diễn thuyết, không khai thị. Người nghe thì không nghe, không sở đắc. Như con người huyễn¹²¹ giảng pháp cho người huyễn nghe. Ngài nên xác lập tâm ý này mà giảng Pháp. Cần phải hiểu rõ căn tánh nhay bén hay u mê của chúng sinh. Bằng tâm đại bi mà tán dương Đại thừa; vì nhớ nghĩ báo đáp ân đức của Phật, không để Tam bảo đoạn tuyệt. Vì như vậy mà thuyết pháp.>

“Nghe Duy-Ma-Cật nói pháp này xong, tám trăm cư sĩ đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng. Bạch Thế Tôn, con không có biện tài như vậy, nên không đủ khả năng thăm bệnh.”

Phật nói với Ma-ha Ca-diếp:

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực để đi thăm bệnh ông ấy. Vì sao vậy? Nhớ lại, có lần con đang khát thực nơi xóm nghèo, Duy-Ma-Cật đến nói: <Kính thưa ngài Ma-ha Ca-diếp, có tâm từ bi mà không rộng khắp, nên ngài bỏ nhà hào phú mà xin nhà bần hàn.

“ Thưa ngài Ca-diếp,¹²² an trụ nơi pháp bình đẳng thì nên hành khát thực theo thứ lớp. Vì sự không ăn,¹²³ cho nên cần phải hành khát thực. Vì để làm rõ sự kết hợp¹²⁴ mà cảm lấy đồ ăn vo nắm.¹²⁵ Vì không thọ nhận¹²⁶ mà nhận lấy thực phẩm của người kia. Bằng ấn tượng về xóm hoang¹²⁷ mà đi vào xóm. Nhìn sắc mà cũng đồng như mù. Nghe âm thanh cũng đồng như tiếng vọng. Ngửi mùi thơm cũng đồng như gió thoảng. Ném thức ăn, mà không phân biệt. Tiếp thọ các xúc như trí chứng.¹²⁸ Biết vạn hữu đều như huyễn tướng, không có tự tánh, chẳng có tha tánh; từ xưa vốn không bốc cháy thì nay không dập tắt.¹²⁹

“Thưa ngài Ca-diếp, nếu có thể thành tựu tám pháp giải thoát mà không cần lìa tám tà;¹³⁰ bằng tà tướng mà nhập Chánh pháp; bằng một miếng ăn¹³¹ mà bỏ thí tất cả; cùng chư Phật và Hiền Thánh Tăng. Cho đến được vậy mới nên ăn. Ăn như vậy không phải có phiền não¹³² cũng không lìa phiền não, không nhập định ý¹³³ cũng không xuất định ý; không phải trụ thế gian cũng không phải trụ Niết-bàn. Ai thí cho, công đức không nhiều cũng không ít. Vật thí không tốt cũng không hại. Đó là cách chân chánh đi vào Phật đạo, không nương dựa vào tiểu đạo của Thanh-văn. Thưa Ca-diếp, ăn như vậy mới là không ăn suông của người bỏ thí.”

“Bạch Thế Tôn, khi nghe những lời này, được điều chưa từng có này, trong con khởi niềm tôn kính sâu sắc hết thấy chư Bồ tát, và con nghĩ: <Con người có gia đình mà có thể có trí tuệ biện tài như vậy, ai nghe mà không khởi tâm cầu giác ngộ?> Từ đó con thôi không khuyên người bằng Thanh-văn hay Bích-chi-phật. Vì vậy cho nên con biết mình không đủ năng lực đi thăm bệnh.”

Phật lại bảo Tu-bồ-đề:¹³⁴

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Tu-bồ-đề bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực để đi thăm bệnh ông ấy. Vì sao vậy? Nhớ lại, có lần con đến nhà ông khát thực. Duy-Ma-Cật lấy bát¹³⁵ của con cho đầy cơm rồi bảo: <Thưa ngài Tu-bồ-đề, nếu đối với sự ăn mà bình đẳng, thì đối với các pháp cũng bình đẳng. Các pháp bình đẳng thì đối với sự ăn cũng bình đẳng. Hành khát thực như vậy mới đáng nhận thức ăn.¹³⁶

“Thưa ngài Tu-bồ-đề, nếu có thể không cần dứt đoạn dâm dục, sân nộ, ngu si, mà cũng không câu hữu với chúng; không hoại nơi thân mà tùy nhất tướng;¹³⁷ không diệt si và ái¹³⁸ mà đạt được minh và giải thoát;¹³⁹ bằng tướng của năm tội đại nghịch¹⁴⁰ mà được giải thoát nhưng cũng không được cõi, không bị trói; không thấy bốn Thánh đế, cũng không phải không thấy Thánh đế;¹⁴¹ không phải đắc quả, không phải phạm phũ, không phải lìa pháp phạm phũ; không phải Thánh nhân, không phải không là Thánh nhân; tuy thành tựu hết thấy pháp mà vẫn xa lìa pháp tướng.¹⁴² Có như thế mới đáng nhận thức ăn.

“Thưa ngài Tu-bồ-đề, nếu không thấy Phật cũng không nghe Pháp;¹⁴³ sáu đại sư ngoại đạo kia, là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử, San-xà-đạ Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la, và Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử,¹⁴⁴ là Thầy của ngài; nhân họ mà ngài xuất gia. Nếu các vị Thầy ấy đọa lạc thì ngài cũng đọa lạc theo. Như vậy ngài mới nên nhận thức ăn.

“Nếu Tu-bồ-đề đi vào các tà kiến, không sang bờ bên kia;¹⁴⁵ trụ trong tám nạn chứ không thoát khỏi tám nạn;¹⁴⁶ đồng với phiền não,¹⁴⁷ xa rời pháp thanh tịnh; nếu ngài chứng đắc Vô tránh tam-muội¹⁴⁸ thì hết thấy chúng sinh cũng chứng đắc định ấy; những ai bố thí ngài, không nói là gieo vào ruộng phước; những ai cúng dường ngài sẽ rơi vào cõi dữ; ngài cùng bọn Ma nắm tay nhau làm bạn lũ trong trần lao;¹⁴⁹ ngài cùng với bọn Ma và các trần lao giống nhau không khác;¹⁵⁰ đối với hết thấy chúng sinh mà có tâm oán hận; báng bỏ chư Phật, hủy hoại chanh pháp, không nhập tăng số, không được diệt độ.¹⁵¹ Nếu được như vậy, ngài mới đáng nhận thức ăn.

“Bạch Thừa Thế Tôn, nghe những lời này mà con hoang mang; không biết đó là ngôn ngữ gì; không biết phải trả lời thế nào. Con bèn bỏ lại bình bát, định ra khỏi nhà. Duy-Ma-Cật kêu lại: <Thưa ngài Tu-bồ-đề, hãy nhận lấy bình bát, chớ có sợ hãi. Ngài nghĩ sao, nếu Như Lai khiến một người hoá¹⁵² đến nạn vắn, khi ấy ngài có sợ chẳng?> Con đáp, <Không sợ.> Duy-Ma-Cật tiếp, <Hết thấy pháp đều là tướng như huyễn hoá.¹⁵³ Cho nên ở đây ngài không nên sợ hãi. Vì sao? Vì văn tự và ngôn thuyết đều không xa lìa tướng ấy. Cho đến, bậc trí không dính mắc văn tự và ngôn thuyết, vì vậy chẳng có gì để sợ. Tại sao? Tại vì văn tự và ngôn thuyết không có tự tánh, đó là giải thoát. Tướng của giải thoát, đó là các pháp.>

“Khi Duy-Ma-Cật nói xong Pháp này, hai trăm người con của chư thiên chứng được sự minh tịnh của Pháp nhãn. Vì thế con biết mình chưa đủ năng lực đến thăm ông.”

Phật lại bảo Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử:¹⁵⁴

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Phú-lâu-na thưa với Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Là vì, một hôm, trong rừng Đại lâm,¹⁵⁵ con đang thuyết Pháp cho một nhóm tỳ kheo mới thọ giới, Duy-Ma-Cật chợt đến và nói: <Thưa ngài Phú-lâu-na, trước tiên ngài nên nhập định để thấu rõ tâm tánh người nghe rồi mới nên giảng Pháp. Chớ để đồ ôi thiu trong chén quý. Ngài nên hiểu rõ tâm niệm¹⁵⁶ của các tỳ kheo này chứ đừng nhầm lẫn pha lê với thủy tinh. Nếu ngài chưa rõ căn nguyên của chúng sinh thì đừng nên phát khởi chúng bằng pháp Tiểu thừa. Kia chưa bị lở lói, chớ làm họ trầy xước. Với người muốn đi trên đường, đừng chỉ họ lối hẹp. Đừng rút ruột biển cả trong dấu lõm chân trâu. Đừng ví ánh mặt trời với sắc màu đom đóm.¹⁵⁷

“<Phú-lâu-na, các tỳ kheo này đã phát tâm Đại thừa từ lâu nhưng nửa chừng quên mất. Sao ngài lại hướng dẫn họ bằng pháp Tiểu thừa? Trí của Tiểu thừa nông cạn, như người mù, không thể tỏ tường nguồn cội của chúng sinh.>

“Liền đó, Duy-Ma-Cật nhập đại định khiến các tỳ kheo nhớ lại kiếp trước của họ đã từng gặp năm trăm vị Phật, đã gieo trồng bao phước đức để hồi hướng cho phát nguyện cầu giác ngộ tối thượng của họ; khiến họ thức tỉnh và lập tức phục hồi tâm nguyện trong quá khứ. Họ liền cúi đầu đánh lễ Duy-Ma-Cật, nghe ông thuyết giáo, và tiếp tục tầm cầu giác ngộ tối thượng, không còn thối chuyển.

“Con nghĩ hàng Thanh-văn chưa quán sát rõ căn tánh của người nghe Pháp¹⁵⁸ thì không nên thuyết Pháp. Nên con thấy mình chưa đủ năng lực đến thăm bệnh ông.”

Phật bảo Ma-ha Ca-chiên-diên:¹⁵⁹

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Ma-ha Ca-chiên-diên thưa:

“Bạch đức Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Vì có lần, sau khi Phật giảng các yếu nghĩa của Pháp cho các tỳ kheo, con đã theo đó giải thích cho các tỳ kheo nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, và nghĩa tịch diệt.

“Bấy giờ Duy-Ma-Cật đi đến và bảo con rằng: <Thưa ngài Ma-ha Ca-chiên-diên, đừng lấy tâm hành sinh diệt mà giải nghĩa pháp thật tướng. Ma-ha Ca-chiên-diên, các pháp rốt ráo không sinh không diệt;¹⁶⁰ đó là nghĩa vô thường. Ngũ thủ uẩn rỗng suốt, trống không, không có gì sinh khởi; là nghĩa của khổ. Các pháp rốt ráo không, không có gì; là nghĩa của vô. Ngã và vô ngã không hai; là nghĩa vô ngã. Các pháp nguyên lai không bùng cháy, nay chẳng có gì là dập tắt; đó là nghĩa tịch diệt.”

“Duy-Ma-Cật nói xong, các tỳ kheo hiện diện tâm được giải thoát. Cho nên con thấy mình chưa đủ năng lực đến thăm bệnh ông.”

Phật bèn nói với A-na-luật :¹⁶¹

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

A-na-luật thưa:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Vì có lần con đang đi kinh hành,¹⁶² một Phạm vương tên là Nghiêm Tịnh, cùng mười ngàn chư thiên hào quang chiếu rọi, đến gặp con, cúi chào và hỏi: <Thiên nhân của ngài nhìn xa đến đâu?> Con đáp: <Thưa Nhân giả, tôi nhìn thấy ba nghìn đại thiên quốc độ của Phật Thích-ca-mâu-ni như trái am-ma-lặc¹⁶³ trong lòng bàn tay.> Khi ấy Duy-Ma-Cật xuất hiện, nói rằng: <Thưa ngài A-na-luật, cái thấy

bằng thiên nhãn của ngài là có tướng trạng hay không có tướng trạng?¹⁶⁴ Giả sử có tướng trạng, thì chẳng hơn hàng ngoại đạo đã tập thành năm phép thần thông. Nếu không có tướng trạng, thì đó là vô vi, không có sự thấy.>

“Bạch Thế Tôn, lúc ấy con lặng thinh không trả lời được. Các Phạm Thiên khi nghe những điều chưa từng nghe, liền làm lễ rồi cung kính hỏi: <Vây trên thế gian này ai có chân thiên nhãn?> Ông đáp: <Phật Thế Tôn có chân thiên nhãn, vì thường trụ trong tam-muội,¹⁶⁵ nhìn thấy hết thấy cõi Phật không do bởi hai tướng.>¹⁶⁶

“Ngay lúc ấy, Phạm vương Nghiêm Tịnh và năm trăm chư thiên quyền thuộc đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Họ cung kính đánh lễ dưới chân Duy-Ma-Cật rồi biến mất. Đó là lý do con nói mình chưa đủ năng lực để thăm bệnh ông ta.”

Phật bảo Ưu-ba-li:¹⁶⁷

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Ưu-ba-li thưa:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Vì sao? Con nhớ lại, xưa kia có hai tỳ kheo phạm giới, xấu hổ không dám đến hỏi Phật, đến nói với con: <Thưa ngài Ưu-ba-li, chúng tôi đã phạm luật và rất hổ thẹn vì tội này, không dám đến hỏi Phật, xin hỏi ông cách sám hối để giữ sạch tội lỗi.> Con bèn theo như pháp mà giảng giải cho họ.

“Lúc ấy Duy-Ma-Cật đến nói với con: <Thưa ngài Ưu-ba-li, đừng làm nặng thêm tội của hai tỳ kheo này mà hãy ngay thẳng trừ diệt. Chớ làm rối loạn tâm của họ. Vì sao? Vì bản chất tội không ở trong không ở ngoài,¹⁶⁸ cũng không ở giữa. Như Phật đã dạy, chúng sinh cấu bản vì tâm cấu bản; nếu tâm trong sạch, hết thấy đều trong sạch. Tâm cũng không ở trong không ở ngoài, không ở giữa. Tâm như nhiên, tội cũng như nhiên. Các pháp cũng như nhiên, không vượt ngoài Như. Như ngài Ưu-ba-li, nếu tâm tướng¹⁶⁹ đã giải thoát, còn có gì cấu bản chẳng?> Con đáp: <Không còn.> Ông ấy nói: <Cũng vậy, tâm tướng của chúng sinh thấy đều vô cấu, cùng như vậy. Thưa ngài Ưu-ba-li, vọng tưởng là cấu bản; không vọng tưởng là thanh tịnh.¹⁷⁰ Điên đảo là cấu bản; không còn điên đảo là thanh tịnh. Chấp ngã là cấu bản; không chấp ngã là thanh tịnh. Ưu-ba-li, hết thấy pháp khởi và diệt không đình trú, như ảo ảnh như tia chớp. Các pháp không đối đãi nhau,¹⁷¹ không đình trú trong mỗi tâm niệm. Chúng đến từ những quan niệm sai lầm, như chiêm bao, như quán nắng, như trăng trong đáy nước, như bóng trong gương, vì chúng sinh ra từ vọng tưởng. Hiểu được như vậy là người phụng trì giới luật. Hiểu như vậy là hiểu biết thiện xảo.¹⁷²>

“Ngay lúc ấy, hai vị tì kheo thán phục: <Siêu việt thay trí tuệ, mà ngài Ưu-ba-li không thể sánh bằng. Tuy là bậc trì luật đệ nhất cũng không thể nói được như vậy> Con mới nói: <¹⁷³Duy trừ Phật ra, chưa từng có một Thanh-văn hay Bồ-tát nào vượt hơn biện tài vô ngại¹⁷⁴ của người này vì trí tuệ minh đạt của ông thù thắng như vậy.>

“Hai vị tì kheo nhờ đó đã dứt đoạn nghi tình và hồi hận, phát tâm cầu giác ngộ tối thượng và lập nguyện cho hết thảy chúng sinh đều được biện tài như vậy. Cho nên con đủ khả năng đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bèn nói với La-hầu-la:¹⁷⁵

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

La-hầu-la thưa:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm ông ấy. Vì nhớ lại, có lần con trai nhà trưởng giả thành Tỳ-da-li¹⁷⁶ đến gặp con, cúi chào và hỏi: <La-hầu-la, ông là con của Phật, đã bỏ ngôi vị Chuyển luân vương mà xuất gia học đạo. Xuất gia như vậy được lợi ích gì?> Con bèn như pháp mà nói các lợi ích của công đức xuất gia, Duy-Ma-Cật bỗng đến, nói: <Thưa ngài La-hầu-la, ông chớ nên nói về các lợi ích lợi ích của công đức xuất gia. Vì sao? Vì không lợi ích, không công đức; đó là xuất gia. Chỉ pháp hữu vi mới nói đến lợi ích và công đức. Xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi, không có lợi ích, không có công đức. La-hầu-la, xuất gia là vượt khỏi cái sự chỗ này, chỗ kia, hay ở giữa; là vượt khỏi sáu mươi hai kiến chấp,¹⁷⁷ an trú Niết-bàn,¹⁷⁸ được người trí lãnh thọ, là lối đi của bậc Thánh thực, hàng phục các ma, thoát ngoài năm đạo, thanh tịnh năm con mắt, thành tựu năm lực, tạo lập năm căn, không gây náo hại cho đời, xa lìa mọi điều xấu, đẩy lui Ngoại đạo, siêu việt giả danh tự, ra khỏi vũng sinh,¹⁷⁹ không bị ràng buộc, không ngã sở; không có gì để chấp thủ, không bị nhiễu loạn, nội tâm hoan hỷ, hộ trì tâm ý kẻ khác,¹⁸⁰ tùy thuận thiên định,¹⁸¹ và thoát khỏi mọi sai lầm. Làm được như vậy mới là đích thực xuất gia.>

“Đoạn, Duy-Ma-Cật nói với những người con của các trưởng giả: <Các chú nên xuất gia trong Chánh Pháp. Vì sao? Vì không dễ gì được sống cùng thời với Phật.> Các người này nói: <Thưa Cư sĩ tôn kính, chúng tôi có nghe Phật dạy, nếu cha mẹ chưa cho phép thì con không được xuất gia.> Duy-Ma-Cật bảo: <Đúng vậy. Nhưng khi phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác, là các chú đã xuất gia.>

“Bấy giờ, ba mươi hai người con của các trưởng giả đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì vậy con chưa đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bèn bảo A-nan:

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

A-nan nói:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Vì nhớ lại, có lần khi thân Thế Tôn có chút bệnh, cần sữa bò, con lấy bát đến đứng trước cửa nhà người Bà-la-môn. Khi ấy Duy-Ma-Cật đi đến, bảo con rằng: <Thưa ngài A-nan, có chuyện gì mà cầm bát đứng đây sớm thế?> Con đáp: <Cư sĩ, đức Thế Tôn thân có chút bệnh, cần sữa bò, vì vậy tôi mới đứng đây.> Duy-Ma-Cật chặn lại: <Thôi im đi, ngài A-nan. Chớ nói những lời như vậy. Thân Như Lai là thể kim cương. Mọi điều xấu đã bị đoạn trừ; mọi điều thiên hội đủ. Làm gì có bệnh? Làm gì có nảo? Ngài hãy im lặng mà đi. Chớ phỉ báng Như Lai. Đừng để người khác nghe được lời thô tháo đó. Chớ để chư thiên có uy đức và Bồ tát đến từ các quốc độ thanh tịnh nghe thấy. Thưa ngài A-nan, Chuyển luân thánh vương mới chỉ tích góp vài công đức nhỏ đã không còn bệnh nảo. Huống chi Như Lai đã hội đủ vô lượng phước đức thù thắng đức lại còn bệnh sao? Hãy đi đi, thưa ngài A-nan, đừng làm xấu hết cả chúng tôi. Nếu người Bà-la-môn ngoại đạo nghe lời này, họ sẽ nghĩ: <Sao đáng gọi là Tôn Sư? Người này cứu được ai khi ông chưa cứu nổi thân mình?> Hãy âm thầm mà đi nhanh đi, đừng để ai nghe lời ngài nói. A-nan, nên biết, thân Như Lai là Pháp thân, không đến từ tâm tưởng và dục vọng. Phật là đức Thế Tôn, thân Ngài vượt ngoài ba cõi. Thân Phật là vô lậu, vì các lậu đã dứt sạch. Thân Phật là vô vi, không thể gọi tên.¹⁸² Thân như vậy làm sao có bệnh?>

“Bạch Thế Tôn, nghe ông nói, con ngập tràn hổ thẹn, tự hỏi phải chăng con tuy gần Phật nhưng đã nghe nhầm chăng? Nhưng lúc ấy, con nghe một tiếng nói từ không trung vọng xuống: <A-nan, Cư sĩ nói đúng, nhưng vì Phật hiện thân trong đời năm trước ác, hiện hành pháp này để cứu độ chúng sinh. A-nan, cứ đi xin sữa, chớ hổ thẹn.>

“Bạch Thế Tôn, trí tuệ và tài biện thuyết của Duy-Ma-Cật như vậy, con quả thật không đủ khả năng đến thăm bệnh ông.”

Như vậy năm trăm đại đệ tử của Phật đều kể lại những cuộc gặp bất ngờ của họ với Duy-Ma-Cật, đều nói không đủ khả năng đến thăm bệnh ông.

--- o0o ---

CHƯƠNG IV: BỒ TÁT¹⁸³

Rồi thì, Phật nói với Bồ tát Di-lặc:¹⁸⁴

“Ông hãy thay Ta đến thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Di-lặc đáp:

“Bach Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bịnh ông ấy. Vì sao? Nhớ lại xưa kia, có lần con đang giảng cho Thiên vương Đâu-suất¹⁸⁵ và quyền thuộc về sự thực hành ở địa vị bất thối chuyển,¹⁸⁶ Duy-Ma-Cật bỗng đến và nói với con: ‘Thưa Di-lặc, khi đức Thế Tôn thọ ký¹⁸⁷ Nhân giả còn một đời nữa sẽ chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Sự thọ ký ấy nhắm vào đời nào? Quá khứ chăng? Vị lai chăng? Hiện tại chăng? Nếu là quá khứ, thì quá khứ đã diệt. Nếu là vị lai thì vị lai chưa đến. Nếu ở hiện tại, thì hiện tại không đình trú. Như Phật đã nói: ‘Này tỳ kheo, người nay tức thời vừa sinh, vừa già, vừa diệt.’ Nếu bằng vô sinh mà được thọ ký, thì vô sinh là chính vị.¹⁸⁸ Mà trong chính vị thì không có thọ ký, cũng không có sự chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Vậy làm sao Di-lặc được thọ ký còn một lần tái sinh¹⁸⁹? Ấy là bằng Như¹⁹⁰ sinh mà được thọ ký, hay bằng Như diệt mà được thọ ký? Nếu bằng Như sinh mà được thọ ký, thì Như vốn không sinh. Nếu bằng Như diệt mà được thọ ký, thì Như vốn không diệt. Vì hết thấy chúng sinh đều là Như tính vậy. Hết thấy pháp cũng là Như tính vậy. Các Hiền Thánh cũng là Như tính vậy. Di-lặc cũng là Như tính vậy. Như vậy, nếu Di-lặc được thọ ký, thì hết thấy chúng sinh cũng đều được thọ ký. Vì sao? Vì Như vốn không hai, không khác. Nếu Di-lặc chứng đắc giác ngộ tối thượng, thì hết thấy chúng sinh cũng chứng đắc giác ngộ tối thượng. Vì sao? Vì hết thấy chúng sinh tức là hiện tượng của Bồ-đề.¹⁹¹ Nếu Di-lặc mà diệt độ, thì hết thấy chúng sinh cũng diệt độ.¹⁹² Vì sao? Chư Phật biết rõ hết thấy chúng sinh rốt ráo tịch diệt, tức là tướng bồ-đề, không còn gì để diệt nữa.¹⁹³ Thưa Di-lặc, vì thế không nên dụ¹⁹⁴ chư Thiên bằng pháp này; vì thật sự không có người phát tâm bồ-đề tối thượng cũng chẳng có người thối lui. Di-lặc hãy nên khiến cho họ tránh xa những quan niệm phân biệt về bồ-đề. Vì sao? Vì bồ-đề không thể được chứng đắc bằng thân, không thể được chứng đắc bằng tâm. Tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt các tướng.¹⁹⁵ Chẳng quán là Bồ-đề vì nó lìa ngoài nhân duyên.¹⁹⁶ Chẳng hành là Bồ-đề vì nó dứt tuyệt nghĩ tưởng.¹⁹⁷ Đoạn là Bồ-đề, vì xả ly các kiến. Xả ly là Bồ-đề, vì xả ly vọng tưởng.¹⁹⁸ Chưóng là Bồ-đề, vì chưóng các nguyện.¹⁹⁹ Chẳng nhập²⁰⁰ là Bồ-đề vì không tham trước.²⁰¹ Tùy thuận²⁰² là Bồ-đề vì thuận với Như²⁰³. Trụ là Bồ-đề vì trụ Pháp-tánh.²⁰⁴ Đến là Bồ-đề, vì đi đến thực tế.²⁰⁵ Bất nhị là Bồ-đề, vì nó xa lìa ý và pháp.²⁰⁶ Bình đẳng là Bồ-đề, vì đồng đẳng với hư không.²⁰⁷ Vô vi là Bồ-đề vì không sinh, trụ, diệt.²⁰⁸ Tri²⁰⁹ là Bồ-đề, vì liễu tri tâm hành của hết thấy chúng sinh. Chẳng hội²¹⁰ là Bồ-đề vì các nhập²¹¹ không hội.²¹² Chẳng hiệp²¹³ là Bồ-đề, vì lìa tập quán phiền não.²¹⁴ Vô xứ là Bồ-đề, vì không hình sắc.²¹⁵ Giả danh²¹⁶ là Bồ-đề, vì tên gọi vốn rỗng không.²¹⁷ Như hoá²¹⁸ là Bồ-đề, vì không thủ xả. Không loạn là Bồ-đề, vì thường tịch tĩnh. Thiện tịch²¹⁹ là Bồ-đề vì tự tánh thuần tịnh. Vô thủ là Bồ-đề không thể vin nắm.²²⁰ Vô dī²²¹ là Bồ, vì bình đẳng các pháp vốn bình đẳng.²²² Vô tử là Bồ-đề, vì không thể thí dụ.²²³ Vi diệu là Bồ-đề, vì các pháp khó biết.²²⁴

“Bạch Thế Tôn, Duy-Ma-Cật giảng xong Pháp như vậy, hai trăm thiên tử chứng vô sanh pháp nhãn. Vì vậy con không đủ năng lực đến thăm bịnh ông.”

Phật nói với Quang Nghiêm Đồng tử:

“Ông hãy đi thăm bịnh Duy-Ma-Cật.”

Quang-nghiêm đáp:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm ông. Vì, nhớ lại, có lần con đang trong thành Tỳ-da-li đi ra, gặp Duy-Ma-Cật ở ngoài đi vào. Con cúi chào²²⁵ ông và hỏi: ‘Quý Cư sỹ đi đâu về?’ Ông đáp: ‘Từ đạo tràng²²⁶ về.’ Con mới hỏi ông: ‘Đạo tràng này ở đâu?’ Ông đáp: ‘Tâm chính trực là đạo tràng, vì không hư giả. Phát hành²²⁷ là đạo tràng, vì có khả năng biện sự. Thâm tâm²²⁸ là đạo tràng, vì tăng ích công đức.²²⁹ Tâm bồ-đề là đạo tràng, vì không thể sai lầm. Bồ thí²³⁰ là đạo tràng, vì không cầu đáp trả. Trì giới là đạo tràng, vì giúp hoàn thành tâm nguyện. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì tâm vô ngại²³¹ đối với hết thảy chúng sinh. Tinh tấn là đạo tràng, vì lìa xa biếng nhác. Thiền định là đạo tràng, vì là tâm hài hòa dịu dàng. Trí tuệ là đạo tràng, vì thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì đối xử bình đẳng với tất cả chúng sinh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn nại các khổ nhọc. Hỷ là đạo tràng, vì là pháp an vui khoái lạc. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu hay ghét. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu sáu thần thông. Giải thoát là đạo tràng, vì hay dứt bỏ.²³² Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sinh. Bốn nhiếp pháp²³³ là đạo tràng, vì nhiếp chúng sinh. Đa văn là đạo tràng, vì y như điều đã nghe mà thực hành. Tâm được chế ngự là đạo tràng, vì chính quán các pháp. Ba mươi bảy phẩm là đạo tràng, vì xả bỏ các pháp hữu vi. Chân đế²³⁴ là đạo tràng, vì không dối gạt thế gian. Duyên khởi²³⁵ là đạo tràng, vì từ vô minh cho đến già-chết, thấy đều không cùng tận. Phiền não là đạo tràng, vì biết như thật.²³⁶ Chúng sinh là đạo tràng, vì biết vô ngã.²³⁷ Tất cả pháp là đạo tràng, vì biết các pháp vốn không. Hàng phục chúng ma là đạo tràng, vì không khuynh động. Ba cõi²³⁸ là đạo tràng, vì không định hướng phải đến.²³⁹ Tiếng sư tử hồng là đạo tràng, vì là vôáo úy. Lực, bốn vô sở úy, bất cộng²⁴⁰ là đạo tràng, vì không khuyết điểm. Ba minh là đạo tràng, vì vô ngại. Một niệm²⁴¹ biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành nhất thiết trí. Như vậy, này Thiện nam tử, Bồ tát thích ứng theo các Ba-la-mật mà giáo hóa chúng sinh, thì mọi hành vi, cho đến từng bước chân đi, nên biết, đều từ đạo tràng mà đến; an trú trong Pháp Phật vậy.’

“Duy-Ma-Cật giảng Pháp như vậy, năm trăm trời và người đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng. Vì thế con không đủ năng lực đến thăm bịnh ông.”

Phật bèn nói với Trì Thế Bồ tát:²⁴²

“Ông hãy đi thăm bịnh Duy-Ma-Cật.”

Trì Thế đáp:

“Bach Thế Tôn, con không đủ năng lực để viếng thăm ông. Con còn nhớ có lần đang ở trong tỉnh thất, khi ấy Ma Ba-tuần,²⁴³ hình trạng như Đế Thích, xuất hiện cùng với mười hai ngàn Thiên nữ theo sau đàn hát, đi đến chỗ con. Sau khi cúi đầu đánh lễ dưới chân con, họ chấp tay đứng sang một bên. Con tưởng đó là Đế-Thích nên nói: ‘Xin chào Kiều-thi-ca.’²⁴⁴ Dù ông đã thành tựu nhiều phước báo, nhưng không nên phong tưng. Ông nên quán ngũ dục là vô thường để tìm cầu gốc rễ thiện. Hãy tìm cầu pháp chắc thật cho thân thể, sinh mạng và tài sản này.’ Ma liền nói: ‘Thưa Đại Chánh sỹ, xin ngài nhận lấy mười hai ngàn Thiên nữ này để hầu hạ ngài, lo việc quét dọn.’ Con bảo: ‘Này Kiều-thi-ca, chớ đem cho Sa-môn họ Thích món quà phi pháp như vậy. Nó không thích hợp với tôi.’ Con chưa dứt lời thì Duy-Ma-Cật chợt đến và nói: ‘Nó đâu phải là Đế Thích. Nó là Ma đến quấy nhiễu ngài đấy.’ Rồi ông quay sang bảo ma: ‘Hãy cho ta các cô gái này. Như ta thì có thể nhận.’ Ma kinh sợ, nghĩ rằng, ‘Duy-Ma-Cật có thể gây hại ta chăng?’ Nó bèn muốn ẩn hình nhưng không được. Nó vận dụng hết thần lực cũng không thể bỏ đi được. Chợt trên không có tiếng vọng xuống: ‘Này Ba-tuần, hãy cho ông ấy các Thiên nữ thì mới có thể đi được.’ Sợ quá, Ma đành dâng hết các Thiên nữ cho Duy-Ma-Cật. Ông mới nói với họ: ‘Ma đã đem các người cho ta. Bây giờ các người hãy phát tâm cầu giác ngộ tối thượng.’

“Đoạn ông tùy chỗ thích hợp giảng Pháp cho họ nghe, giúp họ phát đạo ý. Ông bảo: ‘Các người đã phát đạo ý,²⁴⁵ có thể tìm thấy niềm vui nơi Pháp²⁴⁶ thay vì nơi ngũ dục thế gian.’

“Họ hỏi ông: ‘Vui nơi Pháp là thế nào?’

“Ông đáp: ‘Là vui vì niềm tin Phật; vui vì được nghe Pháp; vui khi cúng dường Tăng; và vui khi bỏ được năm dục lạc trần thế;²⁴⁷ vui khi thấy ra ngũ uẩn là kẻ thù, bốn đại²⁴⁸ như rắn độc, các nội xứ như xóm hoang; vui khi theo đuổi và hộ trì đạo ý²⁴⁹; vui khi thấy mình có lợi cho chúng sinh; vui khi kính dưỡng minh sư; vui khi rộng rãi thực hành bố thí; vui khi kiên trì tịnh giới; vui khi nhẫn nhục khoan hòa; vui khi siêng tu thiện căn; vui khi thiền định không loạn tưởng; vui khi có tuệ sáng suốt sạch không cấu bẩn; vui khi trải rộng tâm bồ-đề; vui khi vượt thắng tà ma; vui khi nhổ gốc phiền não; vui trong đất Phật thanh tịnh; vui khi tu tập các công đức để thành tựu thân tướng tốt đẹp; vui khi làm đẹp bồ-đề đạo tràng; vui khi nghe Pháp thậm thâm mà không sợ hãi; vui trong ba cửa giải thoát;²⁵⁰ không vui với phi thời tiết;²⁵¹ vui khi ngăn ngừa bằng hữu tri thức xấu; vui khi ở gần thiện tri thức;²⁵² vui vì tâm hoan hỷ thanh tịnh;²⁵³ vui khi thực hành vô lượng pháp đạo phẩm. Đó là những niềm vui nơi Pháp của Bồ tát.’

“Nghe vậy, Ma bảo các Thiên nữ: ‘Ta muốn cùng các ngươi trở về chỗ của ta.’

“Các Thiên nữ nói: ‘Hãy đem chúng tôi cho Cư sỹ. Chúng tôi thấy vui nơi Chánh Pháp, chẳng còn ham muốn năm thú vui trần thế.’

“Ma nói với Duy-Ma-Cật: ‘Cư sỹ hãy buông thả những Thiên nữ này. Vì Bồ tát là người sẵn lòng ban cho tất cả.’

“Duy-Ma-Cật nói: ‘Ta nay trả hết cho ngươi và ngươi có thể mang họ đi để hết thấy chúng sinh có thể thành tựu ước nguyện đặc pháp.’

“Các Thiên nữ quay hỏi Duy-Ma-Cật: ‘Ồ Ma cung, chúng tôi phải sống như thế nào?’

“Duy-Ma-Cật đáp: Này các chị, có Pháp môn được gọi là Ngọn đèn vô tận;²⁵⁴ các Chị nên học. Ví như, một ngọn đèn có thể được dùng để soi sáng hàng trăm ngàn ngọn đèn khác, do đó bóng tối sẽ được soi sáng và ánh sáng này sẽ vô tận. Cũng vậy, các Chị, một Bồ tát hướng dẫn và chuyên hóa hàng trăm ngàn người khác khiến cho họ phát tâm cầu giác ngộ tối thượng; mà Đạo ý của Bồ tát không hề tắt ngúm. Cứ mỗi lần thuyết pháp là mỗi lần tăng thêm tất cả pháp thiện cho mình. Cho nên gọi là Vô tận đặng. Dù các Chị có ở nơi cung điện của Ma, các Chị hãy nên dùng Pháp Vô tận đặng này để dẫn dắt vô lượng con trai, con gái của Trời khiến phát tâm cầu giác ngộ, vừa để báo Phật ân vừa làm lợi chúng sinh.’

“Khi ấy các Thiên nữ cúi đầu lễ dưới chân Duy-Ma-Cật rồi theo Ma về cung điện. Trong phút chốc, họ biến mất cả. Bạch Thế Tôn, Duy-Ma-Cật thần thông siêu việt, biện tài và trí tuệ như vậy, con không đủ năng lực viếng thăm người.”

Phật bảo một người con trai của trưởng giả tên Thiện Đức:²⁵⁵

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Thiện Đức đáp:

“Bạch Thế Tôn, con không đủ năng lực đến thăm bệnh ông ấy. Vì nhớ lại có lần con tổ chức một đại hội bố thí²⁵⁶ tại nhà thân phụ để cúng dường hết thấy Sa-môn, Bà-la-môn, các ngoại đạo, các người bạn cùng, hạ tiện, cho đến cả ăn mày. Đại hội kéo dài đến bảy ngày. Khi kết thúc, Duy-Ma-Cật đã đến nói với con: ‘Ồ, con trai nhà trưởng giả, đại hội bố thí không phải như ông đã tổ chức. Nó phải là đại hội bố thí pháp. Đại hội bố thí vật chất như vậy có ích gì.’

“Con hỏi: ‘Thưa Cư sĩ, thế nào là Hội Pháp thí?’²⁵⁷

“Ông đáp: ‘Pháp thí không có trước cũng không có sau.’²⁵⁸ Trong một lúc mà cùng dường hết thấy chúng sinh. Đó là Đại hội Pháp thí.’

“Nghĩa là sao? - Con hỏi.

“Ông mới đáp: ‘Nghĩa là, vì Bồ-đề mà phát khởi từ tâm; vì cứu độ chúng sinh mà khởi bi tâm; vì để duy trì Chánh pháp mà khởi hỷ tâm;²⁵⁹ vì để nhiếp trí tuệ²⁶⁰ mà hành xả tâm; để vượt thắng lòng tham lam bủn xỉn²⁶¹ mà khởi bố thí ba-la-mật; để giáo hoá người phạm giới mà tu giới ba-la-mật; vì vô ngã mà khởi nhân nhục ba-la-mật; vì lìa tướng thân tâm mà khởi tinh tấn ba-la-mật; vì Bồ-đề tướng²⁶² mà khởi thiền ba-la-mật; nhất thiết trí mà khởi bát-nhã ba-la-mật; vì giáo hóa chúng sinh mà khởi Không;²⁶³ không xả hữu vi²⁶⁴ mà phát khởi Vô tướng. Thị hiện thọ sinh²⁶⁵ mà khởi Vô tác;²⁶⁶ vì hộ trì chánh Pháp mà khởi phương tiện lực; vì cứu độ chúng sinh mà khởi bốn nhiếp pháp;²⁶⁷ vì kính thờ tất cả mà quyết tâm quét sạch kiêu mạn; ở nơi thân, mạng, tài sản mà khởi ba pháp chắc thật;²⁶⁸ ở trong sáu niệm²⁶⁹ mà khởi pháp tư niệm; ở nơi sáu điểm hòa kính mà khởi tâm chất trực;²⁷⁰ vì chân chánh tu hành pháp thiện mà khởi tịnh mạng; vì tịnh tâm hoan hỷ mà khởi lên sự gần gũi Hiền Thánh trí; vì để không ghét bỏ người xấu mà khởi lên sự chế ngự tâm; vì pháp xuất gia mà khởi thâm tâm; vì như thuyết mà hành²⁷¹ mà khởi đa văn; vì pháp vô tránh²⁷² mà phát khởi đời sống nhàn tĩn;²⁷³ vì thú hướng Phật đạo mà phát khởi đời sống độc cư; vì cõi trời chúng sinh mà phát khởi các giai đoạn tu hành;²⁷⁴ vì để được các hình tướng tốt đẹp đất Phật thanh tịnh mà phát khởi nghiệp phước đức; vì biết tâm niệm hết thấy chúng sinh để tùy nghi nói Pháp mà phát khởi nghiệp của trí;²⁷⁵ vì hiểu rõ các pháp vốn không thủ cũng không xả, để thâm nhập cánh cửa nhất tướng,²⁷⁶ mà phát khởi nghiệp của tuệ;²⁷⁷ vì tận diệt mọi phiền não, mọi chương ngại và bất thiện pháp, mà phát khởi tất thấy thiện nghiệp; vì chứng nghiệm tất cả trí tuệ và tất cả thiện pháp mà phát khởi các pháp trợ Phật đạo.²⁷⁸ Hết thấy những điều trên, này Thiện nam tử, là Đại hội Pháp thí. Nếu Bồ tát an trú nơi Đại hội Pháp thí, đó là Đại thí chủ, và cũng là ruộng phước cho hết thấy thế gian.’

“Bạch Thế Tôn, khi Duy-Ma-Cật giảng Pháp này xong, trong chúng Bà-la-môn có hai trăm người lắng nghe đã phát tâm tầm cầu giác ngộ tối thượng. Bản thân con lúc đó cảm thấy tâm lắng đọng, thanh tịnh, tán thán là chưa từng có. Con bèn làm lễ bái tạ dưới chân ông và cỡi ra vòng trân châu vô giá dâng tặng ông. Nhưng ông không nhận. Con nói: ‘Thưa Cư sĩ, xin ngài nhận lấy tặng phẩm này rồi muốn sử dụng sao tùy ý.’ Ông lấy vòng trân châu, chia ra hai phần, cho người ăn xin tồi tàn nhất một phần; phần kia cho đức Nan Thắng Như Lai.²⁷⁹ Hết thấy chúng hội hiện diện đều có thể nhìn thấy Nan Thắng Như Lai trong quốc độ Quang minh.²⁸⁰ Lúc ấy họ cũng thấy phía trên đức Phật kia nửa

vòng trân châu ấy biến thành đài báu trang nghiêm trên bốn cột trụ, bốn mặt đều được trang nghiêm, rõ ràng không che khuất nhau.

“Sau thị hiện biến hóa thần kỳ này, Duy-Ma-Cật nói: ‘Ai bố thí cho người hành khát nghèo hèn nhất với tâm bình đẳng, là hành động không khác với phước báo của Như Lai, vì nó xuất phát từ lòng đại bi không mong đáp trả. Đó chính là viên mãn Pháp thí vậy.’

“Sau khi chứng kiến thần lực và nghe giảng Pháp của Duy-Ma-Cật, người hành khát thấp hèn nhất trong thành cũng đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng. Cho nên, con không đủ năng lực đến thăm Duy-Ma-Cật để vấn an sức khỏe ông.”

Các Bồ tát, từng mỗi vị, trình bày những lần gặp Duy-Ma-Cật như vậy, đều nói không có khả năng đi thăm bệnh ông.

--- o0o ---

CHƯƠNG V: VĂN-THÙ-SU-LỢI THĂM BỆNH²⁸¹

Lúc ấy, Phật nói với Văn-thù-sư-lợi²⁸²:

“Ông hãy đi thăm bệnh Duy-Ma-Cật.”

Văn-thù đáp:

“Bạch Thế Tôn, với bậc Thượng nhân ấy, không dễ đối đáp. Vì ông đã thâm nhập thật tướng, thuyết giảng tài tình các yếu nghĩa của Phật Pháp. Tài biện thuyết của ông thông suốt, trí tuệ của ông vô ngại. Ông biết rõ Bồ tát đạo vì đã bước vào kho tàng huyền nhiệm của chư Phật. Ông đã hàng phục mọi tà ma; du hý thần thông,²⁸³ trí tuệ và phương tiện đều sở đắc vẹn toàn.²⁸⁴ Tuy vậy con sẽ vâng Thánh chỉ đến thăm bệnh ông.”

Bấy giờ, trong chúng, các vị Bồ tát, đại đệ tử của Phật; Đệ Thích, Phạm Thiên, cùng bốn vị Thiên vương, thấy đều tự nghĩ: “Nay hai vị Đại sỹ Văn-thù và Duy-Ma-Cật gặp nhau, ắt sẽ nói Pháp vi diệu.” Cho nên tám ngàn Bồ tát, năm trăm Thanh-văn và hàng trăm ngàn thiên vương đều muốn đi theo Văn-thù-sư-lợi.

Vậy là Văn-thù-sư-lợi được chư Bồ tát, đệ tử Phật, hàng trăm nghìn trời và người đều muốn đi theo. Rồi thì, Văn-thù-sư-lợi cùng với đoàn tùy tùng cung kính vây quanh gồm các Bồ-tát, chúng Đại Đệ tử, và các trời, người, cùng vào thành lớn Tỳ-da-li.

Lúc bấy giờ, Trưởng giả Duy-Ma-Cật tâm niệm: “Văn-thù-sư-lợi và đoàn tùy tùng đang đến.” Ông bèn dùng thần lực khiến cho nội thất trống rỗng. Tất cả đồ đạc cho đến gia nhân đều mất hết. Chỉ đặt mỗi cái giường bệnh để nằm mà thôi.

Văn-thù-sư-lợi đi vào nhà, thấy căn nhà trống không, không có gì cả, chỉ một mình Duy-Ma-Cật nằm trên giường bệnh.

Duy-Ma-Cật nói:

“Xin chào ngài Văn-thù-sư-lợi. Ngài bằng tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy²⁸⁵.”

Văn-thù-sư-lợi đáp:

“Thật như vậy, Cư sĩ, nếu đã đến thì không còn đến nữa. Nếu đã đi thì không còn đi nữa.²⁸⁶ Vì sao? Đến, không từ đâu đến. Đi, không đi đến đâu.²⁸⁷ Cái đã có thể bị thấy thì không còn bị thấy nữa. Nhưng hãy gác việc này qua một bên. Cư sĩ, bệnh của ông, có kham nổi không? Việc điều trị thế nào, có thuyên giảm chứ không tăng phải không? Thế Tôn ân cần gởi lời hỏi thăm vô lượng.²⁸⁸ Cư sĩ, vì sao ông mắc bệnh? đã lâu chưa? chừng nào sẽ hết?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Si và hữu ái là nguồn gốc của bệnh tôi.²⁸⁹ Vì hết thấy chúng sinh bệnh mà tôi bệnh. Bao giờ hết thấy chúng sinh đạt đến chỗ không bệnh, bệnh tôi sẽ hết. Vì sao? Bồ tát, vì chúng sinh mà đi vào sinh tử. Có sinh tử thì có bệnh. Nếu hết thấy chúng sinh được thoát ly bệnh khổ thì Bồ tát không còn bệnh. Ví như, vị trưởng giả chỉ có đứa con một; khi người con ấy bị bệnh, cha mẹ nó cũng bị bệnh. Nếu nó bình phục, cha mẹ nó khỏe. Cũng vậy, Bồ tát yêu thương chúng sinh như cha mẹ yêu con, nên chúng còn bệnh thì Bồ tát còn bệnh; khi chúng hết bệnh, Bồ tát khỏe! Câu hỏi tiếp theo là, bệnh của Bồ tát từ đâu phát sinh? Bệnh của Bồ tát xuất phát từ tâm đại bi.”

Văn-thù-sư-lợi hỏi: “Sao thất này trống không và chẳng có người hầu?”²⁹⁰

Duy-Ma-Cật đáp: “Quốc độ của chư Phật nào mà chẳng trống không.”

Lại hỏi: “Quốc độ của chư Phật do cái gì mà không ?”²⁹¹

Lại đáp: “Vì không nên không.”²⁹²

Lại hỏi: “Đã Không, cần gì Không nữa?”²⁹³

Lại đáp: “Vì vô phân biệt Không, cho nên Không.”²⁹⁴

Lại hỏi: “Không,²⁹⁵ có thể phân biệt ư ?”

Lại đáp: “Mọi phân biệt cũng không.”

Lại hỏi: “Phải tìm Không ở đâu?”

Lại đáp: “Phải tìm trong sáu mươi hai kiến chấp.”²⁹⁶

Lại hỏi: “Sáu mươi hai kiến chấp phải tìm ở đâu?”

Lại đáp: “Nên tìm trong giải thoát của chư Phật.”

Lại hỏi: “Tìm sự giải thoát của chư Phật ở đâu?”

Lại đáp: “Nên tìm trong tâm hành của hết thầy chúng sinh.”

Và ông tiếp: “Ngài có hỏi sao tôi chẳng có gia nhân. Vâng, thì bọn Ma và các Ngoại đạo là gia nhân của tôi. Vì sao? Vì bọn Ma ưa sinh tử mà Bồ tát chẳng xả bỏ sinh tử. Ngoại đạo ham kiến chấp mà Bồ tát bất động²⁹⁷ trong mọi kiến chấp.”

Lại hỏi: “Bệnh của cư sĩ thuộc tướng gì?”

Lại đáp: “Bệnh tôi vô hình, không thể thấy.”²⁹⁸

Lại hỏi: “Bệnh này hiệp với thân hay hiệp với tâm?”²⁹⁹

Lại đáp: “Nó không phải thân hiệp vì nằm ngoài thân. Cũng không phải tâm hiệp vì tâm vốn như huyễn.”³⁰⁰“

Lại hỏi: “Trong bốn đại³⁰¹, đất, nước, lửa, gió, bệnh thuộc đại nào ?”

Lại đáp: “Bệnh ấy không phải địa đại cũng không lìa địa đại. Thủy, hỏa, phong đại cũng vậy. Nhưng bệnh của chúng sinh phát sinh từ bốn đại. Vì chúng sinh ấy có bệnh, nên tôi bệnh.”

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi hỏi Duy-Ma-Cật³⁰²: “Bồ tát nên vấn an một Bồ tát đang thọ bệnh như thế nào?”

Duy-Ma-Cật nói: “Nói về sự vô thường của thân mà chớ nói ghê tởm và từ bỏ thân. Nên nói về thân khổ đau mà không nói Niết-bàn an lạc. Nói về vô ngã của thân mà vẫn nói về sự giảng dạy và hướng dẫn chúng sinh³⁰³. Nói về thân không tịch mà không nói rốt ráo tịch diệt. Nói về sám hối tội lỗi trong quá khứ nhưng không nói nhập vào quá khứ.³⁰⁴ Vì đã bệnh nên thương cảm người đang mắc bệnh kia. Biết rằng mình đã chịu đau khổ từ vô lượng quá khứ; mà làm lợi

ích cho hết thảy chúng sinh. Nên nghĩ nhờ phước mà mình đã tu mà suy niệm về mạng thanh tịnh.³⁰⁵ Chớ sinh buồn phiền bức rức, mà hãy thường xuyên phát khởi tinh tấn. Nên hành động như bậc y vương để cứu chữa bệnh người. Bồ tát nên an ủi một Bồ tát đang bệnh như vậy để khiến cho hoan hỷ.”

Văn-thù-sư-lợi hỏi: “Làm sao Bồ tát đang bệnh chế ngự được tâm mình?”

Duy-Ma-Cật đáp: “Bồ tát đang bệnh nên nghĩ rằng: bệnh này đến từ những phiền não và vọng tưởng điên đảo của nhiều đời trước.³⁰⁶ Không có pháp nào là thật, vậy thì ai đang thọ bệnh? Tại sao vậy? Do bốn đại hoà hợp mà giả danh là thân. Bốn đại vô chủ, thân cũng vô ngã. Và chẳng, bệnh khởi đều do bám chấp tự ngã.³⁰⁷ Vì vậy không nên bám chấp tự ngã này.³⁰⁸

“Khi đã tỏ tường nguồn căn của bệnh, Bồ tát liền loại trừ tướng về ngã và tướng về chúng sinh, và tướng;³⁰⁹ về pháp sẽ hiện khởi.³¹⁰ Bồ tát nên nghĩ như vậy: <Thân được hợp thành do bởi nhiều pháp. Khởi, chỉ là sự sinh khởi của pháp. Diệt, chỉ là sự huỷ diệt của pháp.> Và lại, các pháp này không nhận biết lẫn nhau. Khi sinh khởi, nó không nói, <Ta khởi.> Khi diệt, nó không nói, <Ta diệt.> Để diệt trừ tướng về pháp này, Bồ tát đang bệnh nên nghĩ: <Tướng về pháp này cũng là một thứ đảo điên. Cái gì điên đảo, cái đó là đại hoạn. Ta phải rời xa nó.>³¹¹ Thế nào là rời xa? Rời xa ngã và ngã sở. Rời xa ngã và ngã sở nghĩa là sao? Rời xa pháp hai.³¹² Pháp hai nghĩa là sao? Là không nghĩ đến pháp trong thân lẫn pháp ngoài thân,³¹³ mà hành nơi bình đẳng.³¹⁴ Bình đẳng là gì? Đồng đẳng ngã, đồng đẳng Niết-bàn.³¹⁵ Tại sao như vậy? Vì ngã và niết-bàn đều không. Tại sao cả hai đều không? Vì chỉ là danh tự, cho nên là không. Hai pháp này như vậy không có quyết định tính.³¹⁶

“Đạt được tính bình đẳng này rồi thì không còn bệnh nào khác ngoại trừ còn có cái bệnh của không. Cái bệnh của không cũng là không.

“Bồ tát đang bệnh ấy tiếp thọ các cảm thọ³¹⁷ bằng vô sở thọ. Tuy chưa thành tựu Phật pháp, nhưng vẫn có thể chứng nghiệm mà không cần diệt tận thọ.

“Biết thân là đối tượng của khổ đau, ông nên nghĩ đến chúng sinh ở những cõi thấp kém hơn mà khởi lòng đại bi, rằng <Ta đã được điều trị.³¹⁸ Ta cũng sẽ điều trị hết thảy chúng sinh. Chỉ trừ bệnh chứ không trừ pháp.³¹⁹ Chỉ dẫn chúng cắt đứt gốc rễ bệnh. Gốc rễ của bệnh là gì? Đó là có vin nít.³²⁰ Từ chỗ có vin nít mà phát sinh gốc rễ của bệnh. Vin nít vào cái gì? Đó là ba cõi. Thế nào là cắt đứt³²¹ sự vin nít? Bằng vô sở đắc. Nếu là vô sở đắc, thì không có sự vin nít. Cái gì là vô sở đắc? Là rời xa hai kiến. Hai kiến là gì? Nội kiến, và ngoại kiến. Đó là vô sở đắc.³²²

“Văn-thù-sur-lợi, đó là cách Bồ tát đang bịnh chế ngự tâm mình. Vì để cắt đứt cái khổ già, bịnh, chết, là bờ-đề của Bồ tát. Không làm được điều này thì sự tu trì của ông không có sự sắc bén của tuệ.³²³ Cũng như, thắng kẻ địch mới gọi là dũng; cũng vậy, dứt trừ cùng lúc già, bịnh, chết, ấy mới là Bồ tát.

“Bồ tát đang bịnh lại nên suy ngẫm: <Bịnh ta không thực cũng không tự hữu. Bịnh của hết thầy chúng sinh cũng không thực và không tự hữu.> Nhưng khi quán như vậy, đối với các chúng sinh mà khởi đại bi từ ái kiến,³²⁴ thì nên xả ly ngay. Vì sao vậy? Vì Bồ tát đoạn trừ khách trần phiền não³²⁵ mà khởi đại bi. Bi do ái kiến tức là có tâm mệt mỏi nhằm chán sinh tử. Xả ly được điều đó mới không có sự mệt mỏi chán chường, để dù tái sinh ở đâu cũng không còn bị ái kiến che lấp. Tái sinh ở đâu, đều không bị trói buộc để có thể giảng Pháp và cởi trói cho hết thầy chúng sinh. Như đức Phật đã nói: <Không thể có việc tự mình bị trói mà có thể cởi trói cho người. Chỉ khi tự mình không bị trói, khi ấy mới có thể cởi trói cho người.>

“Cho nên, Bồ tát chớ tự trói buộc mình. Thế nào là trói buộc? Thế nào là cởi mở? Tham đắm vị ngọt của thiền là trói buộc của Bồ tát. Bằng phương tiện mà tái sinh,³²⁶ đó là Bồ tát cởi trói. Lại nữa, không có phương tiện huệ³²⁷ là trói buộc; có phương tiện huệ là cởi trói. Không có huệ phương tiện³²⁸ là trói buộc; có huệ phương tiện là cởi trói.

“Không có phương tiện huệ³²⁹ là trói buộc, nghĩa là thế nào? Đó là với tâm ái kiến mà Bồ tát trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh; tự điều phục mình trong pháp không, vô tướng và vô tác.³³⁰ Như vậy gọi không có phương tiện huệ là trói buộc.

“Có phương tiện huệ là cởi trói, là nghĩa thế nào? Đó là không đem tâm ái kiến mà trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh; tự điều phục mình trong pháp không, vô tướng và vô tác mà không mệt mỏi chán chường. Đó gọi là có phương tiện huệ là cởi trói.

“Không có tuệ phương tiện là trói buộc, là nghĩa thế nào? Bồ tát trụ tham dục, sân nhuế, tà kiến, các thứ phiền não, mà vun trồng gốc rễ các công đức. Đó gọi là không có tuệ phương tiện là trói buộc.

“Có tuệ phương tiện là cởi trói, là nghĩa thế nào? Bồ tát đã xa lìa tham dục, sân nhuế, tà kiến, các thứ phiền não, mà vun trồng gốc rễ các công đức, rồi hồi hướng đến a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề. Đó gọi là có tuệ phương tiện là cởi trói.

“Văn-thù-sur-lợi, Bồ tát bệnh nên quán các pháp như vậy. Rồi lại quán thêm nữa. Quán thân này³³¹ vô thường, khổ, không, phi ngã; đó gọi là tuệ. Mà

dù thân đang bệnh ông vẫn ở lại cõi sinh tử vì lợi ích của chúng sinh, không thấy mệt mỏi; đó gọi là phương tiện.

“Rồi lại quán thân. Thân không lìa bệnh, bệnh không lìa thân. Ấy là bệnh, ấy cũng là thân; không phải mới, không phải cũ. Đó gọi là tuệ.³³² Giả sử thân mang bệnh, mà không cần dứt trừ nó vĩnh viễn. Đó gọi là phương tiện.

“Văn-thù-sur-lợi, Bồ tát bệnh nên chế ngự tâm mình như vậy. Không trụ trong đó; cũng không trụ nơi tâm không được chế ngự. Vì sao vậy? Vì trụ ở tâm không được chế ngự, là pháp của người ngu. Nếu trụ nơi tâm đã được chế ngự, đó là pháp của Thanh văn. Vì vậy Bồ tát chẳng trụ ở tâm được chế ngự hay không được chế ngự. Xa lìa cả hai; đó là hành của Bồ tát. Khi ở sinh tử vẫn không hành ô uế,³³³ trụ nơi Niết-bàn mà không vĩnh viễn diệt độ; đó là hành của Bồ tát. Không theo hạnh phàm phu cũng không phải hạnh Hiền Thánh; đó là hành của Bồ tát. Hạnh không nhớ cũng không tịnh; đó là hành của Bồ tát. Dù siêu quá hành của Ma, vẫn thị hiện để khuát phục bày Ma;³³⁴ đó là hành của Bồ tát. Cầu nhất thiết trí³³⁵ nhưng không cầu phi thời;³³⁶ đó là hành của Bồ tát.³³⁷ Tuy quán các pháp bất sanh, vẫn không vào chánh vị;³³⁸ đó là Bồ tát hạnh. Dù quán mười hai duyên khởi, vẫn hội nhập mọi tà kiến;³³⁹ đó là hành của Bồ tát. Dù che chở hết thấy chúng sinh, vẫn không hệ lụy bởi ái; đó là hành của Bồ tát. Tuy vui với sự viễn ly,³⁴⁰ mà không y tựa vào sự diệt tận của thân và tâm; đó là hành của Bồ tát. Dù đi qua ba cõi vẫn không hư hoại pháp tánh;³⁴¹ đó là hành của Bồ tát. Dù hành nơi Không, vẫn gieo trồng mọi công đức; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành vô tướng vẫn cứu độ chúng sinh; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành vô tác vẫn thị hiện thọ thân;³⁴² đó là hành của Bồ tát. Tuy hành vô khởi³⁴³ vẫn khởi làm các hạnh thiện; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành trì sáu hạnh Ba-la-mật vẫn biến tri tâm và tâm sở pháp của chúng sinh;³⁴⁴ đó là hành của Bồ tát. Tuy hành sáu thần thông mà không đoạn tận các lậu; đó là Bồ tát hạnh. Dù hành bốn vô lượng tâm, vẫn không tham đắm cầu tái sinh cung trời Phạm Thiên;³⁴⁵ đó là hành của Bồ tát. Dù hành trì thiên định, giải thoát và tam muội, mà không tùy thiên mà tái sinh;³⁴⁶ đó là hành của Bồ tát. Dù hành trì bốn niệm xứ, mà không hoàn toàn rớt ráo xa lìa thân, thọ, tâm, pháp; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành trì bốn chánh cần mà không xả thân tâm tinh tấn;³⁴⁷ đó là hành của Bồ tát. Tuy hành trì bốn như ý túc, mà đạt tự tại thần thông; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành năm căn mà phân biệt căn tánh nhạy bén hay trì độn của hết thấy chúng sinh; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành năm lực vẫn phân đầu thành tựu mười lực, vô úy của Phật; đó là hành của Bồ tát. Tuy hành bảy giác phần mà phân biệt trí tuệ của Phật;³⁴⁸ đó là hành của Bồ tát. Dù hành tám chánh đạo vẫn thích đi trên Phật đạo vô biên; đó là Bồ tát hạnh. Dù hành pháp trợ đạo Chỉ và Quán mà rớt ráo không rơi vào tịch diệt; đó là hành của Bồ tát. Dù hành các pháp bất sinh bất diệt vẫn trang điểm tự thân bằng các tướng hảo; đó là hành của Bồ tát. Dù thị hiện oai nghi của Thanh-văn hay Phật Duyên-giác vẫn không xả pháp của Phật;³⁴⁹ đó là Bồ tát hạnh. Tuy tùy theo tướng tịnh rớt ráo của hết thấy pháp mà

vẫn tùy chỗ thích hợp thị hiện tự thân; đó là hành của Bồ tát. Dù nhìn thấu hết thấy cõi Phật luôn tĩnh lặng như hư không,³⁵⁰ vẫn làm hiển hiện các loại cõi Phật thanh tịnh; đó là hành của Bồ tát. Dù đã đạt quả vị Phật, có thể chuyển Pháp luân, và vào Niết-bàn, vẫn không từ bỏ Bồ tát đạo; đó là hành của Bồ tát.”

Duy-Ma-Cật giảng xong pháp này,³⁵¹ hết thấy tám ngàn chư thiên đi theo Văn-thù-sư-lợi đều phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác .

--- o0o ---

CHƯƠNG VI: BÁT TƯ NGHỊ³⁵²

Bấy giờ, khi Xá-lợi-phất thấy trong thất này không có giường ghé gì, bèn nghĩ: “Các Bồ tát và đại đệ tử sẽ ngồi ở đâu?” Trưởng giả Duy-Ma-Cật biết được ý nghĩ ấy, bèn hỏi Xá-lợi-phất:

“Thưa ngài, nhân giả đến đây vì pháp, hay vì đi tìm giường ghé?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tôi đến đây vì Pháp, chẳng vì giường ghé.”

Duy-Ma-Cật nói:

“Thưa ngài Xá-lợi-phất, người cầu Pháp ngay đến thân mạng còn không tham tiếc, huống hồ giường ghé. Vì rằng, cầu Pháp không phải là tìm cầu những gì là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không phải là tìm cầu những gì là giới,³⁵³ xứ;³⁵⁴ không phải là tìm cầu những gì thuộc Dục, Sắc, Vô sắc.³⁵⁵

“Thưa Xá-lợi-phất, người cầu Pháp không bám chấp Phật mà cầu, không bám chấp Pháp mà cầu, không bám chấp Tăng mà cầu.³⁵⁶ Người cầu Pháp không phải để thấy khổ mà cầu, không đoạn trừ tập mà cầu, không chứng diệt mà cầu, không tu đạo mà cầu.³⁵⁷ Vì sao vậy? Vì Pháp không có hý luận.³⁵⁸ Vì nếu nói: “Tôi thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo,” thì chỉ là hý luận, không phải tâm cầu Pháp.

“Thưa Xá-lợi-phất, Pháp được gọi là tịch diệt.³⁵⁹ Nếu hành nơi sinh diệt, đó là đi tìm cầu sự sinh diệt chứ không phải tìm cầu Pháp. Pháp được gọi là vô nhiễm.³⁶⁰ Nếu tham nhiễm pháp, cho đến tham nhiễm Niết bàn, đó là nhiễm trước³⁶¹ chứ không phải tìm Pháp. Pháp không hành xứ.³⁶² Nếu hành nơi pháp, đó là hành xứ chứ không phải là sự cầu Pháp.³⁶³ Pháp không thủ xả.³⁶⁴ Nếu có thủ xả nơi pháp, đó là thủ xả chứ chẳng phải tìm Pháp. Pháp không xứ sở.³⁶⁵ Nếu dính mắc xứ sở,³⁶⁶ đó là sự dính mắc xứ sở chứ không phải tìm Pháp. Pháp được gọi là vô tướng. Nếu tùy theo tướng mà nhận thức,³⁶⁷ đó là đi tìm cầu

tướng chớ chẳng phải tìm cầu Pháp. Pháp không thể trụ.³⁶⁸ Nếu trụ nơi pháp, đó là cầu trụ pháp chớ chẳng phải cầu pháp.³⁶⁹ Pháp không thể được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận biết.³⁷⁰ Nếu hành nơi sự thấy, nghe, cảm, biết; đó chỉ là thấy, nghe, cảm, biết chứ chẳng phải tìm cầu pháp. Pháp là vô vi.³⁷¹ Nếu hành nơi hữu vi, đó là cầu hữu vi chớ chẳng phải cầu pháp.

“Cho nên, thưa ngài Xá-lợi-phất, cầu pháp là không cầu tìm bất cứ gì.”³⁷²

Khi nói xong lời này này, năm trăm chư thiên được sự thanh tịnh của con mắt pháp ở trong các pháp.³⁷³

Rồi trưởng giả Duy-Ma-Cật lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

““Nhân giả đã chu du qua vô lượng a-tăng-kỳ quốc độ; ở cõi Phật nào có tòa sư tử được thành tựu với công đức vi diệu tối thượng tuyệt đẹp ?”

Văn-thù-sư-lợi đáp:

“Cư sĩ, ở phương đông có cõi Phật cách đây vô lượng nghìn vạn ức a-tăng-kỳ³⁷⁴ thế giới bằng số cát của ba mươi sáu sông Hằng. Đó là cõi Tu-di-tướng.³⁷⁵ Có Phật Tu-di Đấng Vương³⁷⁶ hiện ở đó. Đức Phật ấy có cao 84.000 do-tuần³⁷⁷ và bảo tòa sư tử của ngài cũng cao 84.000 do-tuần, được trang sức bậc nhất.”

Lúc ấy, trưởng giả Duy-Ma-Cật hiển hiện năng lực thần thông,³⁷⁸ tức thì đức Phật kia khiến 32.000³⁷⁹ tòa sư tử cao lớn, oai nghiêm, đến thẳng vào thất của Duy-Ma-Cật. Chư Bồ tát, đại đệ tử Phật, các Phạm Thiên và bốn vị Thiên vương đều điều chưa từng trông thấy. Thất ấy trở nên rộng rãi, chứa hết 32.000 bảo tòa, không khuất lấp cái nào và cũng không làm chật hẹp thêm thành Tỳ-da-li, cõi Diêm-phù-đề và bốn thiên hạ.

Đoạn Duy-Ma-Cật nói với Văn-thù-sư-lợi:

“Xin mời chư vị ngồi vào tòa sư tử. Hãy cùng ngồi với các Bồ tát Thượng nhân. Các vị hãy tự lập thân mình tương xứng với tâm vóc của tòa.”

Các vị Bồ tát đã đắc thần thông lực liền tự biến hình cao lớn 4 vạn 2 nghìn³⁸⁰ do-tuần để ngồi vào tòa sư tử. Nhưng các Bồ tát sơ tâm³⁸¹ và chúng Đại đệ tử³⁸² không thể leo lên những bảo tòa cao lớn như vậy được.

Duy-Ma-Cật mới nói với Xá-lợi-phất:

“Mời tôn giả ngồi lên tòa sư tử.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Cư sĩ, tòa này cao rộng thênh thang, tôi không thể lên được.”

Duy-Ma-Cật bảo:

“Thưa ngài Xá-lợi-phất, hãy đánh lễ đức Như Lai Tu-di Đăng Vương thì sẽ ngồi lên được.”

Lúc ấy hết thầy chư Bồ tát sơ tâm và Đại đệ tử đều cung kính đánh lễ đức Như Lai Tu-di Đăng Vương và ngồi lên được các tòa sư tử.

Xá-lợi-phất nói với Duy-Ma-Cật:

“Cư sĩ, thật là chưa từng có. Căn phòng nhỏ như vậy có thể chứa đủ các tòa cao rộng như vậy mà không che lấp thứ gì ở thành Tỳ-da-li, cũng không cản ngại bất cứ gì ở các thành phố, làng mạc của cõi Diêm-phù-đề và bốn thiên hạ cũng như các cung điện trời, rồng, quý thần.”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Vâng, thưa ngài Xá-lợi-phất, chư Phật và Bồ tát có môn giải thoát được gọi là bất khả tư nghị. Bồ tát trụ nơi giải thoát này có thể đặt ngọn Tu-di hùng vĩ trong một hạt cải mà không hề thay đổi kích thước của hạt cải. Tướng trạng nguyên thủy của núi chúa Tu-di³⁸³ vẫn như cũ. Bốn vị Thiên vương cùng với chư thiên Đạo-lị³⁸⁴ cũng không biết mình đã được đặt trong một hạt cải. Chỉ những ai cần được độ mới thấy Tu-di lọt vào trong hạt cải.³⁸⁵ Đó là pháp môn giải thoát bất khả tư nghị.³⁸⁶

“Lại nữa, đem nước trong bốn đại dương đặt vào một lỗ chân lông mà chẳng khuấy động các loài tôm, cua, rùa, cá, các loại thủy tộc, mà bốn đại dương cũng y nguyên trạng khiến các rồng, quý thần, A-tu-la cũng chẳng biết mình đã được dời chỗ đem đặt vào một lỗ chân lông.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ tát trụ giải thoát bất khả tư nghị có thể đặt trong lòng bàn tay phải cả ba nghìn đại thiên thế giới, như người thợ gốm cầm cái bàn xoay,³⁸⁷ và ném nó vượt qua Hằng hà sa số thế giới mà chúng sinh trong đó không hay không biết mình đang đi đâu; rồi thu về đặt lại chỗ cũ mà không khiến cho bất cứ ai có cảm tưởng đi và về.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, hoặc có chúng sinh chỉ có thể độ được nếu vui sướng với sự tồn tại lâu dài trong thế gian này, Bồ tát này có thể dùng thần lực của ngài kéo dài bảy ngày thành một kiếp khiến cho họ thấy là một kiếp. Hoặc có chúng không thích ở lâu trong thế gian này để được độ, Bồ tát có thể rút ngắn một kiếp thành bảy ngày khiến cho chúng sinh ấy thấy chỉ là bảy ngày.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghị có thể thâm tóm tất cả mọi sự nghiệp trang nghiêm trong hết thảy cõi Phật tập hợp về một cõi để mọi chúng sinh có thể nhìn thấy.

“Lại nữa, ngài có thể đặt hết thảy chúng sinh từ mọi cõi Phật trong lòng tay phải, rồi bay lượn³⁸⁸ khắp mười phương cho mọi nơi đều được thấy mà không hề xao động bản xứ.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ tát này có thể chỉ trong một lỗ chân lông cho thấy hết thảy phẩm vật của chúng sinh trong mười phương quốc độ cúng dường chư Phật .

“Lại nữa, ngài có thể chỉ trong một lỗ chân lông cho thấy tất cả mặt trời, mặt trăng, tinh tú của hết thảy thế giới khắp mười phương.

“Lại nữa, ngài có thể hít một hơi hết thảy gió³⁸⁹ của mười phương quốc độ mà không suy suyển thân mình cũng chẳng rung gãy một cành cây.

“Lại nữa, khi mười phương thiên hạ kiếp tận³⁹⁰ do lửa thiêu đốt, Bồ tát này có thể hít hết lửa vào bụng mình mà không bị tổn hại và lửa vẫn cháy.

“Lại nữa, Bồ tát này có thể lấy một cõi Phật từ phương dưới cách xa ngài Hằng hà sa số thế giới rồi ném nó lên cao ở phương trên cách xa ngài Hằng hà sa số thế giới nữa, dễ dàng như người ta dùng đầu mũi kim nâng một chiếc lá táo mà không làm cho lá táo hư hại.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, Bồ tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghị có thể dùng thần lực hiện thân là Phật, Bích-chi-Phật, Thanh-văn, Đế Thích, Phạm Thiên, hay Thế chủ, hoặc hiện thân Chuyển luân Thánh vương.³⁹¹

“Lại nữa, Ngài cũng có thể khiến mọi âm thanh trong mười phương quốc độ, âm cao, trung, thấp, đều biến thành tiếng Phật giảng pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, và đủ các pháp khác nhau được thuyết bởi chư Phật khắp mười phương; tất cả đều được nghe cùng khắp trong đó.

“Thưa ngài Xá-lợi-phất, tôi chỉ mới nói vài năng lực của giải thoát bất khả tư nghị. Nếu kể cho đủ thì trong một kiếp cũng chưa nói hết.”

Lúc bấy giờ, Đại Ca-diếp nghe pháp môn Giải thoát bất khả tư nghị này liền tán thán là chưa từng có, rồi nói với Xá-lợi-phất:

“Giống như có người trình bày các thứ sắc tượng trước mặt người mù, nhưng người mù không thể thấy. Hết thảy Thanh-văn không thể hiểu dù được nghe pháp môn Giải thoát bất khả tư nghị này. Những người có trí nghe pháp

này ai mà không phát tâm cầu giác ngộ tối thượng? Chúng ta vì sao để cho vĩnh viễn đoạn tuyệt gốc rễ mà so với pháp Đại thừa này thì như hạt giống đã mọc. Hết thầy Thanh-văn khi nghe pháp môn Giải thoát bất khả tư nghị này phải khóc than, âm thanh chấn động cả ba nghìn đại thiên thế giới. Hết thầy Bồ tát thì nên hết sức hân hoan, đội lên đầu mà thọ nhận pháp này.³⁹² Bồ tát nào tin hiểu trì pháp môn Giải thoát bất khả tư nghị này, hết thầy bọn Ma³⁹³ không thể làm gì được.”

Khi Đại Ca-diếp nói điều này, 32.000 chư thiên phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ Duy-Ma-Cật nói với Đại Ca-diếp:

“Thưa Nhân giả, những ai hiện thân là Ma vương trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương, phần lớn đều là Bồ tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghị. Bằng phương tiện lực để nhằm hóa độ chúng sinh nên hiện thân như vậy .

“Lại nữa, Đại Ca-diếp, vô lượng Bồ tát khắp mười phương có khi có người đến xin cho tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt, da, xương, chòm xóm, thành ấp, nàng hầu hay vợ con, nô tỳ, voi, ngựa, xe cộ, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, hổ phách, chân châu, vỏ sò, quần áo, đồ ăn thức uống; những người đến xin như vậy phần lớn đều là Bồ tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghị; dùng phương tiện lực để thử, khiến cho chí nguyện được kiên cố. Vì Bồ tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghị có đại uy lực để thúc ép Bồ tát và cho chúng sinh thấy những việc khó làm như vậy.³⁹⁴ Phàm căn trí thấp kém không có uy lực đó để thúc ép Bồ tát làm như vậy.³⁹⁵ Cũng như³⁹⁶ cái đập³⁹⁷ của voi chúa không phải là điều mà con lừa có thể kham.³⁹⁸ Đó chính là cánh cửa dẫn vào phương tiện của trí tuệ của Bồ tát đã trụ giải thoát bất khả tư nghị.”³⁹⁹

--- o0o ---

CHƯƠNG VII: QUÁN CHÚNG SINH⁴⁰⁰

Văn-thù hỏi Duy-Ma-Cật:

“Bồ tát nên quán sát chúng sinh như thế nào?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Như nhà ảo thuật quán sát ảo vật mình tạo ra; Bồ tát nên quán sát chúng sinh cũng như vậy. Cũng như bậc trí giả nhìn trăng nơi đáy nước; nhìn bóng mình trong gương; nhìn ánh lửa khi nhiệt bốc;⁴⁰¹ như tiếng vọng của lời gọi; như mây nổi trong bầu trời;⁴⁰² như đám bọt nước;⁴⁰³ như bong bóng trên mặt nước;⁴⁰⁴ như lõi chuối rỗng; như ánh chớp lóe kéo dài;⁴⁰⁵ như đại thứ năm;⁴⁰⁶

như uẩn thứ sáu;⁴⁰⁷ như tình thứ bảy⁴⁰⁸ như nhập thứ mười ba;⁴⁰⁹ như giới thứ mười chín;⁴¹⁰ Bồ tát nên quán sát chúng sinh cũng như vậy. Cũng như sắc trong vô sắc giới; như mầm của hạt giống hư;⁴¹¹ như thân kiến⁴¹² của Tu-đà-hoàn;⁴¹³ như sự nhập thai của A-na-hàm;⁴¹⁴ như ba độc của La hán; như tham, sân, phá giới của Bồ tát đã chẳng đắc pháp nhãn;⁴¹⁵ như tập khí phiền não nơi Phật;⁴¹⁶ như sắc được thấy bởi người mù; như hơi thở ra vào của vị đang nhập diệt tận định;⁴¹⁷ như dấu chân chim trong hư không;⁴¹⁸ như đứa con của người đàn bà vô sinh;⁴¹⁹ như phiền não của người được biến hoá;⁴²⁰ như những điều thấy trong chiêm bao khi đã thức; như sự thọ thân của vị đã diệt độ;⁴²¹ như ngọn lửa không khói;⁴²² Bồ tát nên quán sát chúng sinh cũng như vậy.”

Văn-thù-sư-lobh hỏi:

“Bồ tát quán như thế thì làm sao thực hành lòng từ?”⁴²³

Duy-Ma-Cật đáp:

“Bồ tát sau khi quán như vậy, lại suy nghĩ, <Ta sẽ thuyết pháp như vậy cho chúng sinh.> Đó chính là lòng từ chân chánh. Ngài nên tu hành từ tịch diệt,⁴²⁴ vì không có gì sanh;⁴²⁵ hành từ không nóng bức,⁴²⁶ vì không có phiền não; hành từ bình đẳng,⁴²⁷ vì bình đẳng với ba thời; hành từ vô tranh,⁴²⁸ vì không có gì khởi;⁴²⁹ hành từ bất nhị, vì trong ngoài không kết hợp; hành từ bất hoại, vì rốt ráo diệt tận;⁴³⁰ hành từ kiên cố, vì tâm không huỷ;⁴³¹ hành từ thanh tịnh, vì các pháp tánh tịnh;⁴³² hành từ vô biên,⁴³³ vì như hư không; hành từ của A-la-hán, vì diệt giặc kết sử;⁴³⁴ hành từ của Bồ tát,⁴³⁵ vì an ổn chúng sinh;⁴³⁶ hành từ Như Lai, vì được như tướng;⁴³⁷ hành từ của Phật, vì thức tỉnh chúng sinh;⁴³⁸ hành từ tự nhiên, vì không do nhân mà được;⁴³⁹ hành từ bò-đề, vì một vị bình đẳng; hành từ không thể sánh, vì đã đoạn trừ các ái;⁴⁴⁰ hành từ của đại bi, vì hướng dẫn bởi Đại thừa;⁴⁴¹ hành từ không mệt mỏi vì quán không, vô ngã;⁴⁴² hành từ của pháp thí không còn nuôi tiếc;⁴⁴³ hành từ của trì giới, vì chuyển hóa người phạm giới; hành từ⁴⁴⁴ nhẫn nhục, vì hộ vệ mình lẫn người; hành từ của tinh tấn, vì gánh vác chúng sinh; hành từ của thiền định, vì không cảm thọ vị ngọt;⁴⁴⁵ hành từ của trí tuệ, vì mọi sự đều đúng thời;⁴⁴⁶ hành từ của phương tiện, vì thị hiện tất cả;⁴⁴⁷ hành từ không ấn dấu, vì trực tâm thanh tịnh; hành từ của thâm tâm, vì không tạp hành;⁴⁴⁸ hành từ không dối trá⁴⁴⁹ nên chẳng còn việc hư giả; hành từ an lạc, vì khiến cho đạt được an lạc của Phật.⁴⁵⁰

“Đó là những hạnh từ của Bồ tát.”

Văn-thù-sư-lobh hỏi:

“Bồ tát hành bi⁴⁵¹ như thế nào?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Tất cả công đức mà Bồ tát làm đều được chia sẻ cho cho hết thảy chúng sinh.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Thế nào là hỷ?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Hoan hỷ không hối tiếc những lợi ích gì.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Thế nào là xả ?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Gia ân⁴⁵² mà mà không mong cầu tri đáp trả.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Sợ sinh tử, Bồ tát nên nương tựa vào đâu?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Bồ tát, trong khi sợ hãi sinh tử, nương tựa vào sức mạnh của công đức Như Lai.”⁴⁵³

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Bồ tát muốn nương nhờ sức mạnh của công đức Như Lai thì cần phải an trụ như thế nào?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Bồ tát muốn nương nhờ sức mạnh của công đức Như Lai thì cần phải an trụ nơi chỗ độ thoát hết thảy chúng sinh.”⁴⁵⁴

Văn-thù-sur-lợi hỏi

“Bồ tát nên tiêu trừ cái gì để độ thoát chúng sinh?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Muốn độ thoát chúng sinh phải tiêu trừ phiền não của họ.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Làm sao để tiêu trừ phiền não?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Nên thực hành chánh niệm.”⁴⁵⁵

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Làm sao để thực hành chánh niệm?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Hãy hành bất sinh và bất diệt.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Pháp gì bất sinh? Pháp gì bất diệt?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Bất thiện thì bất sinh; pháp thiện thì bất diệt.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Đâu là nguồn gốc của thiện và bất thiện?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Thân là nguồn gốc của thiện và bất thiện.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Đâu là nguồn gốc của thân?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Dục tham là gốc.”⁴⁵⁶

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Đâu là nguồn gốc của dục tham?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Hư vọng phân biệt là gốc.”⁴⁵⁷

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Đâu là nguồn gốc của hư vọng phân biệt?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Tưởng đảo điên là gốc.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi:

“Đâu là nguồn gốc của tưởng đảo điên?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Vô-trụ là gốc.”

Văn-thù-sur-lợi hỏi: “Đâu là nguồn gốc của vô-trụ?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Vô-trụ chẳng có gốc. Thừa ngài Văn-thù-sur-lợi, từ gốc vô-trụ này mà các pháp được kiến lập.”⁴⁵⁸

Bấy giờ trong thất của Duy-Ma-Cật có một Thiên nữ⁴⁵⁹ thấy các trời, người đến nghe Pháp,⁴⁶⁰ liền hiện thân xuống rải hoa trời lên các Bồ tát và Đại đệ tử.⁴⁶¹ Hoa rắc trên thân các Bồ tát tức thì rơi xuống đất, nhưng rắc trên thân các Đệ tử thì bám vào. Tất cả các vị Đệ tử dùng thần lực phủi hoa, nhưng hoa không đi.

Thấy vậy, Thiên nữ hỏi Xá-lợi-phất:

“Sao ngài phủi hoa đi?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Hoa này không như pháp, nên phải phủi đi.”

Thiên nữ nói:

“Đừng bảo hoa này không như pháp. Vì sao? Vì chúng không có gì phân biệt,⁴⁶² mà chính ngài đang khởi tâm phân biệt. Nếu người xuất gia trong Phật pháp mà còn có cái phân biệt, cái đó mới là không như pháp. Nếu không khởi phân biệt nữa, đó là như pháp. Nhìn chư Bồ tát xem, hoa không bám được vào

thân vì các ngài đã đoạn trừ hết thảy tướng phân biệt. Cũng như người khi đang run sợ thì bị Ma⁴⁶³ lung lạc. Đệ tử vì sợ sinh tử⁴⁶⁴ nên bị sắc, thanh, hương, vị, xúc lung lạc. Người không còn sợ hãi, thì tất cả năm dục không làm gì được. Vì tập khí của kết sử⁴⁶⁵ vẫn còn nên hoa bám được thân đó thôi. Nếu tập khí của kết sử trừ sạch, hoa không bám được.”

Xá-lợi-phất hỏi:

“Cô ở nhà này bao lâu rồi?”

Thiên nữ đáp:

“Tôi ở đây cũng lâu như sự giải thoát của bậc kỳ niên.”⁴⁶⁶

Xá-lợi-phất hỏi:

“Ở đây lâu chừng ấy sao?”

Thiên nữ hỏi lại:

“Giải thoát của kỳ niên thì lâu bằng chừng nào?”

Xá-lợi-phất lặng im không đáp. Thiên nữ lại hỏi:

“Sao bậc Đại trí kỳ cựu im lặng?”

Xá-lợi-phất nói:

“Sự giải thoát không thể diễn giải bằng lời. Vì vậy, tôi không biết nói gì.”

Thiên nữ nói:

“Ngôn thuyết và văn tự đều là biểu lộ của giải thoát.⁴⁶⁷ Vì sao? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa; văn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Vì vậy, thưa ngài Xá-lợi-phất, không có việc là văn tự mà diễn thuyết giải thoát. Tại sao? Tất cả pháp đều là biểu hiện của giải thoát.”

Xá-lợi-phất hỏi:

“Vậy cô há không muốn nói rằng dâm, nộ, si cũng là giải thoát?”

Thiên nữ đáp:

“Phật vì người tặng thượng mạn⁴⁶⁸ mà nói rằng xa lìa dâm, nộ, si là giải thoát đó thôi. Với người không còn tặng thượng mạn, Phật nói tự tánh dâm, si đồng nhất với giải thoát.”

Xá-lợi-phát ca ngợi:

“Lành thay, lành thay, Thiên nữ! Cô đã sở đắc gì, chứng nghiệm cái gì mà biện tài xuất chúng như vậy?”

Thiên nữ đáp:

“Tôi không sở đắc gì cũng không chứng nghiệm gì mà được biện tài như vậy. Vì sao? Nếu có sở đắc, sở chứng, thì đối với Phật pháp⁴⁶⁹ đó là tặng thượng mạn.”

Xá-lợi-phát hỏi:

“Trong ba thừa, cô chí hướng thừa nào?”

Thiên nữ đáp:

“Khi cần giảng pháp Thanh-văn để chuyển hóa chúng sinh, tôi là Thanh-văn. Khi cần giảng pháp nhận duyên để chuyển hóa chúng sinh, tôi là Bích-chi-phật. Khi cần pháp đại bi để chuyển hóa chúng sinh, tôi là Đại thừa. Thừa Xá-lợi-phát, như người bước vào rừng hoa chiêm-bạc chỉ ngửi thấy mùi hương chiêm-bạc⁴⁷⁰ thơm át hẳn các mùi khác; cũng vậy, người bước vào nhà này chỉ ngửi thấy mùi hương công đức Phật và chẳng còn thiết mùi hương Thanh-văn hay Bích-chi-phật. Thừa Xá-lợi-phát, khi mà Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ thiên vương, các trời, rồng, quỷ thần vào nhà này và được nghe vị Thượng nhân này giảng thuyết Chánh Pháp, hết thấy đều hâm mộ mùi hương công đức Phật mà phát tâm Đại thừa trước khi ra khỏi nhà này. Thừa Xá-lợi-phát, tôi ở đây mười hai năm,⁴⁷¹ chưa từng nghe Pháp Thanh-văn hay Bích-chi-phật, mà chỉ nghe pháp của chư Phật bất khả tư nghị, đại từ, đại bi.

“Thừa Xá-lợi-phát nhà này luôn hiện tám pháp chưa từng có, rất khó gặp. Những gì là tám?”

“Thứ nhất, nhà này được rọi sáng bằng ánh kim quang suốt cả ngày đêm không khác nhau; chẳng cần đến mặt trời hay mặt trăng mới sáng.

“Thứ hai, những ai⁴⁷² bước vào nhà này không bị bức rức bởi những cấu bẩn.⁴⁷³”

“Thứ ba, nhà này thường có Đệ Thích, Phạm Thiên, bốn Thiên vương và các Bồ tát ở phương khác đến đây hội họp không dứt.

“Thứ tư, sáu Ba-la-mật và các pháp bất thối chuyển⁴⁷⁴ luôn được giảng dạy trong nhà này.

“Thứ năm, trong nhà này thường được nghe nhạc trời huyền diệu tấu diễn vô lượng âm thanh của sự giáo hoá bằng chánh pháp.

“Thứ sáu, nhà này chứa bốn kho tàng tích trữ đầy tràn nhiều bảo vật chu cấp cho người cùng khổ mà không hề kiệt tận.

“Thứ bảy, khi vị Thượng nhân nhà này nghĩ tưởng đến Phật Thích-ca, Phật A-di-đà, Phật A-súc, Bảo Đức, Bảo Viêm, Bảo Nguyệt, Bảo Nghiêm, Nan Thắng, Sư Tử Hưởng, Nhất Thiết Lợi Thành,⁴⁷⁵ cùng vô lượng chư Phật khắp mười phương thế giới, thì các Ngài liền đến giảng thuyết rộng rãi pháp tạng bí yếu của chư Phật. Thuyết xong rồi mới trở về.

“Thứ tám, hết thảy mọi thiên cung trang nghiêm và đất Phật thanh tịnh đều ánh hiện trong nhà này.

“Thưa ngài Xá-lợi-phất, nhà này thường hiện tám pháp chưa từng có, rất khó gặp này. Khi đã chứng kiến tám sự kiện bất khả tư nghị như vậy, ai còn vui thích nơi pháp Thanh-văn làm gì?”

Xá-lợi-phất hỏi:

“Sao cô không chuyển đổi thân nữ này đi?”

Thiên nữ đáp:

“Mười hai năm nay tôi tìm kiếm tướng người nữ,⁴⁷⁶ mà không thể tìm thấy được. Vậy tôi phải chuyển cái gì đổi cái gì? Cũng như nhà ảo thuật làm trò tạo nên một thân nữ huyền. Nếu có người hỏi, <Sao không chuyển đổi thân nữ?>Người này hỏi có chính xác không? “

Xá-lợi-phất đáp:

“Không chính xác. Sự huyền không có tướng cố định, làm sao chuyển?”

Thiên nữ nói:

“Hết thảy các pháp cũng đều như thế, không có tướng cố định,⁴⁷⁷ sao ngài hỏi tôi không chuyển đổi nữ thân?”

Nói đoạn, Thiên nữ dùng thần lực biến Xá-lợi-phất thành như Thiên nữ và nàng tự hoá thân thành như Xá-lợi-phất, rồi hỏi:

“Sao ngài không chuyển đổi thân nữ đó đi?”

Xá-lợi-phất, trong hình tượng Thiên nữ, đáp:

“Tôi ở đây không biết do duyên biến gì mà biến thành thân nữ.”

Thiên nữ đáp:

“Thưa Xá-lợi-phất, nếu ngài có thể chuyển đổi thân nữ đó, thì hết thầy người nữ cũng có thể chuyển. Cũng như Xá-lợi-phất chẳng phải nữ mà hiện thân nữ. Tất cả người nữ cũng vậy, dù họ hiện thân nữ nhưng không phải nữ. Cho nên Phật dạy: ‘Hết thầy pháp đều phi nam phi nữ.’ “

Nói xong, Thiên nữ rút lại dùng phép thần thông khiến Xá-lợi-phất trở lại tướng ban đầu, và hỏi:

“Sắc tướng thân nữ nay đâu rồi?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Sắc tướng thân nữ không tại đó, cũng không không tại đó.”⁴⁷⁸

Thiên nữ mới nói:

“Cũng vậy, hết thầy pháp không ở tại đó, nhưng không hề không ở tại đó. Và này, không tại đó, cũng không không tại đó, đó là Phật thuyết vậy.”

Xá-lợi-phất hỏi:

“Chết ở đây, cô sẽ sinh về đâu?”

Thiên nữ đáp:

“Hoá thân bởi Phật⁴⁷⁹ sinh như thế nào, tôi cũng sẽ sinh như vậy.”

Xá-lợi-phất nói:

“Hoá thân bởi Phật không chết, không sinh.”

Thiên nữ đáp:

“Chúng sinh cũng vậy, không chết, cũng không sinh.”

Xá-lợi-phát hỏi:

“Chừng bao lâu cô sẽ chứng đắc giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác?”

Thiên nữ đáp:

“Chừng nào Xá-lợi-phát trở lại làm phàm phu,⁴⁸⁰ khi ấy tôi sẽ chứng đắc giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác.”

Xá-lợi-phát nói:

“Tôi trở thành phàm phu; không có trường hợp đó.”

Thiên nữ nói:

“Cũng không có chuyện tôi chứng đắc giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì sao? Vì bồ-đề không có trú xứ, nên không có người chứng đắc.”

Xá-lợi-phát nói:

“Có vô lượng chư Phật nhiều như số cát sông Hằng nay đang chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác; đã chứng đắc, sẽ chứng đắc; thế là nghĩa thế nào?”

Thiên nữ đáp:

“Do văn tự thế tục mà nói có ba đời, chứ không phải bồ-đề có quá khứ, hiện tại, hay vị lai.”

Thiên nữ lại nói:

“Thưa Xá-lợi-phát, ngài có chứng A-la-hán đạo chăng?”⁴⁸¹

Xá-lợi-phát đáp:

“Không có gì chứng đắc nên chứng đắc.”

Thiên nữ nói:

“Cũng vậy, chư Phật và đại Bồ tát do không có gì chứng đắc nên chứng đắc.”

Bấy giờ, Duy-Ma-Cật nói với Xá-lợi-phát:

“Thiên nữ này đã cúng dường chín mươi hai ức Phật.⁴⁸² Nàng có thể du hí với thần thông lực của Bồ tát, đã hoàn thành mọi ước nguyện, đã chứng vô sanh pháp nhẫn và đắc pháp Bồ tát bất thối chuyển. Do bản nguyện mà nàng tùy thời hiển hiện để giáo hóa chúng sinh.”

--- o0o ---

CHƯƠNG VIII: PHẬT ĐẠO⁴⁸³

Văn-thù hỏi Duy-Ma-Cật:

“Bồ tát làm sao để thông đạt Phật đạo?”⁴⁸⁴

Duy-Ma-Cật nói:

“Bồ tát đi trên phi đạo⁴⁸⁵ là thông đạt Phật đạo.”

Văn-thù-sur-ợi hỏi:

“Bồ tát đi trên phi đạo là thế nào?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Bồ tát hành năm vô gián⁴⁸⁶ mà không thù không hại.⁴⁸⁷ Đi đến địa ngục mà không có cấu bần nào của tội lỗi.⁴⁸⁸ Đi đến súc sinh mà không có các lỗi lầm của vô minh, kiêu, mạn.⁴⁸⁹ Đi đến ngã quý⁴⁹⁰ mà vẫn đầy đủ công đức. đi lên các cõi Sắc và vô Sắc giới⁴⁹¹ mà không cho là hơn hết.⁴⁹² Thị hiện hành tham dục mà không nhiễm trước. Thị hiện hành sân hận thù nghịch mà không có thù hận ác ý đối với các chúng sinh. Thị hiện hành ngu si mà dùng trí tuệ để chế ngự tâm mình. Thị hiện hành xan tham bủn xỉn mà không tiếc cái gì sở hữu trong ngoài, thân mạng. Thị hiện hành phá giới mà an trụ trong tịnh giới, cho đến dù đối với tội nhỏ vẫn ôm lòng kính sợ. Thị hiện hành sân nhuế mà thường hành từ, nhẫn nhịn. Thị hiện hành biếng nhác mà lại siêng năng tu tập công đức. Thị hiện hành loạn ý mà thường chánh niệm, tâm định. Thị hiện hành ngu si⁴⁹³ mà thấu triệt tuệ thế gian và xuất thế gian. Thị hiện hành siểm ngụy mà khéo phương tiện tùy theo nghĩa kinh.⁴⁹⁴ Thị hiện hành kiêu mạn⁴⁹⁵ mà đối với chúng sinh thì như một chiếc cầu.⁴⁹⁶ Thị hiện hành các phiền não mà tâm thường thanh tịnh. Thị hiện nhập bọn với Ma nhưng thuận với trí tuệ của Phật chứ không theo giáo thuyết khác.⁴⁹⁷ Thị hiện nhập vào hàng Thanh văn, nhưng thường nói pháp chưa từng nghe cho chúng sinh. Thị hiện trong hàng Bích-chi-phật mà thành tựu đại bi giáo hoá chúng sinh. Thị hiện hoà nhập trong giới cùng khổ nhưng có bàn tay châu báu với công đức vô tận.⁴⁹⁸ Thị hiện làm người khuyết tật mà thân tự trang nghiêm các tướng tốt đẹp đẽ. Thị hiện ở giữa giai cấp hạ tiện mà sinh vào chủng tính Phật, đủ các công đức. Thị hiện ở giữa người gầy xấu ốm yếu mà

được thân Na-la-diên,⁴⁹⁹ hết thấy chúng sinh đều ưa nhìn ngắm. Thị hiện người già yếu mà không ốm đau, vượt qua nỗi sợ hãi sự chết. Thị hiện có mọi tiện nghi của cuộc sống⁵⁰⁰ vẫn luôn thấy rõ tính vô thường, không tham cầu gì. Thị hiện có thể thiệp và nâng hầu mà vẫn thường xa rời bần sinh ngũ dục. Thị hiện người đàn độn, nói lắp, nhưng lại thành tựu biện tài bằng lực tổng trì không hề quên lãng.⁵⁰¹ Thị hiện đi vào bến tà⁵⁰² nhưng vẫn đưa chúng sinh đi qua bằng bến chánh. Hiện vào khắp các đạo mà đoạn trừ nhân duyên của chúng. Hiện ở niết bàn vẫn không dứt lìa sinh tử.⁵⁰³

“Văn-thù-sư-lợi, Bồ tát đi trên phi đạo như vậy là Bồ tát thông đạt Phật đạo.”

Đoạn Duy-Ma-Cật lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

“Thế nào là chủng tánh của Như Lai?”⁵⁰⁴

Văn-thù-sư-lợi đáp:

“Hữu thân⁵⁰⁵ là chủng tánh; vô minh và hữu ái là chủng tánh; tham, sân, si là chủng tánh; bốn điên đảo là chủng tánh; năm chướng cái⁵⁰⁶ là chủng tánh; sáu nhập⁵⁰⁷ là chủng tánh; bảy thức xứ⁵⁰⁸ là chủng tánh; tám tà pháp⁵⁰⁹ là chủng tánh; chín não xứ⁵¹⁰ là chủng tánh; mười bất thiện nghiệp đạo là chủng tánh. Nói tóm, sáu mươi hai kiến và hết thấy phiền não đều là chủng tánh Phật.”

Duy-Ma-Cật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

“Sao lại như vậy?”

Văn-thù-sư-lợi đáp:

“Vì người thấy pháp vô vi⁵¹¹ rồi vào chánh vị⁵¹² thì không còn phát tâm cầu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cũng như trên gò đất cao thì làm sao nảy nở hoa sen; chỉ mọc nơi chỗ đầm lầy mới mọc hoa này. Cũng vậy, người thấy pháp vô vi rồi vào chánh vị thì cuối cùng không còn sinh nơi Phật Pháp.⁵¹³ Chỉ có chúng sinh ở chốn bần lầy phiền não mới có thể phát khởi Phật pháp. Cũng như hạt giống đem bỏ giữa hư không không bao giờ có thể nảy mầm; đem vùi trong đất phân mới có thể tươi tốt. Do đó, người vào Chánh vị vô vi không phát sinh Phật pháp; trong khi người khởi lên ngã kiến⁵¹⁴ lớn như núi Tu-di còn có thể phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác mà phát huy Phật pháp.

“Cho nên, nên biết hết thấy phiền não đều là chủng tánh của Như Lai. Cũng như người không lặn xuống biển sâu thì không tìm được ngọc trai vô giá;

cũng vậy người không lặn xuống biển phiền não sẽ không tìm được ngọc Nhất thiết trí.”

Lúc ấy Ma-ha Ca-diếp tán thán:

“Lành thay, Văn-thù-sư-lợi, lành thay, lời ông nói thật tuyệt. Đúng như những điều được nói, những đám trần lao đều là chủng tánh Như Lai. Chúng tôi nay thật chẳng thể phát tâm cầu vô thượng chánh đẳng chánh giác.⁵¹⁵ Cho đến người phạm năm tội vô gián cũng còn có thể phát ý sanh nơi Phật pháp nhưng chúng tôi thì vĩnh viễn không thể phát. Cũng như người mà căn đã hư hoại thì chẳng còn hưởng lợi được gì nơi ngũ dục. Cũng vậy, hàng Thanh-văn đã đoạn các kết sử chẳng còn thu hoạch gì thêm nơi Phật pháp, vĩnh viễn không có chí nguyện. Cho nên, Văn-thù-sư-lợi, phàm phu còn quay trở lại với Phật pháp chứ Thanh-văn thì không. Vì sao? Vì phàm phu khi nghe Pháp thì có thể phát khởi đạo tâm⁵¹⁶ vô thượng, để cho Tam bảo không gián đoạn. Giả sử Thanh-văn trọn đời nghe Pháp và thấy lực, vô úy của Phật, v.v... nhưng vĩnh viễn không thể phát đạo tâm vô thượng.”

Lúc ấy, trong hội chúng có Bồ tát tên Phổ-hiện Sắc-thân hỏi Duy-Ma-Cật:

“Cư sĩ, ai là cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc của ngài? Gia nhân tôi tớ của ngài, voi ngựa xe cộ của ngài ở đâu?”

Bấy giờ Duy-Ma-Cật trả lời bằng bài kệ:

Trí độ,⁵¹⁷ mẹ Bồ tát;

Phương tiện,⁵¹⁸ cha Bồ tát.

Hết thầy bậc Đạo sư

Đều từ đây mà sinh.

Lấy Pháp hỷ làm vợ;

Tâm từ bi, con gái;

Tâm thành thật,⁵¹⁹ là trai.

Nhà, rốt ráo không-tịch;

Đệ tử là trần lao,⁵²⁰

Tùy nghi mà chuyển hoá.

Đạo phẩm,⁵²¹ là bạn hữu
Nhờ đây thành chánh giác.
Các độ, bạn đồng hành;
Bốn nhiếp là kỹ nữ;
Ca vịnh, tụng pháp ngôn,
Lấy đó làm âm nhạc.
Tổng trì là vườn hoa,
Vô lậu là rừng cây.
Giác ý,⁵²² hoa tươi đẹp
Quả, trí tuệ, giải thoát.
Tám giải⁵²³ là hồ tắm;
Nước định lắng trong, đầy.
Rải bằng bảy hoa tịnh,⁵²⁴
Tắm gội người vô nhiễm.
Voi, ngựa: năm thần thông,
Kéo cỗ xe Đại thừa;
Lấy nhất tâm⁵²⁵ chế ngự
Dong ruổi tám chánh đạo.
Tướng tốt để nghiêm thân
Vẻ đẹp chuốt tư thái.
Tầm quý là trang phục
Thâm tâm⁵²⁶ là tràng hoa.
Giàu có bảy tài bảo⁵²⁷

Dạy dỗ cho thêm ích.
Theo giáo thuyết tu hành
Hồi hướng làm đại lợi.⁵²⁸
Bốn thiền là giường chõng
Phát sinh từ tịnh mạng.⁵²⁹
Học nhiều, tăng trí tuệ,
Làm âm thanh thức tỉnh.⁵³⁰
Cam lộ là thức ăn;⁵³¹
Vị giải thoát là tương;⁵³²
Tịnh tâm là tắm gội;
Giới phẩm là hương thoa.
Diệt trừ giấc phiền não,
Dũng mãnh không ai hơn.
Hàng phục bốn thứ ma
Cờ thắng dựng Đạo tràng.⁵³³
Dù biết không khởi, diệt
Vẫn thị hiện tái sanh
Trên khắp các quốc độ
Như mặt trời rọi khắp.
Cúng dường vô lượng Phật
Khắp mười phương thế giới
Mà không hề phân biệt
Có Phật và có ta.

Dù biết các cõi Phật
Cùng chúng sinh là không
Vẫn thường tu tịnh độ,
Để giáo hóa chúng sinh.
Chúng sinh vô số loại,
Sắc, thanh, và oai nghi;
Bồ tát lực, vô úy,⁵³⁴
Khoảnh khắc thấy hiển hiện.
Biết rõ việc chúng ma
Vẫn thị hiện hành theo,
Rồi bằng phương tiện trí,
Tuỳ ý mà thể hiện.⁵³⁵
Hoặc hiện già, bệnh, chết,
Để thành tựu chúng sinh;
Biết rõ là huyễn hoá,
Thông suốt không chướng ngại.
Hoặc hiện lửa tận thế
Đốt cháy rục cõi đất;
Khiến người tưởng thường hằng
Hiểu rõ pháp vô thường.
Vô số ức chúng sinh
Cùng đến thỉnh Bồ tát.
Một lúc chúng đến nhà,

Chỉ cho hướng Phật đạo.

Kinh sách và chú thuật,

Kỹ, mỹ nghệ đều tinh;

Lấy đó mà thị hiện,

Làm lợi ích quần sinh.

Xuất gia khắp các đạo,

Đạo pháp của thế gian;

Nhân đó trừ mê hoặc,

Chứ không đọa tà kiến.

Làm Vua mặt Trời, Trăng,

Phạm Thiên, Thế giới chủ,

Có khi là đất, nước,⁵³⁶

Hoặc gió, hoặc là lửa.

Hoặc tai kiếp⁵³⁷ tật dịch,

Thị hiện cây cỏ thuốc;

Để cho người được uống,

Trị dứt các dịch bệnh.

Hoặc tai kiếp đói kém;

Hiện thân làm thức ăn;

Trước cứu người đói khát

Sau dạy Pháp giải thoát.

Hoặc tai kiếp đao binh;

Khơi dậy tâm từ bi

Giao hoá chúng sinh kia
Để sống không tranh chấp.
Hoặc khi gặp đại chiến,
Khiến hai bên cùng mạnh
Rồi dùng lực oai nghiêm
Làm họ giảng hòa nhau.
Trong khắp mọi quốc độ,
Chỗ nào còn địa ngục,
Liên thị hiện chỗ ấy
Giúp người giảm bớt khổ.
Trong khắp mọi quốc độ,
Súc sinh ăn thịt nhau;
Người thị hiện chỗ đó
Làm lợi ích cho chúng.⁵³⁸
Thị hiện thọ ngũ dục
Mà vẫn hiện hành thiền,
Làm rối loạn các ma
Không cho chúng tự tiện.
Hy hữu như trong lửa
Nở một đóa sen hồng;
Hành thiền trong ngũ dục
Cũng hy hữu như vậy.
Hoặc hiện làm dâm nữ

Dẫn dụ người háo sắc;
Trước lấy đục câu móc,
Sau hướng về Phật trí.
Hoặc là chủ thành ấp;
Hoặc làm chủ thương buôn;
Làm quốc sư, đại thần;
Cũng vì lợi chúng sinh.
Có người nghèo, đói rách,
Hiện làm kho vô tận;
Rồi nhân đó khuyên dẫn,
Khiến phát Bồ-đề tâm.
Vói kẻ tâm kiêu mạn;
Hiện làm đại lực sỹ
Khuất phục các kiêu mạn,
Đưa về vô thượng đạo.⁵³⁹
Hoặc đấm người kinh sợ,
Liền đến mà an ủi.
Trước làm cho hết sợ;
Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện lìa dâm dục,⁵⁴⁰
Làm tiên nhân năm thông⁵⁴¹
Đẻ đất dẫn quần sanh,
Trụ ở giới, nhẫn, từ.

Với người cần phục dịch,
Hiện thân làm tôi tớ
Khiến cho chủ hài lòng
Mà phát khởi Đạo tâm.
Tuỳ theo người nhu cầu,
Mà đưa vào Phật đạo;
Liên dụng lực phương tiện
Cấp cho đủ thứ cần.
Như thế, đạo vô lượng,
Và sở hành không bờ;
Trí tuệ không biên tế,
Người độ vô số chúng.
Dù hết thấy chư Phật
Trải qua vô lượng kiếp
Tán thán công đức này
Cũng không thể nói hết.
Pháp như vậy, ai nghe
Mà không phát bồ-đề?
Chỉ trừ kẻ vô dụng,
Hoặc si ám, vô tri.

--- o0o ---

CHƯƠNG IX: PHÁP MÔN BÁT NHỊ⁵⁴²

Bấy giờ, Duy-Ma-Cật nói với các Bồ tát hiện diện: “Thưa các nhân giả, thế nào là Bồ tát vào Pháp môn bất nhị? Mong các vị hãy tùy chỗ sở thích của mình mà trình bày.”

1. Trong hội có Bồ tát Pháp Tự Tại⁵⁴³ nói: “Thưa chư nhân giả, sanh và diệt là hai. Pháp trước vốn không sanh, nay tất không diệt. Lãnh hội pháp nhãn vô sanh này là vào Pháp môn bất nhị.”

2. Bồ tát Đức Thủ⁵⁴⁴ nói: “Ngã và ngã sở là hai. Nhân bởi có ngã nên có ngã sở. Nếu không có ngã thì không có ngã sở. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

3. Bồ tát Bất Huyền⁵⁴⁵ nói: “Thọ và bất thọ⁵⁴⁶ là hai. Nếu không thọ các pháp thì không khả đắc.⁵⁴⁷ Vì không khả đắc cho nên không thủ, không xả, không tác, không hành. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

4. Bồ tát Đức Đỉnh⁵⁴⁸ nói: “Cấu bản và thanh tịnh là hai. Thấy được tánh của cấu bản thì không còn tướng tịnh, thuận theo tướng tịch diệt. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

5. Thiện Tú⁵⁴⁹ Bồ tát nói: “Động và niệm⁵⁵⁰ là hai. Không động thì không niệm. Không niệm thì không phân biệt. Đạt đến chỗ này là vào Pháp môn bất nhị.”

6. Bồ tát Thiện Nhân⁵⁵¹ nói: “Nhất tướng với vô tướng là hai. Hiểu được nhất tướng rốt ráo là vô tướng, không chấp vào vô tướng để thành tựu bình đẳng, đó là vào Pháp môn bất nhị.”

7. Bồ tát Diệu Tý⁵⁵² nói: “Tâm Bồ tát với tâm Thanh-văn là hai. Quán tướng của tâm vốn rộng không, hư ảo, thì chẳng có tâm nào là tâm Bồ tát hay tâm Thanh-văn. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

8. Bồ tát Phát-sa⁵⁵³ nói: “Thiện và bất thiện là hai. Nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhận chân thật tế của vô tướng. Thông suốt như vậy là vào Pháp môn bất nhị.”

9. Bồ tát Sư Tử nói: “Tội, phước⁵⁵⁴ là. Hiểu được tánh của tội chẳng khác tánh của phước. Lấy trí tuệ kim cương mà quyết rõ tướng này, không ràng buộc, chẳng giải mở; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

10. Bồ tát Sư Tử Ý⁵⁵⁵ nói: “Hữu lậu và vô lậu là hai. Nếu chứng các pháp là bình đẳng thì chẳng khởi tướng hữu lậu hay vô lậu, không vướng vào tướng, không trụ vô tướng; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

11. Bồ tát Tịnh Giải⁵⁵⁶ nói: “Hữu vi, vô vi là hai. Nhưng nếu lìa các số⁵⁵⁷ thì tâm như hư không,⁵⁵⁸ trí tuệ thanh tịnh, chẳng còn chỗ trở ngại; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

12. Bồ tát Na-la-diên⁵⁵⁹ nói: “Thế gian và xuất thế gian là hai nhưng tánh của thế gian là không thì cũng là xuất thế gian. Ở trong đó không vào, không ra, không đây,⁵⁶⁰ không tan; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

13. Bồ tát Thiện Ý⁵⁶¹ nói: “Sinh tử và Niết bàn là hai. Nếu thấy được tánh của sinh tử thì chẳng còn sinh tử, không trói buộc, không cởi mở, không bùng cháy, không dập tắt.⁵⁶² Hiểu được vậy là vào Pháp môn bất nhị.”

14. Bồ tát Hiện Kiến⁵⁶³ nói: “Tận và bất tận là hai. Trong cứu cánh, pháp tận cũng như bất tận đều chính là tướng vô tận.⁵⁶⁴ Tướng vô tận tức là không.⁵⁶⁵ Không thì không có tướng tận hay bất tận. Vào chỗ đó là vào Pháp môn bất nhị.”

15. Bồ tát Phổ Thủ⁵⁶⁶ nói: “Ngã và vô ngã là hai. Ngã còn không thể nắm bắt được, phi ngã làm sao nắm bắt? Nhìn ra thật tánh này của ngã thì không khởi nhị nguyên nữa; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

16. Bồ tát Điện Thiên⁵⁶⁷ nói: “Minh, vô minh là hai. Nhưng thật tánh của vô minh chính là minh. Minh cũng không thể thủ, lìa hết thấy số.⁵⁶⁸ Ở trong đó mà bình đẳng không hai; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

17. Bồ tát Hỷ Kiến⁵⁶⁹ nói: “Sắc và Sắc Không là hai. Sắc chính là Không, không phải do sắc diệt mà không, nhưng tính của Sắc tự nó là Không. Thọ, Tưởng, Hành và Thức cũng vậy. Thức và Không là hai. Thức cũng chính là Không, không phải do Thức diệt mà không, vì tánh của Thức chính là Không vậy. Thông đạt chỗ này là vào Pháp môn bất nhị.”

18. Bồ tát Minh Tướng⁵⁷⁰ nói: “Bốn đại chủng và không đại chủng⁵⁷¹ là hai. Tánh của bốn đại chủng chính là không đại chủng. Cũng như tiền tế⁵⁷² và hậu tế đều là không, cho nên trung tế cũng là không. Thấu suốt tánh này của bốn đại chủng là vào Pháp môn bất nhị.”

19. Bồ tát Diệu Ý⁵⁷³ nói: “Con mắt, và sắc là hai. Nếu biết tánh của con mắt ở nơi sắc chẳng khởi tham, sân, si, đó là tịch diệt. Cũng vậy, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với cảm xúc, ý với các pháp là hai. Nếu biết thật tánh của ý ở nơi pháp chẳng khởi tham, sân, si, đó là tịch diệt. An trụ trong đây là vào Pháp môn bất nhị.”

20. Bồ tát Vô Tận Ý⁵⁷⁴ nói: “Bố thí và hồi hướng đến nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của bố thí chính là sự hồi hướng đến nhất thiết trí. Cũng vậy, trì

giới , nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ với hồi hướng nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của trí tuệ là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Ở trong đây mà thâm nhập nhất tướng, là vào Pháp môn bất nhị.”

21. Bồ tát Thâm Huệ⁵⁷⁵ nói: “Đây là không, đây là vô tướng, đây là vô tác, là hai.⁵⁷⁶ Nhưng không tức là vô tướng. Vô tướng tức là vô tác. Không, vô tướng, vô tác tức không tâm, không ý, cũng không thức.⁵⁷⁷ Ở trong một giải thoát môn cũng chính trong cả ba giải thoát môn. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

22. Bồ tát Tịch Căn⁵⁷⁸ nói: “Phật, Pháp, Chúng là hai. Phật tức là Pháp. Pháp tức là Chúng. Tam bảo này tướng vô vi, bình đẳng với hư không, hết thảy các pháp cũng vậy. Thấu suốt Pháp này là vào Pháp môn bất nhị.”

23. Bồ tát Tâm Vô Ngại⁵⁷⁹ nói: “Thân với thân diệt⁵⁸⁰ là hai. Thân cũng chính là thân diệt. Vì sao? Vì thấu rõ thật tánh của thân thì không còn khởi ý niệm về thân hay thân diệt, vì cả hai rốt ráo là bất nhị, không khác. Ở trong đó mà không kinh, không sợ, là vào Pháp môn bất nhị.”

24. Bồ tát Thượng Thiện⁵⁸¹ nói: “Thân, khẩu, ý thiện⁵⁸² là hai. Tướng của ba nghiệp này là vô tác. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của miệng. Tướng vô tác của miệng tức là tướng vô tác của ý. Tướng vô tác của ba nghiệp này tức là tướng vô tác của hết thảy pháp. Nếu có thể tùy theo trí tuệ vô tác như vậy là vào Pháp môn bất nhị.”

25. Bồ tát Bồ tát Phước Điền⁵⁸³ nói: “Phước hành, tội hành và bất động hành⁵⁸⁴ là hai. Thật tánh của ba hành là không. Không bố thí, không phước hành, không tội hành, không bất động hành. Không khởi ba hành này là vào Pháp môn bất nhị.”

26. Bồ tát Hoa Nghiêm⁵⁸⁵ nói: “Từ ngã mà khởi nhị nguyên, đó là hai. Thấy thật tướng của ngã, nhị nguyên này sẽ không khởi. Nếu không trụ nơi pháp nhị nguyên thì không có thức. Không có gì được nhận thức, đó là vào Pháp môn bất nhị.”

27. Bồ tát Bồ tát Đức Tạng⁵⁸⁶ nói: “Sự có sở đắc là phân hai. Nếu không sở đắc thì không thủ cũng không xả. Không thủ, không xả là vào Pháp môn bất nhị.”

28. Bồ tát Nguyệt Thượng⁵⁸⁷ nói: “Tối, sáng là hai. Không tối, không sáng thì không hai. Vì sao? Như nhập diệt tận định thì chẳng còn tối hay sáng. Tướng của hết thảy các pháp cũng như vậy. Ở trong đó bình đẳng mà vào. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

29. Bồ tát Bảo Ân Thủ⁵⁸⁸ nói: “Vui thích Niết bàn, không vui thích thế gian là sự hai. Nếu không vui thích Niết bàn, không chán ghét thế gian, thế thì không có hai. Vì sao? Nếu có buộc mới có cởi. Nhưng nếu chẳng có buộc ràng thì ai mong cầu cởi trói? Không ràng buộc, không cởi mở, tức không thích cũng không chán; đó là vào Pháp môn bất nhị.”

30. Bồ tát Châu Đỉnh Vương⁵⁸⁹ nói: “Chính đạo và tà đạo là hai. Người trụ ở chính đạo tất không phân biệt chính, tà.⁵⁹⁰ Lìa hai thái cực này là vào Pháp môn bất nhị.”

31. Bồ tát Lạc Thật⁵⁹¹ nói: “Thật, bất thật là hai. Người thấy sự thật còn không cho đó là thật, huống gì là cái bất thật. Vì sao? Đó là cái mà mắt thịt không thể thấy, chỉ có con mắt huệ mới nhìn ra. Nhưng con mắt huệ thì không có sự thấy, cũng không có sự không thấy. Đó là vào Pháp môn bất nhị.”

Chư Bồ tát đã lần lượt từng vị trình bày xong, liền hỏi Văn-thù-sư-lợi:

“Thế nào là Bồ tát vào Pháp môn bất nhị?”

Văn-thù-sư-lợi nói:

“Theo ý tôi, đối với hết thảy pháp không nói, không thuyết, không chỉ thị, không nhận thức;⁵⁹² vượt ngoài vấn đáp. Đó là vào bất nhị pháp môn.”

Đoạn Văn-thù hỏi Duy-Ma-Cật:

“Chúng tôi mỗi người đã nói rồi, xin nhân giả cho biết thế nào là Bồ tát vào Pháp môn bất nhị?”

Bấy giờ, Duy-Ma-Cật lặng im không nói.

Văn-thù-sư-lợi tán thán:

“Tuyệt, tuyệt thay; cho đến không còn văn tự và ngôn thuyết, ấy mới thật là vào Pháp môn bất nhị.”

Khi thuyết phẩm Pháp môn bất nhị này, năm ngàn Bồ tát trong hội đều vào Pháp môn bất nhị, đắc vô sanh pháp nhẫn.

--- o0o ---

CHƯƠNG X: PHẬT HƯƠNG TÍCH⁵⁹³

Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất tâm niệm, “Sắp đến giờ ăn. Các Bồ tát này sẽ ăn gì đây.” Duy-Ma-Cật biết ý đó, bèn nói:

“Phật đã dạy tám pháp giải thoát.⁵⁹⁴ Nhân giả đã thọ hành. Há lẫn lộn giữa sự muốn ăn và nghe Pháp sao? Nếu ngài muốn ăn, xin chờ giây lát, sẽ được bữa ăn hiếm có.”

Tức thì, Duy-Ma-Cật nhập định⁵⁹⁵ và dùng thần thông lực chỉ cho hội chúng thấy ở phương trên, cách thế giới này vượt qua bốn mươi hai Hằng hà sa số cõi Phật, có một nước tên là Chúng hương,⁵⁹⁶ có Phật hiệu Hương Tích⁵⁹⁷ nay đang tại thế. Hương thơm của quốc độ này át hẳn mọi hương thơm của chư thiên trong các quốc độ khắp mười phương. Trong quốc độ đó không có tên gọi Thanh-văn và Bích-chi-Phật⁵⁹⁸ mà chỉ có chúng đại Bồ tát thanh tịnh nghe Phật giảng Pháp. Ở đó hương thơm tạo ra mọi thứ như lầu các, đất đai, vườn tược và hoa viên khiến chúng tỏa mùi thơm ngát. Còn thực phẩm thì có mùi thơm lan tỏa đến vô lượng thế giới khắp mười phương. Ngay lúc bấy giờ Phật và chư Bồ tát ở đó vừa cùng ngồi lại để thọ thực được dâng cúng bởi những người con của chư thiên thấy đều có tên là Hương Nghiêm,⁵⁹⁹ đều đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng. Hết thấy hội chúng đều trông thấy cảnh này.

Duy-Ma-Cật nói với hội chúng:

“Trong chư tôn giả, ai có thể đến đó để xin phẩm thực của đức Thế Tôn?”

Nhưng do oai thần của Văn-thù-sư-lợi nên hết thấy chư Bồ tát đều im lặng. Thấy vậy, Duy-Ma-Cật nói:

“Nhân giả, đại chúng này há không thấy hồ thẹn sao?”⁶⁰⁰

Văn-thù-sư-lợi đáp lại: “Phật có dạy, không nên khinh thường người chưa từng học.”

Khi ấy, Duy-Ma-Cật vẫn không rời chỗ ngồi, ở ngay trước đại chúng, dùng thần lực tạo ra một vị hóa Bồ tát có thân tướng sáng ngời, oai nghiêm thù thắng bao trùm cả chúng hội, rồi nói với vị này:

“Ông hãy đi lên phương trên, vượt qua bốn mươi hai Hằng hà sa cõi Phật, có quốc độ tên gọi là Chúng hương, có Phật hiệu Hương Tích, cùng với các Bồ tát vừa mới ngồi lại để thọ thực. Ông hãy đến chỗ đó, mang lời tôi mà thưa rằng, đánh lễ Thế Tôn ở đó, thưa với ngài rằng: ‘Duy-Ma-Cật cúi đầu lễ dưới chân Thế Tôn, vô vàn tôn kính, và thăm hỏi sức khỏe Thế Tôn, ít bệnh, ít não, khí lực an ổn chăng? Nguyện xin chút thức ăn dư của Thế Tôn, mang về thế giới Ta-bà⁶⁰¹ để làm Phật sự; để cho những ai hâm mộ Pháp nhỏ được mở rộng sang đường lớn, và cũng để cho cho danh hiệu Như Lai được lan truyền khắp nơi.’”

Sau đó hết thầy hội chúng đều nhìn thấy vị hóa Bồ tát ngay trước đại chúng bay lên phương trên, đến cõi Chúng hương, quỳ lạy dưới chân Phật ở đó, và lại nghe tiếng của hoá Bồ tát ấy nói, ‘Duy-Ma-Cật cúi đầu lễ dưới chân Thế Tôn, vô vàn tôn kính, và thăm hỏi sức khoẻ Thế Tôn, ít bệnh, ít não, khí lực an ổn chăng? Nguyện xin chút thức ăn dư của Thế Tôn, mang về thế giới Ta-bà để làm Phật sự; để cho những ai hâm mộ Pháp nhỏ⁶⁰² được mở rộng sang Đường lớn, và cũng để cho danh hiệu Như Lai được lan truyền khắp nơi.’”

Chư Bồ tát ở cõi đó trông thấy vị hoá Bồ tát này, tán thán là chưa từng có, tự hỏi không biết Thượng nhân này từ đâu đến? Thế giới Ta-bà ở chỗ nào? Thế nào gọi là những người hâm mộ pháp nhỏ? Các ngài liền hỏi Phật. Phật nói:

“Có một thế giới tên là Ta-bà, nằm ở phương dưới cách đây vô số quốc độ bằng số cát của bốn mươi hai sông Hằng. Ở đó có đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni hiện đang ở giữa cõi đời xấu xa đầy năm điều uế trước⁶⁰³ mà phổ diễn đạo giáo cho chúng sinh ưa thích pháp nhỏ. Ở đó còn có vị Bồ tát tên là Duy-Ma-Cật đã an trụ giải thoát bất khả tư nghì đang giảng Pháp cho chư vị Bồ tát. Cho nên ông ấy đã tạo ra một vị hóa sứ giả để tán dương danh xưng và quốc độ này của Ta khiến các Bồ tát kia thêm phân công đức.”

Chư Bồ tát lại hỏi:

“Vị đó là ai mà có thể biến hoa như vậy, có đức lực vô úy và thần túc lớn đến vậy?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Lớn lao thay! Ông ấy thường gọi các hóa sứ giả đến khắp mười phương quốc độ để thi hành Phật sự vì lợi ích của chúng sinh.”

Nói xong, đức Hương Tích Như lai lấy một cái bát làm bằng các loại hương chứa đầy cơm thơm rồi trao cho vị hoá Bồ tát. Khi ấy, chín triệu Bồ tát ở đó đều lên tiếng nói:

“Chúng con muốn đến thế giới Ta-bà để đánh lễ Phật Thích-ca, thăm Duy-Ma-Cật cùng chư vị Bồ tát ở đó.”

Phật Hương Tích dạy:

“Có thể đi. Nhưng hãy thu lại mùi hương nơi thân của các ông để chúng sinh ở đó không sanh mê hoặc tham đắm. Các ông cũng nên thay đổi hình tướng mình, chớ để cho những người cầu đạo Bồ tát ở quốc độ đó xấu hổ, tự ty. Các ông cũng chớ có ý nghĩ khinh thường họ mà gây chướng ngại. Vì sao? Vì mười phương quốc độ đều như hư không. Và lại, hết thầy chư Phật vì muốn giáo hóa

người hâm mộ pháp nhỏ nên chưa hoàn toàn hiển bày quốc độ thanh tịnh đó thôi.”

Lúc ấy, vị hóa Bồ tát nhận bát cơm thơm rồi cùng chín triệu Bồ tát kia, nương theo thần lực của Phật và của Duy-Ma-Cật, biến mất khỏi cõi thế giới ấy, trong phút chốc đều về đến nhà Duy-Ma-Cật.

Duy-Ma-Cật dùng thần lực biến hoá nên chín triệu tòa sư tử, trang nghiêm như đã nói trước. Các Bồ tát đều ngồi lên đó.

Bấy giờ hóa Bồ tát trao cho Duy-Ma-Cật bát cơm thơm mà mùi hương lan tỏa khắp thành Tỳ-da-ly, rồi lan khắp ba nghìn đại thiên thế giới.

Các bà-la-môn, cư sỹ trong thành Tỳ-da-ly ngửi được mùi hương ấy đều thấy thân ý thơ thới, đồng ca ngợi sự hiếm có này. Lúc ấy, vị đứng đầu các trưởng giả tên là Nguyệt Cái⁶⁰⁴ liền dẫn tám mươi bốn ngàn người đến nhà Duy-Ma-Cật. Thấy có rất nhiều Bồ tát ngự trên các tòa sư tử trang nghiêm, họ mừng rỡ, cung kính đánh lễ chư Bồ tát và các vị đại đệ tử của Phật, rồi đứng sang một bên. Chúng quý thần và chư thiên khắp các cõi trời thuộc Dục giới và Sắc giới ngửi được mùi hương cũng tìm đến.

Lúc ấy, Duy-Ma-Cật mới nói với Xá-lợi-phất và các vị Thanh-văn:

“Các Nhân giả, nay mời các vị dùng món cơm có hương vị cam lộ. Cơm này được xông ướp bằng hương Đại bi của Như Lai. Đừng ăn cơm bằng ý hữu hạn,⁶⁰⁵ vì như vậy sẽ khó thể tiêu hóa được.”

Có một vị Thanh-văn nghĩ rằng, “Cơm này ít; mà đại chúng thì đông. Mỗi người đều ăn, làm sao đủ?” Vị hóa Bồ tát liền nói:

“Đừng lấy đức nhỏ và trí nhỏ của Thanh-văn đo lường phước huệ vô lượng của Như Lai. Nước của bốn đại dương còn có thể cạn, chứ cơm này vô tận. Nếu mọi người⁶⁰⁶ đều vo cơm thành viên lớn như núi Tu-di, ăn cho đến một kiếp⁶⁰⁷ vẫn chưa hết cơm. Tại sao? Vì đó là thức ăn còn dư của người⁶⁰⁸ đã thành tựu công đức của vô tận giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến; do vậy, không bao giờ cùng tận.”

Bấy giờ, bát cơm này khiến cho cả đại chúng đều no đủ mà vẫn không vui. Các Bồ tát, Thanh-văn, trời và người, những ai dùng cơm này đều cảm thấy an lạc như chư Bồ tát ở hết thủy quốc độ Lạc trang nghiêm.⁶⁰⁹ Từ chân lông họ tỏa ra mùi thơm vi diệu như mùi thơm các loài cây trên cõi Chúng hương.

Bấy giờ Duy-Ma-Cật hỏi các Bồ tát từ Chúng hương đến:

“Hương Tích Như lai giảng dạy bằng Pháp gì?”

Họ đáp:

“Như Lai ở quốc độ chúng tôi không dùng ngôn tự để giảng thuyết mà chỉ dùng các hương thơm khiến cho trời và người có thể thâm nhập luật hành.⁶¹⁰ Mỗi mỗi Bồ tát ngồi dưới những cội cây hương, cảm nhận mùi hương vi diệu của cây mà chứng tam-muội đức tạng.”⁶¹¹

Đoạn các Bồ tát lại hỏi Duy-Ma-Cật:

“Đức Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni Phật giảng Pháp như thế nào?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Chúng sinh trên cõi này cương cứng, khó chuyển hóa, nên Phật thuyết bằng ngôn ngữ cương cứng để điều phục họ. Ngài nói rằng, ‘Đây là địa ngục; đây là súc sinh; đây là ngạ quỷ; đây là các nạn xứ;⁶¹² đây là những nơi tái sinh cho kẻ ngu muội;⁶¹³ đây là tà hành của thân; đây là quả báo cho tà hành của thân; đây là tà hành của miệng; đây là quả báo cho tà hành của miệng; đây là tà hành của ý; đây là quả báo cho tà hành của ý; đây là sát sinh; đây là quả báo của sát sinh; đây là sự lấy của không được cho; đây là quả báo của sự lấy của không được cho; đây là tà dâm; đây là quả báo của tà dâm; đây là vọng ngữ; đây là quả báo của vọng ngữ; đây là nói hai lưỡi; đây là quả báo của sự nói hai lưỡi; đây là ác khẩu; đây là quả báo của ác khẩu; đây là sự nói lời vô nghĩa; đây là quả báo của sự nói lời vô nghĩa; đây là tham lam; đây là quả báo của sự tham lam; đây là thù hận; đây là quả báo của sự thù hận; đây là tà kiến; đây là quả báo của tà kiến; đây là sự keo kiệt; đây là quả báo của sự keo kiệt; đây là sự huỷ giới; đây là quả báo của sự huỷ giới; đây là sự sân hận; đây là quả báo của sự sân hận; đây là sự lười biếng; đây là quả báo của sự lười biếng; đây là loạn ý; đây là quả báo của sự loạn ý; đây là sự ngu si; đây là quả báo của sự ngu si; đây là kết giới;⁶¹⁴ đây là quả báo của kết giới; đây là trì giới;⁶¹⁵ đây là phạm giới;⁶¹⁶ đây là điều nên làm; đây là điều không nên làm;⁶¹⁷ đây là sự chướng ngại; đây là sự không chướng ngại; đây là đắc tội; đây là không đắc tội; đây là dứt tội; đây là tịnh; đây là câu ướ; đây là hữu lậu; đây là vô lậu; đây là tà đạo; đây là chánh đạo; đây là hữu vi; đây là vô vi; đây là thế gian; đây là niết-bàn. Vì tâm tánh người khó chuyển hóa giống như vượn khỉ nên phải bằng nhiều phương cách giáo hóa để điều phục họ. Cũng như voi ngựa nếu không đánh đau thì không chế ngự được, những người mê muội trong thế gian này chỉ có thể thâm nhập luật bằng tất cả những lời gay gắt.’”

Nghe xong, các Bồ tát đều khen:

“Thật chưa từng nghe. Đức Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni Phật đã ẩn đi vô lượng năng lực tự tại, hoá độ chúng sinh bằng pháp mà người nghe ưa thích. Các Bồ tát ở đây cũng nhẫn nại những khó nhọc, bằng vô lượng đại bi mà sinh nơi cõi Phật này.”

Duy-Ma-Cật nói:

“Thật đúng như vậy. Chư Bồ tát ở cõi này có tâm đại bi kiên cố đối với chúng sinh. Việc làm lợi ích hết thảy chúng sinh của họ trong một đời hơn cả những người ở các cõi khác đã làm trong hàng trăm ngàn kiếp. Vì sao vậy? Vì họ đã thực hành mười thiện pháp mà các cõi Tịnh độ khác không có. Mười thiện pháp đó là gì? Đó là: Lấy bố thí đối trị bần cùng. Lấy trì giới đối trị phạm giới. Lấy nhẫn nhục đối trị sân nhuế. Lấy tinh tấn đối trị giải đãi. Lấy thiền định khắc phục loạn ý. Lấy trí tuệ dẹp tan vô minh. Nói pháp trừ nạn độ người khổ trong tám nạn. Dạy pháp Đại thừa cho người còn chấp pháp Tiểu thừa. Lấy thiện căn giúp người vô đức. Thường dùng bốn nhiếp pháp để thành tựu chúng sinh. Đó chính là mười thiện pháp.”

Chư Bồ tát lại hỏi:

“Bồ tát thành tựu bao nhiêu pháp để ở trong thế giới này tu hành mà không ung nhọt, tái sanh tịnh độ?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Bồ tát thành tựu tám pháp để ở trong thế giới này tu hành mà không ung nhọt, tái sanh tịnh độ. Đó là: Làm lợi ích chúng sinh không cầu báo đáp. Chịu thay chúng sinh hết thảy khổ não, và hồi hướng công đức đã làm cho chúng sinh. Tâm bình đẳng với chúng sinh bình đẳng, khiêm hạ vô ngại. Tôn kính chư Bồ tát như đối với chư Phật.⁶¹⁸ Khi nghe kinh chưa từng nghe cũng không khởi nghi hoặc. Không đối nghịch với pháp của hàng Thanh-văn. Không ganh tị vì người được cúng dường, không tự cao lợi đắc của mình, trái lại ở đó tự chế ngự tâm mình. Thường tự xét lỗi mình,[27] không tranh tụng sở đoản của người, nhất tâm cầu thành tựu mọi công đức. Đó chính là tám pháp.”

Sau khi Duy-Ma-Cật và Văn-thù-sư-lợi thuyết các pháp như vậy, hàng trăm ngàn chư thiên đã phát tâm cầu giác ngộ tối thượng, và mười ngàn vị Bồ tát đắc vô sanh pháp nhẫn.

--- o0o ---

CHƯƠNG XI: BỒ TÁT HẠNH

Bấy giờ, Phật đang giảng Pháp tại vườn cây Am-la. Mặt đất bỗng hóa thành trang nghiêm và lớn rộng mênh mông. Tất cả chúng hội đều ánh sắc vàng ròng.

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì sao có điềm lành này? Vì sao nơi đây bỗng trở nên trang nghiêm và rộng lớn và chúng hội đều ánh sắc vàng ròng?”

Phật bảo:

“Vì Duy-Ma-Cật và Văn-thù-sư-lợi, với đại chúng đang cung kính vây quanh, khởi ý muốn đến đây, nên có điềm tốt lành này.”

Lúc ấy, Duy-Ma-Cật nói với Văn-thù-sư-lợi:

“Bây giờ chúng ta hãy đến viếng Thế Tôn để chư Bồ tát có thể đánh lễ cúng dường Ngài.”

Văn-thù-sư-lợi nói:

“Lành thay, chúng ta hãy đến đó. Nay chính là lúc nên đi.”

Duy-Ma-Cật liền dùng thần lực mang hết hội chúng và các tòa sư tử của họ trong lòng tay phải bay sang chỗ Phật ngự. Khi đến nơi, đáp xuống đất, Duy-Ma-Cật dập đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều từ bên phải vòng quanh Ngài bảy lần, rồi chấp tay cung kính đứng sang một bên. Chư Bồ tát rời bảo tòa của họ để dập đầu đánh lễ dưới chân Phật và cũng đi nhiều vòng quanh Phật bảy lần, đoạn chấp tay cung kính đứng sang một bên. Các đại đệ tử Phật cùng với Đệ-thích, Phạm-thiên và Tứ Thiên vương cũng rời bảo tòa của họ, dập đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều vòng quanh Ngài bảy lần rồi chấp tay cung kính đứng sang một bên.

Thế Tôn theo Pháp chào hỏi chư vị Bồ tát, rồi bảo họ ngồi lại các bảo tòa sư tử để nghe Ngài thuyết giảng. Đại chúng vâng lời dạy. Khi mọi người đã an tọa, Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Ngươi có thấy những gì được làm bằng thần lực tự tại của các Đại sỹ rồi chăng?”

Xá-lợi-phất thưa

“Bạch Thế Tôn, con đã nhìn thấy.”

“Ý ngươi nghĩ sao?”

Xá-lợi-phất thưa:

“Thế Tôn, con thấy các ngài đã thực hiện những sự bất khả tư nghị, tâm người không thể nghĩ tưởng cũng chẳng thể đánh giá.”

Lúc ấy A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nay nghe mùi hương chưa từng có trước đây. Đó là hương gì vậy?”

Phật dạy:

“A-nan, đó là hương thơm toát ra từ chân lông của chư vị Bồ tát đây.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nói với A-nan:

“Chân lông của chúng tôi cũng có hương thơm như vậy.”

A-nan hỏi Xá-lợi-phất:

“Mùi hương đó do đâu mà có?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Do cư sĩ Duy-Ma-Cật đã nhận cơm dư từ Phật ở cõi Chúng hương, và ai ăn được cơm này ở nhà của Cư sĩ đều tỏa mùi thơm ngát từ các lỗ chân lông như vậy.”

A-nan lại hỏi Duy-Ma-Cật:

“Mùi hương này kéo dài được bao lâu?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Kéo dài đến khi tiêu hóa hết cơm.”

A-nan hỏi:

“Hương đó tồn tại bao lâu?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Thế lực của cơm này kéo dài đến bảy ngày. Sau một tuần mới tiêu hóa hết. Nay A-nan, hàng Thanh-văn chưa nhập Chánh vị⁶¹⁹ mà ăn cơm này, khi nào nhập Chánh vị rồi cơm mới tiêu hết. Những người đã nhập Chánh vị ăn cơm

này, khi nào chúng đắc tâm giải thoát⁶²⁰ cơm mới tiêu hết. Những người chưa phát tâm Đại thừa ăn cơm này, cho đến khi phát tâm Đại thừa rồi cơm mới tiêu hết. Những người đã phát tâm Đại thừa ăn cơm này, chúng đắc vô sanh pháp nhẫn⁶²¹ rồi cơm mới tiêu hết. Những người đã chứng vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này, cho đến nhất sinh bồ xứ⁶²² cơm mới tiêu hết. Ví như loại thuốc có tên là thượng vị,⁶²³ uống vào cho đến trị dứt mọi thứ độc rồi mới tiêu hết. Cơm này cũng vậy, khi diệt trừ hết mọi thứ độc của phiền não thì mới tiêu hết.”

A-nan thưa với Phật:

“Thật là chưa từng có! Bạch Thế Tôn, thứ cơm thơm này hẳn có thể làm Phật sự.”

Phật bảo:

“Đúng vậy, A-nan, đúng như vậy. Có cõi Phật lấy ánh quang minh của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy chư Bồ tát làm Phật sự. Có cõi lấy hóa nhân làm Phật sự. Có cõi lấy cây bồ-đề làm Phật sự. Có cõi lấy y phục, ngọa cụ của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy cơm làm Phật sự. Có cõi lấy hoa viên, đèn các làm Phật sự. Có cõi lấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy thân Phật làm Phật sự. Có cõi lấy hư không làm Phật sự; chúng sinh nhờ các duyên này mà có thể nhập luật hạnh. Hoặc bằng mộng, huyền, ảnh, tiếng vang, bóng trong gương, trăng dưới nước, quầng khi trời nhiệt; bằng các thí dụ như vậy mà làm Phật sự. Hoặc bằng âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc bằng cõi Phật thanh tịnh, tịch mịch vô ngôn vô thuyết, không hiển thị, vô thức, vô tác, vô vi mà làm Phật sự. Như vậy, A-nan, mọi hành vi thi thiết của chư Phật, mọi oai nghi cử chỉ, không có gì không phải là Phật sự.

“Này A-nan, có bốn loại ma này, tám vạn bốn nghìn cánh cửa phiền não này; chúng sinh vì thế mà khổ nhọc. Chư Phật bèn lấy ngay các pháp này mà làm Phật sự. Đó gọi là Pháp môn ngộ nhập hết thảy chư Phật.

“Bồ tát khi nhập Pháp môn này, nếu thấy hết thảy cõi Phật thuần tịnh mà không vui mừng, không tham, không tự cao. Nếu thấy hết thảy cõi Phật bất tịnh, không buồn phiền, không bất mãn,⁶²⁴ hay thất vọng. Nhưng ở nơi chư Phật sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cúng kính, cho là chưa từng có. Công đức của chư Phật Như Lai vốn bình đẳng,⁶²⁵ vì muốn giáo hóa chúng sinh mà hiện các cõi Phật không giống nhau.

“Này A-nan, người thấy đất của các cõi Phật có nhiều chỗ khác nhau⁶²⁶ nhưng hư không chẳng có nhiều chỗ khác nhau. Cũng vậy, người thấy sắc thân Phật tuy nhiều vẻ khác nhau, nhưng trí tuệ vô ngại không có nhiều dạng nhau.

“A-nan, sắc thân của chư Phật, uy tướng, chủng tính, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô úy, các pháp bất cộng, đại từ, đại bi, oai nghi sở hành, cho đến thọ mạng, thuyết Pháp giáo hóa, chính sanh được thành tựu, cõi Phật thanh tịnh, đầy đủ các Phật pháp, thầy đều đồng đẳng. Do đó gọi là Tam-miêu-tam-Phật-đà, gọi là Đa-đà-a-già-độ, gọi là Phật-đà.⁶²⁷ Nay A-nan, nếu ta giảng đầy đủ ý nghĩa của ba danh hiệu này thì trải qua tuổi thọ của người một kiếp cũng chưa nghe hết. Giả sử chúng sinh đầy cả ba nghìn đại thiên thế giới đều như A-nan, đa văn đệ nhất, được tổng trì ghi nhớ; tất cả những người này trải qua tuổi thọ một kiếp cũng không thể lãnh hội hết. Vì vậy, A-nan, A-nậu-đa-la tam-miêu-tam-bồ-đề của chư Phật là vô hạn vô lượng, trí tuệ và biện tài của các Ngài là bất khả tư nghị.”

A-nan bạch Phật:

“Từ nay trở đi con không dám tự cho mình là người đa văn bậc nhất.”

Phật nói:

“A-nan, chớ thôi chí. Vì sao? Vì ta nói người là người đa văn bậc nhất trong hàng Thanh-văn chứ không phải Bồ tát. Nhưng hãy thôi, A-nan, bậc trí giả chẳng ai đo lường chư Bồ tát. Tất cả biển sâu còn có thể đo lường, nhưng thiên định, trí tuệ, tổng trì, biện tài và công đức của Bồ tát thì bất khả lường. Nay A-nan, hãy gác lại các sở hành của Bồ tát. Với các thần thông lực mà Duy-Ma-Cật đã thể hiện hôm nay, hết thầy Thanh-văn và Bích-chi-Phật dù có tận lực biến hóa trong trăm ngàn kiếp cũng chưa thể thực hiện được.

Bấy giờ, chư Bồ tát cõi Chúng hương đồng cung kính chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lúc mới nhìn thấy thế giới này chúng con có ý tưởng nó thấp kém, bây giờ hồi hận, chẳng còn ý đó nữa. Vì sao? Vì các phương tiện diệu dụng của chư Phật thật là bất khả tư nghị. Vì để cứu độ chúng sinh mà các Ngài tùy chỗ thích hợp thị hiện các cõi Phật khác nhau. Bạch Thế Tôn, nguyện ban cho chúng con chút Pháp để khi trở về chúng con có thể luôn tưởng nhớ Như lai.”

Phật bảo các Bồ tát:

“Có Pháp môn giải thoát gọi là Hữu tận Vô tận Vô ngại, mà chư vị nên học. Cái gì tận? Đó là pháp hữu vi. Cái gì vô tận? Đó là pháp vô vi. Chư Bồ tát, không đoạn tận hữu vi,⁶²⁸ không an trụ vô vi.

“Không đoạn tận hữu vi là thế nào? Là không rời đại từ; không xả đại bi; sâu sắc phát tâm cầu nhất thiết trí không giải đãi; giáo hóa chúng sinh không hề biết mệt mỏi; thường niệm thuận hành bốn nhiếp pháp; hộ trì chánh Pháp không

tiếc thân mạng; vun trồng thiện căn không hề chán nãn; chí thường an trụ phương tiện hồi hướng; cầu Pháp không lười; thuyết giáo không tiếc lẫn; vì cần mẫn cúng dường chư Phật nên vào chỗ sinh tử mà không sợ; đối với các sự vinh nhục tâm không buồn không mừng; không khinh người chưa tu học; kính trọng người học như kính Phật; giúp người đọa lạc trong phiền não phát sinh chánh niệm; đối với lạc thú viễn ly mà không cho là quý;⁶²⁹ không mê đắm lạc của riêng mình mà chúc mừng cho lạc của người; trong các thiện định mà có ý tưởng như trong địa ngục; ở trong sinh tử mà có ý tưởng như trong hoa viên; thấy người đến cầu mình mà có ý tưởng như gặp bậc thiện sư; xả bỏ tất cả sở hữu mà có ý tưởng là đầy đủ nhất thiết trí; thấy người phạm giới liền khởi ý cứu hộ; tưởng sáu Ba-la-mật là cha mẹ; tưởng pháp trợ đạo là quyến thuộc; phát hành thiện căn không giới hạn; lấy sự trang nghiêm các quốc độ mà thành tựu cõi Phật của mình; hành bố thí vô hạn để cho đầy đủ 32 tướng tốt; trừ tất cả mọi điều ác để thanh tịnh thân, khẩu, ý; trôi lăn trong sinh tử vô số kiếp cũng không nhụt chí dũng mãnh; quyết tâm không mệt mỏi lắng nghe vô lượng công đức Phật; dùng kiến trí tuệ phá giặc phiền não; siêu xuất uẩn, xứ, giới, để gánh vác chúng sinh khiến cho vĩnh viễn giải thoát;⁶³⁰ lấy đại tinh tấn hàng phục ma quân; thường cầu trí tuệ thật tướng vô niệm;⁶³¹ hành thiếu dục tri túc mà không bỏ pháp thế gian;⁶³² không huỷ hoại oai nghi mà vẫn tùy thế tục khởi trí tuệ thần thông dìu dắt chúng sinh; được niệm tổng trì, không quên những điều đã nghe; biết rõ căn tánh của chúng sinh khiến đoạn lìa nghi hoặc; bằng biện tài lưu loát mà diễn thuyết không trở ngại; thanh tịnh mười nghiệp đạo thiện, lãnh thọ phước báo của trời và người; tu bốn vô lượng để mở đường Phạm Thiên;⁶³³ khuyến thỉnh thuyết pháp, tùy hỷ tán dương việc thiện, để được âm thanh của Phật; khéo giữ thân, khẩu, ý để được oai nghi Phật; thâm tu thiện pháp cho sở hành càng siêu việt; bằng Đại thừa giáo mà thành Bồ tát tạng;⁶³⁴ tâm không phóng dật để chẳng mất các thiện đức.

“Hành trì Pháp như vậy là Bồ tát không tận hữu vi.

“Thế nào là Bồ tát không trụ vô vi? Tu học Không mà chẳng lấy Không làm chỗ chứng đắc; tu học Vô tướng, Vô tác mà không lấy Vô tướng, Vô tác làm sở chứng; tu học vô khởi mà không lấy vô khởi làm sở chứng; quán vô thường mà không nhằm chán gốc thiện; quán sự khổ của thế gian mà không chán ghét tử sinh; quán vô ngã mà dạy người không mệt;⁶³⁵ quán niết bàn mà không vĩnh viễn tịch diệt; quán viễn ly mà thân tâm vẫn thường hành việc thiện; quán không có chỗ quy về⁶³⁶ mà tâm vẫn quy về thiện pháp;⁶³⁷ quán vô sinh nhưng vẫn bằng sinh pháp mà gánh vác tất cả;⁶³⁸ quán vô lậu mà không đoạn trừ các lậu; quán không có chỗ sở hành mà vẫn hành pháp giáo hóa chúng sinh; quán Không⁶³⁹ mà không xả đại bi; quán chánh pháp vị mà không theo lối Tiểu thừa;⁶⁴⁰ quán các pháp hư vọng, không bền chắc, không người, không chủ, không hình tướng, nhưng vì bản nguyện chưa đầy nên không xem là hư dối các công đức, thiện định, trí tuệ.⁶⁴¹

“Tu tập những pháp như vậy, gọi là Bồ tát chẳng trụ vô vi.

“Lại nữa, vì để đầy đủ phước đức nên không trụ vô vi. Vì để đầy đủ trí tuệ nên không tận hữu vi. Vì đại bi, không trụ vô vi. Vì để viên thành bản nguyện, không tận hữu vi. Để gom tập pháp được, không trụ vô vi. Để tùy bệnh cho thuốc, không tận hữu vi. Vì biết bệnh của chúng sinh, không trụ vô vi. Vì để diệt bệnh của chúng sinh nên chẳng tận hữu vi.

“Này các Chánh sỹ, Bồ tát sau khi đã tu pháp này, không tận hữu vi, không trụ vô vi; do đó gọi là pháp môn giải thoát tận vô tận, các người nên học.”

Bấy giờ, các Bồ tát kia sau khi nghe thuyết pháp này, thấy đều hoan hỷ, dùng các loại diệu hoa đủ thứ hương sắc rải khắp tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Phật và Kinh Pháp này, cùng chư Bồ tát. Sau đó, cung kính đánh lễ chân Phật, tán thán là chưa từng được nghe rằng:

“Phật Thích-ca-mâu-ni đã có thể ở cõi này khéo léo thi hành phương tiện!”

Nói xong, hốt nhiên biến mất, trở về cõi kia.

--- o0o ---

CHƯƠNG XII: THẤY PHẬT A-SÚC⁶⁴²

Bấy giờ Phật hỏi Duy-Ma-Cật:

“Ông muốn thấy Như Lai; nhưng ông quán Như Lai như thế nào?”

Duy-Ma-Cật đáp:

“Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy.⁶⁴³ Con quán Như Lai, tiền tế không đến, hậu tế không đi, hiện tại không trụ. Không quán sắc, không quán như của sắc, không quán tính của sắc.⁶⁴⁴ Không quán thọ, tướng, hành, thức, không quán như của thức, không quán tính của thức. Không do tứ đại sinh khởi, đồng với hư không.⁶⁴⁵ Sáu xứ không tích tập thành; vì đã vượt ngoài nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và tâm. Không ở trong ba cõi, vì đã lìa ba thứ cấu bẩn, thuận ba giải thoát môn, đầy đủ ba minh, cùng vô minh bình đẳng.⁶⁴⁶ Không nhất tướng,⁶⁴⁷ không dị tướng; không tự tướng, không tha tướng; không phải vô tướng, không phải thủ tướng; khi giáo hóa chúng sinh Ngài không ở bên này, chẳng đến bên kia cũng không ở giữa dòng.⁶⁴⁸ Ngài quán sát lẽ tịch diệt mà không vĩnh viễn tịch diệt. Không là đây cũng không là kia;⁶⁴⁹ không lấy đây, không lấy kia;⁶⁵⁰ không thể lấy trí để biết; không thể lấy thức để nhận thức; không mờ, không sáng; vô danh, vô tướng; không mạnh, không yếu; không sạch, không nhơ; không ở phương nào cũng không xa lìa phương nào,⁶⁵¹ không

phải hữu vi cũng không phải vô vi; không thể chỉ ra cũng không thể nói đến; không bố thí cũng không ích kỷ; không trì giới cũng không phá giới; không nhẫn cũng không sân; không tinh tấn cũng không giải đãi; không định, không loạn; không trí cũng không ngu; không thành thật cũng không lừa dối; không đến không đi, không vào không ra; dứt tuyệt tất cả con đường ngôn thuyết; không phải phước điền cũng không phải không là phước điền; không xứng đáng cúng dường cũng không phải không xứng đáng cúng dường; không thủ, không xả; không phải hữu tướng, không phải vô tướng, đồng với chân tế, bình đẳng với pháp tánh; không thể định danh, không thể đo lường, vì vượt ngoài định danh và định lượng; không phải lớn, không phải nhỏ; không phải cái được thấy, không phải cái được nghe, không phải cái được tri giác, không phải cái được nhận biết; lia mọi kết buộc, đồng đẳng với trí, đồng với chúng sinh; không phân biệt với các pháp; hoàn toàn không khuyết điểm; không vắn đục, không phiền não, không tác, không khởi, không sanh, không diệt, không sợ, không lo, không mừng, không chán; không phải đã tồn tại, không phải sẽ tồn tại, không phải đang tồn tại; không thể bằng tất cả ngôn thuyết để hiển thị hay phân biệt.

“Bạch Thế Tôn, thân Như Lai như vậy, nên quán như vậy. Quán như vậy gọi là chánh quán. Quán khác đi, gọi là tà quán.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Duy-Ma-Cật:⁶⁵²

“Ông thác ở đâu mà sanh lại chôn này?”

Duy-Ma-Cật hỏi lại:

“Pháp ngài đã chứng có thác có sanh ư?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Không thác, không sanh.”

Duy-Ma-Cật hỏi:

“Nếu các pháp không có tướng thác và sanh, sao ngài lại hỏi, ‘Ông thác ở đâu mà sanh lại chôn này?’ Như với nhà ảo thuật tạo ra các nam nữ ảo; chúng có thác có sanh không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Chúng chẳng thác chẳng sanh.”

“Ngài há không nghe Phật dạy, các pháp là tướng như huyễn ư?”

Đáp:

“Có nghe.”

“Nếu hết thầy đều là tướng như huyễn, sao ngài, lại hỏi, ‘Ông thác ở đâu mà sanh lại chôn này?’ Xá-lợi-phất, thác chỉ là pháp hư dối, thuộc tướng suy tàn và hoại diệt; sanh cũng là điều hư dối, là tướng tương tục. Bồ tát tuy thác mà không dứt gốc thiện, tuy sanh vẫn không tăng trưởng các ác.”

Bấy giờ đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Có một cõi tên Diệu hỷ⁶⁵³ có Phật hiệu là A-súc.⁶⁵⁴ Duy-Ma-Cật đã thác ở cõi đó để sanh lại nơi này.”

Xá-lợi-phất thưa với Phật:

“Thật chưa từng có, bạch Thế Tôn, người này chịu rời cõi thanh tịnh để đến thế giới đầy rẫy hận thù và nguy hại này!”

Duy-Ma-Cật hỏi Xá-lợi-phất:

“Xá-lợi-phất, Ngài nghĩ thế nào, ánh mặt trời khi xuất hiện có hiệp cùng với bóng tối không?”⁶⁵⁵

Xá-lợi-phất đáp:

“Chỗ nào có ánh mặt trời thì không còn bóng tối.”

Duy-Ma-Cật hỏi:

“Vì sao ánh mặt trời soi rọi cõi Diêm-phù-đề này?”

Xá-lợi-phất:

“Đem ánh sáng soi rọi để xua tan bóng tối.”

Duy-Ma-Cật:

“Bồ tát cũng vậy, tuy sanh nơi cõi Phật bất tịnh để giáo hóa chúng sinh, nhưng không hiệp cùng sự ngu ám, mà chỉ để diệt trừ bóng tối phiền não của chúng sinh.”

Lúc ấy đại chúng ngưỡng vọng muôn chiêm bái đức Vô Động Như Lai cùng các Bồ tát và chúng Thanh-văn cõi Diệu hỷ. Phật biết ý nghĩ của họ, bảo Duy-Ma-Cật:

“Này thiện nam tử, hãy vì đại chúng ở đây, hiện đức Vô Động Như Lai cùng các Bồ tát, chúng Thanh-văn ở cõi Diệu hỷ cho họ được nhìn thấy.”

Duy-Ma-Cật tự nghĩ: “Ta hãy không rời chỗ ngồi này mà tiếp nhận cõi Diệu hỷ với dãy núi Thiết vi⁶⁵⁶ cùng đồi núi, sông, suối, khe, mạch, biển, Tu-di và các núi, và trời, trăng, sao, các cung điện của trời, rồng, quý thần, Phạm Thiên; cùng các Bồ tát, chúng Thanh-văn, các thành phố, làng mạc, nam nữ già trẻ, cho đến đức Vô Động Như Lai với cây bồ-đề và các tòa sen màu nhiệm dùng để làm Phật sự trong khắp mười phương, cùng ba đường thêm báu⁶⁵⁷ nối cõi Diêm-phù-đề với trời Đao-lợi⁶⁵⁸ cho chư thiên xuống kính lễ đức Vô Động Như Lai và nghe kinh, và con người lên đó chiêm bái chư thiên. Đó là vô lượng công đức thành tựu của thế giới Diệu hỷ, từ trên đến A-ca-ni-tra,⁶⁵⁹ dưới đến tận ranh giới nước.⁶⁶⁰ Ta dùng tay phải nâng lên dễ dàng như người thợ gốm nâng cái bàn quay. Vào trong thế giới này như cầm tràng hoa mà đưa ra cho hội chúng nhìn thấy.”

Nghĩ xong, Duy-Ma-Cật liền nhập định, dùng thần thông lực nắm lấy cõi Diệu hỷ bằng tay mặt đem đặt lên mặt đất này. Chư Bồ tát, Thanh-văn và thiên thần đã đắc thần thông lực ở cõi đó đều cất tiếng nói lớn:

“Bạch Thế Tôn, ai đang mang chúng con đi? Xin Thế Tôn cứu giúp.”

Phật Vô Động bảo:

“Không phải Ta làm mà do Duy-Ma-Cật đang dùng thần thông lực làm ra.”

Còn những người chưa được thần thông đều không biết cũng không cảm thấy mình đang chuyển dịch. Thế giới Diệu hỷ tuy được mang về mặt đất vẫn không tăng không giảm, mà mặt đất cũng không bị chèn ép hay chật chội; y nguyên như cũ.

Bấy giờ, Phật Thích-ca-mâu-ni nói với đại chúng:

“Các người có thấy thế giới Diệu hỷ của đức Vô Động Như Lai chăng? Cõi ấy trang nghiêm, cùng chư Bồ tát hạnh thanh tịnh và đệ tử thanh bạch.”

Đại chúng đồng thưa:

“Vâng, chúng con đã thấy.”

Phật dạy:

“Nếu Bồ tát muốn được quốc độ Phật thanh tịnh như vậy, nên học theo đạo mà đức Vô Động Như Lai đã hành.”

Khi thị hiện cõi Diệu hỷ này, mười bốn na-do-tha⁶⁶¹ người đã phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác và nguyện được tái sinh ở thế giới Diệu hỷ. Phật Thích-ca-mâu-ni chứng nhận họ sẽ được tái sinh nơi cõi đó.

Khi đã làm xong Phật sự vì lợi ích của chúng sinh ở nơi quốc độ này rồi, thế giới Diệu hỷ được trả về chốn cũ, đại chúng đều trông thấy.

Bấy giờ Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Người có nhìn thấy thế giới Diệu hỷ và đức Vô Động Như Lai chưa?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Vâng, con đã thấy, bạch Thế Tôn. Con ước nguyện hết thấy chúng sinh đều được quốc độ thanh tịnh như cõi Phật Vô Động và thần thông lực như của Duy-Ma-Cật. Bạch Thế Tôn, chúng con thật sự được nhiều lợi ích khi được thân cận, cung dưỡng, con người này. Chúng sinh nào hiện tại hay mai sau khi Thế Tôn đã diệt độ mà được nghe Kinh này, thấy đều sẽ được lợi ích lớn; và càng lớn xiết bao khi nghe rồi tin hiểu, thọ trì hay đọc tụng, thuyết giảng, theo Pháp đó mà tu hành. Ai tiếp nhận kinh này là tiếp nhận kho tàng Pháp bảo. Nếu đem ra đọc tụng, giải nghĩa và theo đó mà tu hành tất sẽ được chư Phật thường xuyên hộ niệm. Ai cung dưỡng người này là cung dưỡng chư Phật. Ai sao chép, thọ trì kinh quyển này, nên biết, nhà của người ấy có Như Lai ngự. Nếu khi nghe kinh này mà tùy hỷ, người ấy ắt sẽ đạt nhất thiết trí. Ai tin và hiểu kinh này, dù chỉ một bài kệ bốn câu trong đó, và đem giảng cho người khác nghe, nên biết, người ấy ắt sẽ được thọ ký thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề trong tương lai.”

--- o0o ---

CHƯƠNG XIII: CÚNG DƯỜNG PHÁP

Lúc ấy Đê Thích ở trong hội chúng, thưa với Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã từng nghe hàng trăm ngàn kinh Pháp do Thế Tôn và Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng, nhưng thật chưa từng được nghe kinh điển quyết định thật tướng, bất khả tư nghì thần thông tự tại như vậy.⁶⁶² Theo con hiểu ý nghĩa mà Phật nói, nếu chúng sinh nào được nghe kinh Pháp này mà tin hiểu, thọ trì, đọc, tụng, chắc chắn sẽ chứng đắc Pháp⁶⁶³ ấy không nghi; huống nữa theo Pháp đó mà tu. Người đó ắt sẽ đóng kín các ác đạo, mở ra các cửa lành, sẽ được sự hộ niệm của chư Phật, hàng phục ngoại đạo,⁶⁶⁴ đánh bại ác ma, vun trồng bồ-đề,⁶⁶⁵ thiết đặt đạo tràng, đi theo bước chân Phật. Bạch Thế Tôn, con và các quyến thuộc nguyện sẽ cúng dường, phụng dưỡng người nào thọ trì, đọc tụng và như thuyết tu hành. Bất cứ nơi nào, thành thị hay thôn quê, núi rừng

hay hoang mạc, chỗ nào có kinh này, con và các quyến thuộc cũng nguyện đến đó để xin nghe và lãnh thọ pháp. Nếu có ai chưa tin kinh này con sẽ giúp họ phát lòng tin; ai đã có lòng tin con sẽ hộ vệ.”

Phật bảo:

“Lành thay, Thiên đế, lành thay; như điều ông nói, Ta tán trợ tùy hỷ. Kinh Pháp này quảng diễn A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề⁶⁶⁶ bất khả tư nghị của chư Phật quá khứ, vị lai, và hiện tại.

“Cho nên, Thiên đế, nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào thọ trì, đọc tụng và cúng dường kinh này, đó là cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, và hiện tại.

“Này Thiên đế, giả như trong đại thiên thế giới có đầy Như Lai nhiều như mía, tre, lau sậy, lúa, mè; mà nếu thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào trải qua trọn kiếp hay gần một kiếp⁶⁶⁷ để cung kính, tôn trọng, tán thán, và cúng dường chư Phật này, cho đến khi chư Phật đã diệt độ, lại xây bảo tháp bảy tầng rộng lớn bằng bốn thiên hạ,⁶⁶⁸ cao đến cõi Phạm Thiên để phụng thờ toàn thân xá lợi Phật, với đầy đủ biểu tượng trang nghiêm;⁶⁶⁹ với tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, cờ phướn, âm nhạc vi diệu bậc nhất, trải qua một kiếp hay gần một kiếp cúng dường, này Thiên đế, người đó có được nhiều phước đức không?”

“Bạch Thế Tôn, thật nhiều, đến mức đếm trong cả trăm ngàn kiếp cũng chưa kể hết phước đức ấy.”

Phật dạy:

“Này Thiên đế, ông nên biết, nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, khi được nghe kinh giải thoát bất khả tư nghị này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng và theo đó tu hành, thì phước đức còn nhiều hơn những người kia. Vì sao? Vì bồ-đề của chư Phật phát sinh từ kinh Pháp này. Mà tướng của bồ-đề thì chẳng thể định lượng, do nhân duyên ấy phước đức đó cũng chẳng thể định lượng.”

Phật nói tiếp: “Trước đây vô lượng kiếp có đức Phật hiệu Dược Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới của Ngài có tên Đại trang nghiêm, kiếp tên là Trang nghiêm. Phật thọ hai mươi tiểu kiếp. Thanh-văn tăng có ba mươi sáu na-do-tha. Bồ-tát tăng có mười hai na-do-tha.

“Thiên đế, bấy giờ có vị Chuyển luân Thánh Vương tên Bảo Cái, có đủ bảy báu, cai quản bốn thiên hạ. Vua có một ngàn con trai đoan chính, anh dũng, hàng phục mọi oán địch.

“Thuở ấy Thánh Vương Bảo Cái và quyền thuộc đã tôn kính cúng dường đức Như Lai Dược Vương, bố thí các tiện nghi an lạc, cho đến hết năm kiếp. Sau đó vua căn dặn một nghìn người con: ‘Các con nên bằng tâm tâm tôn kính cúng dường Phật như ta đã làm.’ Một nghìn người con phụng mạng vua cha, cúng dường đức Dược Vương Như Lai cho đến hết năm kiếp nữa, bố thí tất cả phương tiện an lạc. Sau đó một trong những người con này là Nguyệt Cái, lúc ngồi một mình, đã tự nghĩ: ‘Còn có sự cúng dường nào cao quý hơn sự cúng dường chúng ta đã làm không?’ Thần lực của Phật đã khiến một thiên thần trên không đáp: ‘Này thiện nam tử, cúng dường Pháp cao hơn hết thảy mọi sự cúng dường.’ Nguyệt Cái liền hỏi: ‘Cúng dường Pháp là thế nào?’ Thiên thần đáp: ‘Hãy đến hỏi đức Dược Vương Như Lai, sẽ được giải thích đầy đủ.’”

“Nguyệt Cái lập tức đến Dược Vương Như Lai, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên, hỏi Phật: ‘Bạch Thế Tôn, con nghe nói cúng dường Pháp là cao quý nhất trong các cách cúng dường; vậy thế nào là cúng dường Pháp?’”

“Phật đáp: ‘Này thiện nam tử, cúng dường Pháp là, đối với kinh điển sâu xa do chư Phật thuyết giảng, khó tin và khó tiếp nhận đối với hết thảy thế gian, vi diệu khó thấy, thanh tịnh vô nhiễm, không thể lấy tư duy phân biệt mà hiểu được; nó là bảo vật trong kho Pháp tạng của Bồ tát, in bằng dấu ấn đà-la-ni;⁶⁷⁰ dẫn đến bất thối chuyển,⁶⁷¹ thành tựu sáu độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận với Pháp bồ-đề, là kinh tối thượng; giúp người vào đại từ đại bi, xa lìa các ma sự và tà kiến, thuận với Pháp nhân duyên,⁶⁷² vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ mạng,⁶⁷³ không, vô tướng, vô tác, vô khởi; hay dẫn chúng sinh đến ngôi nơi Đạo tràng mà chuyển Pháp luân; được các Trời, Rồng, Càn-thát-bà, đồng ca ngợi; hay đưa chúng sinh vào kho tàng Chánh Pháp của chư Phật,⁶⁷⁴ thâm đạt hết thảy trí tuệ của Thánh Hiền, chỉ dạy con đường sở hành của chúng Bồ tát; y trên nghĩa thật tướng của các pháp mà thuyết minh nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và tịch diệt;⁶⁷⁵ có thể cứu người hủy phạm giới cấm; khiến cho chúng ma, ngoại đạo và người tham trước⁶⁷⁶ sinh sợ hãi; được chư Phật và Thánh Hiền ngợi ca; vì quét sạch nỗi khổ sinh tử, chỉ niềm vui niết bàn mà chư Phật trong mười phương, ba đời từng thuyết giảng.

“Nếu nghe xong kinh này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, vì chúng sinh diệu dụng phương tiện để giảng giải cho họ tỏ tường, vì thủ hộ Pháp,⁶⁷⁷ như vậy gọi là cúng dường Pháp.

“Lại nữa, theo các Pháp đã được thuyết giảng mà tu hành, tùy thuận mười hai nhân duyên,⁶⁷⁸ xa lìa tà kiến, thành tựu vô sanh nhẫn, khẳng quyết tính vô ngã và vô hữu của chúng sinh mà đối với nhân duyên, quả báo, thì không trái, không tranh cãi, lìa các ngã sở; y nghĩa lý chứ không y ngữ ngôn, y trí chứ không y thức, y kinh liễu nghĩa chứ không y kinh không liễu nghĩa; y Pháp chứ

không y người thuyết Pháp;⁶⁷⁹ tùy thuận theo Pháp tướng, không chỗ sở nhập, không chỗ sở quy,⁶⁸⁰ vô minh rốt ráo diệt, cho nên các hành cũng rốt ráo diệt, cho đến sanh rốt ráo diệt cho nên già-chết cũng rốt ráo diệt. Quán sát như thế, mười hai nhân duyên không có tướng tận cũng chẳng có tướng khởi. Đó là pháp cúng dường tối thượng.”

Đoạn Phật bảo Thiên đế:

“Sau khi nghe Pháp này từ đức Dược Vương Như Lai, Vương tử Nguyệt Cái đắc nhu thuận nhẫn,⁶⁸¹ liền cõi tám bảo y và các bảo vật trang sức trên người, dâng cúng Phật:

“Bạch Thế Tôn, sau khi Ngài diệt độ, con sẽ cúng dường Pháp để giữ gìn bảo vệ Chánh Pháp. Nguyên oai thần của Phật giúp con đứng vững, hàng phục chúng ma, tu Bồ tát hạnh.”

“Phật Dược Vương biết rõ nhưng điều tâm niệm trong thâm tâm ấy nên đã thọ ký cho Vương tử:

“Sau này, cho đến tận cùng, ngươi sẽ là người bảo vệ giữ gìn thành trì Chánh Pháp.

“Này Thiên đế, bấy giờ Nguyệt Cái được thấy sự thanh tịnh của pháp, nghe Phật thọ ký, bèn với tín tâm mà xuất gia, tu tập thiện pháp, tinh tấn, không lâu đã đắc năm thần thông lực, thành tựu Bồ tát đạo, đạt được đà-la-ni, biện tài không đoan tuyệt. Sau khi Phật Dược Vương nhập diệt, Bồ tát ấy bằng các năng lực thần thông, tổng trì, biện tài đã chứng đắc, trải trong mười kiếp tròn đầy, phân bố pháp luân mà Dược Vương Như lai đã chuyển. Tỳ-kheo Nguyệt Cái, bằng sự thủ hộ Chánh pháp, ân cần tinh tấn, liền ngay nơi bản thân ấy mà giáo hoá khiến trăm vạn ức người không thôi chuyển đổi với Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chuyển hóa mười bốn na-do-tha người phát thâm tâm cầu quả vị Thanh-văn và Bích-chi-phật, cùng vô lượng chúng sinh được tái sanh thiên giới.

“Này Thiên đế, vua Nguyệt Cái thuở há là ai khác chẳng? Hiện Ngài đã thành Phật, hiệu là Bảo Diệm Như Lai, và một ngàn người con của Ngài là một ngàn vị Phật trong Hiền kiếp này, mà vị đầu tiên là Phật Ca-la-cru-tôn-đà⁶⁸² và vị cuối cùng là Phật Lô-chí.⁶⁸³ Tỳ-kheo Nguyệt Cái lúc ấy nay chính là Ta.

“Như vậy, Thiên đế, nên biết điều cốt yếu này: bằng Pháp mà cúng dường, là tối thượng, tối tôn, bậc nhất không thể so sánh trong các sự cúng dường. Cho nên, này Thiên đế, hãy bằng Pháp mà cúng dường chư Phật.”

CHƯƠNG XIV: CHÚC LUY

Bấy giờ Phật nói với Bồ tát Di Lặc:

“Này Di Lặc, nay ta đem Pháp giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác đã tập thành trong vô lượng kiếp phó chúc cho ngươi. Vào thời mạt thế,⁶⁸⁴ sau khi Phật diệt độ, ngươi nên dùng năng lực thần thông để giảng truyền rộng rãi những kinh như vậy nơi cõi Diêm-phù-đề, chớ để bị đoạn tuyệt. Vì sao? Vì sau này sẽ có những thiện nam, tín nữ cũng như chư thiên long, quỷ thần, Càn-thát-bà, La-sát phát tâm cầu giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác, hâm mộ đại Pháp. Nếu để cho họ không được nghe những kinh như vậy, sẽ mất nhiều lợi ích. Những hạng người như vậy, khi nghe kinh điển như vậy, tất sẽ nhiều tín thọ, sinh tâm hy hữu, vì họ yêu thích và tin tưởng các kinh này, thành kính đội lên đầu mà thọ nhận, rồi tùy theo chỗ thích ứng của chúng sinh, vì sự ích lợi mà quảng diễn.

“Này Di Lặc, nên biết có hai dấu hiệu của Bồ tát:⁶⁸⁵ thứ nhất, ưa thích trang sức văn từ hoa mỹ. Thứ hai, không e sợ diệu nghĩa thậm thâm, mà có thể thâm nhập một cách như thực. Hạng ưa thích trang sức văn từ hoa mỹ, nên biết, đó là hàng Bồ tát tân học. Nếu được nghe kinh điển vô nhiễm, vô trước, thậm thâm như vậy mà không kinh sợ; sau khi nghe rồi bằng tịnh tâm mà thọ trì, đọc tụng, như thuyết tu hành, nên biết, đó là hạng Bồ tát tu tập đạo hạnh đã lâu.

“Di Lặc, lại có hai pháp mà hàng Bồ tát gọi là tân học chẳng thể quyết định nơi Pháp sâu xa.⁶⁸⁶ Hai pháp đó là gì? Một là, pháp chưa từng được nghe, mà khi nghe rồi lại kinh sợ, sinh nghi ngờ, không thể tùy thuận, sanh tâm hủy báng, cho rằng ‘Trước đây tôi chưa từng nghe Pháp ấy; chẳng biết Pháp ấy ở đâu ra?’⁶⁸⁷ Thứ hai, Nếu có người hộ trì, giải thuyết kinh điển sâu xa như vậy, lại không khứng thân cận, cúng dường, cung kính, hoặc có khi bới móc tìm lỗi người.⁶⁸⁸ Ai có hai pháp này, nên biết, đó là Bồ tát tân học, chỉ tự làm hại mình, không thể điều phục được tâm mình ở trong thâm Pháp.

“Này Di Lặc, lại có hai pháp,⁶⁸⁹ mà Bồ tát tuy có tín giải thâm pháp nhưng vẫn tự làm tổn thương mình nên không thể chứng đắc vô sinh pháp nhẫn. Hai pháp gì? Một là, khinh mạn Bồ tát tân học mà không chịu chỉ dạy.⁶⁹⁰ Hai là, và loại dù tin, hiểu diệu Pháp mà vẫn còn phân biệt chấp thủ tướng.”⁶⁹¹

Bồ tát Di Lặc nghe Phật thuyết giảng xong, liền nói: “Bạch Thế Tôn, thật hy hữu chưa từng được nghe. Như lời Phật dạy, con sẽ lìa xa các sự xấu ác này để phụng trì Pháp giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai đã kết tập từ vô lượng kiếp. Trong đời tương lai, nếu có người thiện nam tín nữ nào

cầu học Đại thừa, con sẽ khiến họ có được kinh này trong tay, giúp cho niệm lực khiến thọ trì, đọc tụng và giảng giải rộng khắp cho mọi người.

“Bạch Thế Tôn, trong thời mạt thế sau này, nếu có ai thọ trì, đọc tụng và quảng diễn kinh này, nên biết người đó sẽ được xác lập bởi thần lực của Di-lặc.”

Phật nói:

“Lành thay, Di Lặc, lành thay! Như lời ông nói, Phật tán thán sự tùy hỷ của ông.”

Lúc bấy giờ tất cả Bồ tát đồng chấp tay bạch Phật:

“Sau khi Thế Tôn diệt độ, chúng con⁶⁹² sẽ truyền giảng Pháp giác ngộ tối thượng này rộng khắp mười phương quốc độ, và chỉ dẫn những người thuyết Pháp thấu hiểu nghĩa kinh.”⁶⁹³

Bốn vị Thiên vương cũng đồng bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bất cứ ở đâu, thành thị hay thôn quê, núi rừng hay hoang mạc, mà có kinh này và có người đọc tụng, thuyết giảng, thì chúng con nguyện đưa hết thủy quân đến nghe và ủng hộ người đó sao cho trong vòng một trăm do-tuần không ai dám đến quấy phá.”

Khi ấy, Phật bảo A-nan-:

“Này A-nan, hãy thọ trì và truyền bá rộng rãi kinh này.”

A-nan đáp: “Vâng, bạch Thế Tôn, con đã ghi nhớ pháp yếu này. Thế Tôn, nên gọi tên kinh là gì?”

Phật dạy:

“A-nan, kinh này được gọi là ‘Duy-Ma-Cật thuyết sở’, cũng ‘Pháp môn giải thoát bất khả tư nghị’, hãy như vậy mà thọ trì.”⁶⁹⁴

Phật nói kinh này xong, trưởng giả Duy-Ma-Cật, Văn-thù-sư-lợi, Xá-lợi-phất, A-nan, chư thiên, loài người, a-tu-la và hết thảy đại chúng nghe những điều Phật dạy, thấy đều đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

--- o0o ---

SÁCH DẪN & NGŨ VỤNG

Ác ma oán 惡魔怨. Skt. Māra-Papiyas, (Thiên) Ma Ba-tuần 天魔巴旬, Ác ma 惡魔, 55

Ác tuệ hành thú 惡慧行趣. Skt. pāpa-mati-gati, 114

A-ca-ni-tra 阿迦膩吒, Skt. akniṣṭha, dịch Sắc cứu cánh (thiên) 色究竟天, Hữu đỉnh (thiên) 有頂天; tầng cao nhất trong 16 tầng trời thuộc Sắc giới, cõi thiên thứ tư. 166

A-di-đà (Phật) 阿彌陀佛, Skt. Amitabhā, 106

A-duy-việt trí pháp luân 阿惟越智法輪; Skt. avivarti-(dharma)cakra: bất thối chuyển pháp luân 不退轉法輪, bánh xe pháp không quay ngược trở lại. 2

Ái vị 愛味, 98

A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿耆多翅舍欽婆羅; Skt. Ajita-keśa-kambala, một trong Lục sư ngoại đạo thời Phật, 34

A-la 阿羅 (Skt. ari) 97

A-la-hán đạo 阿羅漢道 110

A-luyện-nhã xứ 阿練若處; Skt. araṇyāyatana, vô sự xứ 無事處, không nhân xứ 空閑處, rừng vắng, khu vực ngoài phạm vi dân cư, 61

A-ma-lạc quả 阿摩洛果; Skt. āmra, quả xoài; cây xoài, 39

Am-la thọ viên 菴羅樹園, āmra-vana, āmrapālī-vana, vườn xoài; khu vườn do kỹ nữ Āmrapālī cúng dường Phật, 1

Am-la-vệ lâm 菴羅衛林. Skt. Āmrapālī-vana. 1

Am-ma-lạc quả 菴摩勒果, nh. a-ma-lạc quả 39

An trụ pháp tướng 安住法想. 71

A-na-luật 阿那律; Skt. Aniruddha, Vô Diệt; một trong mười Đại Đệ tử của Phật, thiên nhãn đệ nhất, 39

A-súc Phật 阿閼佛; Skt. Akṣobhya, Bất Động 不動, Vô Động 無動, Vô Nộ 無怒, 164

A-tăng-kỳ 阿僧祇 Skt. asaṅkhyeya, vô số 無數, vô ương số 無央數, bất khả số 不可數, một con số rất lớn không thể đếm, 84

Ba lãng tư 波浪思, Skt. taraṅga-cintā (?), 29

Bạch y 白衣. 20

Ba-la-mật 波羅密, Skt. Pāramitā. 2

Bản tế 本際, Skt. pūrvakoṭi, biên tế tối sơ, khởi thủy của thời gian. 28

Bán-trạch-ca 半擇迦, Skt. paṇḍaka, hàng môn 黃門, bất (năng) nam 不能男. 95

Bảo Âm Thanh Như lai 寶音聲如來, Skt. Ratnaghōṣa-tathāgata. 107

Bảo Diệm Như lai 寶焰如來, Skt. Ratnārcis-tathāgata. 107

Bảo Đức 寶德, Skt. Ratna-śrī. 106

Bảo Nghiêm Như lai 寶嚴如來, Skt. Ratnavyūha-tathāgata. 107

Bảo Nghiêm, 寶嚴. 106

Bảo Nguyệt Như lai 寶月如來, Skt. Ratnacandra-tathāgata, 107

Bảo Nguyệt 寶月 106

Bảo Sự 寶事 6

Bảo Tích 寶積 (Skt. Ratnaraśi). 6

Bảo Viêm 寶炎, nh. Bảo Diệm 106

Bất chứng 不證 50

Bất cộng pháp (18 pháp của Phật) 十八不共佛法; Skt. aṣṭādaśa āveṇikā buddha-dharmāḥ. 4

Bất dật 不溢 132

Bất đoạ chư số 不墮諸數. Skt. na samkhyāṃ gacchati. 45

Bất động hành 不動行, Skt. āneñjya-(abhi)samskāra, nghiệp thuộc Sắc giới. 136

Bất Huyền 不昫 129

Bất khả tư nghị tự tại thần biến giải thoát pháp môn 不可思議自在神變解脫法門, acintya-vaśtārddhi-prātihārya-vimokṣa-paryāya. 169

Bất khởi pháp nhẫn 不起法忍, cũng nói là vô sinh pháp nhẫn 無生法忍, Skt. anutpattikeṣu dharmeṣu kṣāntī pratilabdā. 2

Bất nhập 不入. 50

Bất nhiệt từ 不熱慈 96

Bất nhuế 不恚 153

Bất thọ chư pháp 不受諸法 17

Bất thọ 不受 31

Bất thối chuyển pháp 不退轉法, Skt. aparihāṇa-dharma, pháp không bị suy thoái, không bị khiếm khuyết. 106

Bất thối luân 不退輪, Skt. avavivarta-cakra, bánh xe không quay ngược trở lại, 2

Bất thực 不食 30

Bất tránh 不諍 50

Bất tùy tha duyên 不隨他緣 115

Bất vi từ 不違慈, Skt. avirodha/ aviruddha-maitrī, 96

Bát vô hạ 八無暇, bát nạn 八難, Skt. aṣṭāv akṣaṇāḥ, tám điều bất hạnh, sinh vào: 1. địa ngục (narakāḥ), 2. súc sinh (tiryañcaḥ), 3. ngã quỷ (pretāḥ), 4.

trường thọ thiên (dīrghāyuso devāḥ), 5. biên địa (pratyanta-janapadam), 6. căn khuyết (indriya-vaikalyam), 7. tà kiến (mithyā-darśanam), 8. Như lai không xuất hiện thế gian (tathāgatānām anutpādaḥ); Pali có 9 trường hợp, nava akkhaṇā asamayā brahacariyavāsāya. 14, 34

Bất yếm khí 不厭棄 69

Bảy thanh tịnh 七清淨 121

Biểu trụ luân bàn 表柱輪盤 170

Bình đẳng từ 平等慈, Skt. sama-maitrī, 97

bồ đề phân phẩm 菩提分品, Skt. bodhi-pakṣa-varga, 113

bồ đề phần 菩提分, Skt. bodhi-pākṣikā 14

bồ đề tâm, Skt. bodhicitta 12

bồ tát tướng ấn 菩薩相印 177

Bồ tát tướng 菩薩相 177

bồ-đặc-già-la, Skt. pudgala, số thủ thú 數取趣, con người, ngã, cá ngã, cá nhân, linh hồn 23

bồ-đề phân pháp 菩提分法, bodhipākṣika-dharma, 27

Bồ-đề tướng 菩提相 49

bội xả 背捨, tức 8 giải thoát, Skt. aṣṭau vimokṣāḥ: 1. rūpī rūpāni paśyati, bên trong có sắc tướng, quán các sắc để giải thoát sắc tham; 2. adhyātmam arūpasamjñī bahirdhā rūpāni paśyati, bên trong không có sắc tướng, quán các sắc bên ngoài; 3. śubham vimokṣam kāyena sāksātkṛtvopasampadya viharati, sau khi tự thân chứng nhập, an trú tịnh giải thoát; 4. sa sarvaśo rūpasamjñānām samatikramāt pratighasamjñānām astaṅgamān nānātvamjñānām amanasikārād anantam ākāśam ity ākāśāntyāyatanam upasampadya viharati, do vượt qua tất cả sắc tướng, do diệt đối ngại tướng, không tác ý đa thù tướng, đây là hư không vô biên; sau khi cháng nhập, an trú hư không vô biên; 5. sa sarvaśa ākāśānāntyāyatanam samatikramyānantam vijñānam iti vijñānāntyāyatanam upasampadya viharati, sau khi vượt qua tất cả hư không vô biên xứ, đây là thức vô biên xứ; sau khi chứng nhập, an trú thức vô biên xứ; 6. sa sarvaśovijñānāntyāyatanam samatikramya nāsti kiñcid ity ākiñcanyāyatanam

upasampadya viharati, sau khi vượt qua tất cả thức vô biên xứ, đây không có gì cả; sau khi chứng nhập, an trú vô sở hữu xứ; 7. sa sarvaśa ākiñcanyāyatanam samatikramya naivasamjñānāsamjñāyatan upasampadya viharati, sau khi vượt qua tất cả vô sở hữu xứ; chứng và an trú phi tướng phi phi tướng xứ; 8. sa sarvaśo naivasamjñānāsamjñāyatananam samatikramya samjñā-veditanirodham kāyena sāksātkṛtvopasampadya viharati, vượt tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, tự thân chứng nghiệm, chẳng nhập và an trú nơi sự diệt tận của tướng và thọ. 53

cái 蓋, những chướng ngại đối với định và tuệ, năm cái. Skt. pañca nīvaraṇāni 1

Ca-lạc-ca-tôn-đà 迦洛迦孫馱, Câu-lưu-tôn Phật. Skt. Krakucchanda 176

Ca-la-cu-đà Ca-chiên-diên 迦羅鳩馱迦旃延, một trong Lục sư ngoại đạo rthời Phật. Skt. Kakuda-Kātyāna, 34

Ca-la-curu-tôn-đà 迦羅鳩孫馱, nh. Ca-lạc-ca-tôn-đà. 176

cam lộ diệt 甘露滅 8

cam lộ vũ 甘露雨. Skt. amṛta-varṣa 3

Cận Chấp 近執, tên dịch nghĩa của Skt. Upāli, 40

căn 根, năm căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Skt. pañca indriyāni: 1. śraddha, 2. viriya, 3. smṛti, 4. samādhi, 5. prajñā, 94

câu (phần) giải thoát, giải thoát gồm cả hai phần định và tuệ; trường hợp vị A-la-hán chứng diệt tận định, Skt. ubhayatobhāga-vimukta, 26

cầu tài vị 求財位. Skt. bhogānārabhya-paryeṣṭi, 115

câu-chi na-dữu-đa 俱胝那庾多, Skt. koṭi-nayuta, 111

chân thật đế pháp 真實諦法, (Skt. satya-dharma, 120

chánh định tụ 正定聚, một trong ba tụ; hai tụ kia là tà định tụ và bất định tụ. Skt. trayo rāsāyāḥ: samyak-niyata-rāsitaḥ, mithyātva-niyataḥ-rāsitaḥ, aniyata-rāsitaḥ, 13

chánh quyết trạch 正決擇, Skt. samyak-viniścaya, 20

- chánh tánh ly sanh vị 正性離生位, Skt. samyaktva-niyama, 117
- chánh vị 正位, nh. chánh tánh ly sinh vị. 151
- chấp ngã 執我. Skt. ātmagrāha, 71
- Châu Đỉnh Vương 珠頂王, nh. Châu Kế Vương. 137
- Châu Kế Vương 珠髻王. Skt. Mañicūḍa, cf. Mvyut, 137
- chỉ tức 止息, 13
- chỉ 止, 7
- Chiêm-bặc 瞻蔔, nh. chiêm bặc-ca. 105
- chiêm-bặc-ca 瞻博迦, tên một loại hoa, hoàng hoa thọ, Skt. campaka, 105
- chủng chủng tướng 種種相, 40
- Chúng hương 眾香, 139
- chúng sinh cầu 眾生垢, 28
- chúng sinh tưởng, 眾生想, Skt. sattva-saṃjñā, 71
- chủng tánh trụ 種性住, Skt. gotra-vihāra 105
- Công Đức Bảo Trang Nghiêm Phật 功德寶莊嚴佛, 16
- Cực hỷ trụ, Skt. pramudita-vihāra, 105
- cuồng 誑, 49
- đắc nhẫn Bồ-tát 得忍菩薩, 95
- Đa-đà-a-già-độ 多陀阿伽度, Skt. Tathāgata, Như lai 154
- Đại lâm 大林, Skt. Mahāvana, 25
- đại pháp từ tự 大法祠祀 Skt. mahā-dharmayajña, 173
- đại pháp uyển lạc 大法苑樂, 56

- đại phong luân 大風輪 88
- Đại thanh văn. Skt. Mahāśrāvaka 85
- Đại Thiện Hiện 大善現 32
- Đại Tiễn Thế Nam 大剪剃 (Con trai người thợ cạo). Skt. Mahā-Kātyāyana. 38
- đại tự hội 大祠會, 59
- Đại Vô Diệt 大無滅. Skt. Aniruddha. 39
- Đà-la-ni ấn 陀羅尼印, 172
- đà-la-ni niệm tuệ vô thất 陀羅尼念慧無失 116
- đạo phẩm 道品, 14
- đạo tràng 道場, 53
- đạo ý 道意, 56
- Đao-lị chư thiên 忉利諸天, Skt. Trayastriṃsā devāḥ, 86
- Đâu suất Thiên vương 兜率天王, 47
- Đế /thật 諦實, 137
- đế諦 54
- dị sanh chư pháp 異生諸法, Skt. pṛthagjana-dharmā, 26
- điện cửu trú (thí dụ) 電久住, 94
- diệt định 滅定, nh. diệt thọ tướng định. 26
- diệt thọ tướng định 滅受想定, tướng thọ/ tri diệt tận định, Skt. samjñāvedītanīrodha-samādhi, 26
- diệu bồ đề 妙菩提, 53
- Diêu cao sơn vương 妙高山王. Skt. Sumeru-parvata-rājan, 86

- Diệu Cát Tường 妙吉祥 (Bồ tát), Skt. Mañjuśrī, 65
- Diệu Huệ 妙慧. Skt. Sumati, 134
- Diệu Nhãn 妙眼. Skt. Sunetra. 130
- điều phục 調伏, Skt. vinīta 11
- điều thuận nhẫn 調順忍. Skt., sauratya-kṣānti. 20
- Điều Thuận Tuệ 調順慧, 132
- Diệu Tinh 妙星, Skt. Sunakṣtra, 130
- Diệu Tỳ 妙臂. Skt. Subāhu, 130
- Diệu Ý 妙意. 134
- Di-lặc 彌勒, Skt. Maitreya, 47
- định ý 定意, 32
- đoàn thực 揣食, Skt. kavaḍimkāra-āhāra, 31
- đoạn 斷, 73
- đồng loại sinh 同類生 (Skt. sabhāga-jāti?), 57
- đồng tử Bồ-tát 童子菩薩, tức Bồ tát niên thiếu, Skt. kumāra-
bodhisattva, 11
- Đồ-sử-đa Thiên vương 睹史多天王. Skt. Tuṣita-devarājā, 47
- du cam tử 餘甘子, 39
- Đức Đỉnh 德頂, 130
- Đức Tạng 德藏, 136
- dục tham 欲貪, 101
- Đức Thủ 德守, 129

- du-già sư địa 瑜伽師地, trình độ tu tập. Skt. yogācārabhūmi, 61
- Dương diệm thế giới 陽焰世界, 63
- dương diệm thủy 陽焰水, 93
- đương khởi pháp tướng 當起法想, 71
- du-thiện-na 踰膳那, 85
- duy danh 唯名. Skt. nāma-mātra, 51
- duy 唯, 26
- giả danh 假名, 51
- giác phẩm 覺品, 120
- giác phần tương ưng tăng thượng tuệ trụ, Skt. bodhi-pakṣa-pratisaṃyukto'dhiprajñā-vihāra, 105
- giác phần 覺分, Skt. bodhi-pakṣa, 120
- giác quán 覺觀, nh. tầm tứ, Skt. vitarka-vicāra, 28
- giác tuệ như không 覺慧如空, 131
- giác ý 覺意, 120
- giải thoát môn (ba) 三解脫: Không 空, vô tướng 無相, vô tác 無作 (=vô nguyện 無願). Skt., trayo vimokṣaḥ (rīṇivimokṣāni): śūnyatā animittaḥ apraṇihitaḥ, 29
- giải thoát thứ tám, thứ tám trong tám giải thoát, nh. diệt tận định, tướng thọ (tri) diệt tận định 想受滅盡定, 26
- giải thoát tướng 解脫相, 103
- giáo đạo chúng sinh 教導眾生, 70
- giới 界, 56, 81, 94

hàng ma lao oán 降魔勞怨,	19
hành chánh niệm 行正念,	100
hành phi thú 行非趣,	113
hành tướng 行相, Skt. ākāra,	39
hành xứ 行處,	82
hậu tế 後際,	28
hiện kiến 現見,	132
hoà hiệp 和合 (Skt. samagrī?),	31
hoá nhân 化人, Skt. nirmitaka,	36, 95
hư vọng phân biệt 虛妄分別. Skt. vikalpya,	101
Hương Tích 香積,	139
hữu duyên lự 有緣慮. Skt. sālambhana,	73
hữu phan duyên 有攀緣, nh. hữu duyên lự.	73
hữu số 有數,	45
hữu thân 有身, Skt. satkāya,	117
hữu thú vô thú ý lạc sở quy 有趣無趣意樂所歸,	4
hữu thủ vô thủ 有取無取,	129
hữu tình ngã tưởng 有情我想,	71
huyễn sĩ 幻士, Skt. māya-puruṣa,	30
kết tặc 結賊,	97
kết tập 結習,	103
Kham nhẫn thế giới 堪忍世界. Skt. Saha-loka-dhātu,	141

khí xả 棄捨,	83
không nhân xứ 空閑處, Skt. arañyātana,	61
không tính 空性, Skt. sūnyatā,	68
không trung vân 空中雲,	93
không tụ tướng 空聚想,	31
không tụ 空聚, xóm vắng, Skt. sūnya-grāma,	24
không 空, Skt. sūnya,	68
kiến đề 見諦, Skt. satya-darśana,	33
kiến văn giác tri 見聞覺知. Skt. dṛṣṭa-śruta-mata-jñāta,	83
kiếp tận 劫盡, Skt. kalpa-kṣaya,	88
Kiều-thi-ca 憍尸迦. Skt. Kauṣika,	55
ký biệt 記別, thọ ký, Skt. vyākaraṇa,	47
kỳ niên giải thoát 耆年解脫,	103
ký thuyết 記說, Skt. vyākaraṇa,	47
lạc nhiếp tàng 樂攝藏, Skt. ālayarāma,	83
Lạc Thật 樂實,	137
lạc thiếu chi nhân 樂少之人,	141
lạc tiểu pháp giả 樂小法者,	141
Lạc trang nghiêm quốc 樂莊嚴國. Skt. Sukhāvati-vyūha,	144
La-hầu-la 羅睺羅,	42
La-hổ-la 羅怛羅. Skt. Rāhula,	42

- La-lân-na-kiệt 羅鄰那竭, 6
- lao lữ 勞侶, 35
- Lâu-chí 樓至, nh. Lô-chí, Skt. Ruci, 176
- Li-thiếp-tì 離咕毘, Skt. Licchavi, 6
- Loa Kê Phạm vương 螺髻梵王, nh. Trì Kê, 16
- Lô-chí 盧至. Skt. Ruci, 176
- Luân vi sơn 輪圍山, Thiết vi sơn, Skt. cakravāḍa, 165
- lục sư ngoại đạo 外道六師, 34
- lục thập nhị kiến 六十二見, 43
- lưu dật 流溢, 132
- lưu 流, 132
- Ly hệ Thân Tử 離繫親子, Ni-kiền Thân Tử, một trong Lục sư ngoại đạo thời Phật, Skt. Nirgrantha Jñāti-putra, 34
- ly hệ 離繫, một hệ phái của Jina, phái loã hình thác bát, Skt. Nirgrantha, 50
- Ma Ba-tuần 魔波旬, Skt. Māra P āpiyas, 55
- Ma-ha Ca-chiên-diên 摩訶迦旃延, Mahā-Kātyāyana, 38
- Ma-ha Ca-đa-diễn-na 摩訶迦多衍那, nh. Ma-ha Ca-chiên-diên, 38
- Ma-ha Tô-bổ-đề, 摩訶蘇補底, nh. Tu-bổ-đề, Skt. (Mahā)Subhūti. 32
- Mãn Ca-diếp-ba 滿迦葉波, Phú-lan-na Ca-diếp, Phát-lan Ca-diếp, một trong Lục sư ngoại đạo thời Phật, Skt. Pūraṇa-Kaśyapa, 34
- Mãn Tử Tử 滿慈子, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Đại Thanh văn, thuyết pháp đệ nhất, Skt., Pūrṇa-Maitrāyaṇi-putra. 36
- mạng giả 命者, Skt. jīva, 28

- mật ngữ phương tiện kiêu mạn 密語方便憍慢, 115
- Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử 末伽梨拘賒梨子, một trong Lục sư ngoại đạo thời Phật, Skt. Maskarī-Gośālī-putra, 34
- Mạt-tát-yết-li Cù-xá-li Tử 末薩羯離瞿舍離子, 34
- minh thoát 明脫, minh và giải thoát, vidyā-vimukti, 33
- Minh Tướng 明相, 133
- mỗi-đát-lị-da 梅旦利耶, 47
- na-dữu-đa 那庾多, đơn vị đo đường dài, Skt. nayuta, 167
- Na-la-diên thân 那羅延身, thân lực sỹ nhà trời, Skt. Nārāyana-kāya, 115
- Na-la-diên 那羅延, Skt. Nārāyaṇa, 131
- Nan Thắng Như lai 難勝如來 (Durjaya-tathāgata), 62, 107
- nạn xứ 難處, 145
- Nan-thắng 難勝, 106
- não nhuế 惱恚, 114
- ngã cấu 我垢, 28
- ngã tưởng 我想, 71
- Ngoại đạo lục sư 外道六師, 34
- Ngũ cái 五蓋, Skt. pañca nīvaraṇāni, 117
- ngũ nghịch 五逆, năm tội đại nghịch, năm nghiệp vô gián, Skt. pañca ānantarya-karmāṇi, 33
- Ngũ thông tiên nhân 五通仙人 (Skt. pañcābhijña ṛṣi), 126
- Ngũ trược ác thế 五濁惡世. Skt. pañca kaṣāyāḥ, 141

ngũ vô gián thú 五無間趣 (Skt. pañca ānantaryār gatayaḥ, pañca ānantaryāṇi karmāni), 113

nguy thân chủng tánh 117

Nguyệt Cái 月蓋, 143

nhân bảo 人寶, 9

nhẫn điều hạnh 忍調行, 20

nhạo thuyết biện tài 樂說之辯, khả năng biện luận lưu loát, Skt. pratibhāna-pratisamvid, 42

nhập vi diệu tịch định 入微妙寂定, 139

nhập 入, 81

nhất chính lý môn ngộ nhập 一正理門悟入, 62

nhất kiếp dư, hơn một kiếp 一劫餘, 170

Nhất sanh bổ xứ 一生補處, nhất sinh sở hệ, còn một lần tái sinh nữa sẽ thành Phật, Skt. ekajāti-pratibaddha, 152

nhất sanh hệ vị 一生繫位, 152

nhất sinh sở hệ, Skt. ekajātibaddha. 48

nhất sinh 一生, nhất sinh sở hệ, Skt. ekajātibaddha. 48

Nhất thiết diệu hương 一切妙香, nh. Chúng hương (cõi Phật), 139

Nhất thiết đức tạng tam muội 一切德藏三昧, 145

Nhất thiết đức trang nghiêm định 一切德莊嚴定, 145

nhất thiết kiến thú 一切見趣, Skt. sarva-dṛṣṭi-gata, 27

Nhất Thiết Nghĩa Thành Như lai 一切義成如來 (Sarvārthasiddha-tathāgata), 107

Nhất thiết trí tâm 一切智心, Skt. sarvajñatā-citta, 118

nhất thiết trí trí, Skt. sarvajñā-jñāna,	76
Nhất thiết trí 一切智	76
nhất thú 一趣, Skt. ekagati,	33
nhất thực 一食,	31
Nhất-thiết-lợi-thành 一切利成, Skt. Sarvārthasiddha,	106
nhị tướng 二相,	40
niếp sự (bốn) 四攝事 Skt. catvāri saṅgraha-vastāni,	54
niếp sự độ 攝事土, Skt. saṅgraha-kṣetra,	14
niếp thủ 攝取,	83
Như lai chủng tánh 如來種性, Skt. tathāgata-gotra,	116
Như lai chủng 如來種,	116
Như lai sở hoá 如來所化,	109
Như lai tập khí tương tục 如來習氣相續,	95

Như lai thập lực 如來十力, mười năng lực của Phật; Skt. tathāgata-daśabalāni: 1. sthānāthāna-jñānabalam, xứ phi xứ trí lực, trí lực biết điều gì có thể xảy ra, điều gì không thể xảy ra; 2. karma-vipāka-jñānabalam, biết kết quả của nghiệp sẽ là gì; 3. nānādhimukti-jñānabalam, biết tất cả xu hướng dị biệt của chúng sinh; 4. nānādhātu-jñānabalam, biết tất cả các giới loại sai biệt; 5. (sattva)indriya-parāpara-jñānabalam, biết tất cả căn tính cao thấp khác nhau của chúng sinh; 6. sarvatragāminī-pratipaj-jñānabalam, biết tất cả sự thực hành sẽ dẫn đến định hướng nào; 7. (sarva)dhyāna-vimokṣa-samādhi-samāpatti-saṃkleśa-vyavadāna-vyūthāna-jñānabalam, biết rõ sự xuất ly của tập nhiễm hay thanh tịnh của tất cả các thiền, giải thoát tam muội, đặng trì; 8. pūrvanivāsānusamṛti-jñānabalam, trí lực hồi tưởng các đời quá khứ; 9. cyutyupatti-jñānabalam, trí lực nhận thức sự sinh và sự chết; 10. āsraṃkṣaya-jñānabalam, trí lực biết rõ sự tận diệt của các lậu hoặc. 4

Nhu thuận nhẫn 柔順忍, 174

Như 如, tức chân như. Skt. tathatā., 48

- nhuế não phẫn hại độc tâm 恚惱忿害毒心, 114
- Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử 尼犍陀若提子, nh. Ly hệ Thân Tử, 34
- nữ nhân tánh 女人性. Skt. strī-liṅga, 107
- nữ nhân tướng 女人相, 107
- phạm hạnh 梵行, Skt. brahma-carya, 21
- phàm phu sự 凡夫事, 26
- phân biệt động 分別動. Skt. vikalpa-vikṣepa, 53
- phan duyên 攀緣, thức vin bám vào đối tượng để sinh khởi, Skt. ālamba, 52
- Pháp chấp 法執 dharma-grāha, 82
- pháp lạc 法樂, Skt. dharmarata, 56
- pháp tài 法財, Skt. dharmadhana, 8
- Pháp Tự Tại (Bồ tát) 法自在, Skr. dharmavaśavartin/ dharmavaśitā, 129
- pháp tướng, Skt. dharma-lakṣaṇa, 34
- pháp tướng. Skt. dharma-samjñā., 34
- pháp vô nhiếp tàng 法無攝藏, Skt. nirālaya dharma, 83
- pháp vô xứ sở 法無處所, 83
- Phật chấp, 佛執及僧執. Skt. buddha-grāha, 82
- Phật hoá 佛化, 109
- phát khởi gia hành 發起加行. Skt. prayoga-prasthāna, 53
- Phật phiền não tập 佛煩惱習, 95
- Phật thọ 佛樹, 8

- phát thú sự 發趣事, 54
- Phất-sa 弗沙, tên sao, Puṣya/ Pauṣa, 130
- phi đạo 非道, 113
- phi thời cầu 非時求, 76
- phi thú 非趣, 113
- phiền não tập 煩惱習. Skt. kleśa-vāsana, 51
- phiền não trần cấu 煩惱塵垢. Skt. kleśa-mala, 114
- phiền não 煩惱, 35
- Phổ Mật 普密. Skt. Samantagupta, 133
- Phổ Thủ 普守, 133
- Phong Ca-diễn-na 鞞 迦衍那, 34
- Phú-lan-na Ca-diệp 富蘭那迦葉, Skt. Pūraṇa-aśyapa, 34
- Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử 富樓那彌多羅尼子, Pūrṇa-maitrāyaṇi-putra, 36
- phước hành 福行, nghiệp thiện thuộc Dục giới, Skt. puṇyābhisāṅkāra, 136
- phương tiện thiện nhiếp diệu tuệ 方便善攝妙慧, 74
- phương tiện tuệ 方便慧, Skt. upāya-jñāna, 74
- quảng đại diệu trí tư lượng 廣大妙慧資糧, 62
- Quang minh quốc độ 光明國土, 63
- Quang Tràng 光幢, 133
- quyết định tuệ 決定慧 skt. viniścaya-jñāna., 20
- sắc cứu cánh 色究竟, nh. a-ca-ni-tra, Skt. akaniṣṭha, 166

sa-ma-đà 沙摩陀, chi, Skt. samātha,	7
San-xà-dạ Tỳ-la-chi Tử 刪闍夜毘羅胝子, một trong Lục sư ngoại đạo thời Phật, Skt. Sañjayī-Vairatīputra,	34
sát-na tâm. Skt. ekakṣaṇa/ cittakṣaṇa,	54
si và ái 癡愛, nh. vô minh và hữu ái,	33
sinh số 生數,	45
sở duyên 所緣, đối tượng của thức, thức vin vào để sinh khởi, Skt. ālambana,	28
sở nhập chính tính 所入正性, Skt. samyaktvaniyāmāvakrānta.	48
số thủ thú 數取趣, nh. bỏ-đặc-già-la, Skt. pudgala,	28
Sơn Đăng Vương 山燈王 (Parvata-dīparājan).	84
Sơn tràng 山幢 (Parvatadhvaja),	84
sư quyền 師捲, nắm tay của vị Thầy, không truyền dạy hết cho đệ tử, Skt. ācārya-muṣṭi,	98
Sư Tử Hống Như lai 師子吼如來 (Siṃhanadā-tathāgata),	107
Sư Tử Hưởng 師子響, Skt. Siṃhaghoṣa,	106
Sư Tử Tuệ 師子慧. Skt. Siṃhamati,	131
Sư Tử Ý 師子意, Siṃhamati,	131
tà đạo 邪道,	116
tà tế 邪濟,	116
Ta-bà thế giới 娑婆世界, Skt. Saha-loka,	141
tác tướng 作相,	39
tâm bản tịnh 心本淨,	41

- tam đạo bảo giai 三道寶階, 166
- tám giải thoát 八解脫, Skt. aṣṭau vimokṣāḥ, 120
- tám tà pháp 八邪法, 117
- tâm thiện giải thoát 心善解脫, Skt. suvimukta-citta, 17
- tâm tương ưng 心相應, 69
- tâm tướng 心相, 41
- tầm và tứ 尋伺, Skt. vitarka-vicāra, 28
- tâm vô ngại 心無闕, 135
- Tam-miêu-tam-Phật-đà 三藐三佛陀, Skt. Samyaksambuddha, 154
- tân học bồ tát 新學菩薩, Skt. ādikarmika-bodhisattva, 85
- tân phát ý bồ tát 新發意菩薩, nh. tân học Bồ tát, 85
- Tăng chấp 僧執, Skt. saṅgha-grāha, 82
- tăng thượng giới trụ (adhiśīla-vihāra), 105
- tăng thượng tâm trụ (adhicitta-vihāra), 105
- tăng thượng tuệ trụ (adhiprajñā-vihāra), 105
- tăng thượng ý lạc 增上意樂. Skt. adhy-āsaya, 53
- tạp nhiễm 雜染, Skt. saṃkleśa, 32
- tất cánh bất động, Skt.. atyantācala, 29
- tất cánh tận 畢竟盡 (Skt. atyanta-kṣaya), 97
- tất cánh trụ 畢竟住. Skt. atyanta-ṣṭhita, 97
- tát-ca-da diệt 薩迦耶滅. Skt. satkāya-nirodha, 135
- tát-ca-da kiến 薩迦耶見, Skt. satkāya-dṛṣṭi, 33

tát-ca-da 薩迦耶, hữu thân, Skt. satkāya, 135

Tha hoá tự tại thiên 他化自在天, Skt. Paranirmitavaśavartin, 16

thạch nữ 石女, 95

Thâm Thâm Giác 甚深覺, 134

thâm tín 深信, 3

Thâm Tuệ 深慧, 134

Thần biến 神變, thần thông biến hoá. (Skt. ṛddhi-prātihārya), 7

Thân chứng, vị A-na-hàm chứng đắc diệt tận định được gọi là Thân chứng, (Skt. kāya-sākṣin), 26

thân hiệp 身合, 69

thân kiến 身見, hữu thân kiến, Skt. satkāya-dṛṣṭi, 94, 118

thắng bò-đề 得菩提, 8

thắng giải hành trụ (adhimukti-cārya-vihāra), 105

Thắng Mật 勝密. Skt. Śrīgupta, 129

Thắng Phong 勝峰. Skt. Śrīkūṭa, 130

Thắng Tạng 勝藏. Skt. Śrīgarbha, 136

thắng ý lạc 勝意樂 (Skt. adhyāśaya). 121

thành thực hữu tình 成熟有情, Skt. sattva-paripāka, 70

thất Thánh tài 七聖財 (Skt. sapta dhanāni), 121

thất thức trụ 七識住. Skt. vijñāna-sthiti, 117

thế gian pháp 八世法, tám pháp thế gian, bát phong; Skt. aṣṭau lokadharmāḥ: 1. lābha, lợi, đắc, thành công; 2. alābha, suy, thất bại; 3. yaśaḥ, xưng, thanh danh; 4. ayaśaḥ, cơ, tiếng xấu, 5. nindā, huỷ nhục, chê bai; 6. praśamsā, dự, tán dương; 7. sukhaṃ, lạ 9

Thích-ca Như lai 釋迦牟尼如來 (Śākya-tathāgata),	106
thiện điều phục 善調伏,	41
thiện điều thuận 善調順,	135
Thiện Đức 善德,	59
Thiện gia hành độ 善加行土, Skt. kuśala-prayoga-kṣetra,	12
thiện giải pháp tướng 善解法相,	3
thiện giải 善解,	41
Thiện Nhãn 善眼, Skt. Sunetra,	130
thiện tâm thành thật 善心誠實,	120
Thiện Thí 善施, Skt. Sudatta,	59
thiện tịch 善寂. Skt. suśānta,	52
Thiện Túc 善宿, Sunakśatra,	130
Thiện Ý 善意, Skt. Sumati,	132
Thiết vi sơn 鐵圍山, Skt. Cakravāḍa,	165
thọ a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề ký 授阿耨多羅三藐三菩提 記,	48
thọ bất thọ 受不受,	129
thọ ký 授記. Skt. vyākaraṇa,	47
thọ mạng 壽命,	28
thọ vị 受味,	98
thứ đệ diệt, Skt. anupūrva-nirodhā,	26
thứ đệ trú, Skt. nava anupūrva-vihārā,	26

thủ xả 取捨, 83

thú 趣, 113

thừa ý thể thông 乘意勢通 88

thuận pháp nhẫn 順法忍, 174

thuần ý lạc độ 純意樂土, Skt. visuddhāsaya-kṣetra, 12

Thường lạc viễn ly 常樂遠離, thường vui thú ẩn dật. Skt. viveka-rata.

21

Thượng Thiện 上善 135

Thượng Thủ 上首, 40

thượng vị 上味, 152

thượng ý lạc độ, Skt. adhyāsaya-kṣetra, 12

thứu đạp 蹴蹋, 91

thủy phù bào 水浮泡, 94

thủy tế luân 水際輪, 166

thủy tế 水際, 166

thủy thượng bào 水上泡, Skt. udaka-budbuda, 94

thủy tụ bọt 水聚沫, Skt. phenapiṇḍa, 93

Thuyết Vô Cấu Xứng bất tư nghị giải thoát thần biến pháp môn
說無垢稱不可思議自在神變解脫法門, 180

Tịch Căn 寂根, 135

tịch đạo 寂道 Skt. śānta-mārga, 7

Tịch tĩnh căn 寂靜根. Skt. Śāntendīya (Cf. Gaṇḍ., Rāstr., Śikṣ.) 135

Tì-da-li (Vaiśalya), 1

tiền tế 前際, pūrva-koṭi,	28
tiền thế 前世, Skt. pūrva-nivāsa,	70
tĩnh định 靜定,	32
Tịnh Giải 淨解,	131
Tịnh mạng 淨命,	70
tịnh Phật độ tướng 淨佛土相,	11
Tịnh Thắng Giải 淨勝解.. Śuddhādhimukta,	131
tình 情, ngh. căn,	94
Tô-đạt-đa 蘇達多. Skt. Sudatta,	59
tội cấu 罪垢,	114
tội hành 罪行,	136
Tối Thượng Hương Đài 最上香臺,	139
tối thượng vị 最上味. Skt. agada-bhaiṣajya,	152
Tổng trì vô thất 總持無失,	116
trí ba-la-mật (jñāna-pāramitā),	19
Trí chứng 智證,	31
Trì Kế Phạm vương 持髻梵王, nh. Loa Kế Phạm vương,	16
trí nghiệp 智業,	61
tri như thật 知如實,	54
Trì Thế 持世. Skt. Lokadhāra,	55
triền 纏,	1
trừ bát nạn 除八難,	14

trụ của Bồ tát (Bodghisattva-vihāra), 105

trung kiếp 劫中 (Skt. antarkalpa), 124

trước chúng 著眾, 82

trước ngã 著我, 71

trước pháp 著法, 82

trước phật 著佛, 82

trước xứ 著處, 83

tứ đại 四大, Skt. catvāri mahābhūāni, 69

tứ giới 四界. Skt. dhātavaś cavāri, 69

tu hành địa 修行地, 61

tu không 修空, 60

Tự tại thiên 自在天, 16

Từ Thị 慈氏, 47

Tứ Thiên vương 四天王, 86

tứ y 四依, 174

Tu-bồ-đề 須菩提, 32

Tu-di Đẳng Vương 須彌燈王 (Sumerudīparājan), 84

Tu-di sơn vương 須彌山王, 86

Tu-di tướng 須彌相 (Skt. Sumerulakṣaṇa), 84

Tuệ nghiệp 慧業, 62

tuệ phương tiện 慧方便. (Skt. jñānopāya, 74

tương cố đãi 相顧待, quan hệ, chiếu cố lẫn nhau. Skt. āpekṣika. 41

- trương đãi 相待 , 30, Skt. āpekśa, 29
- trương hảo nghiêm thân 相好嚴身, 21
- Tưởng Phệ-đa Tử 想吠多子, Skt. Saṃjaya-Vairatī-putra, 34
- trường thọ (tri) diệt tận định 想受(知)滅盡定, Skt. saṃjña-vedita-nirodha-samāpatti. 26
- tùy chí 隨至 50
- ưng vô sở cầu 應無所求. Skt. aparyeṣitavya. 84
- Ưu-ba-li 優波離, (Upāli) 40
- Vãng lai sở thú 往來所趣, 4
- Văn-thù-sư-lợi 文殊師利, (Mañjuśrī) 65
- vô biên từ 無邊慈 (Skt. ananta-maitrī), 97
- vô biểu, vô thị 無表無示, avijñapti, 138
- vô cuống 無誑, 98
- vô đẳng khởi 無等起. Skt. asamutthāna, 97
- vô đẳng từ 無等慈, Skt. assamamaitrī, 98
- Vô Động 無動, Skt. Akṣobhya, 164
- vô gián bình đẳng pháp tính 無間平等法性 (Skt. anantarya-samadharmatā), 33
- vô gián 無間, Skt. anantarya, 51
- vô hà sinh 無暇生, 145
- vô hý luận 無戲論. Skt. niṣprapañca, 82
- Vô Lượng Thọ Như lai 無量壽如來 (Amitāyus-tathāgata), 106
- vô lưu 無流, 132

- vô minh và hữu ái 無明有愛, Skt.. avidyā & bhava-tṛṣṇā. 33
- Vô Ngại Nhân 無礙眼, 135
- vô ngôn 無言, 138
- vô nguyện 無願, Skt. apraṇidhāna, 60
- vô sắc tướng 無色相, 69
- vô siểm 無詐, 99
- vô sinh pháp nhẫn 無生法忍, Skt. anutpattika-dharma-kṣānti, 17
- Vô sở hữu xứ (Skt. ākiñcanyāyatana), 26
- vô sở khởi 無所起, 97
- vô sở phân biệt 無所分別, 102
- vô sở thú 無所趣, 54
- vô sở uý của Bồ-tát (bốn), Skt. bodhisattvānāṃ catvāri vaiśāradyaṇi, 3, 19
- vô sở uý của Phật (bốn), 如來四無所畏 catvāri tathāgatasya vaiśāradyaṇi, 4
- vô sở uý 無所畏, Skt. vaiśāradya, 3
- Vô tận đặng 無盡燈, 58
- Vô Tận Tuệ 無盡慧. Skt. Akṣayamati, 134
- Vô Tận Ý 無盡意, nh. Vô Tận Tuệ, 134
- vô tạp 無雜, 51
- Vô Thắng Phát Hạng 無勝髮[禾*曷], nh. A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿耨多翅舍欽婆羅; Skt. Ajita-keśa-kambala, một trong Lục sư ngoại đạo thời Phật, 34
- vô thị 無示, 138

vô thọ hành 無受行,	8
Vô Thuán 無瞬,	129
vô thức 無識.,	138
vô thượng chính đẳng giác tâm 無上正等覺心,	56
vô thuyết 無說,	138
vô tịch diệt 無熾燃無寂滅,	31
Vô tránh tam-muội/định, Skt. araṇā-samādhi,	35
Vô tránh từ 無諍慈 (Skt. araṇa, cf. cht. 57, Ch.iii),	96
vô tuệ lợi 無慧利,	73
Vô tướng hữu công dụng trụ (nirmitta-sabhoga-vihāra),	105
Vô tướng vô công dụng trụ (nirmittānabhoga-vihāra),	105
vô xí nhiên, 無熾燃,	31
vô 無, Skt. abhava,	68
xảo phương tiện độ 巧方便土, Skt. upāya-kausalya-kṣetra,	14
xảo tiện vô ngại 巧便無礙,	65
xú 處 (Skt. āyatana),	81
Xung (Di?)-đê-lị 稱帝麗,	47
xúng vô lượng 稱無量,	7

y chỉ (bốn), Skt. catvāri pratisaraṇāni: 1. artha-pratisaraṇena bhavitavyam na vyañjana-pratisaraṇena, y nghĩa không y văn; 2. dharma-pratisaraṇena bhavitavyam na pudgala-pratisaraṇena, y pháp không y người; 3. jñāna-pratisaraṇena bhavitavyam na vijñāna-pratisaraṇena, y trí không y thức; 4. nītārthasūtra-pratisaraṇena bhavitavyam na neyārthasūtra-pratisaraṇena, y kinh thấu triệt chân lý, không y kinh điển không thấu triệt chân lý. 174

ý lạc 意樂. Skt. āśaya, 3

yến tọa 宴坐, Skt. pratisaṃlayana, 25

---o0o---

Hết

¹ Tăng Hựu, Xuất Tam tạng ký tập (445-518), T55n2145 tr.6c14: «Duy-ma-cật kinh», 2 quyển, khuyết.

² Tăng Hựu, nt., T55n2145_p8c16: San Duy-ma-kinh 1 quyển 刪維摩鞞經一卷, Sa-môn Trúc Pháp Hộ 沙門竺法護.

³ Tăng Hựu, nt., T55n2145_p0009c12: Di Duy-ma-cật kinh, 3 quyển 異維摩詰經三卷, Trúc Thúc Lan 竺叔蘭.

⁴ Tăng Hựu, nt., T55n2145_p0010a11: Hiệp Duy-ma-cật kinh, 5 quyển 合維摩詰經五卷, Sa môn Chi Mẫn Độ 沙門支敏度.

⁵ Pháp Kinh, Chúng kinh mục lục (594), T55n2146_p0119a09.

⁶ Tăng Hựu, nt., T55n2145_p0058b21.

⁷ Tuệ Hạo, Cao tăng truyện, quyển 6, T50n2059_p0357c13.

⁸ Xem bài tựa của Tăng Triệu, ở cuối sách

⁹ Am-la thọ viên 菴羅樹園. VCX. Am-la-vê lâm 菴羅衛林. Skt. Āmrapāli-vana.

¹⁰ Tì-da-li 毘耶離. VCX. Quảng nghiêm thành 廣嚴城. Skt. Vaiśālī.

¹¹ VCX.: đại thần thông nghiệp tu dĩ thành biện 大神通業修已成辦, đã hoàn thành sự nghiệp đại thần thông CDM.: Bản Phạn nói, <thần thông trí tuệ bản sự dĩ tác 神通智慧本事已作 > đã hoàn thành bản sự của thần thông trí tuệ. Cf. Sukhavyūha: abhijñānābhijñātaiḥ.

¹² CDM. Triệu: cái 蓋, chỉ năm cái (5 thứ che lấp tuệ: tham dục, sân, hối-miên, điều cử, nghi; Skt. pañca āvaraṇāni: rāga, pratigha, tyāna-middha, uddhatya-kauṛtya) và triền 纏, chỉ mười triền phược (10 thứ quấn chặt, tức 10 tùy phiền não). VCX.: chướng và cái triền; VCS.: chướng có hai: phiền não và sở tri; cái có 5 (như trên); triền có 8 (vô tầm, vô quý, hôn trầm, thuy miên, điều cử, ô tác, tật, xan).

¹³ CDM.: chánh niệm, chánh định, tổng trì (= đà-la-ni, Skt. dhāraṇī), và 7 biện tài (1. tiếp tạt, ứng đối nhanh, 2. lợi, nhạy bén, 3. bất tận, không cùng tận, 4. bất khả đoạn, không bị cắt đứt, 5. tùy ứng, thích ứng hoàn cảnh, 6. nghĩa, dẫn đến mục đích, 7. thế gian tối thượng).

¹⁴ Sáu ba-la-mật 波羅密; Skt. saṭ pāramitāḥ: dāna, śīla, kṣānti, vīrya, dhyāna, prajñā.

¹⁵ VCX., nêu 10 ba-la-mật. 6 ba-la-mật, như trên, thêm 4: phương tiện (Skt. upāya), nguyện (praṇidhi/prānidhāna), lực (bala), và trí (jñāna).

¹⁶ Bất khởi pháp nhẫn 不起法忍, cũng nói là vô sanh pháp nhẫn (Skt. anutpattikeṣu dharmeṣu kṣāntī pratilabdḥā, chứng đắc vô sanh pháp nhẫn). CDM.: «Triệu nói, ... có khả năng lãnh thọ thật tướng, nên nói là nhẫn.» VCS., dẫn Thanh Biện: «Theo thế tục, nói là hữu; theo thắng nghĩa, nói là không. Không, cho nên không có gì để nắm bắt (=vô sở đắc). Quán sát, pháp vốn là không, thì đâu có sự sinh khởi. Quán sát sự không sinh khởi này mà phát khởi quán trí để chấp nhận (=quán trí nhẫn); do đó, nói là vô sở đắc bất khởi pháp nhẫn.»

¹⁷ Bất thoái luân 不退輪; DMCh. a-duy-việt trí pháp luân 阿惟越智法輪; Skt. avivarti-cakra=avaivartya-dharmacakrānupravartaka 隨轉不退法輪.

¹⁸ Thiện giải pháp tướng 善解法相; VCX.: đắc vô tướng diệu ấn 得無相妙印; VCS.: có hai loại diệu ấn, 1. có sai biệt, chỉ ba pháp ấn, chung cả Đại & Tiểu thừa: các hành vô thường, Niết-bàn tịch tĩnh, các pháp vô ngã; 2. diệu ấn không sai biệt: dấu ấn của các pháp là lý vô tướng.

¹⁹ Cái chur đại chúng 蓋諸大眾; CDM., Thập nói: theo bản Phạn, đọc là chúng bất năng cái 眾不能蓋, đại chúng không thể che lấp. VCX.: nhất thiết đại chúng sở bất năng phục 一切大眾所不能伏, không thể bị khuất phục bởi bất cứ chúng hội nào

²⁰ ô sở úy 無所畏, Skt. vaiśāradya, sự không bối rối và sợ hãi trước đám đông, sự trầm tĩnh, tự tin trước đám đông. Có 4 vô sở úy của Bồ-tát (bodhisattvānāṃ catvāri vaiśāradyaṇi), và 4 vô sở úy của Phật (catvāri tathāgatasya vaiśāradyaṇi) khác nhau.

²¹ VCX.: vượt trên cả Đế Thích (Skt. Śakradevānām Indra, Chúa tể các thiên thần).

²² Tâm tín 深信. VCX.: ý lạc 意樂. Skt. āśaya, ý hướng cao thượng, xu hướng tinh thần/tâm linh cao thượng.

²³ Cam lộ vũ 甘露雨. Skt. amṛta-varṣa, cơn mưa những hạt sương bất tử.

²⁴ VCX.: «cắt đứt dòng tương tục của tập khí kiến chấp nhị biên.»

²⁵ Vãng lai sở thú 往來所趣. VCX.: Hữu thú vô thú ý lạc sở quy 有趣無趣意樂所歸, chỗ quay về của ý lạc hữu thú và vô thú. VCS.: «Thanh Biện giải, theo thế tục đế thì hữu; theo thắng nghĩa đế thì là vô. Chỗ quay về rốt ráo của hai nẻo thú (hướng) này chính là lý chân không.»

²⁶ VCX.: hoạch vô đẳng đẳng Phật trí quán đỉnh 獲無等等佛智灌頂, được đẳng quang lên địa vị Phật trí tối thượng siêu việt.

²⁷ Mười lực, 10 năng lực siêu việt của Phật, Skt. tathāgata-daśabalāni 如來十力.

²⁸ Vô sở úy, đây chỉ bốn vô sở úy của Phật, Skt. catvāri tathāgatasya vaiśāradyaṇi 如來四無所畏.

²⁹ Chỉ 18 pháp đặc hữu, bất cộng, của Phật; Skt. aṣṭādaśa āveṇikā buddha-dharmāḥ 十八不共佛法.

³⁰ Trưởng giả tử danh viết Bảo Tích 長者子名曰寶積 (Skt. Ratnaraśi-grhapati); VCX.: Li-thiếp-tì chủng danh viết Bảo Tích 離帖毘種名曰寶性 (Licchaviputra-Ratnaprakṛta?); DMC.: trưởng giả tử danh La-lân-na-kiệt 羅鄰那竭, Hán dịch Bảo Sự 寶事, Skt. Ratnakṛta? CDM.: «Triệu nói, Bảo Tích cũng là Pháp thân Đại sỹ, thường cùng Tịnh Danh (Duy-ma-cật) đến chỗ Như lai, cùng hoằng truyền đạo giáo.»

³¹ VCX.: «cúi lạy đáng Đại Sa-môn.»

³² Đạo chúng dĩ tịch 導眾以寂; CDM., «Thập nói: theo Phạn bản, gọi là tịch đạo 寂道 (Skt. śānta-mārga), tức bát chánh đạo. Triệu nói: Tịch, chỉ cho đạo vô vi tịch diệt.» VCX.: hi di tịch lộ, «đạo lộ tịch tĩnh (tức an bình), bằng phẳng.»

³³ VCX.: «đã chứng đệ nhất tịnh ý lạc, và thắng sa-ma-đà đã đến bờ bên kia.» DMC. nói «tâm tịnh» tức nói «đệ nhất tịnh ý lạc.» Ý lạc (Skt. āśaya), hay tâm tư hướng đến chúng sinh, thuần tịnh bậc nhất; tức là, tâm tư Phật chỉ hướng đến một đối tượng thuần nhất, là sự lợi lạc của chúng sinh. Sa-ma-đà 沙摩陀, Hán cũng thường âm là xa-ma-tha (Skt. śamatha), dịch là chỉ 止, sự lắng đọng, đình chỉ tạp niệm; thường tu tập với tì-bát-sa-na (Skt. vipāśyanā), Hán gọi là tu tập chỉ quán.

³⁴ Xứng vô lượng 稱無量. VCX.: hoạch đắc quang đại thắng danh văn 獲得廣大勝名聞, «Có được danh tiếng rộng lớn.»

³⁵ Thần biến 神變, tức thần thông biến hoá. (Skt. ṛddhi-prātihārya)

³⁶ Pháp tài 法財, tài sản là Chánh pháp.

³⁷ VCX.: «Quán sát đệ nhất nghĩa mà đánh bại các oán địch.»

³⁸ Nguyên Hán: Phật thọ 佛樹.

³⁹ Cam lộ diệt 甘露滅; CDM., «Thập nói: theo Phạn bản, nói là tịch diệt cam lộ (Skt. śāntyāmṛta), tức thật tướng pháp.» VCS.: «Diệt, chỉ Niết-bàn. Giống như thuốc cam-lộ, uống vào thì được bất tử.»

⁴⁰ Giác đạo thành 覺道成, thành tựu đạo giác ngộ, thành Phật. VCX.: (đắc) thắng bồ-đề 得菩提. VCS.: «Chúng đắc chân trí vượt quá hàng Nhị thừa nên nói là thắng Bồ đề.»

⁴¹ Vô thọ hành 無受行; CHD., «Thập nói: không có thọ, tưởng, hành...Triệu nói: thọ, đây chỉ ba thọ.» VCS., «Thọ, tức sự lãnh nạp (=cảm nghiệm). Hành, tức sự duyên lự (=tư duy về đối tượng).» CDM.: «Bằng không tâm ý mà hiện hành.»

⁴² VCX.: «Ngoại đạo, tà sư không thể thăm dò.» VCS., dẫn Thanh Biện: «Cam lộ tịch diệt mà Phật chứng vốn là không, vô sở hữu, không phải cảnh vực của tâm ý, nên các ngoại đạo không thể thăm dò ước lượng nổi.»

⁴³ VCX.: «tám pháp không làm lay động.» Đây chỉ 8 thế gian pháp 八世法(aṣṭau lokadharmāḥ) đắc, thất, danh dự, thất sủng, vinh quang, sỉ nhục, khổ, lạc.

⁴⁴ Nguyên Hán: nhân bảo 人寶, bảo vật cho loài người. VCX.: «vị Năng nhân này.»

⁴⁵ CDM., Triệu nói: «tùy theo sở thích mà thọ lãnh; tùy theo chỗ thọ lãnh mà thực hành; tùy theo sự thực hành mà được lợi ích.»

⁴⁶ VCX.: đồng tử Bồ-tát 童子菩薩, tức Bồ tát niên thiếu, Skt. kumārabodhisattva.

⁴⁷ VCX.: «Họ thường hỏi con về cách làm cho cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh.»

⁴⁸ Bồ tát tịnh độ chi hành 菩薩淨土之行; CDM, «Biệt bản nói, «Phật quốc thanh tịnh chi hành.» Thập nói, «Bản Phạn nói là thanh tịnh chi tướng (visuddhalakṣaṇa).» VCX.: tịnh Phật độ tướng 淨佛土相, hình thái (hay yếu tính, đặc tính) của cõi Phật thanh tịnh.

⁴⁹ VCX.: «Quốc độ của hữu tình, là quốc độ Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ tát.»

⁵⁰ CDM., Thập nói,..., bản Phạn nói là «tùy theo chúng sinh được giáo hóa nhiều ít.» Nghĩa là quốc độ rộng hay hẹp tùy theo số lượng chúng sinh đã được giáo hoá.

⁵¹ Điều phục 調伏; CDM., Thập nói: «bản Phạn nói là tì-ni (vinaya), nghĩa là khéo léo sửa trị; tức khéo sửa trị khiến chúng sinh dứt ác, hành thiện.»

⁵² VCX.: khởi Thánh căn hành 起聖根行 . VCS.: «Thánh căn, chỉ bồ-đề tâm. Hoặc chỉ 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Thánh hành, chỉ muôn vạn hành vi của Thánh.»

⁵³ VCX.: thuần ý lạc độ 純意樂土, Skt. visuddhāsāya-kṣetra.

⁵⁴ Từ đây trở xuống, bản La-thập nói ba tâm; bản Huyền Trang nói bốn quốc độ. Thiện gia hành độ 善加行土 trong bản Huyền Trang không có tương đương trong bản La-thập.

⁵⁵ VCX.: thượng ý lạc độ , Skt. adhyāsāya-kṣetra.

⁵⁶ Thứ nhất trong bản Huyền Trang: quốc độ của sự phát khởi Bồ đề tâm , Skt. bodhicittotpāda-kṣetra.

⁵⁷ Từ đây trở xuống là 6 ba-la-mật. VCS., tổng hợp gọi tên là chỉ tức 止息, đình chỉ và dập tắt các chướng ngại (bằng vào tu tập sáu ba-la-mật).

⁵⁸ Chánh định, CDM., tức chánh định tụ 正定聚, một trong ba tụ (tà định tụ, chánh định tụ, bất định tụ). Đạt được chánh trí tuệ nhận thức pháp tướng một cách quyết định. VCX.: nhập chánh định; VCS.: chứng nhập chánh định tụ, tức chứng nhập kiến đạo (thấy pháp Chân như).

⁵⁹ VCX.: quốc độ bởi bốn nhiếp sự 四攝事土, Skt. saṃgraha-kṣetra.

⁶⁰ VCX. xảo phương tiện độ 巧方便土, Skt. upāya-kausālya-kṣetra.

⁶¹ Đạo phẩm 道品; VCX.: Bồ đề phần 菩提分, Skt. bodhi-pāṅṣikā.

⁶² Trừ bát nạn 除八難(đọc đúng là nan). VCX.: tức bát vô hạ 息八無暇; 8 trường hợp khó gặp Phật, khó nghe Pháp, không thể tu tập Phạm hạnh, Skt. aṣṭāv akṣaṇāḥ.

⁶³ Loa Kế Phạm vương 螺髻梵王; VCX.: Trì Kế Phạm vương 持髻梵王

⁶⁴ Tự tại thiên 自在天; VCX.: Tha hoá tự tại thiên 他化自在天, Skt. Paranirmitavaśavartin

⁶⁵ VCX.: Công Đức Bảo Trang Nghiêm Phật 功德寶莊嚴佛.

⁶⁶ Vô sinh pháp nhẫn 無生法忍, Skt. anutpattika-dharma-kṣānti Đoạn trên nói là bất khởi pháp nhẫn.

⁶⁷ Bất thọ chư pháp 不受諸法. CDM.: đạo không dính mắc, đối với pháp, không thọ, không nhiễm. VCS.: không chấp thủ ngã và ngã sở, vì không còn tiếp thọ quả của sinh tử.

⁶⁸ VCX.: tâm hoàn toàn được giải thoát 心善解脫 , Skt. suvimukta-citta.

⁶⁹ DMC., T14n475, tr. 539a7: «Duy-ma-cật sở thuyết kinh Phương tiện phẩm đệ nhị» 維摩詰所說經方便品第二; Cf. CDM., T38n1775, tr.338c13. VCX. T14n476, tr. 560b5: «Thuyết Vô Cấu Xung hiển bất tư nghị phương tiện thiện xảo phẩm đệ nhị», 說無垢稱經顯不思議方便善巧品第二 Cf. VCS. T38n1782, tr.1033b7.

⁷⁰ T14n0476, tr.560b6: Có Bò-tát thuộc dòng họ Li-thiếp-tì (Skt. Licchavī) tên là Vô Cấu Xung.

⁷¹ VCX: đặc diệu biện tài 得妙辯才, sở đắc tài biện thuyết vi diệu. Có 7 biện tài, Cf. Đại phẩm Bát-nhã, quyển 8, «Phẩm huyền thính» (T.8, tr, 276c). Đại Bát-nhã kinh, quyển 499 (T.7, tr. 542a).

⁷² Đây chỉ 4 vô sở úy của Bò-tát, bodhisattvānāṃ catvāri vaiśāradyāni.

⁷³ DMC. hàng ma lao oán 降魔勞怨; VCX.: tòi ma oán lực 摧魔怨力.

⁷⁴ 5 Trí độ, tức trí tuệ/bát-nhã ba-la-mật. CDM., «Triệu nói: đến bờ bên kia của Thật trí.» VCS.: Ba-la-mật thứ mười, trí ba-la-mật (jñāna-pāramitā), là trí thành tựu hữu tình. Phương tiện ở đây là phương tiện ba-la-mật, do thấu suốt các phương tiện để làm lợi ích.

⁷⁵ DMC.: nhẫn điều hạnh 忍調行; VCX.: điều thuận nhẫn 調順忍. Skt., sauratya-kṣānti.

⁷⁶ DMC.: thiên tịch. VCX.: an trú tĩnh lực, chánh niệm, giải thoát, đấng trị, đấng chí.

⁷⁷ DMC.: quyết định tuệ 決定慧 skt. viniścaya-jñāna. VCX.: chánh quyết trạch 正決擇 (skt. samyak-viniścaya). VCS.: chánh quyết trạch, chỉ tuệ vô lậu.

⁷⁸ VCX.: để nhiếp ích vọng kiến và ác tuệ.

⁷⁹ Bạch y 白衣, «người bận áo trắng,» chỉ người thế tục.

⁸⁰ Phạm hạnh 梵行, Skt. brahma-carya, đời sống tuyệt dục. CDM.: Phạm hạnh, là hạnh thanh tịnh vô dục.

⁸¹ Thường lạc viễn ly 常樂遠離, thường vui thú ẩn dật. Skt. viveka-rata.

⁸² Hán: tướng hảo nghiêm thân 相好嚴身.

⁸³ VCS.: bậc Thượng thủ trong hàng thuyết giáo.

⁸⁴ VCX.: sở tác sự nghiệp thị vô dữ quai 所作事業示無與乖, không cạnh tranh mâu thuẫn trong các hoạt động nghiệp vụ.

⁸⁵ VCX.: «Tuy không mong cầu tài bảo thế gian, vẫn tỏ ra sành sỏi các lợi lộc thế tục.»

⁸⁶ Nguyên Hán: trị chánh pháp. CDM, Triệu nói: «Chỉ quan chức thi hành pháp luật công chính.» VCX.: lý chư vương vụ 理諸王務, «giải quyết các công việc của triều đình.»

⁸⁷ VCX.: «Thân được cấu thành bởi bốn đại chủng này.»

⁸⁸ VCX.: «...vô ngã, như nước.»

⁸⁹ VCX.: «...không có hữu tình, như lửa.»VCX còn thêm một dụ nữa không có trong DMC: «Thân này không bỏ-đặc-già-la (Skt.pudgala), đồng đẳng với hư không.»

⁹⁰ Hán: khôu tỉnh 丘井; CDM, Thập nói, «giếng trên gò, tức là giếng khô nơi gò nông 丘墟 枯井.» VCX: «... dễ sập như đường hầm có nước 如水隧.»

⁹¹ Không tụ 空聚, xóm vắng, chỗ bọn cướp thường tụ tập.

⁹² CDM.,T38n1775,tr. 0343c14; VCX., T14n0476,tr. 0561b06, Phẩm Thanh văn 聲聞品, Skt. Śrāvaka-parivartah .

⁹³ Yên tọa 宴坐, Skt. pratisamlayana (Pali. paṭisallāna), độc cư tĩnh tọa, ẩn dật tư duy, thiền tứ. VCS nói <yên tọa> ở đây chỉ <diệt tận định.> Không đúng, mặc dù trong đối đáp tiếp theo có nói đến diệt tận định.

⁹⁴ VCX, «trong Đại lâm 大林.» Khu rừng Mahāvana ở gần Tì-da-li (Vaiśalya /Vesāli) , chạy dài đến Himālaya.

⁹⁵ VCX.: «Sau khi cúi đầu lễ dưới chân con, rồi nói rằng...» Chỗ này, Khuy Cơ (T38n1782, tr. 1041b9) chỉ trích La-thập vì nê nang Dao chúa, nên tránh chi tiết Duy-ma-cật cúi lạy dưới chân ngài Xá-lợi-phất, lược bỏ chi tiết này trong nguyên bản tiếng Phạn. Khuy Cơ nói, «Vô Cầu (Duy-ma-cật), đức vọng tuy cao nhưng hình nghi là thế tục, tất phải ở dưới hàng Thanh văn.»

⁹⁶ Hán: duy 唯, kính thưa; VCS (T38n1782, tr. 1041b14) nhấn mạnh đặc biệt từ này để nói đến thái độ tôn kính của Duy-ma-cật đối với ngài Xá-lợi-phất.

⁹⁷ VCS: bắt tất, chỉ ý vừa tán thành, vừa bác bỏ.

⁹⁸ DMC: thân và ý. VCX: thân và tâm.

⁹⁹ Oai nghi, chỉ bốn cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi (Skt. īryā-patha). CDM và VCS đều giải là «phương tiện diệu dụng.»

¹⁰⁰ Diệt định 滅定 hay diệt tận định 滅盡定, Skt.: nirodha-samāpatti. Hay nói đủ: diệt thọ tưởng định 滅受想定, tưởng thọ (tri) diệt tận định 想受(知)滅盡定, Skt. saṃjñā-vedita-nirodha-samāpatti. Giải thoát thứ tám , Cf. Saṅgīti-suttanta (D.iii. 262), aṭṭha vimokkhā... sabbaso nevasaññānāsaññāyatanaṃ samatikkamma saññā-vedayita-nirodhaṃ upasampajja viharati, sau khi hoàn toàn vượt qua phi tưởng phi phi tưởng xứ, vị ấy thành tựu rồi an trú với trạng thái diệt của thọ và tưởng (cái được giác tri). Hoặc, thứ chín trong 9 thứ đệ trú (Pali. nava anupubba-vihārā,

op.cit., D.iii. 265), hay thứ đệ diệt (Pali. nava anupubba-norodhā, op.cit., D.iii.266). Phẩm loại túc luận 1 (T.26, tr. 694a19): «Thế nào là Diệt định? Đã xả ly sự đắm nhiễm nơi Vô sở hữu xứ (Skt. ākiñcanyāyatana); trước hết, khởi lên tác ý đình chỉ các tướng (saṃjñā), tâm và tâm sở đều diệt.” Vị A-la-hán chứng diệt tận định được nói là có «câu (phần) giải thoát “ (Skt. ubhayatobhāgavimukta). Vị A-na-hàm chứng diệt tận định được gọi «Thân chứng (Skt. kāya-sākṣin)”. Phạm phu và các Thánh giả thấp hơn không thể chứng được định này.

¹⁰¹ DMC: phạm phu sự 凡夫事. VCX: dị sanh chư pháp 異生諸法 (Skt. pṛthagjana-dharmā).

¹⁰² VCX.: «Hiện hành các pháp của hết thảy dị sanh (phạm phu) mà không xả những gì đã chứng.”

¹⁰³ Phẩm 品, chỉ Đạo phẩm. VCX.: bồ-đề phần pháp 菩提分法, chỉ các pháp hỗ trợ tuệ trí, Skt. bodhipākṣika-dharma .

¹⁰⁴ Chư kiến 諸見 ; CDM, Triệu nói: đó là chỉ 62 vọng kiến. VCX.: nhất thiết kiến thú 一切見趣 (Skt. sarva-dṛṣṭi-gata), đây chỉ 5 kiến chấp: thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến.

¹⁰⁵ VCX: «Không xả sinh tử mà không còn phiền não. Tuy chứng Niết-bàn mà vô sở trụ.”

¹⁰⁶ Xem chth. 4 trên.

¹⁰⁷ DMC: chúng sinh cấu 眾生垢, Thập nói: «Tức là hai mươi thân kiến (Skt. satkāyadṛṣṭi: tát-ca-da tà kiến = hữu thân kiến). VCX: ngã cấu 我垢. VCS: cấu bản do ngã chấp hay của ngã chấp

¹⁰⁸ DMC: thọ mạng 壽命; VCX: mạng giả 命者, Skt. jīva, một khái niệm khác về ātman (ngã chấp, tự ngã hay linh hồn) trong một số học thuyết; tự ngã như là chủ thể của thọ mạng hay sinh tồn.

¹⁰⁹ DMC: nhân 人. VCX: bồ-đặc-già-la 補特伽羅, Skt. pudgala (nhân cách, nhân vị, cá thể ngã), một khái niệm về ātman của một số học thuyết; Hán dịch là số thủ thú 數取趣, chỉ chủ thể của luân hồi, tự ngã như là chủ thể trong luân chuyển tái sinh. Từ trên, bản của Huyền Trang đề cập bốn hình thái của ngã chấp (ātma-graha) hay khái niệm về tự ngã (ātma-dṛṣṭi): ngã (ātman), hữu tình (= chúng sinh, Skt. sattva), sinh mạng (jīva) và nhân vị hay nhân cách (pudgala). Bản La-thập chỉ kể có ba: chúng sinh, thọ mạng và con người.

¹¹⁰ Tiền tế 前際, hay bản tế 本際 (Skt. pūrvakoṭi), biên tế tối sơ; hậu tế 後際 (Skt. paścima-koṭi), biên tế tối hậu. Chỉ giới hạn khởi điểm và tận cùng của thời gian.

¹¹¹ VCX: «Pháp lìa tham trước (chấp), vì không sở duyên.» Sở duyên 所緣, Skt. ālambana, cái mà chủ thể (thức) bám vào để sinh khởi và hoạt động.

¹¹² VCX: «Pháp không văn tự, vì ngôn ngữ bị cắt đứt.»

¹¹³ Giác quán 覺觀, Triệu nói: «Nhị Thiên trở lên không còn giác và quán, nên nói là sự im lặng của Hiền Thánh.» Theo đó, giác quán là hai thiên chi đầu của sơ thiên; cũng là hai trong bốn tâm sở bất định của Duy thức; Skt. vitarka-vicāra, tầm và tứ 尋伺.

¹¹⁴ VCX: «Pháp không thí thuyết (thí dụ và ngôn thuyết) vì xa lìa hết thủy tư duy sóng cuộn (ba lãng tư 波浪思, Skt. taraṅga-cintā?). Pháp phổ biến tất cả vì như hư không. Pháp không hiển hiện, không tướng, không hình, vì xa lìa hết thủy hành động sự.» Bản La-thập lược một số chi tiết.

¹¹⁵ Tương đãi 相待: quan hệ hỗ tương.

¹¹⁶ VCX: «Pháp đồng pháp giới, vì thể nhập hết thủy chân pháp giới.»

¹¹⁷ VCX: tất cánh bất động, Skt.. atyantācala (rất ráo hay tuyệt đối không dao động), bản La-thập đọc là antācala

¹¹⁸ Ba giải thoát môn: Không, Vô tướng, Vô tác (=Vô nguyện). Skt., trayo vimokṣāḥ, sūnyatā animittaḥ apraṇihitaḥ. VCX: «Pháp thuận Không, tùy Vô tướng, ứng Vô nguyện, vì xa lìa hết thủy tư duy tăng giảm.»

¹¹⁹ VCX: «Pháp không chấp tàng (Skt. nir-ālaya, phi a-lại-da), vì lìa hết thủy con đường của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.»

¹²⁰ VCX: «Pháp lìa hết thủy sở hành của phân biệt, vì hết thủy hý luận đều bị rớt ráo đoạn trừ.»

¹²¹ Huyền sĩ 幻士, Skt. māya-puruṣa.

¹²² VCX: Tôn giả Ca-diếp-ba.

¹²³ Bất thực 不食; Triệu nói: đây chỉ Niết-bàn. Cf. Trường A-hàm 8, kinh Chúng tập (T.1, tr. 49c19), «Hết thủy chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại.» Cf. Saṅgīti, D.iii. 211: sabbe sattā āhāra-tiṭṭhitikā.

¹²⁴ DMC: hoại hoà hiệp tướng 壞和合相.

¹²⁵ DMC: đoàn thực 揣食, thức ăn được vò thành viên, tức thực phẩm vật chất; Skt. kavalīkāra āhāra. CDM, Triệu nói: «Vo tròn (đoàn) là vật được hoà hiệp. Hoại hoà hiệp, tức phá hoại sự hoà hiệp của năm uẩn. Sự phá hoại năm uẩn tức là Niết-bàn.» VCX: «Vì để hoại thực chấp 食執 của người kia nên hành khát thực.» VCS: «Bản dịch cũ nói hoà hiệp tướng, tức chỉ thực chấp.»

¹²⁶ Bất thọ 不受; Triệu nói: «Bất thọ, tức là pháp Niết-bàn.»

¹²⁷ DMC: không tụ tướng 空聚想. VCX: không tụ tướng 空聚相.

¹²⁸ Trí chứng 智證, La-thập: «Bằng trí mà xúc thật tướng.» Đạo Sinh nói: «Trong tiếng Phạn, xúc và trí chứng đối nghĩa nhau.»

¹²⁹ DMC: bản bất nhiên 本不然. CDM, Triệu nói: «Nhu lửa, không cháy thì không tắt.» VCX: vô xí nhiên, vô tịch diệt 無熾燃無寂滅.

¹³⁰ Tám tà, tức tám tà đạo, đối nghịch với tám chánh đạo.

¹³¹ DMC: nhất thực 一食. VCX: nhất đoàn thực 一揣食 (một nắm thức ăn)

¹³² VCX: tạp nhiễm 雜染, Skt. saṃkleśa. Khuy Cơ nói, cữ dịch «phiền não» không chính xác.

¹³³ DMC: định ý 定意; VCX: tĩnh định 靜定.

¹³⁴ DMC: Tu-bồ-đề 須菩提. VCX: Đại Thiện Hiện 大善現. VCS: Ma-ha Tô-bồ-đề, đây nói là Đại Thiện Hiện 摩訶蘇補底此云大善現. Skt. (Mahā)Subhūti.

¹³⁵ VCX: «Sau khi lễ, rồi đón lấy bình bát.»

¹³⁶ VCX: «Nếu, có thể bằng tính bình đẳng từ nơi sự ăn, mà thể nhập tính bình đẳng của hết thấy pháp; bằng tính bình đẳng của hết thấy pháp mà thể nhập tính bình đẳng của hết thấy chư Phật. Được như vậy mới đáng nhận thức ăn.»

¹³⁷ VCX: «Không hoại tát-ca-da kiến mà nhập nhất thú đạo.» Khuy Cơ giải: Tát-ca-da kiến 薩迦耶見 (Skt. satkāya-dṛṣṭi) là nguy thân kiến (chấp thân hư nguy này là thực hữu). Lý vô ngã được nói là nhất thú 一趣 (Skt. ekagati: định hướng duy nhất; hoặc ekayāna, lối đi độc nhất). Vì đó là đích quay về của hành giả trong cả ba thừa.

¹³⁸ DMC: si và ái 癡愛. VCX: vô minh và hữu ái 無明有愛, Skt.. avidyā và bhava-trṣṇā.

¹³⁹ DMC: minh thoát 明脫. VCX: tuệ minh và giải thoát. Minh, chỉ ba minh (tisro vidyāḥ). Giải thoát, chỉ tám giải thoát (aṣṭau vimokṣāḥ).

¹⁴⁰ DMC: ngũ nghịch 五逆, năm tội đại nghịch, hay vô gián nghiệp. Skt. pañca ānantarya-karmāṇi. VCX: vô gián bình đẳng pháp tính 無間平等法性 (Skt. anantarya-samadharma-tā). Khuy Cơ giải: vô gián ở đây chỉ địa ngục vô gián, nêu chỗ cực khổ để đối nghịch đại lạc là Niết-bàn.

¹⁴¹ Kiến đế 見諦 (Skt. satya-darśana), đây chỉ sự chứng đắc Thánh quả, đặc biệt Sơ quả.

¹⁴² DMC: pháp tướng . Skt. dharma-lakṣaṇa. VCX. pháp tướng . Skt. dharma-samjñā.

¹⁴³ VCX: thêm: «không phụng sự Tăng.»

¹⁴⁴ DMC: lục sư ngoại đạo 外道六師: Phú-lan-na Ca-diệp 富蘭那迦葉, Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử 末伽梨拘賒梨子, San-xà-dạ Tỳ-la-chi Tử 刪闍夜毘羅胝子, A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 阿耆多翅舍欽婆羅, Ca-la-cu-đa Ca-chiên-diên 迦羅鳩駄迦旃延 và Ni-kiền-đa Nhã-đề Tử 尼犍陀若提子. VCX, Ngoại đạo lục sư 外道六師: Mãn Ca-diệp-ba 滿迦葉波, Mạt-tát-yết-li Cù-xá-li Tử 末薩羯離瞿舍離子, Tướng Phệ-đa Tử 想吠多子, Vô Thắng Phát Hạt 無勝髮褐, Phong Ca-diễn-na 鞞迦衍那, Ly hệ thân Tử 離繫親子. Skt.. Pūraṇa-Kāśyapa, Maskarī-Gosālīputra, Sañjayī-Vairāṭīputra, Ajīta-Keśakambala, Kakuda-Kātyāyana, Nirgrantha-Jñātiputra. Pali, Cf. Sāmañña-phala-sutta, D.i. 47tt.

¹⁴⁵ VCX: «Rơi vào các kiến thú (Skt. dr̥ṣṭigati: xu hướng kiến chấp tà vạy) mà không đi đến trung biên (Skt. madhyānta: trung đạo và hai biên chấp hay cực đoan).

¹⁴⁶ VCX: bát vô hạ 八無暇, tám hoàn cảnh không thuận lợi cho sự tu tập chánh pháp. Skt. aṣṭāv akāṇāḥ; Cf. Pali, Saṅgīti, D.iii. 287, aṭṭh' akkhaṇā asamayā brahmacariya-vāsāya.

¹⁴⁷ DMC: phiền não 煩惱; VCX: tạp nhiễm 雜染, Skt. saṃkleśa.

¹⁴⁸ Vô tránh tam-muội/định, Skt. araṇā-samādhi; cf. Câu-xá 27 (T.29, tr.141c24): «Nói vô tránh tam muội, nghĩa là, A-la-hán quán sát sự khổ của chúng sinh do bởi phiền não. Tự biết thân của mình là ruộng phước bậc nhất, nhưng ngại rằng phiền não của người khác lấy thân của A-la-hán làm đối tượng để sinh khởi, cho nên ngài dẫn phát tướng trí như vậy. Do phương tiện này khiến cho các chúng sinh khác không lấy thân của A-la-hán làm đối tượng để sinh khởi tham, sân, các thứ...» Cf. Vajracchedikā §9: aham asmi bhagavaṃ tathāgatenārhatā samyaksambuddhena araṇāvihāriṇāṃ agrayo nirdiṣṭaḥ, Thế Tôn, con được Như Lai xác nhận là đệ nhất trong các vị sống với hạnh vô tránh. Cf. Pali, A.i. 24: etad aggaṃ bhikkhave mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ araṇāvihārīnaṃ yadidaṃ subhūti... dakkhineyyānaṃ yadidaṃ subhūti, «Trong các Tỳ-kheo đệ tử của ta, đệ nhất trong những vị sống vô tránh là Subhūti; đệ nhất trong những vị đáng cúng dường là Subhūti.»

¹⁴⁹ DMC: lao lữ 勞侶. VCX: bạn lữ 伴侶. VCS: «Cựu dịch là lao lữ; ý nói, làm bầu bạn để đưa nhau vào chốn khổ nhọc của sinh tử.»

¹⁵⁰ VCX thêm: «Tự tính của hết thầy phiền não cũng chính là tự tính của Tôn giả.»

¹⁵¹ VCX; «Rốt ráo không có Bát-niết-bàn.»

¹⁵² Hoá nhân 化人, Skt. nirmitaka, người hay vật được biến hoá ra do pháp thuật hay ảo thuật.

¹⁵³ VCX: «Tánh tướng của các pháp đều như huyễn hoá (Skt. mājā-nirmita-sadṣṭa).

¹⁵⁴ DMC: Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử 富樓那彌多羅尼子; VCX: Mãn Tử 滿慈子. Skt., Pūrṇa-Maitrāyaṇi-putra.

¹⁵⁵ Xem chth. 3 ở trên.

¹⁵⁶ DMC: tâm chi sở niệm. VCX: ý lạc, xu hướng và sở thích; Skt. āśaya.

¹⁵⁷ VCX thêm: «Đừng nhét Diệu cao (núi Tu-di) vào trong hạt cải. Đừng nhằm tiếng gầm của sư tử với tiếng tru của chó sói.»

¹⁵⁸ VCX thêm: «Vì họ không thường xuyên tại định như Phật.»

¹⁵⁹ Ma-ha Ca-chiên-diên 摩訶迦旃延. VCX: Ma-ha Ca-đa-diễn-na 摩訶迦多衍那. VCS: Hán dịch là Đại Tiễn Thế Nam 大剪剃男 (Con trai người thợ cạo). Skt. Mahā-Kātyāyana..”

¹⁶⁰ VCX: «không phải đã sinh, đang sinh, sẽ sinh; không phải đã diệt, đang diệt, sẽ diệt.»

¹⁶¹ DMC: A-na-luật 阿那律; VCX: Đại Vô Diệt 大無滅. Skt. Aniruddha.

¹⁶² VCX: «trong Đại lâm.»

¹⁶³ Am-ma-lặc quả 菴摩勒果; VCX: a-ma-lặc quả 阿摩洛果. Triệu (Đại 38, tr.354c20) nói: «... hình dáng như quả cau. Ăn vào, trừ phong lãnh.» Skt. āmalaka, dịch là dư cam tử 餘甘子 (Mahāvvyutpatti).

¹⁶⁴ DMC: tác tướng 作相; VCX: hành tướng 行相 Skt. ākāra (hình trạng, biểu hiện).

¹⁶⁵ VCX: không xả tịch định 不捨寂定

¹⁶⁶ VCX: nhị tướng 二相, chủng chủng tướng 種種相; hình thái nhị nguyên đối đãi, và hình thái đa thù sai biệt. Skt. dvayākāra, nānākāra.

¹⁶⁷ CDM, Triệu nói, «Ưu-ba-li 優波離, tiên Tần nói là Thượng Thủ 上首. Trì luật đệ nhất trong các đệ tử Phật.» VCS: «Ưu-ba-li, đây nói là Cận Chấp 近執. Khi Phật còn là Thái tử, ...Ông là quan giữ kho.»

¹⁶⁸ VCX: «không an trụ bên trong, cũng không xuất hiện ra ngoài.»

¹⁶⁹ DMC: tâm tướng 心相, VCX: tâm bản tịnh 心本淨.

¹⁷⁰ VCX: «Có phân biệt, có dị phân biệt, là phiền não.»

¹⁷¹ DMC: tương đãi 相待; VCX: tương cố đãi 相顧待, quan hệ, chiếu cố lẫn nhau. Skt. āpekṣika.

¹⁷² DMC: thiện giải 善解; (Skt. suvimukta). VCX: thiện điều phục 善調伏 (khéo tự chế ngự); Skt. suvinita.

¹⁷³ VCX có thêm: «Các Thầy chớ nghĩ tưởng vị này là Cư sỹ.

¹⁷⁴ Nhạo thuyết biện tài 樂說之辯, khả năng biện luận lưu loát. Skt. pratibhāna-pratisaṃvid.

¹⁷⁵ DM: La-hầu-la 羅睺羅; VCX: La-hỗ-la 羅怛羅. Skt. (=Pali) Rāhula.

¹⁷⁶ DMC: Tì-da-li chư trưởng giả tử 毘耶離諸長者子 ; VCX: Các công tử dòng họ Licchavī 諸童子離咄毘種.

¹⁷⁷ DMC: lục thập nhị kiến 六十二見, Xem Trường A-hàm 14, kinh Phạm động (Đại 1, tr. 88), Cf. D.1 Brahmajāla. VCS (Đại 38, tr.1055a17): «Các kiến chấp, ở đây bao gồm cả năm kiến, trong khi Cựu dịch nêu 62 kiến chỉ thuộc biên kiến, nghĩa rất hạn hẹp.”

¹⁷⁸ VCX: «(xuất gia) là con đường Niết-bàn.””

¹⁷⁹ VCX: «vững sinh dục vọng.”

¹⁸⁰ CDM, Thập nói: «tùy thuận chúng sinh, không trái nghịch tâm tư của chúng.”

¹⁸¹ VCX: «tùy thuận tịch chỉ, cần tu thắng quán.” Tức tu chỉ và quán (Skt. śamatha-vipaśyana).

¹⁸² DMC: bất đoạ chư số 不墮諸數. Skt. na saṃkhyāṃ gacchati VCX: «Thân Phật là vô vi, lìa các hữu vi; vượt qua các số, vì các số vĩnh viễn tĩnh lặng.”

CDM (Đại 38, tr.360a15): Triệu nói, «...số, tức hữu số 有數 (số loại hữu vi).”

VCS (Đại 38, tr.1056c17): «... số, tức sinh số 生數 (= số loại thọ sinh).”

¹⁸³ CDM. Đại 38, tr.360b28; VCS. Đại 38, tr.1057b2.

¹⁸⁴ DMC: Di-lặc 彌勒. VCX: Tiếng Phạn là Mỗi-đát-lị-da 梅咄利耶, dịch là Từ Thị 慈氏. Xưa phiên là Xưng (Di?)-đê-lị 稱帝麗 hay Di-lặc 彌勒, thấy đều nhầm. Skt. Maitreya .

¹⁸⁵ Đâu suất Thiên vương 兜率天王. VCX: Đổ-sử-đa Thiên vương 睹史多天王. Skt. Tuṣita-devarājā. VCS: «Tầng thứ tư trong sáu tầng trời Dục giới. Đây dịch là Tri túc 知足. Nghĩa là, hưởng thụ các dục lạc nhưng biết đủ một cách sâu xa.” Pali: cõi trời Tusita. Thiên vương ở đây là Santusita (D.i. 218; A. iv. 243). Bồ tát Mettaya, Phật tương lai, hiện ở trên cung trời Tusita, với danh hiệu là Nathadeva (Skt. Maitreyanātha)

¹⁸⁶ CDM (Đại 38, tr.360c20), Thập nói: «Tức là vô sinh pháp nhẫn.» VCS: «... Hoặc đây chỉ Pháp yếu thuộc giai đoạn của phát luân bất thối ở địa thứ tám (Bất động địa).» Skt. avivartika-bhūmi/ avinivartanīya-dharmā.

¹⁸⁷ Thọ ký 授記. Skt. vyākaraṇa, cũng dịch là ký thuyết 記說, ký biệt 記別; nguyên nghĩa, chỉ sự xác nhận của Phật về chỗ tái sinh của một Thánh đệ tử. Ở đây, nói đủ là thọ a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề ký 授阿耨多羅三藐三菩提記, dự ngôn của Phật về sự thành Phật trong tương lai của Thánh đệ tử hay Bồ tát.

¹⁸⁸ CDM, Thập nói: «Thật tướng thường định, nên nói là chính vị.» VCX: sở nhập chính tính 所入正性. VCS. «Nhập tức là chứng. Chính tính, là chân tính của pháp.» Skt. samyaktvaniyāmāvakraṇta Câu-xá 23 (Đại 29, tr. 121b4); «Kinh nói, chính tính là Niết-bàn.» Chỉ trạng thái từ địa vị phạm phu bước vào địa vị Thánh giả.

¹⁸⁹ DMC: nhất sinh 一生. VCX nhất sinh sở hệ . Skt. ekajātibaddha.

¹⁹⁰ Như 如, tức chân như. Skt. tathatā. Cf. Đại Bát-nhã 447 (Đại 7, tr. 252a7): «Hoặc Chân như của sắc, hoặc Chân như của Trí nhất thiết trí, hoặc Chân như của tất cả pháp; thấy đều là một Chân như, không hai, không khác, cũng không cùng tận ...» Cf. Tiểu phẩm Bát-nhã 5 (Đại 8, tr. 558b13): «Tu-bồ-đề,... Như (tính) của năm uẩn tức thị Như (tính) của hết thấy pháp. Như của hết thấy pháp tức thị Như của Tu-đà-hoàn. Như của Tu-đà-hoàn là Như của Tu-đà-hàm... Như của Bích-chi-phật đạo là Như của Như Lai. Các Như ấy đều là một Như, không hai, không khác, vô tận, vô lượng.»

¹⁹¹ Bồ-đề tướng 菩提相. VCX: «Bồ đề (bodhi), là điều được giác tri (anubuddha) một cách đồng đẳng bởi tất cả hữu tình.»

¹⁹² VCX: bát-niết-bàn..»

¹⁹³ VCX: «Tính tịch tĩnh tự bản chất của hết thấy hữu tình tức là yếu tính của Niết-bàn, vì vậy Phật nói Chân như là Bát-niết-bàn.»

¹⁹⁴ CDM, «Thập nói: Dụ 誘, bản Phạn nói là cuồng 誑 (dối gạt).» Jhuy Cơ giải: «Dạy người sơ học, gọi là dụ.»

¹⁹⁵ VCX: «Vì tướng của hết thấy hữu tình, hết thấy pháp thấy đều tịch diệt.»

¹⁹⁶ VCX: «Không tăng (gia) là bồ-đề, vì hết thấy sở duyên (đối tượng) vốn không tăng ích.» Khuy Cơ (T38n1782_p1059c05) giải thích: «Ngã và pháp, khi là đối tượng cho nhận thức, thì có sự tăng gia. Chân lý thì không như vậy... Cựu dịch bất quán 不觀, vì không thể quán sát bằng tâm biến kế.»

¹⁹⁷ Bất hành... vô ức niệm 不行... 無憶念. VCX: «Vì hết thấy hý luận, hết thấy tác ý đều không (hiện) hành.»

¹⁹⁸ VCX: xả ly các thủ trước.

- ¹⁹⁹ CDM, «Triệu nói: Đạo chân chính là vô dục, vì ngăn cản các nguyện cầu.» Bản La-thập hình như có nhảy sót. Đối chiếu VCX: «ly hệ 離繫 là Bồ đề vì vĩnh viễn dứt lìa hết thảy các pháp động loạn. Tịch tĩnh là Bồ đề vì hết thảy phân biệt hoàn toàn vắng bật. Quảng đại là Bồ đề, vì hết thảy hoằng nguyện đều không thể trắc lượng.» Có lẽ nguyên Skt. trong bản La-thập là nīvaraṇa (chướng ngại), trong bản Huyền Trang là nirāvaraṇa (ly chướng).
- ²⁰⁰ DMC: bất nhập 不入. VCX: bất tránh 不諍. VCS: bất chứng 不證.
- ²⁰¹ VCX: «Hết thảy thủ trước, hết thảy tranh luận đều xa lìa.»
- ²⁰² VCX: tùy chí 隨至, đến theo sau; Skt. anvāgata. Khuy Cơ (T38n1782_p1059c27) giải: «Trí an trụ pháp giới. Đi theo Chân như mà đến chỗ cùng cực.»
- ²⁰³ VCX: chân như. Skt. tathatā.
- ²⁰⁴ VCX: trụ pháp giới.
- ²⁰⁵ VCX: «kiến lập là Bồ đề vì kiến lập thật tế.»
- ²⁰⁶ VCX: «vì xa lìa pháp tính sai biệt.»
- ²⁰⁷ VCX: «vì con mắt và sắc, cho đến ý và pháp, thấy đều bình đẳng như hư không.» So với đoạn này, hình như trong bản dịch La-thập có bị nhảy sót.
- ²⁰⁸ VCX: sinh, trụ, di, diệt.
- ²⁰⁹ VCX: biến tri. Skt. pariññā, nhận thức toàn diện hay tường tận. Cf. Câu-xá 22 (Đại 29, tr. 112a17): biến tri có hai: trí biến tri (jñānapariññā) và đoạn biến tri (prahānapariññā). Trí biến tri (nhận thức toàn diện bằng trí tuệ) tức là trí vô lậu (anāsrava jñāna).“
- ²¹⁰ Bất hội 不會. VCX: «Vô gián 無間 là Bồ đề, vì không bị xen tạp bởi sáu nội xứ.» Khuy Cơ: «Cụm dịch là bất hội. Có thể nhầm lẫn.»
- ²¹¹ Các nhập; VCX: sáu nội xứ (Skt. ṣaḍ adhyāmikāny āyatanāni).
- ²¹² VCX: không tạp.
- ²¹³ Bất hiệp 不合. VCX: vô tạp 無雜. Khuy Cơ: «Trí thể vô lậu không bị xen tạp bởi phiền não.»
- ²¹⁴ Phiền não tập 煩惱習. VCX: tập khí của tương tục phiền não.
- ²¹⁵ VCX: «vì trong Chân như, hết thảy phương vị, xứ sở đều xa lìa.» VCX còn thêm: « Vô trụ là Bồ đề, vì không thể thấy trong tất cả xứ.»
- ²¹⁶ Giả danh 假名. VCX: duy danh 唯名. Skt. nāma-mātra.
- ²¹⁷ VCX: «vì danh tự không có tác dụng đối với Bồ đề.»
- ²¹⁸ Như hoá. CDM: «Triệu nói, như cái vô tâm của con người huyễn hoá (Skt. nirmīṭaka).» VCX: không gợn sóng 無浪. (Skt. nistarāṅga)
- ²¹⁹ Thiện tịch 善寂. Skt. suśānta, hoàn toàn (phi thường) tĩnh lặng.
- ²²⁰ Phan duyên 攀緣. Skt. ālamba.

-
- ²²¹ Vô dị, không dị biệt, tức đồng nhất tính. Skt. ananya.
- ²²² VCX: «Vì tính bình đẳng của các pháp được chứng giác.»
- ²²³ VCX nói ngược lại: «Không có thí dụ là Bồ đề, vì không thể so sánh.»
- ²²⁴ VCX còn thêm một đoạn nữa: «Biến hành (phổ biến, phổ quát) là Bồ đề, vì tự tính phổ biến như hư không. Lên đến đỉnh cao là Bồ đề, vì là tối thượng thủ của tất cả pháp. Vô nhiễm là Bồ đề, vì hết thảy thế pháp không thể làm cho nhiễm ô. Như vậy, Bồ đề không được chứng bởi thân, không được chứng bởi tâm.»
- ²²⁵ Tác lễ. Khuy Cơ (VCS, Đại 38, tr.1060c8): «Đoạn trên, Duy-ma-cật cúi chào Di-lặc; vì Di-lặc hiện thân tướng xuất gia. Ở đây, Thiếu niên Quang Nghiêm cúi chào Duy-ma-cật; vì Quang Nghiêm hiện thân tướng thế tục. Người nhỏ tuổi cúi chào người lớn tuổi hơn.»
- ²²⁶ Đạo tràng 道場(Skt. bodhimāṇḍa.); VCX: diệu Bồ đề 妙菩提. Khuy Cơ: «Bồ đề.. là tuệ, thông cả nhân và quả. Cự dịch là đạo tràng, hiển bày nhân Bồ đề.»
- ²²⁷ VCX: phát khởi gia hành 發起加行. Skt. prayoga-prasthāna.
- ²²⁸ VCX: tăng thượng ý lạc 增上意樂. Skt. adhy-āsaya, ý hướng, ước vọng, nguyện vọng.
- ²²⁹ VCX: «Vì rốt ráo chứng hội pháp thù thắng.»
- ²³⁰ VCX: thanh tịnh bố thí.
- ²³¹ VCX: tâm không sân nhuế. Skt. pratighāta, có nghĩa sân hại; cũng có nghĩa hay gây trở ngại.
- ²³² Bội xả 背捨. CDM: giải thoát ở đây chỉ tám giải thoát, cũng gọi là tám bộ xả (Skt. aṣṭau vimokṣāḥ), xem Trường A-hàm 10 (Kinh Chúng tập, Đại 1, tr. 52b12); Cf. Pali, Saṅgīti, D.iii. tr.261: aṭṭha vimokkhā. VCX: vì lìa phân biệt động 分別動. Skt. vikalpa-vikṣepa.
- ²³³ Bốn nhiếp pháp, hay bốn nhiếp sự. Skt. catvāri saṅgraha-vastāni, bốn nền tảng cho sự đoàn kết.
- ²³⁴ CDM: đế諦, trong Tiểu thừa là bốn Thánh đế. Trong Đại thừa, là một đế, tức Thật tướng. Skt. satya: sự thật.
- ²³⁵ VCX: mười hai duyên khởi.
- ²³⁶ Tri như thật 知如實. VCX: như thực hiện chứng chân pháp tính 如實現證真法性.
- ²³⁷ VCX: vì dụng tự tính làm vô ngã.
- ²³⁸ VCX: «Không lìa ngoài ba cõi (Dục, Sắc và Vô sắc giới).»
- ²³⁹ Vô sở thú 無所趣. VCX: phát thú sự 發趣事, mục đích hướng đến.
- ²⁴⁰ Đây chỉ mười lục, bốn vô sở úy và mười tám pháp bất cộng của Phật.

-
- ²⁴¹ VCX: một sát-na tâm. Skt. ekakṣaṇa/ cittakṣaṇa.
- ²⁴² Bồ tát Trì Thế 持世. Skt. Lokadhāra (hoặc Lokadhātr).
- ²⁴³ Ma Ba-tuần 魔波旬. CDM, Triệu nói: «Ba-tuần, tiên Tần gọi là Sát giả hay Cự ác, vì là nguyên nhân đoạn thiện căn, và tội lớn nhất là chống Phật, nhiễu loạn Tăng.» VCX: ác ma oán 惡魔怨. Skt. Māra-Pāpiyas.
- ²⁴⁴ Kiêu-thi-ca 憍尸迦. Skt. Kauṣika. CDM, «Thập nói: Kiêu-thi là họ, tên chữ là Ma-ca-đà (Skt. Maghavā).»
- ²⁴⁵ Đạo ý 道意. VCX: vô thượng chính đẳng giác tâm 無上正等覺心.
- ²⁴⁶ Pháp lạc 法樂. VCX: đại pháp uyển lạc 大法苑樂 (lạc thú trong khu vườn pháp vĩ đại). VCS (Đại 38, tr.1062c29): «Đó là Chân như thanh tịnh. Nhân bởi pháp này mà sinh lạc, nên nói là đại pháp uyển lạc.»
- ²⁴⁷ VCX có thêm hai lạc: «vui vì vĩnh viễn xuất ly ba cõi; vui vì không còn y trú nơi các sở duyên (tức không còn lệ thuộc các đối tượng ngoại giới).»
- ²⁴⁸ Đối với các giới 界; Khuy Cơ (VCS), đây chỉ 18 giới (dhātu), phù hợp ngữ cảnh (uẩn, xứ, giới).
- ²⁴⁹ Đạo ý 道意. VCX: Bồ đề tâm 菩提心.
- ²⁵⁰ Bản dịch La-thập nhảy một đoạn so với VCX: «Vui vì chính thực hướng đến đối tượng là Niết-bàn. Vui vì không quán sát khi không đúng thời.»
- ²⁵¹ Bản La-thập nhảy một đoạn, VCX: «Vui vì thấy công đức nơi đồng loại sinh nên thường gần gũi. Vui vì bỏ qua lỗi lầm nơi dị loại sinh mà không ghét, không hận.» VCS giải thích: «Đồng loại sinh 同類生 (Skt. sabhāga-jāti?), đồng loại với những người tu phạm hạnh xuất thế.»
- ²⁵² Bản La-thập nhảy một đoạn, VCX: «Vui vì khéo vận dụng phương tiện thiện xảo.»
- ²⁵³ VCX: «Vui vì ở nơi các pháp mà có tín hoan hỷ.»
- ²⁵⁴ Vô tận đăng 無盡燈. VCST38n1782_p1065c23: «Vì để sự lưu truyền Chánh pháp không bị gián đoạn mà nói Vô tận đăng.»
- ²⁵⁵ Trưởng giả tử Thiện Đức 長者子善德. VCX: Tô-đạt-đa 蘇達多. Skt. Sudatta ḡrhaptiputra; Cùng tên với Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍada). VCS: «Tô-đạt-đa, đây nói là Thiện Thí 善施, vì hay giúp đỡ những người cùng khổ.»
- ²⁵⁶ Đại thí hội 大施會. VCX: Đại tự hội 大祠會. CDM, «Thập nói, Đại thí hội có hai loại: 1. Chỉ bố thí chứ không dùng lễ pháp (tức nghi thức tế tự); 2. tổ chức tế tự theo nghi thức ghi trong các sách ngoại đạo, kiêm cả việc bố thí.» Skt. mahāyajña, đại tế đàn, có 5 loại: bhūta-yajña (hiến tế sinh vật), manuṣya-yajña (hiến tế con người), pitṛ-yajña (tế tự tổ tiên), deva-yajña (tế tự chư thiên),

brahma-yajña (tế tự phạm thiên). Đề cập ở đây là loại thứ ba, tế tự để dâng cúng các Tổ phụ.

²⁵⁷ Pháp thí hội 法施會. VCX.: pháp thí tự hội 法施祠會, Đại tế đàn (hiển tế) bằng sự bố thí. Skt. dharmadāna-yajña, hay dharma-yajña, nguyên chỉ tế đàn hay lễ hiến sinh không máu; theo nghĩa đen, ở đây chuyển thành lễ hiến sinh bằng sự bố thí pháp.

²⁵⁸ CDM, «Thập nói: Sự phân phát tài vật phải theo thứ tự kể trước người sau. Không thể phát một lần cho tất cả.»

²⁵⁹ VCX: Vì hành tướng (trạng thái) tùy hỷ của các hữu tình mà dẫn phát đại hỷ.»

²⁶⁰ VCX: «Vì hành tướng tích hợp trí tuệ để hộ trì Chánh pháp...»

²⁶¹ VCX: «Vì hành tướng tịch tĩnh điều phục...»

²⁶² VCX: «Bằng hành tướng của giác chi tối thắng...»

²⁶³ VCX: tu Không 修空, và tiếp theo sau: tu Vô tướng 修無相, tu Vô nguyện 無願; tức tu ba giải thoát môn.

²⁶⁴ VCX: «Bằng hành tướng đối trị tất cả hữu vi...»

²⁶⁵ VCX: «Bằng hành tướng của sự tái sinh do cố tác ý...»

²⁶⁶ VCX: vô nguyện.

²⁶⁷ VCX: «Bằng hành tướng của sự tu tập bốn nhiếp sự mà dẫn phát mạng căn.»

²⁶⁸ Thân, mạng và tài sản, nếu thuộc xuất thế vô lậu, là ba pháp chắc thật.

²⁶⁹ VCX: sáu tùy niệm (Skt. sad anumrtayah). Tức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới và niệm chư thiên.

²⁷⁰ VCX: «Bằng hành tướng của sự tu tập các pháp tịnh diệu mà dẫn phát ý lạc.»

²⁷¹ VCX: «Bằng hành tướng của sự thường tu tập trung đạo...»

²⁷² Skt. araṇā-vihārin, chỉ vị đắc vô tránh tâm muội, đồng thời cũng chỉ vị chỉ sống ẩn cư trong rừng.

²⁷³ Không nhàn xứ 空閑處. VCX: a-luyện-nhã xứ 阿練若處. VCS (T38n1782_p1067a19), “A-luyện-nhã xứ 阿練若處 (Skt. araṇyātana), đây gọi nhàn tịch sở 閑寂所. Cựu dịch là a-lan-nhã 阿蘭若. Tức chỗ trống vắng cách thôn xóm trên 2 dặm. Sống ở đây, không cùng vật đua chen, có thể tu vô tránh.”

²⁷⁴ Tu hành địa 修行地. VCX: du-già sư địa 瑜伽師地, chỉ trình độ tu tập. Skt. yogācārabhūmi.

²⁷⁵ Trí nghiệp 智業. Triệu nói, «Đại thừa vạn hạnh phân làm 2 nghiệp. Lấy trí để nêu hành, lập riêng trí nghiệp. Các tùy tùng của hành lập chung làm đức nghiệp.» VCX: quảng đại diệu trí tư lương 廣大妙智資糧 (chất liệu cho trí quảng đại).

²⁷⁶ Nhập nhất tướng môn . VCX: nhất chính lý môn ngộ nhập 一正理門悟入.

²⁷⁷ Tuệ nghiệp 慧業. VCX: quảng đại diệu trí tư lượng 廣大妙慧資糧 (chất liệu cho tuệ quảng đại). VCS (T38n1782_p1067b03), « Trí (jñāna) là ba-la-mật thứ mười. Trí này có hai: 1. thọ pháp lạc; 2. thành hữu tình...Tuệ (prajñā), là ba-la-mật thứ sáu, tuệ vô sai biệt.”

²⁷⁸ VCX: Bò-đề phần pháp

²⁷⁹ Nan Thắng Như Lai 難勝如來. Skt. Durjaya-tathāgata.

²⁸⁰ Quang minh quốc độ 光明國土. VCX: Dương diệm thế giới 陽焰世界.

VCS: «Thế giới hư huyền, cho nên nói là Dương diệm.”

²⁸¹ DMC (T14n0475_p0544a25). VCX (T14n0476, p0567b24), phẩm thứ 5, «Vấn tật 問疾品第五.”

²⁸² Văn-thù-sư-lợi 文殊師利. VCX: Diệu Cát Tường 妙吉祥. Skt. Mañjuśrī.

²⁸³ Bản La-thập nhảy một đoạn, VCX: “

²⁸⁴ VCS: xảo tiện vô ngại 巧便無礙, vận dụng phương tiện khéo léo thông suốt.

Tiếp theo, bản La-thập nhảy một đoạn; VCX (Đại 14, tr.567c1): «Đã đạt đến pháp giới tối thắng không hai, không tạp; sở hành đã rốt ráo đến bờ bên kia; diễn thuyết pháp môn được trang nghiêm bằng vô hạn yếu tính; thấu triệt căn tính và hành vi của tất cả chúng sinh; khéo léo sử dụng thần thông tối thắng của sự du hý; đạt đến mức hoàn hảo phương tiện thiện xảo của đại trí tuệ; hoàn toàn tự tại vô ngại vô úy để quyết trạch mọi vấn đáp; các hạng thấp kém không thể đối đầu với núi nhọn ngôn từ biện luận của ông ấy.”

²⁸⁵ VCX còn thêm: «Không nghe mà nghe.”

²⁸⁶ Cf. Madhyamaka ii. 1: gatam na gamyate tavād agatam vaiva gamyate/gatāgatavinirmuktam gamyamānam na gamyate. «Cái đã đi không đi. Cái chưa đi cũng không đi. Ngoài cái đã đi và chưa đi, cái đang đi không đi.”

²⁸⁷ VCX: «Không phải do cái đã đến mà có khái niệm về sự đến. Không phải do cái đã đi mà có khái niệm về sự đi.” Khuy Cơ, VCS (T38n1782_p1069c24) lưu ý: «Chỗ này, bản La-thập và bản Huyền Trang không giống nhau.”

²⁸⁸ Hán: trí vấn vô lượng 致問無量. VCS: «Lời nhắn gửi thì ngắn gọn; nhưng thâm ý hỏi thăm thì vô lượng.”

²⁸⁹ VCX: «Cũng như vô minh (avidyā) và hữu ái (bhavatrṣṇa) của các chúng sinh sinh khởi đã từ lâu đời; bệnh của tôi cũng phát từ lâu như vậy.”

²⁹⁰ VCS, Đại 38, tr.1070b22, «Hỏi thất không, là hỏi về pháp không. Hỏi thị giả không, là hỏi về nhân không.”

²⁹¹ CDM, Đại 38, tr. 372c11, «Thập nói, căn nhà do không có vật gì cả nên trống không. Cõi Phật do bởi lý gì mà không?”

²⁹² CDM, «Thập nói, không có (vô 無, Skt. abhava) vì không có vật gì. Rỗng không (không 空, Skt. sūnya), vì quốc độ tính không. Triệu nói, không đầu là trí không (jñānaśūnyatā, cf. Madhyānta-vibhāga); không sau là pháp không (dharmaśūnyatā).”

²⁹³ DMC: hà dụng không 何用空 . VCX: vi thị thùy không 為是誰空 , là cái không của ai (= của cái gì).”

²⁹⁴ VCX: «Không này là Không của vô phân biệt.”

²⁹⁵ VCX: Không tính 空性.

²⁹⁶ Trường A-hàm 14, kinh 21. Phạm động, Đại 1, tr. 89c23. Cf. Pali, Brahmajāla-sutta, D.i. tr. 44.

²⁹⁷ VCX: bất yếm khí 不厭棄, không ghét bỏ.

²⁹⁸ VCX: vô sắc tướng 無色相.

²⁹⁹ DMC: thân hiệp 身合, tâm hiệp 心合. VCX: thân tương ưng 身相應, tâm tương ưng 心相應.

³⁰⁰ VCX: tâm như huyền hoá 如幻化 .

³⁰¹ Tứ đại 四大, Skt. catvāri mahābhūāni. VCX: tứ giới 四界. Skt. dhātavaś catvāri.

³⁰² Trong bản dịch Huyền Trang thì ngược lại: Duy-ma-cật hỏi Văn-thù. Khuy Cơ (Đại 38, tr.1071c21) cho rằng, xét theo ý nghĩa, La-thập đã dịch không đúng. Triệu nói (Đại 38, tr.374c9), theo lẽ thì Duy-ma-cật hỏi. Nhưng để khiến những vị hiện diện chú tâm, và để chính người bệnh tự nói, nêu rõ ý nghĩa vô chứng của Đại thừa.

³⁰³ DMC: giáo đạo chúng sinh 教導眾生. VCX: thành thực hữu tình 成熟有情

³⁰⁴ VCX: ««Không nói tội có di chuyển.» VCS: «Tội được làm trong hiện tại di chuyển vào quá khứ. Quá khứ có thực thể dẫn đến sự cảm quả trong tương lai.»

³⁰⁵ Tịnh mạng 淨命; Thập nói: tức là chánh mạng.

³⁰⁶ DMA: tiền thế 前世 (Skt. pūrva-nivāsa); VCX: tiền tế 前際 (pūrva-koti). Toàn đoạn, VCX: «Sinh từ nghiệp được thúc đẩy bởi các phiền não của phân biệt vọng tưởng và điên đảo.»

³⁰⁷ DMC: trước ngã 著我; VCX: chấp ngã 執我. Skt. ātmagrāha.

³⁰⁸ VCX: «Không nên ở trong thân này mà vọng tưởng sinh ra chấp ngã.»

³⁰⁹ DMC: ngã tưởng , chúng sinh tưởng . 我想眾生想, khái niệm về một tự ngã hay linh hồn (ātma-saṃjñā), khái niệm về một chúng sinh hay một hiện tồn thể (sattvā-saṃjñā). VCX: hữu tình ngã tưởng 有情我想. Cf., Vajracchedika, bốn

khái niệm về ngã: ātma-saṃjñā (ngã tưởng), sattvā-saṃjñā (chúng sinh tưởng), jīva-saṃjñā (thọ tưởng), pudgala-saṃjñā (nhân tưởng).

³¹⁰ DMC: đương khởi pháp tướng 當起法想. CDM: «Triệu nói, để trừ ngã tưởng mà khởi lên pháp này.» VCX: an trụ pháp tướng 安住法想. khái niệm về pháp an trụ hay thường trụ. VCX: «An trụ nơi pháp tướng mà quán pháp do nhân duyên để phá trừ ngã chấp.» (= Skt. dharma-saṃjñā pratiṣṭhitavyā).

³¹¹ VCX: «Ta phải nên trừ diệt nó và cũng tức là trừ diệt hết thủy tai hoạn như vậy của hữu tình.»

³¹² Pháp hai 二法 ; chỉ pháp có tính nhị nguyên đối đãi, hai mặt đối lập. Skt. dvaita-dharma. VCS: «Pháp hai tức là pháp mà nội tại và ngoại tại đều tuyệt đối không hiện hành.» Xem phẩm 9, «Pháp môn bất nhị.»

³¹³ VCS: «Quán sự bình đẳng, không di động, không dao động, không có cái được quan sát.»

³¹⁴ DMC: hành tâm bình đẳng 行心平等 , Triệu nói, «thể hiện sự bình đẳng của tâm.» VCX: quán bình đẳng... VCS(T38n1782, tr.1073a24): «quán sự bình đẳng của pháp, không động dao...»

³¹⁵ VCX: «ngã và Niết-bàn, cả hai đều bình đẳng.»

³¹⁶ VCX: «Hai pháp này đã không tồn tại, thì còn pháp nào khác hơn nữa là không? Ấy là chỉ bằng vào quy ước của ngôn ngữ (danh tự giả thuyết) mà nói là không.»

³¹⁷ CDM: Thọ nói, thọ đây chỉ ba thọ: khổ, lạc và xả.

³¹⁸ DMC: điều phục 調伏 . VCX: trừ...tật 除疾 .

³¹⁹ VCX: «Khi điều trị cho mình và cho người, không thấy có một cái gì gọi là được điều trị.»

³²⁰ DMC: hữu phan duyên 有攀緣. VCX: hữu duyên lự 有緣慮. Skt. sālambhana, cái luôn luôn cần điểm tựa để hiện hành; cái không bao giờ rời khỏi điểm tựa. VCS (T38n1782, tr.1073c29): «Duyên lự, là tâm, tâm sở có tính phân biệt, thuộc hữu lậu.»

³²¹ DMC: đoạn 斷. VCX: ung tri. Skt. pariñātavya 應知 , cần biến tri (=cần triệt để đoạn trừ).

³²² VCX: Nếu không có hai kiến, đó là không có gì sở đắc.

³²³ DMC: vô tuệ lợi 無慧利. VCX: hư khí, bỏ công vô ích 虛棄.

³²⁴ CDM: «Khởi ái kiến đại bi..., Triệu nói: (...) Nếu quán ấy chưa thuần, thấy chúng sinh mà thương yêu, rồi từ đó mà khởi tâm đại bi.» VCX: «Với tâm bị quán chặt bởi ái và kiến ấy mà khởi tâm đại bi đối với chúng sinh.»

³²⁵ Bụi như người khách chột đến. (Skt. āgantuka). CDM (Đại 38, tr.378b09): «Triệu nói, tâm gặp ngoại duyên, phiền não chột dậy lên, cho nên nói là khách trần.»

³²⁶ VCX: «Bằng phương tiện thiện xảo mà tái sinh trong các hiện hữu, hoàn toàn không có tham đắm.»

³²⁷ Phương tiện tuệ 方便慧, (Skt. upāya-jñāna, tuệ của phương tiện, hay tuệ do bởi phương tiện). VCX: phương tiện thiện nhiếp diệu tuệ 方便善攝妙慧 tuệ siêu việt được thể hiện khéo léo bằng phương tiện (upāya-saṃgrīha-jñāna).

³²⁸ Tuệ phương tiện 慧方便. (Skt. jñānopāya, phương tiện của trí tuệ hay do bởi trí tuệ).

³²⁹ CDM (Đại 38, tr.378c26): «Thập nói, quán không mà không thủ; lợi hữu mà không dính; đó là xảo phương tiện... Trong đây chỉ lấy sự lợi hữu không dính làm phương tiện, nên nói rằng có tuệ mà không có phương tiện. Từ trụ thứ bảy trở lên, tâm thường định, động và tĩnh không khác, cho nên nói là phương tiện tuệ.»

³³⁰ VCX: «Tự điều phục bằng... nhưng không trang điểm thân bằng các tướng hảo... cho nên, không có phương tiện...»

³³¹ VCX: «Quán thân cùng với bình đều là vô thường...»

³³² VCX: «Thân, tâm và các thứ tật bệnh, lệ thuộc lẫn nhau, lưu chuyển từ vô thủy, sinh diệt không gián đoạn, không phải mới, không phải cũ. Đó gọi là tuệ.»

³³³ VCX: «Ở nơi sở hành quán sát sinh tử, mà không có sở hành của hết thảy phiền não.»

³³⁴ VCX: «Ở nơi sở hành của bốn thứ Ma mà siêu việt sở hành của hết thảy Ma.» Bốn Ma: uẩn ma, phiền não ma, tử ma, thiên ma.

³³⁵ Nhất thiết trí 一切智. VCX: nhất thiết trí trí . Skt. sarvajñā-jñāna, trí tuệ của nhận thức toàn diện. Trí của nhất thiết trí, trí tuyệt đối cá biệt do Phật tự chứng.

³³⁶ Phi thời cầu 非時求. CDM (Đại 38, tr.380a20): «Thập nói, công hành chưa đủ mà cầu cho được kết quả đầy đủ, gọi là phi thời cầu.» VCX: «Cầu sở hành của trí nhất thiết trí, nhưng không phải là sở hành của chứng trí phi thời.» VCS (T38n1782_p1076a5): «Bồ tát chứng trí, bên ngoài thích ứng với mọi cơ duyên để có thể cứu vớt chúng sinh, nên nói là không phải phi thời.»

³³⁷ Nhảy một đoạn trong bản La-thập; VCX: «Tuy sở hành diệu trí của bốn Thánh đế, nhưng không phi thời chứng nghiệm Thánh đế; đó là sở hành của Bồ tát. Chánh quán sát sở hành nội chứng, mà vẫn nhiếp thọ sở hành sinh tử; đó là sở hành của Bồ tát.»

³³⁸ VCX: «Chánh quán sát sở hành vô sinh, mà không rời vào sở hành của Thanh văn Chánh tính.» Chánh vị, hay chánh tính (Skt. samyaktva), Câu-xá 10 (Đại 29 tr. 56c12): «Tham hoàn toàn đoạn trừ; sân...si... hết thảy phiền não hoàn toàn đoạn trừ; đó gọi là chánh tính.» Chỉ giai đoạn chuyển tiếp từ phàm phu bước sang địa vị Thánh giả.

³³⁹ La-thập (T 38, tr.0380a27): «Quán duyên khởi là con đường đoạn trừ tà kiến. Nhưng có thể ngược lại mà đồng với tà kiến.» Trái nghĩa với VCX: «Tuy hành

tất cả sở hành của duyên khởi, mà có thể xa lánh sở hành của mọi xu hướng kiến chấp.” Khuy Cơ giải (T38n1782_p1076a17): «Bồ tát hiện duyên khởi mà xa lìa xu hướng kiến chấp. Hiện duyên khởi, tức hiện sinh tử.”

³⁴⁰ CDM: «Triệu nói, viễn ly nhỏ thì xa lìa chỗ náo nhiệt. Viễn ly lớn thì dứt hẳn thân tâm.”

³⁴¹ VCX: «Không hoại loạn pháp giới.”

³⁴² VCX: «Tuy hay quán sát sở hành vô nguyên mà vẫn có thể thị hiện sở hành của các cõi Hữu.”

³⁴³ VCX: «Tuy rảo bước nơi sở hành vô tác...” Khuy Cơ: «Vô tác, không có gì được tạo tác.”

³⁴⁴ VCX: «... mà không hướng đến sở hành bờ bên kia của tâm hành diệu trí của hết thảy chúng sinh...”

³⁴⁵ Bốn vô lượng tâm ở đây chỉ bốn Phạm trụ (Brahma-vihāra). chứng Sơ thiên, tái sinh vào thế giới Phạm thiên (Brahma-loka).

³⁴⁶ VCX: «Không tái sinh theo thế lực của các Thiên.”

³⁴⁷ VCX: «... mà không thấy tồn tại hai sở hành của thiện và bất thiện.”

³⁴⁸ VCX: «... mà không mong cầu diệu trí thiện xảo của Phật pháp sai biệt.”

³⁴⁹ VCX: «... mà không dẹp bỏ sở hành duyên lự của hết thảy Phật pháp.”

³⁵⁰ VCX: «... cõi Phật, mà tự tính là không, tịch diệt, không thành không hoại, như hư không...”

³⁵¹ VCX: «... sở hành hy hữu sự của hết thảy Bồ tát...”

³⁵² Bản Hán, La-thập, «Bát tư nghị phẩm đệ lục 不思議品第六.” Huyền Trang, quyển 3 «Bát tư nghị phẩm đệ lục, 不思議品第六.”

³⁵³ Giới 界, chỉ 18 giới (Skt. dhātu). VCX: «không cầu giới con mắt (Skt. cakṣur-dhātu), cho đến giới ý thức (Skt. vijñāna-dhātu).”

³⁵⁴ DMC: nhập 入. Đây chỉ 12 xứ 處 (Skt. āyatana) . VCX: «không cầu xứ con mắt (cakṣur-āyatana) cho đến xứ pháp (Skt. dharmāyatana).”

³⁵⁵ VCX: «không cầu Dục giới (Skt. kāmāvacara), Sắc giới (Skt. rūpāvacara), Vô sắc giới (Skt. arūpāvacara).”

³⁵⁶ DMC: trước Phật 著佛, trước pháp 著法, trước chúng 著眾. VCX: Phật chấp , Pháp chấp , Tăng chấp 佛執及法僧執. Skt. buddha-grāha, dharma-grāha, saṅgha-grāha.

³⁵⁷ DMC: kiến khổ, đoạn tập, tận chứng, tu đạo. VCX: tri khổ, đoạn tập, chứng diệt tu đạo.

³⁵⁸ Vô hý luận 無戲論. Skt. niṣprapañca.

³⁵⁹ VCX: «pháp được gọi là tịch tĩnh và cận tịch tĩnh. VCS: «Tịch tĩnh, chỉ chân như. Cận tịch tĩnh, chỉ các pháp vô lậu khác.” (Skt. śānta, upaśānta).

³⁶⁰ VCX: «Pháp vốn không tham nhiễm, lìa tham nhiễm.”

³⁶¹ VCX: «Đó là đi tìm sự tham nhiễm chứ không phải đi tìm pháp.»

³⁶² Hành xứ 行處. VCX: «pháp không phải là cảnh giới” = cảnh giới sở hành.

Skt. gocara.

³⁶³ VCX: «Nếu tư duy trên tất cả cảnh giới sở hành, đó là cầu cảnh giới chứ không phải cầu pháp.»

³⁶⁴ Thủ xả 取捨; VCS: «Thủ, tức nhiếp thủ 攝取. Xả, tức khí xả 棄捨.» Chấp nhận hay loại bỏ. Skt. ādāna-tyāga.

³⁶⁵ DMC: pháp vô xứ sở 法無處所, pháp không có nơi chốn. VCX: pháp vô nhiếp tàng 法無攝藏, pháp không có sự tích chứa. VCS: «Cái tích chứa (năng nhiếp tàng) là ái. Cái được tích chứa (sở nhiếp tàng) là đối tượng (sở duyên) của ái.» Có lẽ Skt. nirālaya. Cf. Nhiếp Đại thừa luận bản 1 (T31n1594_p0134a18) dẫn Tăng nhất: «Thế gian chúng sinh yêu a-lại-da (ālaya)...» Trong đó (T31n1594_p0133b18) A-lại-da được định nghĩa: «Do tích chứa các pháp...由攝藏諸法.» Cf. Pali, Saṃyutta, S.i. 136: ālayarāmā kho panāyaṃ pajā ālayaratā ālayasamudditā, «Chúng sinh nay say đắm, thích thú, vui sướng với những gì được tích chứa.» Nghĩa cụ thể của ālaya là «cái nhà, chỗ cư ngụ;» do đó, DMC dịch là xứ sở.

³⁶⁶ DMC: trước xứ 著處. VCX: lạc nhiếp tàng 樂攝藏. Skt. ālayarāma; xem cht. 14 trên.

³⁶⁷ VCS: «Nếu tùy theo tướng của pháp mà nhận thức...»

³⁶⁸ VCX: «Người cầu pháp thì không cùng trụ với pháp. Vì pháp vốn vô sở trụ.» VCS (T38n1782, tr.1078a6) giải thích: «Không cùng với tất cả thế tục trụ pháp.»

³⁶⁹ VCX: «Nếu cùng trụ với pháp; đó là cầu trụ chứ không phải cầu pháp.»

³⁷⁰ Kiến văn giác tri 見聞覺知. Skt. dṛṣṭa-śruta-mata-jñāta. VCS (T38n1782_p1078a09): «Đối pháp luận nói, được tiếp nhận bởi mắt là thấy (kiến, dṛṣṭa); bởi tai là nghe (văn, śruta); bởi tri giác tự nhiên mà biết như vậy như vậy là cảm nhận (giác, mata); nhận thức nội tại là nhận biết (tri, jñāta).»

³⁷¹ VCX: «Pháp được gọi là vô vi, lia hữu vi tính.»

³⁷² Hán: ung vô sở cầu 應無所求. Skt. aparyeṣitavya .

³⁷³ VCX: «xa lia trần cấu, được sự thanh tịnh...» CDM: «Triệu nói, được pháp nhãn tịnh của Đại thừa.» VCS: chứng quả Dự lưu. Cf. Pali, D. i. 110: āsane virajaṃ vītamalaṃ dhammacakkhuṃ udapādi, «ngay trên chỗ đang ngồi, trỗi dậy con mắt pháp đã dứt sạch bụi bẩn.»

³⁷⁴ Tương đương 1012 a-tăng-kỳ 阿僧祇 Skt. asaṅkhyeya: vô số). VCX: vô lượng vô số trăm nghìn câu-chi (Skt. koṭi).

³⁷⁵ Tu-di tướng 須彌相. VCX: Sơn tràng 山幢.

³⁷⁶ Tu-di Đẳng Vương 須彌燈王 (Sumerudīparājan). VCX: Sơn Đẳng Vương 山燈王 (Parvata-dīparājan).

³⁷⁷ Do-tuần 由旬. CDM: Triệu nói, do-tuần mức chuẩn thượng là 60 dặm; chuẩn trung, 50 dặm; chuẩn thấp nhất, 40 dặm. VCX: Phật cao 84 ức du-thiện-na 踰膳那; toà sư tử của Ngài cao 68 ức du-thiện-na. Bồ tát cao 42 du-thiện-na, với toà sư tử cao 34 du-thiện-na (Skt. yojana= 4 krośa hay khoảng 9 dặm Anh).

³⁷⁸ VCX: «nhiếp niệm nhập định rồi phát khởi thần thông lực như vậy như vậy.»

³⁷⁹ DMC: 3 vạn 2 nghìn. VCX: 32 ức = 3.200.000.

³⁸⁰ 4 vạn 2 nghìn = 42.000. VCX: 4.200.000.

³⁸¹ Tân phát ý bồ tát 新發意菩薩. VCX: tân học bồ tát 新學菩薩. Skt. ādikarmika-bodhisattva. VCX: những vị này được Duy-ma-cật giảng pháp yếu, tức thì chứng ngộ thông và tự biến hình được đề ngồi lên sư tử toà.

³⁸² Tứ Đại thanh văn . Skt. Mahāśrāvaka.

³⁸³ Tu-di sơn vương 須彌山王. VCX: Diệu cao sơn vương 妙高山王. Skt. Sumeru-parvata-rājan.

³⁸⁴ Tứ Thiên vương 四天王 và Đao-lị chư thiên 忉利諸天, Skt. Cāturmahārājakāyika & Trayastrimśā devāḥ. Cf. Câu-xá 11 (Đại 29 tr. 59c14): núi Tu-di phân thành bốn tầng cấp. Tầng thứ tư là chỗ của Tứ đại thiên vương cùng quyến thuộc. Trên chóp đỉnh là chỗ của thiên chúng Tam thập tam thiên. Vì vậy, nếu di chuyển Tu-di, thì các chư thiên này cũng bị di chuyển.

³⁸⁵ VCX: «Chỉ những ai cần chung kiến thần thông lực mới có thể khuất phục, những người ấy mới thấy...»

³⁸⁶ VCX: «Bồ tát an trụ giải thoát bất khả tư nghị như vậy, được dẫn vào bằng năng lực trí tuệ của phương tiện thiện xảo. Cảnh giới giải thoát bất khả tư nghị này không phải là cảnh giới mà các Thanh văn và Bích-chi-phật có thể ước lượng được.»

³⁸⁷ VCX: «như bàn xoay của thợ gốm xoay rất nhanh.»

³⁸⁸ VCX: thừa ý thể thông 乘意勢通, nương theo năng lực thần thông được thực hiện bằng thể lực của ý chí. VCS (T38n1782_p1080a16): «Có hai giải thích về ý thể thông. 1. Không phải du hành bằng tự thân, mà bằng thể lực của ý... 2. Sự vận dụng hoạt động của thân tùy theo thể lực của ý, cho nên cực kỳ nhanh chóng, trong một sát na mà đi khắp mười phương...»

³⁸⁹ VCX: đại phong luân 大風輪.

³⁹⁰ Kiếp tận 劫盡. thời kỳ thế giới hủy diệt. Skt. kalpakṣaya= samvarttayām, kiếp hoại, xem Câu-xá 2 (Đại 29, tr. 11c11).

³⁹¹ VCX thêm một đoạn: «hoặc biến các hữu tình hiện thành thân Phật, thân các Bồ-tát...»

³⁹² VCX thêm: «Nhu Vương thái tử đăng quang nhận ngôi vị Quán đĩnh.»

³⁹³ VCX: Ma vương và thuộc hạ của Ma vương.

³⁹⁴ VCX: «Vì muốn sự lợi ích cho các hữu tình nên thị hiện những sự nghiệp lớn khó làm như vậy.»

³⁹⁵ VCX: «không thể thực hiện sự ăn xin bằng cách thúc ép người cho như vậy.»

³⁹⁶ Trước đó, VCX có thêm thí dụ: «Nhu lửa đom đóm không thể che ánh mặt trời...»

³⁹⁷ Thử đập 蹴蹋. VCX: «như sự chiến đấu uy mãnh của voi chúa...»

³⁹⁸ VCX thêm: «... chỉ có voi chúa mới có thể chiến đấu với voi chúa. Cũng vậy, phàm phu ở địa vị thấp kém không đủ để bức bách Bồ tát (phải cho). Duy chỉ Bồ tát mới có khả năng bức bách Bồ tát (bố thí).»

³⁹⁹ VCX thêm kết luận: «Khi pháp này được thuyết giảng, tám nghìn Bồ tát chứng nhập cảnh giới giải thoát bất tư nghị vốn chỉ có được chứng nhập bằng trí lực của phương tiện thiện xảo của Bồ tát.»

⁴⁰⁰ VCX: «Phẩm 7.Quán hữu tình 觀有情品第七 .» Chi Khiêm: Quán nhân vật 觀人物品第七.

⁴⁰¹ Nhiệt thời viêm 熱時炎 . VCX: dương diệm thủy 陽焰水, bóng nước trong quáng nắng.

⁴⁰² Không trung vân 空中雲. VCX: hư không trung vân thành đài các 虛空中雲城臺閣 , thành quách, đài các trong mây trong bầu trời; Skt. gandharava-nagara, thành phố gandharva, thành phố càn-thát-bà, chỉ thành phố nhìn thấy trong biển do phản chiếu của mây và hơi nước bốc từ biển, thành ngữ Hán nói là «thận lâu hải thị 蜃樓海市,» lầu sò, chợ biển.

⁴⁰³ DMC: thủy tụ沫 水聚沫. (Skt. phenapiṇḍa). VCX: thủy tụ沫 sở hữu tiền tế 水聚沫所有前際 , tiền tế của đám bọt nước; VCS giải thích: «tiền tế vốn không hiện hữu, vì nguyên lai là không.» Nghĩa là, không thể xác định điểm xuất phát của bọt nước. Cf. Pali, Dh. 46: phenūpamaṃ kāyaṃ veditvā, biết rõ thân này như bọt nước.

⁴⁰⁴ DMC: thủy thượng bào 水上泡. (Skt. udaka-budbuda) VCX: thủy phù bào hoặc khởi hoặc diệt 水浮泡或起或滅 . bong bóng trên mặt nước chọt nổi chọt chìm. Cf. Trung A-hàm 12 (Đại 1, tr. 503b). Cf. A. iv. 137: udaka-bubbūpamaṃ jīvitam manussānaṃ, sinh mạng của con người như bong bóng nước (không bền chắc).

⁴⁰⁵ Điện cử trú 電久住. VCX không có thí dụ này.

⁴⁰⁶ Phật thuyết chỉ có 4 đại.

⁴⁰⁷ DMC: âm 陰. Phật thuyết chỉ có 5 uẩn.

⁴⁰⁸ Tình 情. VCX: căn 根. Phật thuyết chỉ có 6 căn. VCS (T38n1782, tr. 1081b24): «Tiếng Phạn tát-đỏa 薩埵 (sattva), đây nói là hữu tình, tức là 6 căn. Bản dịch cũ vì vậy nói là như tình thứ bảy.»

⁴⁰⁹ DMC: nhập 入. VCX: xứ 處. Phật thuyết chỉ có 12 xứ.

⁴¹⁰ Phật thuyết chỉ có 18 giới 界.

⁴¹¹ VCX thêm hai thí dụ: y phục được dệt bằng lông rùa; sự hưởng thụ dục lạc của trẻ sơ sinh mà yếu mạng.

⁴¹² Thân kiến 身見; VCX: tát-ca-da kiến 薩迦耶見 (= hữu thân kiến); Skt. satkāya-dṛṣṭi, cf. Câu-xá 9 (Đại 29, tr.99b25, 100a1, 156c18): Đoạn trừ ba kết (thân kiến, nghi, giới cấm thủ), chứng quả Dự-lưu (=Tu-đà-hoàn); cf. A. 1. 231: so tinnam samyojanānam(=sakkāyadiṭṭhi, vicikicchā, sīlabbata-parāmāso) parikkhayā sotāpanno hoti.

⁴¹³ VCX: «như sự tái sinh lần thứ ba của Nhất lai.» Vị Nhất lai (Skt. skṛd-āgāmin) một lần tái sinh thiên giới và một lần tái sinh nhân gian rồi nhập Niết-bàn, không có tái sinh lần thứ ba. Cf. Câu-xá 24, Đại 29, tr. 123c21, 124a19.

⁴¹⁴ A-na-hàm, hay Bất lai (Skt. anāgāmin) không còn tái sinh Dục giới nên không nhập thai (Skt. garbhāvakrānti). Cf. Câu-xá 24, Đại 29, tr. 124b1.

⁴¹⁵ Đắc nhãn Bô-tát 得忍菩薩. CDM (Đại 38, tr.384a13) Triệu nói, «Trụ (= Bô-tát địa) thứ bảy chẳng đắc pháp nhân vô sinh (Skt. anutpattika-dharma-ksānti), vĩnh viễn đoạn trừ các kết sử của tâm.» VCS (T38n1782, tr.1081c4), «Bô-tát địa thứ tám trở lên gọi là đắc nhãn.» (Skt. ksānti-pratilabdha).

⁴¹⁶ Phật phiền não tập 佛煩惱習, tàn dư của của phiền não còn tiềm phục (Skt. kleśa-vāsanānuśayitā) VCX: Như lai tập khí tương tục 如來習氣相續 (Skt. vāsanā-santana).

⁴¹⁷ VCS: «Tứ thiên trở lên không còn hơi thở ra vào nữa, huống là nhập diệt tận định.»

⁴¹⁸ VCX thêm: «Như căn của bán-trạch-ca 半擇迦 mà có thể dụng.» Skt. paṇḍaka, bất năng nam, đàn ông bất lực hay bị thiến.

⁴¹⁹ Hán: thạch nữ 石女. VCX: «như hành vi của con của thạch nữ.»

⁴²⁰ Hoá nhân 化人 (Skt. nirmīṭaka). VCX: «Như sự trói buộc của người được Phật biến hoá ra.» Và thêm một thí dụ nữa: «Như phiền não cứu cánh không sinh khởi (atyantānutpanna-kleśa).» Giải thích, VCS: «Địa thứ tám trở lên, tuy hạt giống của phiền não chưa hoàn toàn bị tiêu diệt nhưng do tác động liên tục của vô lậu khiến cho chúng không có điều kiện để sinh khởi, nên nói là phiền não tuyệt đối không còn sinh khởi.»

⁴²¹ VCX: «Nhu thân đời sau (hậu hữu tương tục, Skt. bhava-prati-saṃdhāna) của A-la-hán.»

⁴²² VCX: «Nhu sự thiêu đốt của ngọn lửa không sinh.»

⁴²³ VCX: tu đại từ (Skt. mahāmaitrī-bhāvanā).

⁴²⁴ Hành tịch diệt từ 行寂滅慈 . CDM, «Thập nói: biết các pháp vốn vắng lặng (tịch diệt, Skt. upasānta) và vô sanh (anutpanna), nhân đó mà khởi từ tâm nhưng vẫn không mất tịch diệt.»

⁴²⁵ VCX: «vì không có các thù.» Skt. anupādāna (không chấp thủ, tức không phiền não), La-thập đọc là anutpanna.

⁴²⁶ Bất nhiệt từ 不熱慈. CDM (Đại 38, tr.0384b23), «Triệu nói: phiền não khởi tư ái và kiến; từ tâm mà không ái và kiến, cho nên không nóng bức (nhiệt não).

⁴²⁷ VCX: «tu từ tâm như thực 如實慈 (Skt. yathābhūta-maitrī) , vì bình đẳng suốt cả ba đời.» Cũng có thể, Skt. trong VCX được đọc là samyak-maitrī (từ tâm chánh trực), trong được đọc là sama-maitrī (từ tâm bình đẳng).

⁴²⁸ Vô tránh từ 無諍慈 (Skt. araṇa, cf. cht. 57, Ch.iii).VCX: bất vi từ 不違慈. (Skt. avirodha/ aviruddha: không đối địch, không mâu thuẫn). VCS (T38n1782_p1082a17): «vì phát xuất từ sự bình đẳng của nguyên nhân.»

⁴²⁹ Vô sở khởi 無所起. VCX: vô đẳng khởi 無等起. Skt. asamutthāna, không có hành vi hiện khởi, không có nguyên động lực để hiện khởi.

⁴³⁰ Tất cánh tận 畢竟盡 (Skt. atyanta-kṣaya); VCX: tất cánh trụ 畢竟住. (Skt. atyanta-ṣṭhita: vĩnh viễn an trụ; có lẽ trong DMC, được đọc là atyanta-niṣṭhita: đạt đến tận cùng cứu cánh).

⁴³¹ VCX: «vì tăng thượng ý lạc (Skt. adhyāsaya: ý hướng hay nguyện vọng) như kim cương.

⁴³² VCX: «vì bản tánh vốn tịnh (Skt. prakṛti-parisuddha).

⁴³³ Vô biên từ 無邊慈 (Skt. ananta-maitrī). VCX: bình đẳng từ 平等慈 (Skt. sama-maitrī).

⁴³⁴ Kết tặc 結賊. Cf. Đại tỳ-bà-sa 94 (T27n1545, tr.487c3): « A-la 阿羅 (Skt. ari) chỉ cho tất cả phiền não; hán 漢 (Skt. han) nghĩa là sát hại. Dùng gươm trí tuệ mà sát hại hết thấy phiền não nên gọi là A-ha-hán (Skt. arhan= ari+han). Cf., Pali, A. iv. 145, arīhatattā ariyo hoti, phá diệt kẻ thù là Thánh.

⁴³⁵ DMC nhảy một đoạn; VCX: «Tu từ tâm của Độc giác (Pratyeka-buddha), vì không cần Thầy dạy.»

⁴³⁶ VCX: «Tu từ tâm của Bồ-tát, vì không nghỉ ngơi trong sự giáo hoá chúng sinh.»

⁴³⁷ VCX: «Vì chứng ngộ tính chân như của các pháp (sarvadharma-tathatā).»

⁴³⁸ VCX: «Vì đánh thức các chúng sanh đang ngủ say.»

⁴³⁹ VCX: «Vì thể nghiệm pháp tính một cách tự nhiên.»

⁴⁴⁰ Vô đẳng từ 無等慈. VCX: «Tu từ tâm không thiên lệch, vì đã đoạn trừ yêu và ghét.»

⁴⁴¹ DMC nhảy một đoạn; VCX: «tu từ tâm của vô tránh, vì quán vô ngã.» Xem cht. 28 trên.

⁴⁴² DMC có nhảy sót. Xem cht. 41 trên. VCX: «Vì quán tự tánh vốn không.»

⁴⁴³ Di tích 遺惜. VXX: sư quyền 師捲 (Skt. ācārya-muṣṭi) , làm thầy mà dấu diếm, không truyền dạy hết. Cf., Pali, D.ii. 100: na tattha ... tathāgatassa dhammesu ācariya-muṭṭhi, «ở đây, trong các pháp, Như lai không có bàn tay nắm chặt của người thầy.»

⁴⁴⁴ Chú của La-thập (Đại 38, tr.385a17): «chữ hành 行 trên chữ từ 慈 trong đây, không có trong bản Phạn.»

⁴⁴⁵ Thọ vị 受味. VCX: ái vị 愛味 , vị ngọt của tham ái.

⁴⁴⁶ VCX: «Hiện thực biết pháp trong mọi thời.»

⁴⁴⁷ VCX: «Thị hiện cùng khắp trong hết thủy phương diện.»

⁴⁴⁸ Sau phương tiện, VCX đề cập các ba-la-mật tiếp: nguyện, lực, trí; đủ 10 ba-la-mật trong 10 địa Bồ tát. Tiếp theo, tu thân thông, tu nhiếp sự, tu vô trước, đoạn này không tương đương DMC.

⁴⁴⁹ Vô cuồng 無誑, không lường gạt. VCX tách thành hai: vô trá 無詐, không trá nguy, vì ý lạc (Skt. āśaya: xu hướng hay ý nguyện) thanh tịnh; vô siểm 無詐, không dua nịnh, vì không còn giả dối.

⁴⁵⁰ CDM, «Thập nói: trong Phạn bản, trú Niết-bàn lạc.» Nghĩa là, La-thập dịch thoát ý. VCX: «Thiết lập cơ sở an lạc của chư Phật.» (Skt. sarvabuddha-sukhavastu-ṣṭhāpya)

⁴⁵¹ VCX: tu đại bi (Skt. mahākaruṇā-bhāvanā).

⁴⁵² VCX: «Làm lợi ích một cách bình đẳng.»

⁴⁵³ VCX: «Nuơng tựa và an trú nơi Đại ngã của chư Phật.» Skt. Mahātman, một trong bốn đức của Đại Niết-bàn (thường, lạc, ngã, tịnh). Khuy Cơ: (T38n1782_p1082c29): «Đại ngã của Chư Phật, tức Đại Niết-bàn.»

⁴⁵⁴ VCX: «Muốn an trú Đại ngã thì hãy an trú trong sự độ thoát bình đẳng tất cả chúng sinh.»

⁴⁵⁵ Hành chánh niệm 行正念. VCX: tu tập tác ý quán sát một cách như lý (Skt. yoniśo-manas-kāra).

⁴⁵⁶ Dục tham 欲貪; sự ham muốn tính dục. Cf. Câu-xá 8 (Đại 29, tr.41c16): « Trong các môi trường Dục giới, tham chưa được đoạn trừ; tham đó được gọi là dục tham (Skt. kāma-rāga).»

⁴⁵⁷ Hư vọng phân biệt 虚妄分別. Skt. vikalpya.

⁴⁵⁸ VCX: «Câu hỏi này phi lý. Vô trụ tức là không có gốc...do gốc vô sở trụ mà các pháp được kiến lập.» Cf. Vajracchedikā, yat pratiṣṭhitam tad evāpratiṣṭhitam, «Cái gì được dựng đứng, cái đó không đứng vững.»

⁴⁵⁹ VCX: «Thiên nữ sống ở đây từ trước.» VCS (T38n1782_p1083b13): «Thiên nữ này là Bồ tát ở địa thứ tám.»

⁴⁶⁰ VCX: «Nghe được pháp vốn chưa từng được nghe.»

⁴⁶¹ Tức các Đại Thanh văn (Skt. Mahāśrāvaka).

⁴⁶² Vô sở phân biệt 無所分別. VCX: không phân biệt, không khác phân biệt 無分別無異分別 .

⁴⁶³ VCX: bị loài phi nhân. La-thập (Đại 38, tr.387b16) dẫn chuyện: Một con quỷ la-sát biến làm con ngựa. Một người đàn ông cỡi mà không nghi ngờ. Giữa đường, con quỷ hỏi, «Ngựa tốt không?» Người đàn ông rút gươm ra hỏi, «Gươm này có tốt không?» Quỷ biết người này không sợ, nên không làm hại được.

⁴⁶⁴ VCX: «Sợ sinh tử, nghiệp, phiền não.»

⁴⁶⁵ Kết tập 結習. La-thập (ibid.) giải thích: «Có hai loại tập khí. Tập khí kết sử (=phiền não) và tập khí của sự thiên ái Phật pháp (dharma-trṣṇā-vāsana). Khi chúng vô sinh nhữn thì hết thấy tập khí phiền não đều trừ sạch; nhưng tập khí thiên ái Phật pháp vẫn còn.» (Skt. vāsana) VCX: phiền não tập 煩惱習. Skt. kleśa-vāsana .

⁴⁶⁶ Kỳ niên giải thoát 耆年解脫, chỉ vị Trưởng lão lớn tuổi; đây xưng hô ngài Xá-lợi-phất. VCX: «Như giải thoát mà Xá-lợi Tử an trú.»

⁴⁶⁷ Giải thoát tướng 解脫相.

⁴⁶⁸ CDM (Đại 38, tr.388b11), Triệu nói: «Coi rẻ sinh tử, đề cao con đường của mình, đó là người tăng thượng mạn.» VCS (T38n1782_p1084b15), «Chưa chứng quả Phật, mà cho sở chứng của mình là cao nhất, không mong cầu tu chứng thêm nữa; đó là người tăng thượng mạn.» Một trong bảy mạn tùy miên (mānānūsaya), Câu-xá 9 (tr. 101a13, 19): «Chưa chứng đắc công đức thù thắng mà cho là đã chứng đắc, đó là tăng thượng mạn.» Skt. adhimāna.

⁴⁶⁹ VCX: «Trong Pháp và Luật (=tì-nại-da) được khéo trình bày (của Phật).»

⁴⁷⁰ Chiêm-bạc 瞻蔔. VCX: chiêm-bác-ca 瞻博迦. Khuy Cơ nói: Trung quốc không có loại hoa này. Skt. campaka, loại hoa vàng, tên khoa học Michellia Campaka.

⁴⁷¹ Khuy Cơ (T38n1782_p1084c27): 12 năm, chỉ 12 hai trụ của Bồ tát (Bodhisattva-vihāra): 1. Chủng tánh trụ (gotra-vihāra). 2. Thắng giải hành trụ (adhimukti-cārya-vihāra). 3. Cực hỷ trụ (pramudita-vihāra). 4. Tăng thượng giới trụ (adhiśīla-vihāra). 5. Tăng thượng tâm trụ (adhicitta-vihāra). 6. Tăng thượng

tuệ trụ (adhiprajñā-vihāra). 7. Giác phần tương ưng tăng thượng tuệ trụ (bodhi-pakṣa-pratisaṃyukto'dhiprajñā-vihāra). 8. Đế tương tăng thượng tuệ trụ (satya-pratisaṃyukto'dhiprajñā-vihāra). 9. Duyên khởi lưu chuyển chỉ tức tương ưng tăng thượng tuệ trụ (pratītya-samutpāda-pravṛtti-nivṛtti-pratisaṃyukto'dhiprajñā-vihāra). 10. Vô tướng hữu công dụng trụ (nirmitta-sabhoga-vihāra). 11. Vô tướng vô công dụng trụ (nirmittānabhoga-vihāra). 12. Tối thượng bồ tát trụ (agra-bodhisattva-vihāra). Cf. Du-già sư-địa 47 (T30n1579, tr.552c25).

⁴⁷² VCX: loài người và loài phi nhân trong thế gian này.”

⁴⁷³ VCX: «Không bị gây hại bởi phiền não.»

⁴⁷⁴ Bất thối chuyển pháp 不退轉法. VCX: «thường nghe những thảo luận về sáu ba-la-mật, về pháp luân không thối chuyển.»

⁴⁷⁵ Phật Thích-ca 釋迦牟尼佛, Phật A-di-đà 阿彌陀佛, Phật A-súc 阿閼佛, Bảo Đức 寶德, Bảo Viêm 寶炎, Bảo Nguyệt 寶月, Bảo Nghiêm 寶嚴, Nan Thắng 難勝, Sư Tử Hưởng 師子響, Nhất Thiết Lợi Thành 一切利成. VCX: Thích-ca Như lai 釋迦牟尼如來 (Śākya-tathāgata), Vô Lượng Thọ Như lai 無量壽如來 (Amitāyus-tathāgata), Nan Thắng Như lai 難勝如來 (Durjaya-tathāgata). VCX: Bất Động Như lai 不動如來 (Akṣobhya-tathāgata), Bảo Diệm Như lai 寶焰如來 (Ratnārcis-tathāgata), Bảo Nguyệt Như lai 寶月如來 (Ratnacandra-tathāgata), Bảo Nghiêm Như lai 寶嚴如來 (Ratnavyūha-tathāgata), Bảo Âm Thanh Như lai 寶音聲如來 (Ratnaghōṣa-tathāgata), Sư Tử Hống Như lai 師子吼如來 (Simhanadā-tathāgata), Nhất Thiết Nghĩa Thành Như lai 一切義成如來 (Sarvārthasiddha-tathāgata).

⁴⁷⁶ Nữ nhân tướng 女人相. VCX: nữ nhân tánh 女人性. Skt. strī-liṅga.

⁴⁷⁷ Chư pháp ... vô hữu định tướng 諸法 無有定相. VCX: «Tánh và tướng của các pháp đều không phải là chân thật.»

⁴⁷⁸ Vô tại vô bất tại 無在無不在; CDM (Đại 38, tr.0389c18), «Triệu nói: muốn nói có ở đó thì nay thấy là vô tướng. Muốn nói không có ở đó thì lại thấy ngay là hữu tướng.» VCX: vô tại vô biến 無在無變. VCS (T38n1782_p1085c18), «Y theo lý mà ứng đối, tướng nữ vốn không có, cho nên là bất tại. Nguyên lai thật không có nữ, thì cái gì được biến? Và, pháp tánh vốn không, cái gì tại, cái gì biến? Bản dịch cũ nói vô tại vô bất tại. Không thật có nữ mà xưa tại đó, nay

không tại đó. Cũng không có nữ thật, thì cái gì tại, cái gì không tại?” Skt. na vyavasthito naiva nirmāṇaḥ, không nguyên trạng cũng không biến thái.

⁴⁷⁹ Phật hoá 佛化. VCX: Như lai sở hoá 如來所化; VCS: con người được Phật biến hoá ra. Skt. buddha/tathāgata-nirmāṇa.

⁴⁸⁰ VCX: «Trở lại dị sinh (Skt. pṛthagjana) với tất cả tính chất của dị sinh (Skt. pṛthagjana-dharma).”

⁴⁸¹ A-la-hán đạo 阿羅漢道 . Cf. Vajracchedikā: tat kim manyase subhūte api nu arhata evaṃ bhavati – mayā arhattvaṃ prāptam iti? Nayā Subhūti, A-la-hán có nghĩ rằng, «Ta chứng đắc quả vị A-la-hán” chăng?”

⁴⁸² VCX: 92 câu-chi na-dữu-đa 俱胝那庾多, Skt. koṭi-nayuta (~10 000 000 x 100 000 000= 1015)

⁴⁸³ DMC: Phật đạo phẩm 佛道品 . VCX: Bồ đề phần phẩm 菩提分品. Skt. Bodhi-pakṣa-varga. Chi Khiêm: Phẩm Như lai chủng tánh 如來種品第八.

⁴⁸⁴ Thông đạt Phật đạo. VCX, chú Phật pháp đáo cứu cánh thú; «Làm thế nào để đạt đến chỗ quy hướng cứu cánh trong Phật pháp.” Skt. buddha-dharmeṣu niṣṭhita-gatiḥ.

⁴⁸⁵ Phi đạo 非道; La-thập nói (Đại 38, tr.390b27): «Có ba thứ phi đạo. 1. Quả báo dẫn đến cõi xấu ác. 2. Hành nghiệp dẫn đến cõi xấu ác. 3. Nghiệp thiện thế tục, và quả báo của nghiệp thiện. VCX: phi thú 非趣; Khuy Cơ (T38n1782_p1086c10): «Chỗ mà phạm hướng đến để quay về gọi là thú 趣. Chỗ quay về của Thánh nhân không phải là chỗ quay về của phạm phu. Đi trên lối đi không thích hợp ấy gọi là hành phi thú 行非趣.”

⁴⁸⁶ VCX: ngũ vô gián thú 五無間趣 (Skt. pañca ānantaryārgatayaḥ= pañca ānantaryāṇi karmāṇi), chỉ năm nghiệp vô gián: giết cha (pitṛ-ghātaḥ), giết mẹ (mātṛ-ghātaḥ), hại A-la-hán (arhad-vadaḥ), phá hoại hiệp tăng (saṃgha-bhedaḥ), gây thương tích nơi Phật (tathāgatasyāntike duṣṭa-citta-rudhirotpādanam).

⁴⁸⁷ Nảo nhuế 惱恚; VCX: nhuế não phần hại độc tâm 恚惱忿害毒心, tâm ác độc, thù hận, quấy nhiễu, phần nộ, ác hại.

⁴⁸⁸ Tội cấu 罪垢. VCX: phiền não trần cấu 煩惱塵垢. Skt. kleśa-mala.

⁴⁸⁹ Có thể DMC nhảy sót; VCX: «đi trên lối A-tổ-lạc (Skt. āsura) mà không còn ngạo mạn, kiêu dật.”

⁴⁹⁰ VCX: «Đi trên lối của Diêm-ma vương (Skt. Yama-rāja) mà chứa nhóm rộng rãi vô lượng tư lương của phước và huệ.”

⁴⁹¹ Hành sắc vô sắc giới đạo 行色無色界道 . VCX: hành u vô sắc định thú 無色定趣.(ārūpya-samāpatti-gati).

⁴⁹² VCX: «... mà không xu hướng cảm thọ lạc đối với định ấy.»

⁴⁹³ VCX: ác tuệ hành thú 惡慧行趣. Skt. pāpa-mati-gati ; Cf. Câu-xá 10 (Đại 29, tr. 51c21): tuệ nhiễm ô được gọi là ác tuệ (Skt. kuprajñā/ kutsitā prajñā).

⁴⁹⁴ Kinh nghĩa 經義; La-thập dùng từ Hán thư, chỉ đạo lý ghi trong kinh điển. VCX: thể hiện thành công phương tiện thiện xảo.

⁴⁹⁵ VCX: mật ngữ phương tiện kiêu mạn 密語方便憍慢: kiêu mạn như là phương tiện của mật ngữ (Skt. sandhyopāyamāna?). VCS (T38n1782_p1087b11) giải thích: «Người đời chúc nhau ‘Không bệnh, sống lâu’; Bồ tát cũng nói theo... như là phương tiện độ người.»

⁴⁹⁶ La-thập (Đại 38, tr.0391a12): «Ý nói khiêm tốn như làm đồ vật cho người ta dẫm đạp lên mà vẫn nhẫn nhịn, không kiêu mạn.»

⁴⁹⁷ VCX: bất tùy tha duyên 不隨他緣, không lệ thuộc điều kiện của người.

⁴⁹⁸ La-thập (Đại 38, tr.0391a25) nói: «bảo vật từ bàn tay tuôn ra bất tận.»

⁴⁹⁹ Na-la-diên thân 那羅延身; La-thập (ibid.) nói: «Thân thể đẹp đẽ, rắn chắc như lực sỹ nhà trời.» Skt. nārāyaṇa-bala (kāya).

⁵⁰⁰ VCX: cầu tài vị 求財位. Skt. bhogānārabhya-paryeṣṭi.

⁵⁰¹ Tổng trì vô thất 總持無失. VCX: đà-la-ni niệm tuệ vô thất 陀羅尼念慧無失.

⁵⁰² Tà tế 邪濟. VCX: tà đạo 邪道.

⁵⁰³ DMC nhảy một đoạn; VCX: «Tuy thị hiện chứng đặc diệu Bồ đề, chuyển đại pháp luân, nhập Niết-bàn nhưng vẫn tinh cần tu tập Bồ tát hành, tiếp nối không dứt.»

⁵⁰⁴ Như lai chủng 如來種. La- thập (Đại 38, tr.0391b27) nói, «Chủng, và căn bản nhân duyên, cùng một nghĩa.» Đạo Sinh (ibid.) nói, «Mượn hạt giống lúa mà nói Như lai chủng.» Chủng ở đây được hiểu là bīja. VCX: Như lai chủng tánh 如來種性; VCS (T38n1782, tr.p1087c22): «Chủng là nhân; tánh là loại. Thể loại của nhân của Phật gọi là Phật chủng tánh.» Skt. tathāgata-gotra: gia tộc hay dòng dõi. Cf. Du già sư địa 35 (T30n1579, tr.478c12): «Có hai loại chủng tánh: 1. Bản tánh trụ (Skt. prakṛti-stha-gotra), chủng tánh tự nhiên có sẵn từ vô thủy của Bồ tát. 2. Tập sở thành (samudānīta-gotra), do tu tập các thiện căn mà thành... Chủng tánh này cũng có nghĩa là chủng tử (gotra = bīja).»

⁵⁰⁵ Hữu thân 有身. La-thập, «Hữu thân, chỉ năm thọ ấm (=thủ uẩn, Skt. upādāna-skandha) thuộc hữu lậu.» VCX: ngũ thân chủng tánh 偽身種性. Khuy Cơ (T38n1782, tr.1088a19):«Tức thân năm uẩn làm đối tượng cho tát-ca-da kiến (Skt. satkāya-drṣṭi).»

⁵⁰⁶ Ngũ cái 五蓋. Skt. pañca nīvaraṇāni, ngăn che và chướng ngại.

⁵⁰⁷ VCX: lục xứ chủng tánh 六處種性. Skt. ṣaḍ āyatanāni, sáu nội xứ hay sáu căn.

⁵⁰⁸ Thất thức trụ 七識住. Skt. vijñāna-sthiti, bảy chỗ an trụ của thức. Cf. Câu-xá 8 (Đại 29, 42c)

⁵⁰⁹ Tám tà pháp 八邪法; các bản không giải. Thường chỉ phân đối lập với tám chánh đạo.

⁵¹⁰ Chín não xứ; chín trường hợp thù oán: 1. Oan gia của người mà ta thương; 2. Thân hữu của người mà ta ghét; 3. Gây phiền cho bản thân ta. Nhân với ba thời thành chín. Skt. āghāta-sthāna. Cf. Pali, Saṅgīti, D.iii.262, nava āghāta-paṭivīnaya.

⁵¹¹ Kiến vô vi 見無為. La-thập nói (Đại 38, tr.0392b01): «Vô vi, tức tận đế (= diệt đế; Skt. nirodha-satya).

⁵¹² Chánh vị 正位. La-thập (ibid.) nói: «Từ khổ pháp nhãn cho đến vô sinh A-la-hán, cho đến Phật vị, đều gọi là chánh vị.» VCX: chánh tánh ly sanh vị 正性離生位. Khuy Cơ (T38n1782 tr.1088b26): «Chánh tánh chỉ chân lý Thánh đế. Sanh, chỉ dị sanh (Skt. pṛthagjana: phàm phu). Ly sanh, tức vượt ngoài địa vị phàm phu... Đây chỉ địa vị Dự lưu trở lên.»

⁵¹³ VCX: «Không thể phát khởi tâm Nhất thiết trí 一切智心 (Skt. sarvajñatā-citta).»

⁵¹⁴ VCX: khởi thân kiến 身見. (Skt. satkāya-dṛṣṭi: hữu thân kiến).

⁵¹⁵ VCX: «Chúng tôi, trong dòng tương tục của tâm, hạt giống sanh tử đã mục nát, không còn cơ hội để phát tâm...»

⁵¹⁶ Đạo ý 道意: Bồ đề tâm.

⁵¹⁷ Giải thích của Khuy Cơ (T38n1782_p1089b25): trong bản Huyền Trang, chỉ ba-la-mật thứ sáu tức Bát-nhã ba-la-mật (Skt. praññāpāramitā) vốn là trí vô phân biệt (Skt. nirvikalpa-jñāna); trong bản La-thập, trí độ chỉ ba-la-mật thứ mười (jñāna-pāramitā).

⁵¹⁸ Khuy Cơ, đây chỉ ba-la-mật thứ 7, mà tự thể là hậu đắc trí (pṛṣṭhalabdha-jñāna).

⁵¹⁹ Thiện tâm thành thật 善心誠實. Chân thật đế pháp 真實諦法 (Skt. satya-dharma).

⁵²⁰ VCX: «Lấy phiền não nô lệ hèn mọn và kẻ giúp việc, tùy ý mà sử dụng.»

⁵²¹ Đạo phẩm, La-thập nói: 37 phẩm chung cho cả ba thừa. Đạo phẩm của Bồ tát kiêm cả sáu ba-la-mật. VCX: Giác phần 覺分 (Skt. bodhi-pakṣa). Khuy Cơ: Nhân tố của Bồ đề nên gọi là giác phần, chứ không phải là 37 phần Bồ đề.

⁵²² Giác ý 覺意, Đạo Sinh: chỉ 7 giác ý; Skt. bodhyaṅga. VCX: giác phẩm 覺品; Khuy Cơ: chỉ 37 giác phẩm hay trợ đạo; Skt. bodhi-pakṣa.

⁵²³ Tám giải thoát 八解脫 (Skt. aṣṭau vimokṣāḥ).

⁵²⁴ Bảy thanh tịnh 七清淨: 1. giới tịnh; 2. tâm tịnh; 3. kiến tịnh; 4. độ nghi tịnh; 5. phân biệt đoạ tịnh; 6. hành trí kiến tịnh; 7. hành đoạ trí kiến tịnh.

⁵²⁵ La-thập: «Nhất tâm, trong bản phạm là hoà hiệp 和合 (Skt. samagrī?) . Trong đạo phẩm có ba tướng: phát động, nhiếp tâm và xả. Phát động quá thì tâm tán; do đó cần thu nhiếp lại. Nhiếp quá thì chìm nên cần tinh tấn... Đông tĩnh thích hợp, khoan thai xử trung; đó là xả. Xả là đã được chế ngự. Được chế ngự, là hoà hiệp.» VCX: bồ-đề tâm (Skt. bodhicitta).

⁵²⁶ VCX: thắng ý lạc 勝意樂 (Skt. adhyāsaya).

⁵²⁷ Chỉ 7 Thánh tài 七聖財 (Skt. sapta dhanāni): tín, giới, tài, quý, đa văn, xả, tuệ.

⁵²⁸ VCX: hồi hướng đại Bồ đề.

⁵²⁹ Tàng u tịnh mạng sanh 從於淨命生 ; Khuy Cơ cho là văn dịch này hơi tối nghĩa. VCX: lấy tịnh mạng (Skt. śuddhājīva) là chẵn đẽm.

⁵³⁰ La-thập: «người sang quý ngoài quốc, khi mặt trời mọc, sai người tấu nhạc để đánh thức.» VCX: «Niệm, trí thường giác ngộ; tâm luôn luôn tại định.»

⁵³¹ VCX: «Thức ăn là pháp bất tử (Skt. amṛta-dharma)

⁵³² Tương 漿, đây chỉ thức uống.

⁵³³ VCX: «dựng cờ diệu Bồ đề.»

⁵³⁴ Chỉ 10 lực và 4 vô úy của Bồ tát.

⁵³⁵ Khuy Cơ diễn ý: «Tuy biết rõ các nghiệp của Ma, nhưng thị hiện như là hành động theo chúng. Cho đến giai đoạn cứu cánh, bằng vào tuệ phương tiện mà dứt sạch tất cả.»

⁵³⁶ La-thập (Đại 38, tr.0395c14): «Hoặc khi thấy có người ra biển mà thuyền sắp bị chìm, Bồ tát biến mình thành đất liền để làm chỗ trú ẩn...»

⁵³⁷ Trung kiếp 劫中 (Skt. antarkalpa), chỉ thời tận thế. Trong thời này, loài người chịu ba tai họa nhỏ, gọi là tiểu tam tai: dịch bệnh, đói kém, chiến tranh. Cf. Câu-xá 12 (Đại 29, tr. 65c25).

⁵³⁸ VCX: «Làm lợi lạc, đó gọi là bản sanh.» Khuy Cơ (T38n1782, tr.1090c14): «Những việc làm lợi lạc như vậy, khi đã thành Phật được gọi là bản sanh. Đó chính là Bản sanh sự của Bồ tát.»

⁵³⁹ VCX: khiến phát Bồ đề nguyện.

⁵⁴⁰ VCX: thanh tịnh tu phạm hạnh.

⁵⁴¹ Ngũ thông tiên nhân 五通仙人 (Skt. pañcābhijña ṛṣi).

⁵⁴² Chi Khiêm: Bất nhị nhập 不二入品第九.

⁵⁴³ Pháp Tự Tại 法自在.

⁵⁴⁴ Đức Thủ 德守. VCX. Thắng Mật 勝密. Skt. Śrīgupta . Chi Khiêm: Thủ Bế 首閉.

⁵⁴⁵ Bất Huyền 不昫. VCX. Vô Thuán 無瞬.

⁵⁴⁶ Thọ bất thọ 受不受. VCX. hữu thủ vô thủ 有取無取. La thập: «Thọ và bất thọ, tức chấp thủ tướng và không chấp thủ tướng.»

⁵⁴⁷ VCX: «Không chấp thủ thì không có gì là sở đắc. Không sở đắc nên không tăng không giảm.»

⁵⁴⁸ Đức Đỉnh 德頂; VCX: Thắng Phong 勝峰. Skt. Śrīkūṭa.

⁵⁴⁹ Thiện Túc 善宿; VCX: Diệu Tinh 妙星. Sunakṣatra.

⁵⁵⁰ VCX: tán động và tư duy 散動思惟.

⁵⁵¹ Thiện Nhân 善眼; VCX: Diệu Nhân 妙眼. Skt. Sunetra.

⁵⁵² Diệu Tý 妙臂. Skt. Subāhu. Chi Khiêm: Thiện Đa 善多.

⁵⁵³ Phát-sa 弗沙; La-thập nói: «Đây là sao Quỷ trong 28 tinh tú. Tức Skt. Puṣya(nakṣatra). VCX: Dục Dưỡng 育養 . Theo đây thì Skt. là Poṣa (nuôi lớn),, sự thịnh vượng, phát đạt. Chi Khiêm: Phụng Dưỡng 奉養.

⁵⁵⁴ VCX: «Có tội và không tội.»

⁵⁵⁵ Sư Tử Ý 師子意; VCX: Sư Tử Tuệ 師子慧. Skt. Siṃhamati. Chi Khiêm: Dũng Ý 勇意.

⁵⁵⁶ Tịnh Giải 淨解; VCX: Tịnh Thắng Giải 淨勝解. Śuddhādhimukta.

⁵⁵⁷ Ly nhất thiết số 離一切數 . VCX: viễn ly các hành 遠離諸行 . Trong bản La-thập, Skt. đọc là abhisamkhyā, con số, sự tính đếm. Trong bản VCX, Skt. abhisamkāra, hành, tác hành. Khuy Cơ (T38n1782_p1092a12): «Viễn ly hết thấy các hành hữu vi.»

⁵⁵⁸ VCX: giác tuệ như không 覺慧如空. VCS (T38n1782_p1092a11): «Khởi giác tuệ, tức trí quán vô vi như không.»

⁵⁵⁹ Na-la-diên 那羅延. Skt. Nārāyaṇa, con người nguyên thủy, Kim cang lực sĩ. Chi Khiêm: Nhân Thừa 人乘 (Skt. Narayāna).

⁵⁶⁰ Bất dật 不溢. La-thập: “Bản Phạn nói là lưu 流.” VCX: vô lưu 無流. VCS (T38n1782, p1092a16): «Cụm dịch là dật, có nghĩa là lưu dật 流溢 (chảy tràn).»

⁵⁶¹ Thiện Ý 善意. VCX: Điều Thuận Tuệ 調順慧. Skt. Suvinitamati.

⁵⁶² VCX: «Liễu tri sinh tử tự tính vốn không; không lưu chuyển, cũng không tịch diệt.»

⁵⁶³ Hiện kiến 現見. Chi Khiêm: Mục Kiến 目見.

⁵⁶⁴ La-thập: «Pháp bị huỷ diệt mà không hoàn toàn diệt tận, nên nói là bất tận.» VCX (T38n1782, p1092b02): «Cụm dịch...không còn cái gì để có thể tận cùng hơn nữa, cho nên cái hữu tận chính là cái vô tận.»

⁵⁶⁵ Nhảy một đoạn trong bản của La-thập. VCX: «Lại nữa, hữu tận, là trong từng sát na, từng sát na, không có cái hữu tận thì đó là vô tận. Không có cái hữu tận, nên cái vô tận cũng không. Thấu hiểu tự tính của hữu tận và vô tận vốn không, đó là nhập bất nhị pháp môn.»

⁵⁶⁶ Phổ Thủ 普守. VCX: Phổ Mật 普密. Skt. Samantagupta. Chi Khiêm: Phổ Bế 普閉.

⁵⁶⁷ Điện Thiên 電天. Chi Khiêm: Minh Thiên 明天.

⁵⁶⁸ VCX: «Minh và vô minh đều bất khả đắc. Không thể tính toán; siêu việt con đường tính toán.»

⁵⁶⁹ Hỷ Kiến 喜見. Chiêm Khiêm: Ái Cản 愛觀.

⁵⁷⁰ Minh Tướng 明相. VCX: Quang Tràng 光幢 (Skt. Prabhāvajā). Chi Khiêm: Quang Tạo 光造 (Skt. Prabhākara).

⁵⁷¹ Tứ chủng 四種. La-thập, đây chỉ tứ đại tức bốn đại chủng (mahābhūtāni). VCX: «Bốn giới (dhātu) và không giới (ākāśa-dhātu) là hai.» Xem Câu-xá i.12: đại chủng vị tứ giới 大種謂四界.

⁵⁷² Tiền tế 前際 (Skt. pūrva-koti), biên tế tối sơ của thời gian.

⁵⁷³ Diệu Ý 妙意. VCX: Diệu Huệ 妙慧. Skt. Sumati.

⁵⁷⁴ Vô Tận Ý 無盡意. VCX: Vô Tận Tuệ 無盡慧. Skt. Akṣayamati.

⁵⁷⁵ Thâm Tuệ 深慧. VCX: Thâm Thâm Giác 甚深覺. Chi Khiêm: Thâm Diệu 深妙.

⁵⁷⁶ VCX: không, vô tướng, vô nguyện.

⁵⁷⁷ VCX: «(...) trong vô nguyện nay không có tâm, không có ý, không có thức để có thể được vận chuyển.»

-
- ⁵⁷⁸ Tịch Căn 寂根. VCX: Tịch tĩnh căn 寂靜根. Skt. Śāntendīya (Cf. Gaṇḍ., Rāstr., Śikṣ.)
- ⁵⁷⁹ Tâm Vô Ngại 心無闕. VCX: Vô Ngại Nhân 無礙眼. Chi Khiêm: Bất Huỷ Căn 不毀根.
- ⁵⁸⁰ La-thập: «Thân là năm thủ uẩn. Thân diệt là Niết bàn.» VCX: tát-ca-da 薩迦耶 và tát-ca-da diệt 薩迦耶滅. Skt. satkāya, satkāya-nirodha.
- ⁵⁸¹ Thượng Thiện 上善. VCX: Thiện Điều Thuận 善調順. Chi Khiêm: Thiện Đoạn 善斷.
- ⁵⁸² VCX: ba luật nghi (Skt. saṃvara, sự phòng hộ).
- ⁵⁸³ Phước Điền 福田. Chi Khiêm: Phước Độ (Phúc Thổ) 福土.
- ⁵⁸⁴ Tội hành 罪行, chỉ các nghiệp bất thiện. Phước hành 福行: nghiệp thiện Dục giới. Bất động hành 不動行: nghiệp thuộc Sắc và Vô sắc giới.
- ⁵⁸⁵ Hoa Nghiêm 華嚴.
- ⁵⁸⁶ Đức Tạng 德藏. VCX: Thắng Tạng 勝藏. Skt. Śrīgarbha (Cf. Saddh., Mvyut.). Chi Khiêm: Thủ Hoài 首懷.
- ⁵⁸⁷ Nguyệt Thượng 月上. Chi Khiêm: Nguyệt Thanh 月盛.
- ⁵⁸⁸ Bảo Ấn Thủ 寶印手. Skt. Ratnamudrahasta; Mvyut.
- ⁵⁸⁹ Châu Đỉnh Vương 珠頂王. VCX: Châu Kế Vương 珠髻王. Skt. Maṇicūdarāja, cf. Mvyut.. Lal.v. Chi Khiêm: Tâm Châu Lập 心珠立.
- ⁵⁹⁰ VCX: «Người an trụ Cánh đạo thì cứu cánh không hành tà đạo. Vì không hành (không đi) cho nên không có hai tương tà đạo và chính đạo.»
- ⁵⁹¹ Lạc Thật 樂實. VCX: Đê Thật 諦實. Chi Khiêm: Thành Lạc Ngưỡng 誠樂仰.
- ⁵⁹² La-thập: vô ngôn 無言, vô thuyết 無說, vô thị 無示, vô thức 無識. VCX: vô ngôn, vô thuyết, vô biểu, vô thị 無表無示.
- ⁵⁹³ VCS (T38n1782_p1094a04): «Tiểu thừa tám giải thoát trừ tham dục. Đại thừa tám giải thoát trừ định chướng.»
- ⁵⁹⁴ Nhập tam-muội. VCX: nhập vi diệu tịch định 入微妙寂定.
- ⁵⁹⁵ Chúng hương 眾香. VCX: Nhất thiết diệu hương 一切妙香.
- ⁵⁹⁶ Hương Tích 香積. VCX: Tối Thượng Hương Đài 最上香臺.

⁵⁹⁷ VCX: không có danh xưng của hai thừa.

⁵⁹⁸ Chi Khiêm: Hương Tịnh 香淨.

⁵⁹⁹ VCX: Duy-ma-cật nói với Văn-thù, «Sao ngài không gia hộ đại chúng này, khiến cho phải như vậy?» (để cho đại chúng phải im lặng)

⁶⁰⁰ Ta-bà thế giới 娑婆世界. VCX: Kham nhẫn thế giới 堪忍世界. Skt. Saha-loka-dhātu.

⁶⁰¹ Lạc tiểu pháp giả 樂小法者; La-thập: «Biệt bản nói, lạc thiếu chi nhân 樂少之人.»

⁶⁰² Ngũ trược ác thế 五濁惡世. Skt. pañca kaṣāyāḥ: āyus-kaṣāyāḥ (mạng trược), dṛṣṭi-kaṣāyāḥ (kiến trược), kleśa-kaṣāyāḥ (phiền não trược), sattva-kaṣāyāḥ (chúng sanh trược), kalpa-kaṣāyāḥ (kiếp trược).

⁶⁰³ Trưởng giả chủ Nguyệt Cái 長者主月蓋. La-thập: «Nước này không có Vua. Chỉ có 500 cư sỹ cùng trị nước.» Theo tài liệu Pali, bộ tộc Licchavī, mà thủ phủ là Vesālī (Tỳ-da-ly), tổ chức chính quyền của họ theo chế độ Cộng hoà thị tộc. Các thủ lĩnh của họ đều được gọi là rājā (vương). VCX: Ly-chiêm-tỳ vương Nguyệt Cái 離咄毘王月蓋 .

⁶⁰⁴ Hạn ý 限量 . VCX: thiếu phần hạ liệt tâm hành 少分下劣心行 , tâm tư thấp kém hạn hẹp.

⁶⁰⁵ VCX: «Nếu hết thấy hữu tình trong vô lượng đại thiên thế giới.»

⁶⁰⁶ VCX: «Một kiếp hoặc một trăm kiếp.»

⁶⁰⁷ VCX: «Thức ăn còn dư của Như lai, xuất sinh từ vô tận giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.»

⁶⁰⁸ Lạc trang nghiêm quốc 樂莊嚴國. Skt. Sukhāvati-vyūha, tức Thế giới Cực lạc. VCS (T38n1782_p1096a27): “Đây không chỉ riêng thế giới Cực lạc ở Tây phương, mà chỉ tất cả thế giới an lạc trong mười phương.”

⁶⁰⁹ Đắc nhập luật hành 得入律行 . VCX: giai tất điều phục 皆悉調伏, thấy đều được chế ngự .

⁶¹⁰ Nhất thiết đức tạng tam muội 一切德藏三昧. VCX: Nhất thiết đức trang nghiêm định 一切德莊嚴定.Skt. sarvaḡaṇavyūha-samādhi. Chi Khiêm: Nhất thiết hương đức định 一切香德定.

⁶¹¹ Nạn xứ 難處. VCX: Vô hà sanh 無暇生. Đây chỉ 8 trường hợp không sinh gặp thời có Phật, không thể tu tập phạm hạnh.

⁶¹² VCX: đây là căn khuyết (khuyết tật).

⁶¹³ VCX: những điều sở học và vi phạm sở học.

⁶¹⁴ VCX: tri biệt giải thoát.

⁶¹⁵ VCX: phạm biệt giải thoát.

⁶¹⁶ Có nhảy sót trong bản La-thập; VCX: «Đây là du già; đây là phi du già; đây là sự vĩnh viễn đoạn trừ; đây là phi vĩnh viễn đoạn trừ.»

⁶¹⁷ VCX: «Tự chế ngự tâm kiêu mạn, kính trọng chúng sinh như kính trọng Phật.»

⁶¹⁸ VCX: điều 7: «Bồ tát chế ngự tự tâm, thường xét lỗi mình, không chê bai vi phạm của người.» Điều 8: «Bồ tát luôn luôn không buông lung ở trong pháp thiện; thường vui thú tầm cầu tinh tấn tu hành pháp Bồ đề phần.»

⁶¹⁹ Chánh vị 正位. VCX: chánh tánh ly sanh vị 正性離生位. Đây chỉ giai đoạn Thanh văn kiến đế, tức thấy bốn Thánh đế, chứng Tu-đà-hoàn, nhập Thánh vị.

⁶²⁰ Skt. ceto-vimukti. Đây chỉ chứng đắc A-la-hán quả. Cf. Mahāli-suttam (D.i. 156): bhikkhu āsavānaṃ khāya anāsavaṃ cetovimuttimpañña-vimuttiṃ diṭṭhe va dhamme sayama abhiñña sacchikatvā upasampajja viharati, «Tỳ kheo, diệt tận lậu, ngay trong hiện pháp, bằng thắng trí, tự thân chứng nghiệm vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; sau khi chứng nhập, an trú.» Khuy Cơ (T38n1782_p1099c17): «Tâm giải thoát, chỉ bậc A-la-hán đắc câu (phần) giải thoát; vì chứng đắc tám Giải thoát, vượt qua các các dục và những chướng ngại định để chứng giải thoát và Niết-bàn.»

⁶²¹ Khuy Cơ, đây chỉ Bồ tát nhập Sơ địa.

⁶²² Nhất sanh bổ xứ 一生補處; VCX: nhất sanh hệ vị 一生繫位; còn một đời nữa sẽ thành Phật. Skt. ekajātīpratibaddha.

⁶²³ Thượng vị 上味. VCX: tối thượng vị 最上味. Skt. agada-bhaisajya, thuốc vạn năng tiêu độc. Nhưng các bản Hán đều đọc agra-rasa. Chi Khiêm: a-hôn-đa dược 阿昏陀藥.

⁶²⁴ Bất ngại 不闕. VCX: bất nhuế 不恚. không oán hận. Skt. apratigha.

⁶²⁵ VCX: «...bình đẳng viên mãn, vì đã chứng đắc tính cứu cánh chân thật bình đẳng của hết thầy pháp.»

⁶²⁶ VCX: «đất tuy có ưu thắng, hạ liệt bất đồng.»

⁶²⁷ Tam-miệu-tam-Phật-đà 三藐三佛陀, Skt. Samyaksambuddha, Chánh đẳng chánh giác hay Chánh biến tri. Đa-đa-a-già-độ 多陀阿伽度, Skt. Tathāgata, Như lai.

⁶²⁸ La-thập: «Hữu vi tận, là vô thường diệt tận. Vô vi tận, là bằng trí tuệ mà đoạn trừ khiến cho diệt tận.» Khuy Cơ: «Tận..., sát na tận diệt. Hữu vi có tận, nhưng vô vi thì không.»

⁶²⁹ La-thập (Đại 38, tr.0407a20): «Xuất gia ly dục, và thiền định, trí tuệ, lìa các vọng tưởng, đều gọi là viễn ly lạc.» Tăng Triệu: «Đạo độc thiện, thì có gì là quý?» VCX: «Không đắm nhiễm trong lạc thú viễn ly.»

⁶³⁰ VCX: «Vì muốn mang gánh nặng của chúng sinh nên cầu biến liễu tri uẩn, xứ giới.»

⁶³¹ La-thập: «Vô niệm. là niệm không chấp thủ tướng. Phạm phu hành trí tuệ hữu niệm, nên kiêu mạn càng cao, cho nên Bồ tát cầu trí vô niệm.» VCX: «Vì để hộ trì Chánh pháp nên xa lìa kiêu mạn, cần cầu trí tuệ giáo hoá thiện xảo.»

⁶³² VCX: «Vì để giáo hoá chúng sinh còn nặng ái dục mà thường thích tập hành thiếu dục tri túc.»

⁶³³ CDM: «Biệt bản nói, tu bốn vô lượng để sinh Phạm thiên.»

⁶³⁴ VCX: «Đề khéo điều ngự Bồ tát tăng.»

⁶³⁵ Nhảy sót trong bản La-thập. VCX: «Tuy vui quán sát bên trong không tự ngã nhưng không rớt ráo chán ghét bản thân. Tuy vui quán sát bên ngoài không hữu tình, nhưng thường hoá đạo mà không hề mệt mỏi.»

⁶³⁶ La-thập: «Các pháp từ khởi thủy không từ đâu đến, chung cục không đi về đâu.»

⁶³⁷ VCX thêm: «Tuy vui quán sát không A-lại-da nhưng không xả bỏ pháp tạng thanh bạch.»

⁶³⁸ VCX: «... mà vẫn ở trong sinh tử lưu chuyển bất tuyệt.»

⁶³⁹ VCX: quán vô ngã.

⁶⁴⁰ VCX: «Tuy quán vô sinh mà không ở nơi Tiểu thừa không đọa chánh vị.»

⁶⁴¹ VCX: «Tuy quán các pháp rớt ráo không tịch mà vẫn không coi phước đức được tu tập là không tịch. Tuy quán các pháp rớt ráo viển ly mà vẫn không viển ly trí tuệ được tu tập. Tuy quán các pháp không chắc thật mà thường an trú viên mãn tư duy. Tuy quán các pháp rớt ráo vô chủ mà thường tinh tấn cầu tự nhiên trí. Tuy quán các pháp vĩnh viễn không tiêu xí mà gieo trồng hạt giống Phật một cách trọn nghĩa.»

⁶⁴² Kiến A-súc Phật phẩm 見阿閼佛品 . VCX: Quán Như lai phẩm 觀如來品 .

⁶⁴³ VCX: «Con quán Như lai, hoàn toàn không có cái gì được thấy.»

⁶⁴⁴ VCX: «Quán Như lai, quán tính chân như của sắc (rūpatathātā), tính ấy là phi sắc.»

⁶⁴⁵ La-thập (Đại 38, tr.0410b16): «Pháp thân như hư không, không do bốn đại tác thành.» VCX: «Không trụ bốn giới; đồng hư không giới.»

⁶⁴⁶ VCX: «Không phải minh nhưng minh. Không phải đến nhưng đến.» VCS: Minh, chỉ ba minh: túc mạng, thiên nhãn, lậu tận.

⁶⁴⁷ Trước đó, La-thập nhảy một đoạn; VCX: «...đạt đến hết thủy pháp mà không có chướng ngại; là thật tế (bhūtakoti) mà không phải tế (akoti); là chân như (tathābhūta) mà không phải như (atathā); nơi cảnh chân như thường không sở trụ; nơi trí chân như thường không minh ứng; cảnh và trí chân như, tính của chúng đều lìa; không sinh bởi nhân, không khởi bởi duyên.»

⁶⁴⁸ La-thập & Khuy Cơ: bờ này chỉ sinh tử. Bờ kia chỉ Niết-bàn. Giữa dòng chỉ kết sử/ phiền não.

⁶⁴⁹ Triệu nói (T 38, tr.0411a08), «Khi hoá độ chúng sinh, có vẻ như ở đây mà lại là ở kia. Ở đây hay ở kia, đều là dấu tích của sự ứng hoá vậy.»

⁶⁵⁰ Bất dĩ thử, bất dĩ bỉ 不以此不以彼. Triệu (T 38, tr.0411a11) nói, «Không phải đây nhưng (hoà) đồng với đây; cho nên, là đây mà không phải là đây...” VCX: «Không phải ở tại đây, không phải ở tại kia, không phải ở trung gian.»

⁶⁵¹ Triệu (nt.) nói, «Pháp thân không hiện tại bất cứ đâu, mà không đâu là không hiện tại.” VCX: «Bất tại phương phần, bất ly phương phần 不住方分不離方分 .”

⁶⁵² VCX & Chi Khiêm: Xá-lợi-phát hỏi Phật; Phật bảo hỏi thẳng Duy-ma-cật. Sau đó Phật trực tiếp trả lời. Khuy Cơ nói, sự thiếu sót trong bản của La-thập khiến cho đoạn văn thiếu mạch lạc.

⁶⁵³ Diệu hỷ 妙喜. Chi Khiêm: phiên âm A-duy-la-đề thế giới 阿維羅提世界, và dịch luôn nghĩa: Diệu lạc 妙樂. Skt. Abhirati.

⁶⁵⁴ A-súc Phật 阿閼佛. VCX: Vô Động 無動. Chi Khiêm: Vô Nộ 無怒. Skt. Akṣobhya.

⁶⁵⁵ VCX: «Ánh sáng của mặt trời há thích thú để chen lẫn với bóng tối của thế gian chăng?»

⁶⁵⁶ Thiết vi sơn 鐵圍山. VCX: Luân vi sơn 輪圍山. Skt. cakravāḍa. Cf. Câu-xá 11 (T 29 tr 57b12): an lập khí thế gian. Ngoài cùng là phong luân. ...Trên kim luân có 9 ngọn núi. Giữa là Tu-di (Meru), chung quanh có 8 núi. Ngoài cùng là Thiết luân vi. Pali: Cakkavāḷa, cf. SA. 442tt.

⁶⁵⁷ Tam đạo bảo giai 三道寶階. VCS (T38n1782_p1107b22): Thê Tôn lên trời Đạo lợi. Sau ba tháng ở đó thuyết pháp, Ngài trở về Diêm-phù-đề. Thiên đế sai làm cây thang báu có ba lối đi để Phật và tùy tùng đi xuống hạ giới. Giữa bằng vàng. Trái, bằng mã não. Phải, bằng thủy tinh.

⁶⁵⁸ VCS: «Từ Thiệm-bộ châu lên đến đỉnh Tô-mê-lô, trời Tam thập tam.” Cf. Câu-xá 11 (T 29 tr 59c19: «Cõi Tam thập tam thiên ở trên đỉnh Me-lô (Meru).”

⁶⁵⁹ DMC: a-ca-ni-tra 阿迦膩吒. VCX: sắc cứu cánh 色究竟. Skt. akaniṣṭha; tầng cao nhất của cõi trời Sắc giới, thuộc đệ tứ thiên.

⁶⁶⁰ DMC: thủy tế 水際. VCX: thủy tế luân 水際輪. Câu-xá 11 (Đại 29, tr. 11a): «An lập thế giới... Tầng dưới cùng là phong luân (vāyu-maṇḍala) y trên hư không... Trên phong luân là thủy luân (jala-maṇḍala)... Trên thủy luân là kim luân (kāncna-maṇḍala)...”

⁶⁶¹ VCX: 84 na-dữu-đa 那庾多 (=na-do-tha, Skt. nayuta, 10 vạn, hay 1000 ức).

⁶⁶² VCX: bất khả tư nghị thần biến giải thoát pháp môn 不可思議自在神變解脫法門.

⁶⁶³ VCX: “Nhất định người đó là pháp khí.”

⁶⁶⁴ VCX: “hàng phục các tà luận của ngoại đạo.”

⁶⁶⁵ La-thập nói, “Trong bản Phận, sau chữ bồ-đề có chữ đạo 道. Đạo, tức con đường dẫn đến Bồ đề.”

⁶⁶⁶ La-thập nói, “Sau từ Bồ đề, có từ pháp 法 .”

⁶⁶⁷ DMC: nhất kiếp giảm . VCX: nhất kiếp dư, hơn một kiếp 一劫餘

⁶⁶⁸ VCX: “bốn châu thế giới.”

⁶⁶⁹ VCX: biểu trụ luân bàn 表柱輪盤.

⁶⁷⁰ Đà-la-ni ấn 陀羅尼印. VCX: tổng trì kinh vương Phật ấn sở 總持經王佛印所印. La-thập: “Tổng trì có vô lượng. Thật tướng là một trong đó. Nếu kinh nói thật twong; thật tướng ấy tức là ấn (dấu ấn).” Khuy cơ (T38n1782_p1110c10): “Vô tướng chân như, gọi là Phật ấn.”

⁶⁷¹ VCX: phân biệt khai thị pháp luân bất thối (avivartika-dharmacakra).

⁶⁷² VCX: phân biệt xiển dương thậm thâm duyên khởi.

⁶⁷³ VCX: “Biện giải bên trong không ngã, bên ngoài không hữu tình, trung gian của hai không thọ mạng, không kẻ dưỡng dục, rốt ráo không bồ-đặc-già-la.”

⁶⁷⁴ VCX: “Dẫn đạo chúng sinh cúng dường Đại pháp. Giúp chúng sinh viên mãn sự tế tự đối với Đại pháp.” Đại pháp từ tự 大法祠祀 (Skt. mahā-dharmayajña); Khuy Cơ (T38n1782_p1111a08): từ tự, tức pháp thí hội.”

⁶⁷⁵ Ban Huyền Trang, theo Khuy Cơ, câu này tách thành hai đoạn riêng biệt. Đoạn đầu, gồm ba phần: Hiền Thánh nhiếp thọ, khai phát diệu hành, pháp nghĩa quy y. Đoạn sau, thuyết minh 4 ôn-đà-nam (dharmoddānam) của pháp. Khuy Cơ (T38n1782_p1111a16): “Pháp ôn-đà-nam, là lược tập của giáo pháp. Có bốn lược tập của pháp: các hành vô thương; hữu lậu thủy khô; các pháp vô ngã; niết-bàn tịch tĩnh.

⁶⁷⁶ VCX: “hết thấy ngoại đạo, tà luận, ác kiến chấp trước.” Rồi thêm một đoạn nhảy sót trong bản La thập; “Khai phát thế lực tăng thượng của thiện pháp của hết thấy hữu tình; trấn áp tất cả binh đội ác ma.”

⁶⁷⁷ VCX: nhiếp thọ Chánh pháp, Skt. dharma-saṅgraha.

⁶⁷⁸ VCX: tùy thuận duyên khởi.

⁶⁷⁹ ứ y 四依. Bốn y chỉ , Skt. catvāri pratisaraṇāni, 1. artha-pratisaraṇena bhavitavyam na vyañjana-pratisaraṇena, y nghĩa chứ không y văn ; 2. dharma-pratisaraṇena bhavitavyam na pudgala-pratisaraṇena, y pháp không y người ; 3. jñāna-pratisaraṇena bhavitavyam na vijñāna-pratisaraṇena, y trí không y thức ; 4. nīrthasūtra-pratisaraṇena bhavitavyam na neyārthasūtra-pratisaraṇena, y kinh thấu triệt chân lý, không y kinh điển không thấu triệt chân lý.

⁶⁸⁰ VCX: “Nhập vô tàng, diệt A-lại-da.” Khuy Cơ (T38n1782_p1111c05): “Ngộ nhập chân như vốn không bị nhiếp tàng; diệt A-lại-da.”

⁶⁸¹ Nhu thuận nhẫn 柔順忍; La thập nói: “Chưa có khả năng thâm nhập thật tướng của các pháp; nhưng bằng trí nhu nhuyễn và tín nhu nhuyễn mà tùy thuận, không trái nghịch; do đó nói là nhu thuận nhẫn.” VCX: thuận pháp nhẫn 順法忍. Khuy Cơ (T38n1782_p1111c20), theo kinh Nhân vương, có 5 bậc nhẫn: 1. phục nhẫn, trước thập địa; 2. tín nhẫn, sơ đến tam địa; 3. thuận nhẫn, các địa thứ tư, năm, sáu; 4. vô sinh nhẫn, các địa bảy, tám, chín; 5. tịch diệt nhẫn, thập địa, Phật địa.

⁶⁸² Ca-la-cưu-tôn-đà 迦羅鳩孫馱. VCX: Ca-lạc-ca-tôn-đà 迦洛迦孫馱. Skt. Krakucchanda.

⁶⁸³ Lô-chí 樓至. VCX: Lô-chí 盧至. Skt. Ruci.

⁶⁸⁴ VCX: “Vào đời ngũ trước ác thế.”

⁶⁸⁵ Bò tát tướng 菩薩相; VCX: bò tát tướng ấn 菩薩相印, dấu hiệu để nhận biết Bò tát.

⁶⁸⁶ VCX: “Có bốn pháp khiến Bò tát sơ học tự tổn thương, không thể chứng đắc pháp nhẫn thậm thâm.”

⁶⁸⁷ VCX phân thành hai pháp: kinh sợ nghi ngờ, và sinh tâm huỷ báng.

⁶⁸⁸ Pháp thứ ba và tư trong VCX: không cung kính và sau đó chê bai.

⁶⁸⁹ VCX: bốn duyên.

⁶⁹⁰ VCX phân thành hai duyên: khinh mạn và không chỉ dạy.

⁶⁹¹ Được thay trong bản VCX: thứ ba, không không kính trọng học xứ (tức giới) thậm thâm quảng đại; thứ tư, chỉ thích bố thí bằng tài sản thế gian.

⁶⁹² VCX: “... từ nhiều phương khác, từ các thế giới khác...”

⁶⁹³ VCX: “khiến cho không gặp chướng nạn.”

⁶⁹⁴ VCX gộp thành một tên: Thuyết Vô Cấu Xứng bất tư nghị giải thoát thần biến pháp môn 說無垢稱不可思議自在神變解脫法門.